

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ PHƯỢNG

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG,
TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ
KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ PHƯỢNG

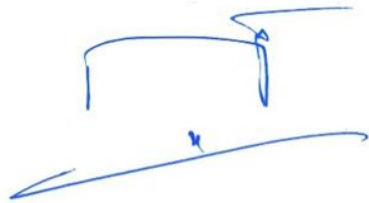
**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG,
TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ
KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9380106

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Trần Quang Hiên

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC



1. PGS.TS. Hoàng Hùng Hải



2. PGS.TS. Bùi Thị Hạnh

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Lê Thị Phụng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	13
1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước.....	13
1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước liên quan đến đề tài luận án.....	22
1.3. Đánh giá, nhận xét tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	32
1.4. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu	37
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI	41
2.1. Lý luận pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai	41
2.2. Lý luận thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai	46
2.3. Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam	78
Chương 3: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM.....	90
3.1. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam	90
3.2. Thực trạng thực hiện pháp luật theo các hình thức và theo các công đoạn của hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam.....	99
3.3. Đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam	125
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM	150
4.1. Quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai	150
4.2. Giải pháp thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam.....	162
KẾT LUẬN	195
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	197
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	198
PHỤ LỤC	213

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐGTN	: Đóng góp tự nguyện
KKDTT	: Khó khăn do thiên tai
PCTT	: Phòng, chống thiên tai
THPL	: Thực hiện pháp luật
VĐTN	: Vận động, tiếp nhận

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Thống kê tổng số vụ thiên tai xảy ra ở Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2025	213
Bảng 3.2. Thống kê thiệt hại do thiên tai ở Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2025	214
Bảng 3.3. Thống kê kết quả vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2025	215
Bảng 3.4. Thống kê kết quả tiếp nhận viện trợ quốc tế hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2025	216
Bảng 3.5. Thống kê kết quả công tác kiểm tra hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2025	217
Bảng 3.6. Thống kê kết quả các vụ việc vi phạm pháp luật trong hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai từ năm 2013 đến năm 2025	218

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Số vụ thiên tai xảy ra ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2025.....	91
Biểu đồ 3.2. Kết quả vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai giai đoạn 2013 - 2025	100
Biểu đồ 3.3. Kết quả kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện giai đoạn 2013 - 2025.....	115

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài luận án

Nằm ở khu vực có điều kiện địa hình, khí hậu đa dạng, Việt Nam thường xuyên đối mặt và chịu tác động tiêu cực của các loại hình thiên tai. Dưới góc độ chính trị - xã hội, Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt chú trọng công tác an sinh xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai. Mỗi khi thiên tai xảy ra, phong trào vận động, tiếp nhận (VĐTN) nguồn đóng góp tự nguyện (ĐGTN) lại được các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phát động rộng rãi. Điều này thể hiện sâu sắc truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam. Truyền thống đó đã sớm được thể chế hóa: ngay sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 70, ngày 25/02/1946 thành lập Ủy ban Trung ương hộ đê [37] - một trong những văn bản pháp lý đầu tiên của Nhà nước ta về huy động, tổ chức lực lượng phòng, chống thiên tai. Thực tiễn minh chứng, việc huy động hiệu quả nguồn ĐGTN trong và ngoài nước đã đóng vai trò to lớn, hỗ trợ kịp thời chính quyền và Nhân dân các địa phương từng bước khắc phục khó khăn, sớm ổn định cuộc sống.

Về cơ sở chính trị, những năm gần đây, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản quan trọng, đặt ra yêu cầu mới, trực tiếp đối với công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trong mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực VĐTN nguồn ĐGTN. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới [155] xác định thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả là yêu cầu có tính nguyên tắc. Tiếp đó, [152] xác định công tác thi hành pháp luật là một khâu đột phá, đòi hỏi chuyển mạnh từ quản lý bằng thủ tục hành chính sang phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, đồng thời siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện pháp luật. Cùng với đó, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 về định hướng đổi mới, hoàn thiện

quy trình xây dựng pháp luật [157], Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới [158] và Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI [159]. Các văn bản này tiếp tục yêu cầu khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu khả thi và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Những định hướng này đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu một cách hệ thống việc THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT - một lĩnh vực vừa mang tính nhân đạo, vừa liên quan trực tiếp đến quản lý nguồn lực xã hội và niềm tin của Nhân dân.

Bên cạnh đó, tính cấp thiết của đề tài còn gắn với bối cảnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và cải cách hành chính đang được triển khai quyết liệt. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả [154], Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII [156] và các nghị quyết, kết luận khác của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính, hợp nhất một số bộ, ngành, tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã), hệ thống chủ thể có thẩm quyền vận động, tiếp nhận, phân phối nguồn ĐGTĐ đã có sự thay đổi căn bản so với thời điểm ban hành Nghị định số 93/2021/NĐ-CP. Việc không còn cấp huyện với tư cách một cấp chính quyền, việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, trong đó có Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, đặt ra hàng loạt vấn đề pháp lý cần giải quyết: xác định lại thẩm quyền, trình tự, thủ tục vận động, tiếp nhận; phân định trách nhiệm phối hợp giữa các chủ thể; bảo đảm tính liên tục, kịp thời của hoạt động cứu trợ trong thời gian chuyển đổi. Đây là những nội dung mà các quy định hiện hành và các nghiên cứu đã có chưa kịp cập nhật, luận giải đầy đủ.

Đồng thời, yêu cầu chuyển đổi số đang tác động sâu sắc đến phương thức THPL trong lĩnh vực này. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia [151] xác định chuyển đổi số là phương thức sản xuất mới, đòi hỏi phát

triển dữ liệu, nền tảng số và quản trị dựa trên dữ liệu. Trên thực tế, hoạt động VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTTĐ đã và đang diễn ra chủ yếu trên môi trường số: vận động qua mạng xã hội, tiếp nhận qua tài khoản ngân hàng, ví điện tử, công nhân đạo số, công khai danh sách nhà tài trợ và kết quả phân phối trên nền tảng trực tuyến. Trong khi đó, pháp luật hiện hành chưa có quy định đầy đủ về cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ điều phối cứu trợ, về giá trị pháp lý của chứng từ điện tử, về xác thực danh tính và giám sát dòng tiền trên nền tảng số. Cùng với các định hướng lớn được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng [43], những yêu cầu nêu trên cho thấy việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả THPL về VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTTĐ là nhiệm vụ có tính cấp thiết cả về chính trị, pháp lý và thực tiễn.

Về cơ sở pháp lý, hoạt động VĐTĐN nguồn ĐGTĐN mang tính nhân văn nhưng đòi hỏi cơ chế quản lý chặt chẽ, minh bạch. Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ sai phạm, hệ thống pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này đang từng bước được hoàn thiện. Hiện nay, bên cạnh Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ - văn bản nền tảng quy định cơ bản, toàn diện về VĐTĐN, phân phối và sử dụng các nguồn ĐGTĐN - còn có sự đồng bộ của nhiều văn bản pháp lý quan trọng khác như: Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, hiện được hợp nhất tại Văn bản số 21/VBHN-VPQH [95]), Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 [72], Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) [74], Luật Phòng thủ dân sự năm 2023, cùng các nghị định hướng dẫn liên quan (Nghị định 66/2021/NĐ-CP [29], Nghị định 50/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]), Nghị định 93/2019/NĐ-CP...). Khung pháp lý này đã quy định rõ nguyên tắc, thẩm quyền của các chủ thể, quy trình tiến hành, cũng như yêu cầu công khai, minh bạch trong phân bổ nguồn lực. Nhờ đó, việc tổ chức thực hiện pháp luật (THPL) về VĐTĐN nguồn ĐGTĐN thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, đi vào nề nếp và đạt hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên, quá trình THPL về VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai (KKĐTTĐ) vẫn còn bộc lộ những hạn chế, nhất là trong điều phối.

Việc thiếu một hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia cập nhật theo thời gian thực khiến các nhóm thiện nguyện tự phát và các tổ chức khó xác định chính xác địa bàn đã được hỗ trợ đủ và địa bàn còn thiếu. Còn khoảng trống pháp lý về kiểm toán, hậu kiểm: Cơ chế giám sát hiện tại chủ yếu dựa trên báo cáo tự kê khai của chủ thể vận động, thiếu vai trò của các tổ chức kiểm toán độc lập hoặc giám sát chuyên sâu từ cộng đồng. Nghị định 93/2021/NĐ-CP đã mở đường cho cá nhân vận động, nhưng quy trình mở tài khoản riêng biệt, cam kết giải ngân và chế tài xử lý khi cá nhân làm sai vẫn rất khó thực thi trong thực tế do thiếu công cụ quản lý tài chính số. Nhìn nhận từ góc độ của các chủ thể quản lý, năng lực điều phối, tổ chức tiếp nhận ở một số cơ quan, tổ chức đôi lúc còn lúng túng, bị động, biểu hiện rõ nhất là sự chông chéo, chưa phân định rõ thẩm quyền giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc quản lý và định hướng nguồn đóng góp tự nguyện. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nhân đạo và các cá nhân tham gia vận động chưa thực sự chặt chẽ, đồng bộ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phân bổ nguồn đóng góp; thực tế cho thấy vẫn xảy ra tình trạng phân bổ nguồn lực chông chéo, chưa công bằng hoặc chưa bám sát nhu cầu thiết yếu của người dân vùng lũ, làm lãng phí nguồn lực và suy giảm ý nghĩa của công tác cứu trợ. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong quá trình THPL chưa được tiến hành thường xuyên, triệt để.

Hiện nay, ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu về công tác phòng, chống thiên tai, hoạt động từ thiện và an sinh xã hội nói chung. Dù vậy, mảng đề tài đi sâu đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về VĐTĐN nguồn ĐGTĐN - đặc biệt dưới lăng kính đánh giá năng lực của các chủ thể quản lý và giải quyết bài toán tối ưu hóa hiệu quả phân bổ nguồn lực sau khi hệ thống pháp luật mới được ban hành vẫn còn những khoảng trống nhất định cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ khuyết. Từ những đòi hỏi cấp thiết về cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề: ***“Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam”*** làm đề tài luận án tiến sĩ là rất cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là đề xuất các giải pháp mang tính khả thi nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật (THPL) về vận động, tiếp nhận (VĐTN) nguồn đóng góp tự nguyện (ĐGTN) hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai (KKDDT) ở Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tổng quan, đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài ở trong và ngoài nước; rút ra những giá trị khoa học có thể kế thừa và xác định rõ những “khoảng trống” mà luận án cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, giải quyết.

- Hệ thống hóa và làm sáng tỏ cơ sở lý luận về THPL trong lĩnh vực VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT (bao gồm khái niệm, đặc điểm, các hình thức thực hiện, các yếu tố bảo đảm và tiêu chí đánh giá hiệu quả).

- Khảo sát, phân tích và luận giải khách quan thực trạng các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam thời gian qua. Từ đó, chỉ rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc, sự chồng chéo trong quá trình áp dụng pháp luật và nguyên nhân của những hạn chế đó.

- Xây dựng hệ thống các quan điểm, định hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể (về hoàn thiện thể chế và tổ chức thực thi) nhằm bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT và các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức THPL trên thực tế (thể hiện qua các hình thức: tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng pháp luật). Đối tượng nghiên cứu được giới hạn ở nguồn đóng góp tự nguyện trong nước của tổ chức, cá nhân theo Nghị định số

93/2021/NĐ-CP; không bao gồm viện trợ quốc tế khẩn cấp theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, các khoản chi từ ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung*: Luận án tập trung nghiên cứu, đánh giá các quy định pháp luật và thực tiễn triển khai các hình thức THPL đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, trọng tâm là việc thi hành và áp dụng khuôn khổ pháp lý theo Nghị định số 93/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan. Cụm từ "vận động, tiếp nhận" trong tên đề tài được hiểu là hai công đoạn trọng tâm của chu trình pháp lý đối với nguồn đóng góp tự nguyện. Tuy nhiên, do kết quả của vận động, tiếp nhận chỉ có thể đánh giá đầy đủ thông qua kết quả đầu ra, luận án đồng thời nghiên cứu ở mức độ cần thiết các công đoạn phân phối, sử dụng; công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm, với tư cách là những công đoạn có quan hệ nhân quả trực tiếp với hai công đoạn trọng tâm nêu trên. Về nguồn lực, luận án chỉ nghiên cứu nguồn đóng góp tự nguyện trong nước của tổ chức, cá nhân theo Nghị định số 93/2021/NĐ-CP; không nghiên cứu viện trợ quốc tế khẩn cấp theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, các nguồn tài trợ từ ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoặc nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA).

- *Phạm vi về không gian*: Luận án nghiên cứu việc THPL trên phạm vi toàn quốc (Việt Nam). Trong đó, để minh chứng cho các luận điểm thực tiễn, luận án giới hạn việc thu thập số liệu, khảo sát và nghiên cứu điển hình tại một số địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai và có hoạt động VĐTN diễn ra sôi động, phức tạp (Sơn La; Yên Bái, nay thuộc tỉnh Lào Cai; Quảng Ninh; Hải Phòng; Nghệ An; Quảng Bình và Quảng Trị, nay là tỉnh Quảng Trị; Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế). Các địa bàn này được lựa chọn theo ba tiêu chí: (i) tần suất và mức độ thiệt hại do thiên tai trong giai đoạn 2013 - 2025; (ii) tính đại diện cho các loại hình thiên tai đặc trưng theo vùng, gồm lũ quét và sạt lở đất ở miền núi phía Bắc, bão và ngập lụt ở ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; (iii) quy mô và tính phức tạp của hoạt động vận động, tiếp nhận diễn ra trên địa bàn, nhất là

sau cơn bão Yagi tháng 9/2024. Do các địa bàn khảo sát chưa bao phủ khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long, các kết luận rút ra từ dữ liệu khảo sát được sử dụng ở mức độ minh chứng cho các nhận định chung, không thay thế cho số liệu thống kê toàn quốc. Bên cạnh đó, do nghiên cứu sinh đang công tác tại Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, để hạn chế khả năng thiên lệch trong thu thập và diễn giải dữ liệu, luận án thực hiện ba biện pháp: đối chiếu chéo số liệu của Hội Chữ thập đỏ với số liệu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước; không dùng số liệu hoặc ý kiến từ hệ thống Hội làm căn cứ duy nhất cho bất kỳ nhận định đánh giá nào; và đối chiếu mọi thông tin thu được qua phỏng vấn với văn bản pháp luật, báo cáo chính thức hoặc số liệu thống kê độc lập trước khi sử dụng.

- *Phạm vi về thời gian*: Luận án thu thập số liệu, đánh giá thực trạng từ năm 2013 (thời điểm ban hành Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013) đến hết năm 2025. Trong đó, tập trung phân tích sâu giai đoạn từ khi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành để có sự đối chiếu, so sánh tính hiệu quả của khung pháp lý mới.

- *Phạm vi về chủ thể*: Luận án giới hạn nghiên cứu nhóm các chủ thể tham gia quản lý, giám sát và trực tiếp thực hiện hoạt động VĐTN bao gồm: Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam các cấp; các quỹ xã hội, quỹ từ thiện; các cơ quan thông tin đại chúng và các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia đóng góp hoặc vận động, tiếp nhận, phân phối nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Luận án được triển khai thực hiện thông qua các cách tiếp cận chủ yếu sau:

- Cách tiếp cận mục tiêu, nội dung và tiếp cận hệ thống.
- Cách tiếp cận khách quan, toàn diện, lịch sử cụ thể theo quan điểm duy vật biện chứng.
- Cách tiếp cận liên ngành: Luật học, Xã hội học và Khoa học quản lý.

4.2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp

luật của Nhà nước về phòng, chống thiên tai (PCTT) và về hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung; về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng.

Để giải quyết được các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu*: Nghiên cứu sinh tiến hành thu thập và nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến đề tài luận án gồm: Các văn bản chỉ đạo của Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước, của các Bộ, ngành liên quan về PCTT và hoạt động từ thiện nhân đạo nói chung và về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng; các công trình nghiên cứu gồm: Sách chuyên khảo, sách tham khảo, luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, kỷ yếu hội thảo khoa học, các bài viết đăng Tạp chí...; các báo cáo về kết quả thực hiện hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể và địa phương.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt nhằm luận giải và làm rõ các nội dung chính của Luận án. Trên cơ sở các thông tin, tài liệu thu thập được và nhận thức của bản thân, nghiên cứu sinh tiến hành tổng hợp, phân tích cơ sở lý luận và thực trạng THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam những năm qua; đưa ra những đánh giá, nhận xét về ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của thực trạng THPL về lĩnh vực này. Đồng thời, nghiên cứu sinh phân tích và đưa ra các phương hướng, giải pháp nhằm bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam thời gian tới.

- *Phương pháp thống kê, so sánh*: Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp thống kê thông qua sử dụng các công cụ khoa học thống kê nhằm thu thập, xử lý, tổng hợp và sử dụng các dữ liệu số để định lượng, từ đó đánh giá khách quan thực trạng THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta những năm qua cũng như một số vụ việc điển hình liên quan đến THPL về lĩnh vực này. Bên cạnh đó, trong quá trình phân tích, làm rõ các nội dung chính của luận án, nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp so sánh để xem xét, đối chiếu, đánh giá kết quả THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT trong từng giai đoạn, nhất là giữa giai đoạn Nghị định số 64/2008/NĐ-CP, ngày 14/5/2008 của Chính phủ

về VĐTN, phân phối và sử dụng các nguồn ĐGTN hỗ trợ nhân dân khắc phục KKDTT, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo còn hiệu lực thực hiện so với giai đoạn từ khi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ về VĐTN, phân phối và sử dụng các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo được ban hành và tổ chức thực hiện cho đến nay; so sánh kinh nghiệm trong nước và quốc tế trong tổ chức THPL về lĩnh vực này. Ngoài ra, nghiên cứu sinh đã thống kê chi tiết các số liệu lập bảng và biểu đồ để so sánh, minh họa cho các lập luận trong quá trình phân tích, làm rõ thực trạng THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta những năm qua.

- Phương pháp *khảo sát thực tiễn*: Là cán bộ của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, nghiên cứu sinh đã trực tiếp tham gia các hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai do Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức, đồng thời tiến hành khảo sát thực tiễn hoạt động này trong các đợt vận động, quyên góp nguồn lực được phát động nhằm khắc phục hậu quả thiên tai tại các địa bàn khảo sát đã nêu tại mục 3.2 của phần Mở đầu. Qua đó, giúp nghiên cứu sinh thu thập các số liệu, tài liệu cũng như hiểu rõ hơn về thực tiễn triển khai hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và THPL về lĩnh vực này ở nước ta những năm qua.

- Phương pháp *phỏng vấn sâu*: Trong quá trình khảo sát thực tiễn việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta, nghiên cứu sinh đã tiến hành phỏng vấn sâu 20 lãnh đạo, quản lý, cán bộ thực tiễn của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự một số địa phương, của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Hội Chữ thập đỏ một số địa phương, được mã hóa từ PV01 đến PV20. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện trong tháng 7 năm 2025. Mẫu phỏng vấn được chọn có chủ đích theo hai tiêu chí: (i) trực tiếp tham gia tổ chức hoặc quản lý hoạt động vận động, tiếp nhận tại các địa bàn khảo sát; (ii) đảm bảo cấu trúc theo cấp quản lý, gồm cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp cơ sở. Phỏng vấn được thực hiện theo đề cương bán cấu trúc; thông tin thu được được ghi chép, mã hóa theo các nhóm chủ đề tương ứng với các công đoạn thực hiện pháp luật, sau đó tổng hợp thành bảng đối chiếu ý kiến. Kết quả phỏng vấn được sử dụng làm căn

cứ minh chứng cho các nhận định về hạn chế và nguyên nhân tại Chương 3, trọng tâm là vướng mắc ở khâu xin ý kiến, phê duyệt chủ trương tiếp nhận và khâu xác định nhu cầu thực tế tại địa bàn. Đề cương phỏng vấn và bảng tổng hợp kết quả phỏng vấn được trình bày tại Phụ lục của luận án. Cần lưu ý rằng mẫu phỏng vấn này chỉ bao gồm các chủ thể trực tiếp tổ chức thực hiện pháp luật, chưa bao gồm người đóng góp, người thụ hưởng, cá nhân vận động độc lập, doanh nghiệp và tổ chức tín dụng. Do đó, kết quả phỏng vấn chỉ được sử dụng ở vị trí bổ trợ cho các nguồn dữ liệu văn bản, báo cáo và số liệu thống kê, không được dùng để khái quát về nhận thức và trải nghiệm của người đóng góp và người thụ hưởng. Đây cũng là hướng nghiên cứu cần được tiếp tục triển khai trong các công trình tiếp theo.

- *Phương pháp nghiên cứu điển hình*: Nếu phương pháp khảo sát thực tiễn hướng tới quan sát tham dự toàn bộ quá trình vận động, tiếp nhận thì phương pháp nghiên cứu điển hình được sử dụng để phân tích chuyên sâu từng trường hợp cụ thể. Nghiên cứu sinh đã lựa chọn nghiên cứu một số đợt VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai do Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các địa phương thuộc địa bàn khảo sát đã nêu tại mục 3.2 tổ chức; một số vụ việc xảy ra sai phạm trong tiến hành hoạt động này, đặc biệt là trong quá trình tổ chức VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả của cơn bão Yagi đổ bộ vào miền Bắc nước ta tháng 9/2024 và một số trận bão, lũ lụt, sạt lở đất xảy ra và gây hậu quả ở các địa phương. Phương pháp này được sử dụng giúp nghiên cứu sinh hiểu rõ hơn quá trình tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT trong các đợt vận động, quyền góp cụ thể.

- *Phương pháp chuyên gia*: Trong quá trình thực hiện Luận án, nghiên cứu sinh đã tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, chuyên gia pháp lý và nhà quản lý có kinh nghiệm nhằm phản biện, kiểm chứng các luận điểm lý luận và định hướng giải pháp. Khác với phương pháp phỏng vấn sâu vốn hướng tới 20 cán bộ trực tiếp tổ chức thực hiện tại các địa bàn khảo sát, phương pháp chuyên gia tập trung vào việc thẩm định về mặt học thuật đối với các nhận định của luận án về hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói chung và THPL về lĩnh vực này nói riêng ở nước ta. Ngoài ra, nghiên cứu sinh còn nhận được ý kiến góp ý của

các nhà khoa học trong các Hội đồng thẩm định Luận án các cấp. Qua các ý kiến góp ý, nghiên cứu sinh tiến hành tiếp thu phục vụ bổ sung, hoàn thiện các nội dung phân tích trong Luận án.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

- Trong phạm vi tài liệu mà tác giả khảo cứu được, luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện cả về lý luận và thực tiễn THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam. Do đó, điểm mới và cũng là đóng góp khoa học quan trọng của Luận án là vận dụng lý luận về THPL để nghiên cứu một lĩnh vực cụ thể là VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, thể hiện trên hai phương diện sau: Một là, luận án làm sáng tỏ cơ sở lý luận THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, trong đó xây dựng khái niệm, xác định bốn hình thức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này và bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật.

Hai là, luận án phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện thực trạng THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân trong THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT những năm qua, từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm THPL về lĩnh vực này ở Việt Nam thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của việc THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, qua đó góp phần bổ sung và làm phong phú thêm lý luận THPL về lĩnh vực này ở Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án là tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước trong quá trình sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam; cung cấp luận cứ khoa học cho các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân nâng cao ý thức THPL về lĩnh vực này ở Việt Nam. Ngoài ra, Luận án còn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập pháp luật và hoàn thiện pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT trong các cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận án gồm 04 chương, 12 tiết.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Cơ sở lý luận thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Chương 3: Thực trạng thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Chương 4: Quan điểm và giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC

1.1.1. Một số công trình nghiên cứu có liên quan đến phòng, chống thiên tai

Những năm qua, đã có nhiều công trình khoa học được công bố ở nước ta liên quan đến công tác PCTT. Để thuận tiện theo dõi, các công trình dưới đây được sắp xếp theo loại công trình - từ sách chuyên khảo, tài liệu hướng dẫn đến luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ và các bài viết đăng tạp chí khoa học; trong từng nhóm, các công trình được trình bày theo trình tự thời gian công bố. Nội dung nghiên cứu của các công trình này tập trung vào một số vấn đề như:

Về nhóm các sách chuyên khảo, tài liệu hướng dẫn: Một số sách chuyên khảo đã phân tích, làm rõ thực trạng thiên tai xảy ra ở nước ta, nguyên nhân và các giải pháp phòng, chống. Điển hình như: "Sách trắng về phòng, chống thiên tai ở Việt Nam năm 2022" của Ban Chỉ đạo quốc gia về PCTT [6] đã đề cập, phân tích và làm rõ thực trạng thiên tai xảy ra ở nước ta trong những năm qua, nhất là những hậu quả tác hại vô cùng to lớn mà thiên tai đã gây ra ở các vùng miền, địa phương, địa bàn trong cả nước. Qua nghiên cứu, công trình này khẳng định thiên tai bao gồm nhiều loại như bão, lũ, hạn hán, sạt lở đất, ngập mặn thường xuyên xảy ra ở nước ta hằng năm, gây ra thiệt hại lớn về kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân. "Cộng đồng và vai trò trong ứng phó với thiên tai" của tác giả Nguyễn Văn Dũng [39] đã phân tích, làm rõ vai trò của cộng đồng trong công tác ứng phó với thiên tai, nhất là đối với Việt Nam là một quốc gia thường xuyên xảy ra và chịu tác hại của một số loại thiên tai như bão, lũ lụt, sạt lở đất, hạn hán, động đất. Trên cơ sở thực tiễn công tác ứng phó với thiên tai ở nước ta những năm qua, tác giả giới thiệu một số mô hình cộng đồng tham gia vào quá trình ứng phó với hậu quả của thiên tai như: Mô hình hoạt động của các tổ chức xã hội, nhóm tình nguyện, mô hình cộng đồng tự quản trong việc phòng, chống tác hại của thiên tai. Tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường vai trò của cộng đồng trong ứng phó với

thiên tai, trong đó nhấn mạnh cần đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục PCTT; nâng cao nhận thức và các kỹ năng cần thiết cho cộng đồng trong ứng phó với thiên tai; xây dựng mạng lưới hỗ trợ giữa các cộng đồng, nhất là tăng cường sự phối hợp giữa cộng đồng và các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội trong việc xây dựng các kế hoạch ứng phó, VĐTN và phân phối các nguồn đóng góp tự nguyện nhằm hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. "Phòng chống thiên tai và dịch bệnh" do Thanh Loan sưu tầm và biên soạn [57] đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả PCTT thời gian tới. "Tài liệu hướng dẫn dạy và học về giảm nhẹ rủi ro thiên tai" của Bộ Giáo dục và Đào tạo [9] đã hướng dẫn cách thức nhận diện một số loại hình, khái niệm cơ bản về thiên tai, về biến đổi khí hậu và cách thức phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai cho các đối tượng là giáo viên và học sinh, từ đó góp phần nâng cao nhận thức, ý thức cũng như các kỹ năng phòng tránh thiên tai, thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu đã và đang diễn ra trên thế giới và ở nước ta hiện nay. "Hợp tác phòng, chống thiên tai của Asean trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu" của các tác giả Lê Phương Hòa, Nguyễn Huy Hoàng và Võ Xuân Vinh [49] đã phân tích, làm rõ nguy cơ và thực trạng các hiện tượng thiên tai xảy ra ở các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu đang diễn ra; đánh giá thực trạng hợp tác giữa Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á nhằm góp phần PCTT. Các tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả quan hệ hợp tác giữa các nước khu vực Đông Nam Á nhằm PCTT trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu thời gian tới. "Tuyển tập các công trình nghiên cứu, chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2011 - 2015" của Bộ Tài nguyên và Môi trường [14] đã giới thiệu kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu, chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2011 - 2015. Nội dung các công trình này tập trung nghiên cứu về một số vấn đề như: Quản lý nguồn tài nguyên nước, nông nghiệp, cơ sở hạ tầng..., đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, cải thiện sinh kế của người dân cũng như nâng cao khả năng thích ứng của cộng đồng và hệ sinh thái

với tình trạng biến đổi khí hậu; đưa ra khuyến nghị và nội dung trọng tâm trong hoàn thiện chính sách quốc gia để ứng phó với biến đổi khí hậu.

Về nhóm các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ: Các công trình ở nhóm này tập trung vào việc tăng cường năng lực, kiến thức và kỹ năng tổ chức triển khai công tác PCTT. Điển hình: Luận án tiến sĩ "Nghiên cứu cơ sở khoa học lập quy hoạch phòng, chống ứng ngập dựa trên phân tích rủi ro" của tác giả Nguyễn Thiện Dũng [38] đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả PCTT thời gian tới. Luận văn thạc sĩ "Tăng cường phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ lý luận đến thực tiễn" của tác giả Nguyễn Quang Bình, năm 2015 [8] phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai công tác PCTT tại thành phố Hà Nội. Luận án tiến sĩ "Nghiên cứu giải pháp tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an trong bối cảnh biến đổi khí hậu" của tác giả Nguyễn Văn Khiêm [54] đã phân tích, làm rõ cơ sở lý luận của việc tăng cường năng lực PCTT và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an trong bối cảnh biến đổi khí hậu; đánh giá thực trạng và những đóng góp của ngành Công an trong tham gia công tác PCTT và tìm kiếm cứu nạn những năm qua. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số giải pháp góp phần tăng cường năng lực của lực lượng Công an nhân dân trong bối cảnh biến đổi khí hậu thời gian tới nhằm tham gia tích cực và hiệu quả công tác PCTT và tìm kiếm cứu nạn.

Về nhóm các bài viết đăng tạp chí khoa học: "Phòng, chống thiên tai là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và xã hội" của tác giả Tuấn Anh [3] đã phân tích khái quát tình hình và hậu quả tác hại mà thiên tai gây ra cho các vùng miền ở nước ta những năm qua, từ đó nhấn mạnh trách nhiệm thực hiện công tác PCTT là của các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, của cả hệ thống chính trị và của toàn dân. Chỉ có như vậy mới tạo ra được sức mạnh tổng hợp trong thực hiện công tác PCTT nói chung và góp phần giảm thiểu tác hại, rủi ro thiên tai. "Thách thức thiên tai và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống đối với khu vực miền Trung" của tác giả Trần Quang Hoài [51] phân tích các thách thức và đưa ra các giải pháp cụ thể cho khu vực miền Trung. "Ảnh hưởng của thiên tai đến thu nhập và tỷ lệ nghèo tại Việt Nam" của tác giả Nguyễn Khắc Hiếu [48] làm rõ tác động kinh tế - xã hội của thiên tai đối với người dân. "Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên

tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường" của tác giả Kiều Đăng Tuyết [89] đề cập các nguyên nhân dẫn đến những hiện tượng khí hậu khắc nghiệt cũng như thiên tai xảy ra thường xuyên hơn. "Công tác vận động quần chúng nhân dân trong phòng, chống thiên tai" của tác giả Bùi Thị Minh Hoài [50] phân tích vai trò của công tác vận động quần chúng trong PCTT. "Vietcombank đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và thiên tai và lũ lụt" của tác giả Nghiêm Xuân Thành [83] phân tích vai trò của các cơ quan, tổ chức đối với công tác PCTT. "Các tổ chức tôn giáo tham gia ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra ở Việt Nam hiện nay" của tác giả Nguyễn Thị Bích Ngoan [64] làm rõ vai trò của các tổ chức tôn giáo trong PCTT. "Tín dụng ngân hàng với công tác phòng ngừa thiên tai và bảo vệ môi trường ở Việt Nam" của tác giả Vũ Thị Liên [55] phân tích vai trò của tín dụng ngân hàng trong PCTT. "Tăng cường lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng, chống thiên tai" của tác giả Quý Tâm [80] đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả PCTT thời gian tới. Một số giải pháp được đưa ra đó là: Chủ động, tăng cường các biện pháp quản lý nguồn tài nguyên, tránh việc khai thác bừa bãi và bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần phòng, tránh và giảm thiểu rủi ro thiên tai ở nước ta; nâng cao năng lực của các cơ quan chuyên trách PCTT ở Trung ương và địa phương; nghiên cứu áp dụng khoa học - công nghệ góp phần PCTT; phát huy sức mạnh của toàn dân trong PCTT; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTT. "Ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống thiên tai" của tác giả Quý Tâm [81] đề xuất các giải pháp thực hiện chiến lược PCTT. "Nghiên cứu kinh nghiệm giảm nhẹ thiên tai trước tác động của biến đổi khí hậu" của tác giả Nguyễn Thị Na [62] phân tích các kinh nghiệm giảm nhẹ thiên tai và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. "Bài học kinh nghiệm và nhiệm vụ trọng tâm trong công tác phòng chống thiên tai" của tác giả Nguyễn Hoàng Mạnh [60] tổng kết các bài học và định hướng nhiệm vụ trọng tâm. "Bài học kinh nghiệm trong phòng, chống thiên tai" của tác giả Nguyễn Văn Mẫn [61] đưa ra các dự báo, cảnh báo, giám sát về các thách thức thiên tai xảy ra ở Việt Nam nói chung và ở các vùng miền nói riêng.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên (từ sách chuyên khảo, luận án đến các bài viết chuyên ngành) đã tạo dựng một nền tảng lý luận và thực tiễn vững

chắc về công tác phòng, chống thiên tai tại Việt Nam. Các tác giả đã chỉ rõ thực trạng, nguyên nhân, vai trò của các chủ thể cũng như bài học kinh nghiệm quý báu. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp lý, hầu hết các công trình mới chỉ dừng lại ở việc tiếp cận PCTT dưới góc độ kỹ thuật, quy hoạch, hoặc quản lý hành chính chung; trong phạm vi tài liệu mà tác giả khảo cứu được, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống, độc lập về cơ chế thực hiện pháp luật trong hoạt động vận động, tiếp nhận, phân phối nguồn đóng góp tự nguyện nhằm hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai. Đây chính là "khoảng trống khoa học" mà luận án này tập trung giải quyết.

1.1.2. Một số công trình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến hoạt động từ thiện, nhân đạo

Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN khắc phục KKDTT là một bộ phận của hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung. Những năm qua, ở nước ta đã có một số công trình nghiên cứu của các tác giả về vấn đề này. Điển hình:

Về nhóm các sách chuyên khảo, đề tài nghiên cứu khoa học và kỷ yếu hội thảo: Đáng chú ý có Đề tài nghiên cứu khoa học “Nhận thức của người dân về hoạt động từ thiện và khả năng gây quỹ của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam” của Viện nghiên cứu xã hội kinh tế và môi trường [97] đã phân tích, làm rõ các hoạt động từ thiện và khả năng gây quỹ của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam, tổ chức tôn giáo,...; đồng thời, đánh giá ở góc độ nhận thức của người dân tại các địa bàn về vấn đề này. Trong đó, đối với công trình của Viện nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường [97], mặc dù đã phác họa rõ nét xu hướng đóng góp của cộng đồng, song hạn chế lớn nhất là chưa bóc tách cơ chế điều chỉnh hành vi dưới góc độ pháp luật thực định, nhất là hoạt động vận động cứu trợ khẩn cấp khi có thiên tai xảy ra.

Bên cạnh đó, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Thực trạng pháp luật về từ thiện nhân đạo ở Việt Nam” do Viện nghiên cứu lập pháp - Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức (2022) đã chỉ ra nhiều bất cập trong khung pháp lý hiện hành. Tuy nhiên, các tham luận trong Kỷ yếu hội thảo mới dừng lại ở việc đánh giá, gợi mở chính sách mang tính vĩ mô trong điều kiện bình thường, chưa xây dựng được một khung lý thuyết pháp lý hoàn chỉnh và chuyên biệt áp dụng riêng cho công tác vận động, tiếp nhận tài trợ khắc phục khó khăn do thiên tai.

Về nhóm các luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ: Luận án tiến sĩ “Sự tham gia hoạt động từ thiện xã hội của phật tử tại thành phố Hà Nội hiện nay” của tác giả Bùi Phương Thanh [82] nghiên cứu sự tham gia hoạt động từ thiện xã hội của phật tử trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó phân tích động cơ, hình thức và mức độ tham gia của nhóm chủ thể này. Tuy nhiên, công trình tiếp cận chủ yếu từ góc độ xã hội học tôn giáo, chưa đề cập cơ chế pháp lý điều chỉnh hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai.

Luận án tiến sĩ “Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở trong việc đảm bảo an sinh xã hội cho cư dân nông thôn: Nghiên cứu trường hợp tại hai xã” của tác giả Nguyễn Thanh Thủy [85] đã phân tích, làm rõ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc hỗ trợ triển khai các chính sách thị trường lao động qua các hoạt động nhằm hỗ trợ thông tin, hỗ trợ vốn, tư vấn liên quan đến việc làm, trong đó có vai trò trong tiến hành các hoạt động trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất tại địa phương. Trên cơ sở phân tích thực trạng, một số công trình đã đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động từ thiện, nhân đạo ở nước ta.

Cũng tiếp cận dưới góc độ tổ chức thực thi pháp luật, Luận văn thạc sĩ “Thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động từ thiện ở Việt Nam” của tác giả Nhữ Kim Trang (Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2024) đã phân tích khá chi tiết thực trạng tuân thủ, thi hành pháp luật của các cá nhân, tổ chức trong hoạt động nhân đạo. Mặc dù vậy, hạn chế của công trình này là phạm vi nghiên cứu còn khái quát cho toàn bộ hoạt động từ thiện nói chung, chưa đi sâu bóc tách và làm rõ các đặc thù pháp lý cũng như các hình thức thực hiện pháp luật chuyên biệt đối với hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai.

Bên cạnh đó, còn có một số nghiên cứu khác liên quan như: Luận văn thạc sĩ “Can thiệp nhân đạo quốc tế” của tác giả Ngô Văn Thìn [84]; Luận văn thạc sĩ “Xây dựng kế hoạch truyền thông về từ thiện xã hội trên báo chí ngành Công an” của tác giả Lê Thị Mai Phương [67];...

Về nhóm các bài viết tạp chí, bài báo khoa học: Bài viết “Hoạt động từ thiện của người dân qua khảo sát xã hội học ở cộng đồng” của tác giả Đặng Nguyên Anh [1], bài viết “Từ thiện xã hội tôn giáo những vấn đề đặt ra với công tác quản lý nhà

nước tại Việt Nam hiện nay” của tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc [65] và “Hoạt động từ thiện xã hội nét đẹp văn hóa của Đạo Phật” của tác giả Nguyễn Văn Long [58]... đã phân tích, làm rõ các hoạt động từ thiện và khả năng gây quỹ, đồng thời đánh giá ở góc độ nhận thức của người dân tại các địa bàn về vấn đề này.

Bài viết “Hoạt động từ thiện xã hội - Thực trạng và giải pháp” của tác giả Nguyễn Thanh Tùng và Nguyễn Tiến Lực [90] đã đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng hoạt động từ thiện xã hội, đồng thời đề hoạt động này được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, phát huy giá trị nhân văn, cao đẹp. Nội dung các giải pháp đưa ra tập trung vào một số vấn đề như: Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thông qua việc thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động từ thiện của các cơ quan nhà nước; khắc phục tình trạng hành chính hóa trong huy động nguồn lực từ thiện; thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân khi tham gia các hoạt động từ thiện xã hội nói chung...

1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực hiện pháp luật

Việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN khắc phục KKDTT là một bộ phận của công tác THPL nói chung. Những năm qua, có nhiều công trình nghiên cứu được công bố ở nước ta liên quan đến THPL nói chung và THPL trong các lĩnh vực, ở các địa phương, địa bàn hoặc liên quan đến các nhóm đối tượng cụ thể nói riêng. Diễn hình:

Về nhóm các sách chuyên khảo: Sách chuyên khảo "Quản lý rủi ro thiên tai và hỗ trợ cộng đồng" của tác giả Đỗ Minh Tuấn [88] giới thiệu tình hình một số loại thiên tai phổ biến xảy ra ở Việt Nam những năm qua và tác động tiêu cực đến đời sống của người dân như: Bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, sạt lở đất... Đồng thời, phân tích, làm rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến quản lý rủi ro thiên tai, các phương thức và công cụ quản lý rủi ro thiên tai và nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc chuẩn bị các kế hoạch ứng phó với thiên tai trước, trong và sau khi xảy ra. Đặc biệt, tác giả đã khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của cộng đồng trong việc ứng phó với hậu quả do thiên tai gây ra với ý nghĩa không chỉ là đối tượng trực tiếp bị ảnh hưởng của thiên tai nhưng cũng chính là nguồn lực quan trọng trong việc ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Từ nghiên cứu của mình, tác giả đã đề xuất các

mô hình tham gia cộng đồng trong công tác cứu trợ, phân bổ nguồn đóng góp tự nguyện của các tập thể, cá nhân nhằm hỗ trợ khắc phục KKDTT. Trong đó, nhấn mạnh cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc phòng ngừa và ứng phó với thiên tai.

Sách chuyên khảo "Chủ động phòng chống thiên tai và quản lý khủng hoảng" của tác giả Lê Trọng Nghĩa [63] phân tích một số chiến lược và biện pháp nhằm chủ động phòng, chống hậu quả tác hại của thiên tai gây ra như: Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm; chuẩn bị cơ sở hạ tầng chống chịu thiên tai; phát triển các kế hoạch ứng phó phù hợp với từng loại thiên tai... Đặc biệt, đã phân tích một số biện pháp cần thiết nhằm quản lý các tình huống khủng hoảng khi thiên tai xảy ra và gây hậu quả thiệt hại trong đó có việc VĐTN và phân phối nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng của thiên tai, nhấn mạnh yêu cầu cần phải thiết lập các hệ thống điều phối và hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức và cộng đồng trong thực hiện hoạt động này.

Ngoài ra, ở nhóm này còn có sách chuyên khảo “Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam” của GS.TS Nguyễn Minh Đoan và Nguyễn Minh Đức [44] cũng là một công trình nghiên cứu hệ thống liên quan trực tiếp đến vấn đề này.

Về nhóm các luận án tiến sĩ: Nhiều luận án đã vận dụng khung lý luận về thực hiện pháp luật vào các lĩnh vực chuyên ngành khác nhau, tiêu biểu là các luận án về thực hiện pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn của tác giả Đỗ Văn Dương [41]; về đấu giá quyền sử dụng đất ở các tỉnh Bắc Trung Bộ của tác giả Trần Tiến Hải [47]; về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của tác giả Nguyễn Thị Trâm [86]; về quyền, nghĩa vụ của luật sư trong giai đoạn tố tụng hình sự của tác giả Lê Minh Đức [45]; về viên chức trong các trường đại học của tác giả Nguyễn Thị Thu Hương [52]; về bảo hiểm xã hội đối với phụ nữ ở nông thôn các tỉnh Bắc Trung Bộ của tác giả Đỗ Phương Anh [2]; về an ninh mạng của tác giả Bùi Thị Long [59]. Các công trình này có kết cấu tương đối thống nhất: làm rõ khái niệm, đặc điểm, hình thức, vai trò, nội dung và điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật; đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp. Giá trị kế thừa đối với luận án là khung lý luận chung về bốn hình thức thực hiện pháp luật và cách tiếp cận các điều kiện bảo đảm. Tuy nhiên, các công trình nêu trên đều nghiên cứu những lĩnh vực có quan hệ

quản lý nhà nước rõ ràng, chủ thể và nghĩa vụ pháp lý được xác định cụ thể, nên chưa xử lý được đặc thù của quan hệ tự nguyện, phi lợi nhuận, mang tính an sinh xã hội - đối tượng nghiên cứu của luận án này.

1.1.4. Một số công trình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Trong phạm vi tài liệu mà tác giả khảo cứu được, đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về thực hiện pháp luật trong VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta. Tuy nhiên, trong nội dung của một số công trình nghiên cứu có liên quan được công bố trong những năm qua, các tác giả đã đề cập và tiếp cận một số khía cạnh nội dung liên quan đến THPL về lĩnh vực này. Điển hình:

Một số công trình nghiên cứu về pháp luật từ thiện, nhân đạo, cứu trợ xã hội nói chung và pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai nói riêng. Điển hình: Luận văn thạc sĩ *“Pháp luật Việt Nam về cứu trợ xã hội”* của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà [46] phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động cứu trợ xã hội (khái niệm, bản chất, nội dung của cứu trợ xã hội...); thực trạng các quy định về cứu trợ xã hội trên cơ sở các vấn đề cơ bản như: Đối tượng, điều kiện được hưởng, tổ chức thực hiện công tác cứu trợ xã hội... Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra những đánh giá, nhận xét về ưu điểm và hạn chế của các quy định pháp luật về cứu trợ xã hội ở nước ta và các định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện. Báo cáo *“Hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động từ thiện của Việt Nam trên cơ sở pháp luật hiện hành”* của các tác giả Đỗ Hồng Linh, Nguyễn Phương Thảo, Phạm Trung Quân và Trần Đăng Khôi [56] phân tích thực tiễn tiến hành hoạt động từ thiện nói chung, trong đó có thực trạng hoạt động từ thiện diễn ra ở nước ta những năm qua và thực hiện so sánh với thế giới. Trong báo cáo, đã phân tích khái niệm “từ thiện” theo góc nhìn pháp lý, đồng thời, trên cơ sở phân tích thực trạng pháp luật của Việt Nam về hoạt động từ thiện và chỉ ra những vấn đề cần quan tâm trong pháp luật nước ta về vấn đề từ thiện. Các tác giả đã đưa ra kiến nghị nhằm thực hiện sửa đổi, bổ sung và thay đổi các quy định pháp luật Việt Nam về hoạt động từ thiện thời gian tới nhằm phù hợp với thực tiễn xã hội hiện nay. Bài viết *“Chính sách thuế,*

kế toán đối với các quỹ xã hội, từ thiện ở Việt Nam” của PGS.TS Lý Phương Duyên và TS Bùi Thị Thu Hương [40] tập trung phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện một số chính sách về thuế cũng như các quy định về chế độ kế toán hiện đang áp dụng đối với các quỹ xã hội, từ thiện ở nước ta. Trong đó, các tác giả đã chỉ rõ những hạn chế và khoảng trống còn tồn tại trong hệ thống các quy định này. Trên cơ sở nghiên cứu của mình, các tác giả đã đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị nhằm góp phần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách về thuế, quy định về kế toán đối với các quỹ xã hội, từ thiện ở Việt Nam thời gian tới.

Một số công trình nghiên cứu về công tác quản lý và THPL của các cơ quan, tổ chức liên quan đến quản lý rủi ro thiên tai, hỗ trợ cộng đồng đã được trình bày tại mục 1.1.3, trong đó có sách chuyên khảo của tác giả Đỗ Minh Tuấn [88] và tác giả Lê Trọng Nghĩa [63]. Ở nhóm này còn có Luận văn thạc sĩ “Quản lý hoạt động cứu trợ lương thực tại Cục Dự trữ nhà nước” của tác giả Nguyễn Thị Mai Hương [53] phân tích, làm rõ mục tiêu của dự trữ quốc gia nhằm chủ động thực hiện công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ yêu cầu liên quan đến quốc phòng, an ninh trong các tình huống đột xuất, cấp bách. Trong đó, cứu trợ là một hoạt động quan trọng của Cục Dự trữ nhà nước góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nhất là cứu trợ lương thực cho quần chúng nhân dân ở các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lụt, hạn hán, dịch bệnh hoặc có điều kiện kinh tế khó khăn mà không thể tự lo liệu được cuộc sống của mình và gia đình. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động cứu trợ lương thực tại Cục Dự trữ nhà nước thời gian tới.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Các công trình nước ngoài được khảo cứu trong mục này được lựa chọn theo hai hướng. Hướng thứ nhất, ưu tiên các quốc gia châu Á thường xuyên chịu thiên tai, có điều kiện địa lý, khí hậu và truyền thống huy động nguồn lực cộng đồng tương đồng với Việt Nam, gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia và Ấn Độ; đây là nhóm cung cấp kinh nghiệm gần nhất với bối cảnh vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện ở nước ta. Hướng thứ hai, khảo cứu một số quốc gia có hệ thống pháp luật về từ thiện phát triển sớm và có cơ quan điều tiết chuyên trách

như Hoa Kỳ, Canada, Australia, Ireland và Scotland (Vương quốc Anh), nhằm cung cấp góc đối chiếu về mô hình quản lý, giám sát và trách nhiệm giải trình. Cần lưu ý rằng Hoa Kỳ, Canada, Australia và Ấn Độ là nhà nước liên bang, còn Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan và Indonesia là nhà nước đơn nhất; do đó các kết luận rút ra từ hai nhóm quốc gia này được sử dụng ở mức độ tham khảo khác nhau và luôn được đặt trong điều kiện thể chế cụ thể. Nhìn chung, các công trình nước ngoài tập trung mô tả quy định và mô hình tổ chức, rất ít công trình đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật trên thực tế và hầu như không có công trình nào nghiên cứu về vai trò, trách nhiệm pháp lý của cá nhân vận động độc lập trên nền tảng số - đây cũng là khoảng trống mà luận án tiếp tục giải quyết.

1.2.1. Một số công trình nghiên cứu ở ngoài nước có liên quan đến phòng, chống thiên tai

Cũng giống với Việt Nam, hằng năm ở các quốc gia trên thế giới và khu vực cũng xảy ra các hiện tượng thiên tai và gây hậu quả tác hại ở các mức độ nặng, nhẹ khác nhau đối với đời sống xã hội. Do đó, công tác PCTT nói chung cũng được các chuyên gia, nhà khoa học ở các nước nghiên cứu. Điển hình:

Một số công trình nghiên cứu được công bố ở nước ngoài đã nêu và phân tích về thực trạng xảy ra thiên tai trên thế giới và ở các nước. Điển hình: Báo cáo *“Báo cáo đánh giá thiên tai toàn cầu năm 2019”* của Học viện Quản lý tình trạng khẩn cấp và giảm nhẹ thiên tai Trung Quốc [111] đã khái quát tình hình các hiện tượng thiên tai xảy ra tại các khu vực trên thế giới nói chung và ở Trung Quốc nói riêng trong năm 2019. Báo cáo đã nhấn mạnh, những tác động rõ rệt của yếu tố biến đổi khí hậu toàn cầu là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến các hiện tượng thiên tai đã và đang có diễn biến hết sức phức tạp hiện nay. Trên cơ sở đó, Báo cáo đã đưa ra một số giải pháp cấp bách nhằm góp phần phòng, chống và giảm thiểu tác hại của thiên tai. Trong bài viết *“Multi-hazard risk assessment of coastal vulnerability from tropical cyclones - A GIS based approach for the Odisha coast”* (Đánh giá rủi ro đa thiên tai về tính dễ bị tổn thương của vùng ven biển do bão nhiệt đới - Phương pháp tiếp cận dựa trên GIS cho bờ biển Odisha) của các tác giả Sahoo, Bishnupriya và Prasad K. Bhaskaran [131] đã giới thiệu ứng dụng công nghệ GIS để đánh giá rủi ro đa thiên tai cho khu vực ven biển đối với bão nhiệt đới.

Trong đó, đã xem xét các yếu tố vật lý và kinh tế - xã hội trong việc đánh giá rủi ro gây ra bởi bão có xem xét đến ngập lụt và nước dâng do bão, đồng thời lựa chọn các chỉ số tổn thương vật lý, xã hội và môi trường, tuy nhiên không xem xét khả năng thích ứng của đối tượng chịu ảnh hưởng.

Trước diễn biến phức tạp và hậu quả tác hại vô cùng lớn của các hiện tượng thiên tai, cơ quan chức năng các quốc gia trên thế giới đã tập trung triển khai các biện pháp và rút ra những kinh nghiệm nhằm phòng ngừa và giảm thiểu tác hại của thiên tai. Cuốn sách chuyên khảo *“African experiences in community-based disaster risk reduction”* (Kinh nghiệm của Châu Phi về giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng) của các tác giả Van Niekerk, D. và Coetzee [136] đã phân tích tình hình, diễn biến các hiện tượng thiên tai thường xảy ra ở Châu Phi (hạn hán, lũ lụt, lở đất...) và giới thiệu một số kinh nghiệm trong tổ chức phòng, chống góp phần giảm thiểu rủi ro của thiên tai dựa vào cộng đồng đã được áp dụng hết sức hiệu quả những năm qua. Sách chuyên khảo *“Kobe earthquake: Turning point of community based risk reduction in Japan”* (Trận động đất Kobe: Bước ngoặt trong việc giảm thiểu rủi ro dựa vào cộng đồng ở Nhật Bản) của tác giả Shaw [130] đã khái quát về trận động đất xảy ra ở Kobe, Nhật Bản vào năm 1995 và những hậu quả, tác hại mà nó đã gây ra cho người dân nước này. Trên cơ sở đó, tác giả giới thiệu một số kinh nghiệm của Nhật Bản trong phát huy vai trò của người dân trong triển khai các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả của động đất. Trong Luận án tiến sĩ *“An advanced methodology for the multi-risk assessment: an application for climate change impacts in the North Adriatic case study (Italy)”* (Phương pháp tiên tiến để đánh giá đa rủi ro: ứng dụng về tác động của biến đổi khí hậu trong nghiên cứu trường hợp Bắc Adriatic - Ý) của tác giả Gallina [107] đã đưa ra phương pháp đánh giá rủi ro đa thiên tai (bao gồm: Nước biển dâng, sạt lở bờ biển và nước dâng do bão), trong đó có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu bằng phương pháp bán định lượng kết hợp với phương pháp thực hiện phân tích đa tiêu chuẩn (Multi-Criteria Decision Analysis). Phương pháp này đã xây dựng được các công thức cụ thể, phản ánh sự gia tăng mức độ hiểm họa, tổn thương và rủi ro khi các thiên tai xảy ra đồng thời hoặc nối tiếp.

Bên cạnh đó, còn có một số công trình khác ở nước ngoài cũng có nội dung nghiên cứu về công tác PCTT như: Sách chuyên khảo *“Financing Community Resilience Before Disaster Strikes: Lessons From the United States”* (Cấp vốn cho khả năng phục hồi của cộng đồng trước thảm họa: Bài học từ Hoa Kỳ) của các tác giả Charlotte L. Kirschner, Akheil Singla và Angie Flick [103]; báo cáo *“Living with Risk: A Global Review of Disaster Reduction Initiatives”* (Sống chung với rủi ro: Đánh giá toàn cầu về các sáng kiến giảm nhẹ thiên tai) của Ban Thư ký liên cơ quan của Liên hợp quốc về ISDR (UN/ISDR) [100]; bài viết *“Community based approaches to disaster mitigation”* (Các phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng để giảm nhẹ thiên tai) của tác giả Victoria [137]...

1.2.2. Một số công trình nghiên cứu ở ngoài nước có liên quan đến hoạt động từ thiện, nhân đạo

Nhằm kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống cũng như khắc phục hậu quả của thiên tai gây ra cho đời sống xã hội, nhiều chuyên gia, nhà khoa học ở nước ngoài đã có các công trình nghiên cứu về hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung. Điển hình:

Một số công trình nghiên cứu về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện hoạt động từ thiện, nhân đạo: Sách chuyên khảo *“The Profits of Charity”* (Những lợi ích của từ thiện) của tác giả Kerry O’Halloran [112] đã phân tích và chỉ ra rằng, trong bối cảnh nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới đang phải đối mặt với suy thoái kinh tế, các mối đe dọa khủng bố và sự rút lui của “Nhà nước phúc lợi” thì Chính phủ một số nước lại chuyển sang tổ chức hoạt động từ thiện trong nỗ lực phát triển vốn xã hội, củng cố xã hội dân sự và thúc đẩy sự tham gia của công dân. Trong đó, đã có sự so sánh về sự cân bằng giữa Chính phủ, tổ chức từ thiện và thương mại ở một số nước như: Hoa Kỳ, Canada, Anh và xứ Wales, New Zealand và Úc. Nội dung sách chuyên khảo *“Basics of International Humanitarian Missions”* (Những vấn đề cơ bản sứ mệnh nhân đạo quốc tế) của tác giả Kevin M. Cahill, M.D [113] nhấn mạnh những nội dung và ý nghĩa, tầm quan trọng của các hoạt động nhân đạo trên thế giới đặc biệt trong bối cảnh xung đột vũ trang và các hiểm họa thiên tai xảy ra ở các khu vực. Các hoạt động nhân đạo đã và đang được cộng đồng quốc tế cũng như các quốc gia trên thế giới đẩy mạnh hợp tác thực hiện trong suốt những năm

qua. Qua cuốn sách giúp hiểu rõ hơn về các hoạt động nhân đạo quốc tế đã được thực hiện và thấy được tính chất đa dạng của các hoạt động này.

Bên cạnh đó, một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài đã phân tích, làm rõ về các định hướng và phạm vi tổ chức hoạt động từ thiện, nhân đạo ở một số quốc gia trên thế giới. Điển hình: Trong bài viết “*Philanthropic structuring: The Asian context*” (*Cấu trúc từ thiện: Bối cảnh châu Á*) của các tác giả Hang Wu Tang, Man YIP và Vincent OOI [110] đã đưa ra đề xuất ba định hướng chiến lược để mở rộng khả năng tiếp cận hoạt động từ thiện đó là: Khuyến khích sự cho đi ngoài gia đình và lý do tôn giáo; khuyến khích mọi người tặng bất kể kích thước của món quà; và khuyến khích sự cho đi chính thức. Sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các Chính phủ và ngành công nghiệp là rất quan trọng để giúp hoạt động từ thiện ở châu Á đạt được tiềm năng của nó. Bên cạnh đó, đã đề cập đến sự phát triển của các nền tảng trực tuyến và áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động từ thiện. Sách chuyên khảo “*Market Orientation of Nonprofit Organizations: An Indian Perspective*” (*Định hướng của các tổ chức phi lợi nhuận: Quan điểm của Ấn Độ*) của các tác giả Renjini D và Mary Joseph T [128] đã phân tích, làm rõ về định hướng thị trường và cách nó tăng cường hiệu suất của các tổ chức phi lợi nhuận ở Ấn Độ. Trong đó, đã cố gắng giải quyết khoảng trống này bằng cách phân tích định hướng thị trường và các khái niệm liên quan dựa trên nền tảng của điều kiện môi trường trong bối cảnh nền kinh tế mới nổi điển hình. Do đó, nó sẽ đặc biệt có lợi cho các học giả, nhà nghiên cứu, sinh viên và các học viên trong các lĩnh vực quản lý phi lợi nhuận, tiếp thị chiến lược và công tác xã hội, mong muốn nâng cao kiến thức định hướng thị trường phi lợi nhuận trong các thiết lập này. Bài viết “*Philanthropic Giving in Ireland: A Scoping Project*” (*Từ thiện ở Ireland: Dự án xác định phạm vi*) của các tác giả Oonagh B. Breen và Patricia Quinn [127] phân tích khái quát về hoạt động từ thiện ở Ireland, nhất là việc xác định các nguồn dữ liệu có sẵn và khoảng trống trong kiến thức về từ thiện, tập trung vào quà tặng và biên nhận. Đây là các xu hướng trong tổ chức hoạt động từ thiện ở đất nước Ireland. Ngoài ra, bài viết còn có nội dung so sánh giữa các hoạt động từ thiện quốc tế mà Ireland tham gia hợp tác thực hiện với các quốc gia khác.

1.2.3. Một số công trình nghiên cứu ở ngoài nước có liên quan đến thực hiện pháp luật nói chung

Hoạt động THPL nói chung và THPL trên các lĩnh vực khác nhau cũng như THPL liên quan đến một số đối tượng đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu được công bố ở nước ngoài. Điển hình:

Một số nghiên cứu về thực hiện pháp luật nói chung: Sách chuyên khảo “The Rule of Law” (Quy tắc của pháp luật) của tác giả Tom Bingham [135] làm rõ khái niệm pháp quyền và các nguyên tắc cơ bản: pháp luật phải được công khai; được áp dụng công bằng; bảo vệ quyền cơ bản của công dân; bảo đảm quyền tiếp cận công lý. Sách chuyên khảo “The Enforcement of Law: Theories and Procedures” (Thi hành luật: Các lý thuyết và thủ tục) của tác giả Martin J. R. Loughlin [118] phân tích các nguyên lý về thực thi pháp luật, quy trình và thủ tục thi hành, sự tương tác giữa pháp luật với chính trị và xã hội. Bên cạnh đó là các nghiên cứu về thực thi pháp luật trong những lĩnh vực chuyên biệt như: thực thi pháp luật và vấn đề chủng tộc [120]; tội phạm mạng [134]; vai trò của tòa án quốc gia trong thực thi luật nhân quyền quốc tế [114]; thực thi luật môi trường ở các nước đang phát triển [121]; cải cách pháp luật và pháp quyền [129]; lý thuyết và thực hành của pháp luật [126]; thực thi luật sở hữu trí tuệ trong thời đại số [105]; tiếp cận công lý trong các xã hội hậu xung đột [125]; tác động của tham nhũng đối với các cơ quan thực thi pháp luật [99].

Giá trị kế thừa của nhóm công trình này đối với luận án là cách tiếp cận lý thuyết về thực thi pháp luật và các nguyên tắc công khai, công bằng, tiếp cận công lý. Tuy nhiên, các công trình nêu trên đều được xây dựng trên nền các quan hệ pháp luật có tính cưỡng chế nhà nước rõ rệt, chưa đề cập đến việc thực hiện pháp luật trong quan hệ tự nguyện, phi lợi nhuận, nơi động lực tuân thủ chủ yếu đến từ uy tín xã hội và áp lực minh bạch thông tin chứ không phải từ chế tài. Đây là khác biệt cần được tính đến khi vận dụng kết quả của các công trình này vào đề tài luận án.

1.2.4. Một số công trình nghiên cứu ở ngoài nước có liên quan đến thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Qua tìm hiểu thấy rằng, đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu được

công bố ở nước ngoài có liên quan đến vấn đề THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai. Diễn hình:

Để góp phần nâng cao hiệu quả THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, cần phải xây dựng được một hệ thống các văn bản pháp luật hoàn chỉnh về lĩnh vực này. Theo đó, một số chuyên gia, nhà khoa học ở các nước trên thế giới đã tập trung nghiên cứu về vấn đề này. Diễn hình: Sách chuyên khảo *"Disaster Law" (Luật Thiên tai)* của tác giả Ben Saul [101] đã làm rõ khái niệm liên quan đến thảm họa gồm thiên tai tự nhiên (động đất, bão lụt...) và thảm họa nhân tạo (tai nạn công nghiệp, rò rỉ hóa chất...), đồng thời giới thiệu các văn bản pháp luật quốc tế liên quan đến thảm họa như: Công ước Geneva về bảo vệ những người bị ảnh hưởng trong thời gian xung đột vũ trang; Luật Nhân đạo quốc tế... trong đó quy định về quyền của các nạn nhân thảm họa và nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo vệ và cứu trợ các nạn nhân. Đặc biệt, tác giả đi sâu phân tích các chính sách, cơ chế pháp lý của các quốc gia trong việc ứng phó với các thảm họa, trong đó có thảm họa về thiên tai. Nội dung cuốn sách đưa đến cái nhìn tổng quan về các nguyên tắc pháp lý liên quan đến thiên tai, bao gồm các quy định quốc tế về cứu trợ và hỗ trợ khắc phục khó khăn và các cơ chế pháp lý liên quan đến việc thu nhận hỗ trợ nhân đạo trong trường hợp thiên tai xảy ra. Trong cuốn sách chuyên khảo *"Charity law and the Liberal State" (Luật từ thiện và Nhà nước tự do)* [119], tác giả Mathew Harding đã làm rõ các vấn đề như: Tính chính đáng của việc nhà nước quảng bá không trung lập trong tiến hành các hoạt động có mục đích từ thiện; vai trò của lòng vị tha trong các quy định của Luật từ thiện; nội dung quy định của Luật từ thiện cũng như các hệ thống thuế và yêu cầu của sự công bằng trong phân phối; việc đối xử đúng đắn với các mục đích tôn giáo và chính trị trong khuôn khổ Luật từ thiện; những phản ứng thích hợp của nhà nước tự do đối với sự phân biệt đối xử nhằm theo đuổi các mục đích từ thiện. Sách chuyên khảo *"Nonprofit Law Made Easy" (Luật phi lợi nhuận thực hiện dễ dàng)* của tác giả Bruce R. Hopkins [102] tập trung hướng dẫn cách thức xử lý các vấn đề pháp lý ảnh hưởng đến việc hình thành và vận hành các tổ chức phi lợi nhuận cũng như các tổ chức từ thiện. Ví dụ: Vấn đề miễn thuế, yêu cầu báo cáo việc thực hiện hoạt động từ thiện, yêu cầu công bố, hoạt động kinh doanh không liên quan, gây quỹ, nguyên tắc quản trị doanh

nghiệp và trách nhiệm thành viên hội đồng quản trị của các tổ chức phi lợi nhuận và tổ chức từ thiện. Sách chuyên khảo *"The Law of International Disaster Relief"* (Luật cứu trợ thiên tai quốc tế) của các tác giả Hans-Joachim Heintze và Vincent Chetail [109] đã phân tích cơ sở pháp lý quốc tế trong tổ chức cứu trợ thiên tai; làm rõ các khái niệm như quyền yêu cầu cứu trợ quốc tế, nghĩa vụ của các quốc gia bị ảnh hưởng trong việc cho phép và hỗ trợ hoạt động cứu trợ quốc tế và các nguyên tắc về quyền lợi của các nạn nhân thiên tai. Qua nghiên cứu của mình, các tác giả đã nhấn mạnh việc tổ chức cứu trợ thiên tai không chỉ là một việc làm nhân đạo mà còn liên quan đến các yếu tố pháp lý như: Quyền tự do cứu trợ, nghĩa vụ của các quốc gia và trách nhiệm của các tổ chức quốc tế. Đồng thời, các tác giả đề xuất các giải pháp nhằm góp phần cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cứu trợ thiên tai quốc tế, trong đó cần thiết phải ban hành một hiệp định quốc tế quy định rõ ràng hơn về cứu trợ thiên tai, tạo cơ chế pháp lý rõ ràng và hiệu quả cho việc quản lý các hoạt động cứu trợ. Sách chuyên khảo *"International Disaster Response Law"* (Luật ứng phó thảm họa quốc tế) của tác giả Jody M. Prescott [115] đã phân tích làm rõ các khái niệm cơ bản về thảm họa và ứng phó thảm họa nói chung; nêu rõ sự cần thiết phải có một khung pháp lý quốc tế phục vụ điều chỉnh các hoạt động cứu trợ và ứng phó khi thảm họa xảy ra trong đó có các hiện tượng thiên tai nhằm bảo vệ quyền lợi của các nạn nhân và đảm bảo sự hợp tác hiệu quả giữa các quốc gia và tổ chức quốc tế. Trong đó, nêu rõ nghĩa vụ của các quốc gia khi đối mặt với thảm họa, nhất là quyền hạn và trách nhiệm trong việc yêu cầu viện trợ quốc tế và cung cấp hỗ trợ cho các quốc gia khác. Tác giả đã đưa ra khuyến nghị các quốc gia, tổ chức quốc tế và các tổ chức nhân đạo cần hợp tác chặt chẽ để đảm bảo rằng các nạn nhân của thảm họa nhận được sự hỗ trợ nhanh chóng và công bằng.

Bên cạnh đó, khi phân tích về các vấn đề có liên quan trực tiếp đến THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, đã có một số công trình như: Sách chuyên khảo *"Handbook of Disaster Risk Reduction and Management"* (Sổ tay giảm thiểu và quản lý rủi ro thiên tai) của nhiều tác giả [123] đã phân tích làm rõ các khái niệm về giảm thiểu và quản lý rủi ro thiên tai; các phương pháp, công cụ giảm thiểu rủi ro thiên tai; phân tích và đánh giá rủi ro thiên tai; các cơ chế quản lý

thiên tai ở cấp quốc gia và quốc tế, đặc biệt là việc phối hợp giữa các chính phủ, các tổ chức quốc tế; các yếu tố xã hội và kinh tế trong việc quản lý rủi ro thiên tai mà điển hình là sự tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai; các chiến lược ứng phó và phục hồi sau thiên tai; những thách thức đối với công tác giảm thiểu và quản lý rủi ro thiên tai trong bối cảnh thay đổi khí hậu, sự phát triển đô thị và sự gia tăng dân số... Trên cơ sở đó, các tác giả nhấn mạnh việc giảm thiểu và quản lý rủi ro thiên tai là một quá trình liên tục, cần sự tham gia của tất cả các bên, từ chính phủ, cộng đồng, đến các tổ chức quốc tế và khu vực. Trong cuốn sách chuyên khảo *“Volunteerism & Disaster Resilience in Thailand: Institutional Design for Reducing Migrant Workers’ Vulnerability to Floods in Thailand”* (Tình nguyện và khả năng chống chịu thiên tai ở Thái Lan: Thiết kế thể chế để giảm thiểu sự dễ bị tổn thương của lao động di cư trước lũ lụt ở Thái Lan) [133], tác giả Thanikun Chantra đã tập trung phân tích những vấn đề liên quan đến đợt lũ lịch sử năm 2011 tại Thái Lan và các đợt ngập sau đó. Tác giả nhấn mạnh vai trò của các tình nguyện viên không chính thức và chỉ ra các mạng lưới thiện nguyện tự phát được “thể chế hóa” để điều phối đóng góp phi tiền tệ (công lao động, vật tư) và tăng tính bền vững. Vai trò của tình nguyện viên được thể hiện khác nhau khi có giới tính khác nhau và trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ quản lý thảm họa thiên tai. Tuy nhiên, sự tham gia của các tình nguyện viên thường không theo kế hoạch và chỉ mang tính ngắn hạn do thiếu thiết kế thể chế phù hợp cho một quy trình quản lý thảm họa thiên tai chính thức.

Trong tổ chức THPL về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, vấn đề công khai, minh bạch và thực hiện trách nhiệm giải trình là yêu cầu rất quan trọng được đặt ra theo quy định pháp luật. Trong bài viết *“Accountability Online: Understanding the Web-Based Accountability Practices of Nonprofit Organizations”* (Trách nhiệm giải trình trực tuyến: Tìm hiểu thực tiễn trách nhiệm giải trình dựa trên Web của các Tổ chức phi lợi nhuận) [108], các tác giả Gregory D. Saxton và Chao Guo đã khái quát tầm quan trọng của việc các tổ chức phi lợi nhuận nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là mạng internet và mạng xã hội trong quá trình hoạt động, đặc biệt là để phục vụ giải trình trực tuyến. Bài viết cũng đưa ra ví dụ về 117 trang web của Tổ chức cộng đồng Hoa Kỳ kết hợp với dữ

liệu khảo sát và tài chính. Qua đó, đưa ra đánh giá rằng, các trang web đã được sử dụng rất hiệu quả để minh bạch các thông tin về tài chính và kết quả các hoạt động của các tổ chức phi lợi nhuận góp phần cung cấp các thông tin cần thiết để các bên liên quan giám sát hoạt động và thực hiện đóng góp, tham gia hoạt động của các tổ chức phi lợi nhuận. Nội dung bài viết “*The public benefit requirement in charity law: the mystery of the balancing act*” (Yêu cầu lợi ích công cộng trong luật từ thiện: Bí ẩn của hành động cân bằng) của tác giả Juliet Chevalier-Watts [117] phân tích, làm rõ nguyên tắc chung là để một chủ thể nhất định có thể làm từ thiện theo pháp luật thì phải có mục đích từ thiện riêng. Đồng thời, bất kỳ lợi ích riêng tư nào có được từ mục đích từ thiện có thể sẽ đi ngược lại với bản chất nhân văn, nhân đạo của nó. Theo đó, để đạt được hiệu quả cao đòi hỏi các hoạt động từ thiện cần được các chủ thể tiến hành một cách vô tư, khách quan và mang tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc. Bài viết “*Improving Charity Accountability: Lessons From the Scottish Experience*” (Cải thiện trách nhiệm giải trình từ thiện: Bài học từ kinh nghiệm của Scotland) của tác giả Diarmuid McDonell [106] phân tích, đánh giá mức độ phù hợp, hiệu quả của chương trình giám sát trách nhiệm giải trình từ thiện ở Scotland. Việc thực hiện trách nhiệm này vừa góp phần giúp công tác quản lý nhà nước được hiệu quả, đồng thời là một trong những cách thức để khuyến khích các tổ chức từ thiện hoạt động hiệu quả hơn. Trong đó, đã đưa ra đánh giá hoạt động của các tổ chức từ thiện đã và đang diễn ra rất thường xuyên ở đất nước Scotland. Nhằm đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình tài chính của các tổ chức từ thiện, nhất là việc kiến nghị với cơ quan quản lý của Scotland cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức từ thiện để thực hiện trách nhiệm giải trình tài chính. Trong khi đó, những khó khăn về thể chế và quản trị khi thực hiện việc chuyển giao tiền mặt trong bối cảnh thiên tai đã được các tác giả Jonatan A. Lassa, Gisela E Nappoe và Susilo B. Sulistyو nêu ra trong bài viết “*Creating an Institutional Ecosystem for Cash Transfer Programming*” (Xây dựng Hệ sinh thái tổ chức cho Chương trình chuyển tiền mặt) [116]. Nội dung bài viết phân tích việc thực hiện chương trình chuyển giao tiền mặt trong bối cảnh thiên tai xảy ra ở Indonesia. Trong các tình huống thiên tai xảy ra ở nước này, việc cứu trợ bằng tiền mặt ngày càng được ưu tiên thực hiện những năm qua xuất phát từ tính

linh hoạt, thúc đẩy sự phát triển của thị trường địa phương và những người chịu ảnh hưởng của thiên tai có thể sử dụng tiền để mua các loại đồ dùng và nhu yếu phẩm cần thiết.

Ngoài ra, một số nghiên cứu khác ở nước ngoài liên quan đến THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT như: Sách chuyên khảo "*Legal Aspects of Disaster Recovery*" (Các khía cạnh pháp lý của việc phục hồi sau thảm họa) của nhiều tác giả [124]; Sổ tay "*Handbook of Charity Law of the People's Republic of China*" (Sổ tay Luật Từ thiện của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa) [104]; bài viết "*Charity law reform in Canada: Moving from patchwork to substantive reform*" (Cải cách Luật từ thiện ở Canada: Chuyển từ việc cải cách chắp vá đến cải cách lâu dài) của tác giả Samuel Singer [132]; bài viết "*Social Capital, Volunteering & Charitable Giving*" (Vốn xã hội, Tình nguyện và quyên góp từ thiện) của các tác giả Lili Wang và Elizabeth Graddy [122].

1.3. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.3.1. Những vấn đề đã được các công trình nghiên cứu làm rõ

Qua tổng quan tài liệu ở cả trong và ngoài nước, có thể rút ra một số nhận xét về các công trình nghiên cứu trước đây như sau:

Những năm qua, đã có những công trình nghiên cứu được công bố ở cả trong nước và nước ngoài có liên quan đến các khía cạnh khác nhau của công tác PCTT, hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói riêng. Trong quá trình thực hiện Luận án "*Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp từ nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam*", nghiên cứu sinh đã tìm hiểu nhiều công trình khoa học được công bố ở cả trong và ngoài nước có liên quan đề tài này. Đó là các sách chuyên khảo, sách tham khảo, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, đề tài khoa học, báo cáo chuyên đề, bài viết đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước. Qua nghiên cứu thấy rằng, các công trình nghiên cứu được công bố trong những năm qua đã đạt được một số kết quả sau:

- Mặc dù được nghiên cứu ở các thời điểm và về các khía cạnh khác nhau, tuy nhiên các công trình nghiên cứu được công bố ở trong và ngoài nước đều nhấn

mạnh vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của công tác PCTT và hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục khó khăn khi có thiên tai xảy ra. Trong đó, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, tổ chức và công dân cùng với Nhà nước thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục những hậu quả do thiên tai gây ra. Mặc dù có tính chất là các hoạt động mang tính chất tự giác, tự nguyện nhưng thực tiễn cho thấy để hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT đạt hiệu quả cao cần có sự quản lý của Nhà nước thông qua các quy định pháp luật cụ thể. Các quy định pháp luật này cần được tổ chức thực hiện có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi quốc gia.

- Đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố có nội dung về công tác PCTT và hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT và THPL về lĩnh vực này chưa nhiều. Các nghiên cứu về vấn đề này vẫn chủ yếu là các bài viết của các chuyên gia, nhà khoa học đăng trên các tạp chí. Ở nước ngoài, việc nghiên cứu về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT và THPL về lĩnh vực này thường được lồng ghép trong các công trình nghiên cứu về hoạt động từ thiện, nhân đạo và pháp luật về từ thiện, nhân đạo nói chung; còn thiếu vắng các công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này. Ở nước ta, trong một số công trình nghiên cứu có liên quan đã bước đầu phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động nhằm VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT cũng như hệ thống pháp luật có liên quan đến vấn đề này, đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng, hoàn thiện pháp luật để tổ chức có hiệu quả hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT.

- Các công trình nghiên cứu được công bố ở trong và ngoài nước đã giới thiệu những quy định pháp luật của một số nước trên thế giới và Việt Nam có liên quan đến hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói riêng. Trong đó, đã đưa ra đánh giá về tính phù hợp và mức độ hoàn thiện của hệ thống quy định pháp luật về lĩnh vực này ở các nước. Trên cơ sở đó, một lần nữa khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng của việc

tiếp tục nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện có hiệu quả pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Như vậy, trong phạm vi tài liệu mà tác giả khảo cứu được, đến nay chưa có công trình khoa học nào ở cấp độ luận án tiến sĩ có nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và THPL về lĩnh vực này ở Việt Nam. Mặc dù vậy, các nghiên cứu đã được công bố vẫn rất hữu ích, giúp cho nghiên cứu sinh tham khảo, kế thừa trong quá trình thực hiện luận án nhằm góp phần phân tích, luận giải, làm rõ các nội dung chính của đề tài.

Trên cơ sở những khoảng trống nghiên cứu trên, luận án là công trình tiếp cận chuyên sâu dưới góc độ khoa học pháp lý, tập trung phân tích toàn diện 04 hình thức thực hiện pháp luật (tuân thủ, thi hành, sử dụng, áp dụng) và các nội dung thực hiện pháp luật (nguyên tắc, chủ thể, trình tự, phân phối, xử lý vi phạm) chuyên biệt trong lĩnh vực vận động, tiếp nhận đóng góp tự nguyện khắc phục thiên tai tại Việt Nam.

1.3.2. Những vấn đề luận án kế thừa

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận án kế thừa có chọn lọc những thành tựu khoa học từ các công trình đi trước làm tiền đề lý luận và thực tiễn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, kế thừa các quan điểm, khái niệm nền tảng về rủi ro thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu cũng như bối cảnh kinh tế - xã hội đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với hoạt động hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, kế thừa cơ sở lý luận chung về pháp luật trong lĩnh vực nhân đạo, từ thiện; đặc biệt là những vấn đề lý luận mang tính nguyên tắc về quyền, nghĩa vụ và cơ chế hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện đã được làm rõ trong các nghiên cứu, luận án và đề tài khoa học trước đây.

Thứ ba, kế thừa các số liệu, kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng về thực tiễn áp dụng pháp luật, cũng như những vướng mắc trong cơ chế quản lý, điều phối và tính minh bạch, giải trình của hoạt động vận động, tiếp nhận từ các báo cáo chuyên đề và hội thảo khoa học.

Sự kế thừa này tạo nền tảng vững chắc để luận án không đi vào lối mòn mà tập trung trực tiếp vào việc hoàn thiện khung lý thuyết pháp lý chuyên biệt và đề xuất các giải pháp mang tính thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam.

1.3.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết trong luận án

Từ kết quả tổng quan nêu trên, có thể chỉ ra hạn chế của từng nhóm công trình như sau. Nhóm công trình về phòng, chống thiên tai chủ yếu tiếp cận dưới góc độ quản lý rủi ro và kỹ thuật ứng phó, coi nguồn đóng góp tự nguyện là một nguồn lực bổ sung chứ chưa coi đó là một quan hệ pháp luật cần được điều chỉnh, do đó không đặt ra vấn đề chủ thể, trình tự, trách nhiệm pháp lý. Nhóm công trình về hoạt động từ thiện, nhân đạo phần lớn dừng ở góc độ xã hội học và đạo đức xã hội, đề cao vai trò của cộng đồng nhưng chưa lý giải được vì sao cùng một khuôn khổ pháp lý lại cho kết quả thực hiện rất khác nhau giữa các chủ thể và giữa các địa bàn. Nhóm công trình về thực hiện pháp luật nói chung đã xây dựng được khung lý luận về bốn hình thức thực hiện pháp luật, nhưng được phát triển chủ yếu từ các lĩnh vực có quan hệ quản lý nhà nước rõ ràng và chủ thể xác định, nên khi áp dụng vào một quan hệ mang tính tự nguyện, phi lợi nhuận thì chưa giải thích được đầy đủ. Nhóm công trình nước ngoài cung cấp nhiều thông tin về mô hình quản lý tổ chức từ thiện, song phần lớn được xây dựng trên nền thể chế có cơ quan điều tiết độc lập và truyền thống từ thiện gắn với chính sách thuế, nên giá trị tham khảo chỉ phát huy khi được đặt trong điều kiện áp dụng cụ thể của Việt Nam.

Từ những hạn chế trên có thể xác định ba khoảng trống nghiên cứu. Một là khoảng trống về lý luận: chưa có công trình nào làm rõ bản chất pháp lý đặc thù của quan hệ vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện với tư cách là quan hệ tự nguyện, phi lợi nhuận, mang tính an sinh xã hội, và hệ quả của đặc thù đó đối với cách thức thực hiện pháp luật. Hai là khoảng trống về công cụ đánh giá: chưa có hệ tiêu chí đo lường kết quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này, khiến các đánh giá hiện có chủ yếu mang tính mô tả. Ba là khoảng trống về chủ thể: chưa có nghiên cứu chuyên sâu về địa vị và trách nhiệm pháp lý của cá nhân vận động độc lập và các nhóm thiện nguyện tự phát – nhóm chủ thể xuất hiện cùng với nền tảng số và

gây nhiều tranh luận trong thực tiễn. Ba khoảng trống này, cùng với khoảng trống thứ tư về bối cảnh thể chế nêu dưới đây, là căn cứ trực tiếp cho câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu được trình bày tại mục 1.4.

Bên cạnh ba khoảng trống nêu trên, có thể xác định thêm một khoảng trống thứ tư về bối cảnh thể chế: phần lớn các công trình đã công bố được thực hiện trước khi Đảng ban hành các định hướng mới về xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật (Nghị quyết số 66-NQ/TW [152], các Kết luận số 119-KL/TW [157], số 09-KL/TW [158], số 17-KL/TW [159]), trước khi triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Nghị quyết số 18-NQ/TW [154], Nghị quyết số 60-NQ/TW [156]) và trước khi yêu cầu chuyển đổi số được xác định là đột phá (Nghị quyết số 57-NQ/TW [151]). Do đó, chưa có công trình nào luận giải việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT trong điều kiện chủ thể, thẩm quyền, quy trình và phương thức thực hiện đã thay đổi căn bản. Đây là khoảng trống mà luận án tập trung bổ khuyết.

Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết trong luận án được đưa ra trên cơ sở tìm hiểu, phân tích các công trình nghiên cứu đã được công bố ở trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án, nhất là những kết quả nghiên cứu đã đạt được và những vấn đề chưa được đề cập hoặc chưa được phân tích, luận giải một cách thỏa đáng. Đồng thời, những vấn đề này cũng được căn cứ đưa ra trên cơ sở mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án. Từ đó thấy rằng, những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, giải quyết trong luận án của nghiên cứu sinh gồm:

Một là, nghiên cứu, phân tích, luận giải một số vấn đề lý luận về THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam.

Đối với nội dung này, nghiên cứu sinh cần phân tích và đưa ra khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, nội dung pháp luật, hình thức và các yếu tố đảm bảo việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam; những kinh nghiệm trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở một số nước trên thế giới và rút ra những gợi mở đối với Việt Nam. Các nội dung này góp phần hình thành khung lý luận về THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam.

Hai là, khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam những năm qua và đưa ra một số đánh giá, nhận xét về thực trạng này.

Đối với nội dung này, nghiên cứu sinh sẽ phân tích, làm rõ và chỉ ra những ưu điểm, hạn chế cũng như các nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế của thực trạng THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam những năm qua. Đây sẽ là những cơ sở cốt yếu để nghiên cứu sinh đưa ra các quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam thời gian tới.

Ba là, phân tích và đưa ra những dự báo về các yếu tố thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra các quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam thời gian tới.

Đối với nội dung này, để đưa ra dự báo về các yếu tố thuận lợi và khó khăn trong quá trình THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam cần xuất phát từ thực tiễn triển khai vấn đề này những năm qua cũng như dự báo các vấn đề có liên quan đến tình hình chính trị, kinh tế - xã hội thời gian tới. Đồng thời, quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm THPL về lĩnh vực này cần được phân tích và đưa ra trên cơ sở những định hướng chung của Đảng, Nhà nước cũng như trên cơ sở phân tích, làm rõ thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm rút ra trong quá trình THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam những năm qua cũng như kế thừa kết quả của các công trình đã được công bố ở cả trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án. Chỉ có như vậy, các giải pháp được đưa ra mới phù hợp với thực tiễn, phát huy được những ưu điểm đã đạt được và giải quyết được những hạn chế, nguyên nhân trong THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam những năm qua.

1.4. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.4.1. Giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở bối cảnh chính trị - pháp lý và những hạn chế trong tổ chức THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT đã trình bày tại phần Mở đầu và mục 1.3, luận án không dừng lại ở việc mô tả bối cảnh mà xây dựng

các mệnh đề nhân - quả có thể kiểm chứng, bác bỏ hoặc điều chỉnh bằng dữ liệu thực tiễn.

Từ bối cảnh trên, luận án đặt ra giả thuyết nghiên cứu tổng quát và ba giả thuyết thành phần có thể kiểm chứng bằng dữ liệu thực tiễn.

Giả thuyết tổng quát: hiệu quả thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam bị quyết định chủ yếu bởi mức độ tập trung của cơ chế điều phối và mức độ minh bạch thông tin, chứ không phải bởi quy mô nguồn lực huy động được.

Giả thuyết thứ nhất: việc phân tán đầu mối tiếp nhận và thiếu cơ chế điều phối thống nhất là nguyên nhân trực tiếp làm gia tăng tình trạng phân bổ không đồng đều giữa các địa bàn và kéo dài độ trễ cứu trợ. Giả thuyết này được kiểm chứng bằng việc đối chiếu số lượng đầu mối tiếp nhận với độ trễ phân phối thực tế tại các đợt vận động điển hình.

Giả thuyết thứ hai: mức độ công khai, minh bạch thông tin thu, chi có quan hệ thuận chiều với mức độ tuân thủ pháp luật của chủ thể vận động và nghịch chiều với số vụ việc tranh chấp, khiếu kiện phát sinh. Giả thuyết này được kiểm chứng qua các vụ việc được xử lý giai đoạn 2013 - 2025 và qua so sánh trước và sau khi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP có hiệu lực.

Giả thuyết thứ ba: khoảng trống pháp lý về địa vị và trách nhiệm của cá nhân vận động độc lập là nguyên nhân chính làm phát sinh rủi ro trục lợi và tranh chấp trong giai đoạn 2020 - 2022, chứ không phải do thiếu chế tài xử phạt. Giả thuyết này được kiểm chứng qua phân tích các vụ việc điển hình và số liệu xử lý vi phạm.

Để bảo đảm tính bác bỏ được, luận án xác định trước căn cứ kết luận: một giả thuyết được coi là không được dữ liệu ủng hộ nếu kết quả đối chiếu cho thấy không có quan hệ hoặc có quan hệ ngược chiều so với dự đoán của giả thuyết. Kết quả kiểm chứng được trình bày tại Chương 3 và là căn cứ trực tiếp để xác định hướng giải thích nguyên nhân của hạn chế và thiết kế hệ giải pháp tại Chương 4.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu đặt ra trong luận án của nghiên cứu sinh gồm câu hỏi nghiên cứu lớn và câu hỏi nghiên cứu cụ thể đó là:

- Câu hỏi nghiên cứu trung tâm: Những yếu tố nào quyết định hiệu quả thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam, và *cần tác động vào những yếu tố nào để bảo đảm hiệu quả đó?*

- Các câu hỏi nghiên cứu cụ thể gồm:

+ Câu hỏi thứ nhất: Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai có đặc trưng pháp lý gì so với thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực khác, xuất phát từ tính chất tự nguyện, phi lợi nhuận và an sinh xã hội của quan hệ này?

+ Câu hỏi thứ hai: Cần dựa trên hệ tiêu chí nào để đánh giá kết quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này, và những yếu tố nào bảo đảm cho việc thực hiện pháp luật đạt hiệu quả?

+ Câu hỏi thứ ba: Thực trạng thực hiện pháp luật ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2025 đạt được kết quả gì, còn hạn chế gì khi đo theo hệ tiêu chí nói trên, và đâu là nguyên nhân của những hạn chế đó?

+ Câu hỏi thứ tư: Cần quan điểm và giải pháp nào để khắc phục các nguyên nhân đã xác định, trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và chuyển đổi số hiện nay?

Kết luận chương 1

Chương 1 đã khảo cứu và hệ thống hóa các công trình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án theo bốn nhóm: các công trình về phòng, chống thiên tai; các công trình về hoạt động từ thiện, nhân đạo; các công trình về thực hiện pháp luật nói chung; và các công trình trực tiếp liên quan đến thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai. Các công trình này đều khẳng định ý nghĩa của công tác phòng, chống thiên tai và vai trò của nguồn đóng góp tự nguyện trong khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là trong bối cảnh thiên tai tiếp tục diễn biến phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản.

Tuy nhiên, kết quả tổng quan cho thấy mỗi nhóm công trình đều còn hạn chế riêng: nhóm về phòng, chống thiên tai tiếp cận từ góc độ quản lý rủi ro và kỹ thuật ứng phó; nhóm về từ thiện, nhân đạo dừng ở góc độ xã hội học và đạo đức xã hội; nhóm về thực hiện pháp luật nói chung xây dựng khung lý luận từ những lĩnh vực có quan hệ quản lý nhà nước rõ ràng; nhóm công trình nước ngoài gắn với thể chế có cơ quan điều tiết độc lập. Phân tích chi tiết hạn chế của từng nhóm được trình bày tại mục 1.3.3.

Trong phạm vi tài liệu mà tác giả khảo cứu được, đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu tổng thể, chuyên sâu và toàn diện về thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này. Từ đó, Chương 1 xác định ba khoảng trống mà luận án cần giải quyết: khoảng trống về lý luận đối với bản chất pháp lý đặc thù của quan hệ tự nguyện, phi lợi nhuận, mang tính an sinh xã hội; khoảng trống về công cụ đánh giá do chưa có hệ tiêu chí đo lường kết quả thực hiện pháp luật; và khoảng trống về chủ thể đối với địa vị, trách nhiệm pháp lý của cá nhân vận động độc lập và các nhóm thiện nguyện tự phát trên nền tảng số.

Bên cạnh việc chỉ ra khoảng trống, Chương 1 cũng xác định rõ những kết quả mà nghiên cứu sinh kế thừa từ các công trình đi trước, gồm các khái niệm công cụ, khung lý luận về bốn hình thức thực hiện pháp luật và một số dữ liệu thực tiễn về hoạt động cứu trợ. Ba khoảng trống nêu trên được chuyển thành giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu ở mục 1.4, đồng thời định hướng cho việc xây dựng cơ sở lý luận tại Chương 2, đánh giá thực trạng tại Chương 3 và đề xuất giải pháp tại Chương 4.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI

2.1. LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI

2.1.1. Khái niệm pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai là hoạt động mang tính nhân đạo, tự nguyện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm huy động tiền, hiện vật để giúp đỡ người dân vùng thiên tai khắc phục hậu quả. Để hoạt động này diễn ra minh bạch và hiệu quả, nhà nước cần có cơ chế điều chỉnh bằng pháp luật. Theo đó, *pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai* là tổng thể các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, quy định về chủ thể, trình tự, thủ tục, nguyên tắc huy động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện; đồng thời thiết lập cơ chế giám sát và chế tài xử lý vi phạm nhằm bảo đảm trật tự, công bằng và hiệu quả trong hoạt động cứu trợ thiên tai.

- *Khái niệm “Pháp luật”.*

Theo cách hiểu chung nhất, pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và thừa nhận, mang tính chất bắt buộc thực hiện với mọi chủ thể trong xã hội. Đồng thời, THPL là hoạt động có mục đích nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật, làm cho các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể có liên quan.

- *Khái niệm “Thiên tai”.*

Tháng 6/2020, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều số 60/2020/QH14, theo đó khái niệm thiên tai được đưa ra như sau: Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao

gồm bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác [77].

- *Khái niệm “Vận động nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”.*

Theo Từ điển tiếng Việt [66], “vận động” ở đây được hiểu là hoạt động “Tuyên truyền, giải thích, động viên làm cho người khác tự nguyện làm theo việc gì, thường là theo một phong trào nào đó” [70, tr.1105]. Khi có thiên tai xảy ra ở các địa phương, địa bàn thường sẽ gây ra những hậu quả tác hại trên nhiều phương diện như: Về người (làm chết người hoặc bị thương); về tài sản (làm hư hỏng nhà cửa, các tài sản có trong nhà, hoa màu...); về môi trường và dịch bệnh (gây ra ô nhiễm môi trường và có nguy cơ bùng phát các loại dịch bệnh do ô nhiễm môi trường gây ra). Những hậu quả, tác hại do thiên tai gây ra ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức ở địa phương cũng như đời sống của nhân dân và đặt ra vấn đề cần được sự hỗ trợ, giúp đỡ các nguồn lực nhằm khắc phục hậu quả thiên tai để nhân dân duy trì và sớm ổn định cuộc sống sau thiên tai. Nguồn lực hỗ trợ khắc phục KKDTT ở đây là nguồn lực của Nhà nước, của địa phương, của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ĐGTN nhằm hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai ở các địa phương, địa bàn. Các nguồn lực này hết sức đa dạng và được huy động căn cứ vào thực tiễn yêu cầu đặt ra đối với các địa phương và người dân ở các nơi xảy ra và chịu thiệt hại do thiên tai. Nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai có thể là tiền hoặc hiện vật, trong đó hiện vật có thể là lương thực thực phẩm, quần áo, thuốc men...

Qua phân tích, có thể hiểu: *Vận động nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai là hoạt động của các cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện việc kêu gọi, động viên, huy động sự đóng góp tự nguyện về tiền hoặc hiện vật từ các tập thể, cá nhân trong xã hội nhằm hỗ trợ khắc phục hậu quả, tác hại do các hiện tượng thiên tai gây ra.*

Hoạt động vận động nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT thường được triển khai sau các đợt thiên tai xảy ra và gây hậu quả, tác hại cho các địa phương,

địa bàn. Bên cạnh đó, do tính chất cấp thiết của việc hỗ trợ khắc phục KKDDTT nên việc vận động phải được tiến hành khẩn trương và kịp thời.

- *Khái niệm “Tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”.*

Theo Từ điển Tiếng Việt giải thích, “tiếp nhận” là “Đón nhận cái từ người khác, nơi khác chuyển giao cho” [70, tr.988]. Cùng với những phân tích ở trên có thể hiểu: *Tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai là hoạt động của các cơ quan, tổ chức và cá nhân đón nhận sự đóng góp tự nguyện về tiền hoặc hiện vật từ các tập thể, cá nhân để hỗ trợ khắc phục hậu quả, tác hại do các hiện tượng thiên tai gây ra.* Hoạt động tiếp nhận nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT cũng được triển khai sau các đợt thiên tai và sau khi các cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra kêu gọi, vận động.

- *Khái niệm “Pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam”.*

Trên cơ sở khái niệm “Pháp luật”, “Vận động nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”, “Tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai” được phân tích và đưa ra ở trên, có thể hiểu: *Pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam là hệ thống các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên, trong đó quy định thẩm quyền, quy trình, cách thức thực hiện và các chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức, ra lời kêu gọi, vận động, tiếp nhận, phân bổ và sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân nhằm hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai.*

Như vậy, pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT sẽ được thể hiện ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Trong quá trình triển khai các hoạt động về VĐTN hay nói cách khác là hoạt động Ra lời kêu gọi, tuyên truyền, động viên, huy động, tiếp nhận, phân bổ nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT, mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật này nhằm đảm bảo công tác

này được thực hiện dưới sự quản lý của nhà nước; đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm.

2.1.2. Vai trò của pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Dưới góc độ lý luận, pháp luật trong lĩnh vực này đóng vai trò đặc biệt quan trọng, thiết lập khung pháp lý vững chắc nhằm điều chỉnh một hoạt động vốn mang tính tự phát, cảm tính trở thành một hoạt động có tổ chức, minh bạch và hiệu quả. Cụ thể, vai trò của pháp luật được thể hiện trên 04 phương diện cốt lõi sau:

Thứ nhất, pháp luật tạo hành lang pháp lý để các cá nhân, tổ chức tự do thực hiện quyền về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện một cách hợp pháp, an toàn và được Nhà nước bảo vệ.

Hoạt động từ thiện, nhân đạo xuất phát từ tình cảm, đạo lý và truyền thống tương thân tương ái của dân tộc. Tuy nhiên, nếu thiếu vắng pháp luật, hoạt động này dễ rơi vào tình trạng tự phát, thiếu tổ chức. Bằng việc ban hành các quy định pháp luật (điển hình như Nghị định số 93/2021/NĐ-CP của Chính phủ), Nhà nước đã chính thức ghi nhận, mở rộng và bảo vệ quyền tham gia của đa dạng các chủ thể (từ cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện cho đến các doanh nghiệp và cá nhân). Pháp luật quy định rõ điều kiện, trình tự, thủ tục để các chủ thể này danh chính ngôn thuận đứng ra kêu gọi, tiếp nhận nguồn lực. Nhờ đó, các tổ chức, cá nhân có cơ sở pháp lý vững chắc để triển khai các chiến dịch thiện nguyện mà không lo ngại rủi ro pháp lý, đồng thời huy động được tối đa sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

Thứ hai, pháp luật đảm bảo tính công khai, minh bạch, thiết lập cơ chế giải trình rõ ràng, từ đó củng cố niềm tin của nhà tài trợ đối với các chủ thể đứng ra vận động, tiếp nhận.

Đóng góp tự nguyện để hỗ trợ khó khăn do thiên tai xảy ra dựa trên nền tảng của niềm tin. Khi niềm tin bị xói mòn bởi sự mập mờ trong thu chi, dòng chảy của nguồn lực cứu trợ sẽ bị ách tắc. Do đó, vai trò trọng tâm của pháp luật là thiết lập các tiêu chuẩn bắt buộc về tính minh bạch. Thông qua các quy định cụ thể về việc mở tài khoản tiếp nhận độc lập, quy chế lập sổ sách kế toán, và nghĩa vụ bắt buộc

phải báo cáo, công khai kết quả giải ngân trên các phương tiện thông tin đại chúng, pháp luật ràng buộc trách nhiệm giải trình của các chủ thể trung gian. Cơ chế này không chỉ giúp người đóng góp dễ dàng theo dõi dòng tiền của mình, ngăn chặn các "khủng hoảng truyền thông sao kê" không đáng có, mà còn bảo vệ chính uy tín của các cá nhân, tổ chức đứng ra làm thiện nguyện.

Thứ ba, pháp luật góp phần bảo vệ quyền lợi của những "người dễ bị tổn thương" - đối tượng thụ hưởng sự cứu trợ, đảm bảo nguồn lực được phân phối công bằng, đúng mục đích.

Mục đích tối thượng của hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTTN là trợ giúp những người dân chịu ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai vượt qua khó khăn, sớm ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy nếu để phân phối tự phát, rất dễ xảy ra tình trạng phân bổ không đồng đều, hàng hóa cứu trợ không thiết thực. Pháp luật đóng vai trò điều tiết vấn đề này thông qua việc quy định nguyên tắc phân phối phải dựa trên mức độ thiệt hại thực tế, ưu tiên đối tượng yếu thế và bắt buộc phải có sự phối hợp, xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp cơ sở. Nhờ sự can thiệp của pháp luật, luồng hàng hóa và tiền cứu trợ được điều hướng một cách khoa học, công bằng, đến đúng tay những người thực sự cần, tránh lãng phí nguồn lực xã hội.

Thứ tư, pháp luật là công cụ sắc bén để phòng ngừa, răn đe và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thiên tai, lợi dụng danh nghĩa từ thiện để trục lợi cá nhân, xâm phạm trật tự quản lý xã hội.

Trong bối cảnh mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, các hành vi mạo danh cơ quan tổ chức, tung tin giả về thiệt hại bão lũ để lừa đảo, chiếm đoạt tiền quyên góp ngày càng tinh vi. Pháp luật lúc này đóng vai trò là "thanh kiếm" bảo vệ trật tự xã hội. Bằng cách định khung rõ ràng các hành vi bị nghiêm cấm và thiết lập chế tài xử lý (cả về mặt hành chính lẫn hình sự), pháp luật tạo ra sức mạnh răn đe đối với những đối tượng có ý đồ xấu. Đồng thời, pháp luật trao thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát cho các cơ quan chức năng, giúp kịp thời phát hiện, bóc gỡ và trừng trị những cá nhân, tổ chức lạm quyền, trục lợi từ nỗi đau của đồng bào, qua đó làm trong sạch môi trường thiện nguyện.

2.2. LÝ LUẬN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI

2.2.1. Khái niệm, đặc điểm thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Trước khi vận dụng khung lý thuyết về bốn hình thức thực hiện pháp luật, cần làm rõ bản chất pháp lý đặc thù của quan hệ vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện, bởi đây không phải là quan hệ quản lý nhà nước thuần túy cũng không phải quan hệ dân sự thông thường.

Thứ nhất, quan hệ này phát sinh từ hành vi tự nguyện, không dựa trên nghĩa vụ luật định. Người đóng góp không bị bắt buộc đóng góp, cũng không nhận lại lợi ích vật chất tương ứng. Hệ quả là hình thức sử dụng pháp luật giữ vai trò khởi đầu và chi phối toàn bộ quan hệ: nếu pháp luật đặt ra nghĩa vụ tuân thủ quá nặng ở khâu đầu vào, chủ thể sẽ không thực hiện quyền vận động, đóng góp, và quan hệ pháp luật không hình thành.

Thứ hai, quan hệ này mang tính phi lợi nhuận và có sự tách rời giữa người bỏ tài sản và người thụ hưởng tài sản. Chủ thể vận động giữ vai trò trung gian nắm giữ tài sản của người khác để chuyển cho người thứ ba, trong khi người đóng góp hầu như không có công cụ trực tiếp để yêu cầu thực hiện đúng cam kết. Đây là lý do tại sao nghĩa vụ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình là yêu cầu cốt lõi của lĩnh vực này, chứ không phải một yêu cầu thủ tục thông thường.

Thứ ba, quan hệ này mang tính an sinh xã hội và diễn ra trong điều kiện khẩn cấp. Yêu cầu kịp thời trở thành một tiêu chí pháp lý chứ không chỉ là yêu cầu quản lý, kéo theo đặc điểm là hình thức áp dụng pháp luật ở đây thiên về hỗ trợ, hướng dẫn và điều phối, thay vì thiên về cấp phép và xử lý vi phạm như nhiều lĩnh vực khác.

Ba đặc điểm trên cho thấy bốn hình thức thực hiện pháp luật không vận hành với trọng số ngang nhau trong lĩnh vực này: sử dụng pháp luật giữ vai trò khởi phát, thi hành và tuân thủ pháp luật tập trung ở nghĩa vụ công khai và phối hợp, còn áp dụng pháp luật chủ yếu thể hiện ở chức năng điều phối và hậu kiểm. Đây là cơ sở

để luận án vận dụng khung lý thuyết bốn hình thức một cách có điều chỉnh, thay vì ghép nối cơ học.

Nhằm làm rõ và đưa ra khái niệm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam cần làm rõ các khái niệm có liên quan, đó là: “Pháp luật”, “thiên tai”, “vận động nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”; “tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”; “pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”.

- Khái niệm “Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam”.

Thực hiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT là một bộ phận của công tác THPL. Trong khi đó, trên quan điểm của lý luận nhà nước và pháp luật, THPL nói chung là hoạt động mang tính pháp lý được tổ chức triển khai sau khi Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Để pháp luật đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra, đó là điều chỉnh các quan hệ xã hội và thực hiện quản lý xã hội trên các lĩnh vực phục vụ lợi ích chung của Nhà nước thì ngoài việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với thực tiễn còn đòi hỏi quá trình tổ chức THPL của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thật sự hiệu quả, để pháp luật đi vào thực tiễn đời sống xã hội. Thực hiện pháp luật là nội dung trọng tâm được Khoa học pháp lý nghiên cứu và có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Ví dụ: Trong Giáo trình “Lý luận về nhà nước và pháp luật” của Trường Đại học Luật Hà Nội đã đưa ra khái niệm: “Thực hiện pháp luật là hành vi thực tế, hợp pháp, có mục đích của các chủ thể pháp luật nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật, làm cho chúng đi vào cuộc sống” [91, tr.199]. Bên cạnh đó, trong Giáo trình “Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật” do Viện Nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn đã đưa ra khái niệm: “Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy phạm của pháp luật trở thành hiện thực trong cuộc sống, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thực tế của các chủ thể pháp luật” [103, tr.270]. Có thể thấy, điểm chung của các khái niệm được đưa ra nêu trên đều khẳng định THPL là hoạt động có mục đích của các chủ thể và nhằm đưa các quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

Pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT được các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành nhằm phục vụ điều chỉnh các vấn đề có liên quan trong quá trình triển khai công tác VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT mỗi khi có thiên tai xảy ra ở các vùng miền, địa phương, địa bàn trong cả nước. Tuy nhiên, bản thân các văn bản pháp luật này không tự thân điều chỉnh được mà phải thông qua quá trình tổ chức thực hiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Từ đó có thể hiểu, THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT bao gồm các hành vi có mục đích của các chủ thể nhằm hiện thực hóa các văn bản, quy định pháp luật về lĩnh vực này vào thực tiễn cuộc sống.

Khoa học pháp lý xác định có bốn hình thức THPL đó là: (1) Tuân thủ pháp luật; (2) Thi hành pháp luật; (3) Sử dụng pháp luật; (4) Áp dụng pháp luật. Theo đó, việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam cũng được thực hiện thông qua bốn hình thức đó là: (1) Tuân thủ pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT; (2) Thi hành pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT; (3) Sử dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT; (4) Áp dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Đây là quá trình các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan tuân thủ, chấp hành, sử dụng và áp dụng các văn bản, quy định pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT khi tiến hành các hoạt động cụ thể liên quan đến lĩnh vực này.

Từ những phân tích nêu trên, có thể hiểu: *Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai là hành vi hợp pháp của các chủ thể nhằm đưa các quy định của pháp luật về lĩnh vực này vào thực tiễn, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra bằng nguồn đóng góp tự nguyện của các tập thể, cá nhân.*

Như vậy, phải có quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT thì các văn bản và quy định pháp luật về lĩnh vực này mới thực sự phát huy trong thực tiễn, đảm bảo cho hoạt động này được tiến hành theo đúng pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện. Ngoài ra, qua quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, các cơ quan có thẩm quyền sẽ kịp thời phát hiện những vấn đề chưa phù hợp, hạn chế, thiếu sót để trên cơ sở đó tiếp tục bổ sung,

chỉnh sửa, thay thế nhằm ngày càng hoàn thiện và phù hợp hơn. Điều này cũng chính là sự thể hiện mối quan hệ biện chứng và gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại giữa công tác xây dựng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT và công tác tổ chức THPL về lĩnh vực này

Trên cơ sở bản chất của việc tổ chức triển khai THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam cũng như khái niệm được phân tích và đưa ra ở trên, có thể thấy THPL về lĩnh vực này có những đặc điểm sau:

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam thể hiện tính nhân văn, nhân đạo và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước ta trong việc bảo vệ quyền con người, bảo vệ những “người dễ bị tổn thương” do ảnh hưởng của thiên tai.

Khi thiên tai xảy ra và gây ra thiệt hại, các phong trào quyên góp, VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai lại được triển khai sâu rộng. Tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nhằm bảo đảm hoạt động này được tiến hành có hiệu quả, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng. Điều đó thể hiện tính nhân văn, nhân đạo, tinh thần nhất quán và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước trong bảo vệ quyền con người, bảo vệ những “người dễ bị tổn thương” do ảnh hưởng của thiên tai - là những người dân sinh sống ở các địa bàn thường xuyên xảy ra thiên tai, nhất là những người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, người già, người tàn tật, trẻ em, phụ nữ mang thai... Nguồn ĐGTN được thể hiện dưới dạng tiền và hàng hóa, giúp người dân ở các địa bàn chịu thiệt hại do thiên tai khắc phục khó khăn trước mắt, duy trì và sớm ổn định, trở lại cuộc sống bình thường.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế và tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái trong truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT được VĐTN không chỉ ở trong nước mà còn đến từ nước ngoài. Ở trong nước, nguồn ĐGTN thể hiện truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái đã có từ ngàn đời của dân tộc Việt Nam, trong đó thực hiện cứu trợ, giúp đỡ đối với đồng bào mình ở những địa bàn chịu ảnh hưởng thiệt hại do thiên tai gây ra. Bên cạnh đó, Nhân dân Việt Nam ở các địa bàn chịu

ảnh hưởng của thiên tai còn nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ quý báu từ cộng đồng quốc tế; của các quốc gia trên thế giới và khu vực; của các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức và cá nhân khác ở nước ngoài; của đồng bào Việt Nam hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Ngoài ra, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam cũng sẵn sàng đứng ra quyên góp các nguồn lực nhằm hỗ trợ người dân ở các nước chịu ảnh hưởng của thiên tai.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam gắn với tinh thần tự nguyện, tự giác của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Với ý nghĩa nhân văn, nhân đạo sâu sắc, bản chất của VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT là VĐTN các nguồn ĐGTN. Điều đó có nghĩa là, khi có thiên tai xảy ra và gây ra những hậu quả tác hại thì hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT sẽ được triển khai. Tuy nhiên, việc tổ chức các hoạt động nhằm VĐTN cũng như đóng góp các nguồn lực của các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân ở đây là trên tinh thần tự nguyện, tự giác và không có tính chất bắt buộc, cưỡng ép phải thực hiện. Việc thực hiện hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và tham gia đóng góp các nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân. Nhà nước và các tập thể, cá nhân đứng ra kêu gọi, quyên góp chỉ vận động, khuyến khích các chủ thể này tham gia mà không bắt buộc hoặc cưỡng ép thực hiện.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam có tính chất đa chủ thể.

Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam cần có sự chung tay của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội nhằm huy động tối đa các nguồn lực trong xã hội để hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Do đó, THPL về lĩnh vực này có tính chất đa chủ thể, liên quan đến các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp và các tập thể, cá nhân ở cả trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên, mặc dù THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT gắn với tinh thần tự nguyện của các chủ thể này nhưng không thể thiếu trách nhiệm của Nhà nước trong việc quản lý, bảo đảm hoạt động vận động, quyên góp được thực hiện hiệu quả,

công khai, minh bạch, công bằng, hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra vi phạm, sai phạm của các tập thể, cá nhân trong quá trình tiến hành hoạt động này.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam có tính chất giới hạn về thời gian (đòi hỏi phải nhanh chóng và kịp thời) và không gian.

Thiên tai là các hiện tượng đến từ tự nhiên, xảy ra không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Ở các quốc gia trên thế giới cũng như ở Việt Nam, các hiện tượng thiên tai xảy ra cũng có sự khác nhau nhất định về tần suất và mức độ. Hơn nữa, việc VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT chỉ được các cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành sau khi có các hiện tượng thiên tai xảy ra ở các địa bàn và gây ra những hậu quả thiệt hại về người và tài sản. Như vậy, VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT không phải là hoạt động được tiến hành thường xuyên, liên tục mà chỉ phát sinh và được tiến hành khi có thiên tai xảy ra, gây hậu quả thiệt hại và việc thực hiện hoạt động hỗ trợ khắc phục KKDTT chỉ được triển khai ở các địa phương, địa bàn chịu thiệt hại do thiên tai gây ra. Bên cạnh đó, nếu hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT tiến hành chậm trễ, không kịp thời thì hiệu quả đạt được không cao, thậm chí lúc đó không còn ý nghĩa trong việc hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Do đó, chỉ khi các cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động nhằm VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT trong khoảng thời gian nhất định và ở các địa phương, địa bàn cụ thể thì yêu cầu THPL về lĩnh vực này mới được đặt ra. Đây cũng là đặc trưng riêng của hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT so với các hoạt động từ thiện, nhân đạo khác, bởi vì các hoạt động từ thiện, nhân đạo khác có thể được thực hiện thường xuyên nhằm hỗ trợ những hoàn cảnh gặp khó khăn.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp và rủi ro trong quản lý, đòi hỏi một hành lang pháp lý chặt chẽ và hiệu quả.

Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT có yêu cầu cao về tính minh bạch, chịu sự giám sát của xã hội do hoạt động này là tự nguyện, tự giác và không mang tính bắt buộc. Tính tự nguyện, tự giác và không bắt buộc là đối với cả các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp và với cả các tập thể, cá nhân hưởng ứng tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Hơn nữa, các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp sau khi tiếp nhận được nguồn ĐGTN sẽ chủ động trong

việc quản lý, phân phối, sử dụng với niềm tin của các tập thể, cá nhân hưởng ứng tham gia ĐGTN rằng các chủ thể này sẽ phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN đó đến người dân chịu thiệt hại do thiên tai ở các địa bàn một cách công khai, minh bạch và công bằng. Do đó, nếu không có sự quản lý của Nhà nước thông qua việc THPL về lĩnh vực này một cách có hiệu quả thì rất dễ dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra, nhất là hành vi của các tập thể và cá nhân lợi dụng hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT để trục lợi.

2.2.2. Hình thức thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Hiểu theo nghĩa chung nhất, hình thức THPL nói chung chính là những cách thức mà các chủ thể có liên quan thông qua các hành vi cụ thể của mình để đưa các quy định của pháp luật vào thực tiễn. Khoa học pháp lý đã xác định có bốn hình thức THPL [87], [98] gồm: (1) Tuân thủ pháp luật; (2) Thi hành pháp luật; (3) Sử dụng pháp luật; (4) Áp dụng pháp luật. Theo đó, pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở Việt Nam cũng được thực hiện thông qua bốn hình thức cụ thể đó là:

Tuy nhiên, việc vận dụng khung lý thuyết bốn hình thức thực hiện pháp luật vào lĩnh vực này không thể mang tính ghép nối cơ học, bởi quan hệ vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện có bản chất pháp lý đặc thù, hình thành từ sự đan xen của ba thuộc tính. Thứ nhất, tính tự nguyện: quan hệ được xác lập trên cơ sở tự do ý chí, gắn với quan hệ dân sự về tặng cho tài sản có điều kiện hoặc ủy thác, Nhà nước không áp đặt nghĩa vụ đóng góp đối với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Thứ hai, tính phi lợi nhuận: chủ thể đứng ra vận động, tiếp nhận không xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đã tiếp nhận mà chỉ có quyền quản lý mang tính ủy thác, toàn bộ lợi ích phải được chuyển đến người thụ hưởng, mọi hành vi giữ lại lợi ích cho bản thân đều làm biến dạng bản chất của quan hệ. Thứ ba, tính an sinh xã hội: kết quả của quan hệ gắn trực tiếp với quyền được trợ giúp của người dân bị thiệt hại, do đó Nhà nước không thể đứng ngoài mà phải can thiệp bằng các công cụ pháp lý nhằm bảo đảm nguồn lực đến đúng đối tượng.

Từ ba thuộc tính trên, bốn hình thức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này không vận hành đồng đều như trong các lĩnh vực quản lý nhà nước điển hình. Tuân

thủ pháp luật và sử dụng pháp luật giữ vai trò chủ đạo, bởi phần lớn quy phạm điều chỉnh lĩnh vực này là quy phạm cấm đoán và quy phạm trao quyền, trong khi hành vi tham gia của các chủ thể xuất phát từ tự do ý chí. Thi hành pháp luật chỉ phát sinh sau khi chủ thể đã tự nguyện bước vào quan hệ: nghĩa vụ công khai, minh bạch, báo cáo, quyết toán là nghĩa vụ phái sinh từ hành vi tự nguyện chứ không phải nghĩa vụ tiên định do Nhà nước áp đặt. Áp dụng pháp luật giữ vai trò hỗ trợ và kiểm soát - thể hiện qua phối hợp, xác nhận thiệt hại, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm - chứ không mang tính cấp phép hay cho phép hoạt động. Nhận thức đúng thứ bậc này là căn cứ để đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật tại Chương 3 và thiết kế giải pháp tại Chương 4 của luận án.

- Tuân thủ pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT

Đây là hình thức THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT mà trong đó các chủ thể bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các tập thể, cá nhân có liên quan phải kiềm chế, không thực hiện các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực này mà pháp luật nghiêm cấm ví dụ: (không ép buộc đóng góp, không gian lận, không trục lợi từ tiền cứu trợ, không đưa tin sai sự thật).

Một số hành vi bị nghiêm cấm trong quá trình thực hiện hoặc tham gia thực hiện VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT được quy định cụ thể tại Điều 3, Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16] và sau đó được quy định tại Điều 5, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] (thay thế Nghị định số 64/2008/NĐ-CP). Các hành vi bị nghiêm cấm gồm: Cản trở hoặc ép buộc tổ chức, cá nhân tham gia VĐTĐ, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ; báo cáo, cung cấp thông tin không đúng sự thật; chiếm đoạt, chiếm dụng, làm thất thoát tiền và hàng cứu trợ, cứu trợ không kịp thời; phân phối, sử dụng sai mục đích, không đúng thời gian phân phối, đối tượng được hỗ trợ từ nguồn ĐGTĐ; lợi dụng công tác VĐTĐ, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ để trục lợi hoặc thực hiện các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng và thực hiện các hoạt động trái pháp luật khác; lợi dụng thiên tai đầu cơ nâng giá hàng hóa, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để trục lợi, gây thiệt hại tới đời sống dân sinh; cố ý đưa tin sai sự thật về hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT.

- Thi hành pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT.

Đây là hình thức THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT mà trong đó các chủ thể bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các tập thể, cá nhân có liên quan thực hiện các nghĩa vụ pháp lý bắt buộc (ví dụ: nghĩa vụ báo cáo, nghĩa vụ mở tài khoản tiếp nhận riêng biệt, nghĩa vụ công khai minh bạch tài chính). Đó cũng chính là việc các chủ thể thực hiện những nghĩa vụ được quy định trong các văn bản pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT.

Trên cơ sở một số văn bản pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT hiện hành như: Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30]; Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả do thiên tai [27] và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam [28] (đã được thay thế bởi Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, ngày 08/12/2025 [35]), có thể nêu một số nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân phải thực hiện trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động vận động, quyên góp nguồn lực hoặc tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục KKĐTT đó là: Chấp hành quy định về cách thức, quy trình, thời gian thực hiện hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT; quy định về thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình tiến hành hoạt động này; quy định về việc thực hiện một số đề nghị của các tập thể, cá nhân hưởng ứng tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai như: Thực hiện việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ theo địa chỉ cụ thể hoặc đảm bảo bí mật về danh tính...

- Sử dụng pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT.

Sử dụng pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT là hình thức THPL mà trong đó các chủ thể bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các tập thể, cá nhân có liên quan chủ động thực hiện các quyền và những hoạt động khác liên quan đến việc VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT mà pháp luật cho phép. Nói cách khác, các chủ thể có

quyền thực hiện hoặc không thực hiện các hoạt động cụ thể liên quan đến VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT tùy theo ý chí và mong muốn cá nhân của họ. Các chủ thể ở đây bao gồm cả các tập thể, cá nhân được phép tiến hành hoạt động quyên góp cứu trợ thiên tai và các tập thể, cá nhân tham gia đóng góp nguồn lực cứu trợ thiên tai.

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 và Điều 10, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30], quyền của các chủ thể tham gia hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT được thực hiện hoặc không thực hiện các hoạt động ở đây có thể là: Quyền tham gia hoặc không tham gia quyên góp, VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT; quyền tham gia hoặc không tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT; quyền của các đối tượng tham gia ĐGTN đưa ra các yêu cầu, đề nghị cụ thể về địa chỉ phân phối, sử dụng nguồn lực đóng góp của mình đối với các chủ thể đứng ra VĐTN; quyền được đảm bảo bí mật về danh tính khi tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai...

- Áp dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT là việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các văn bản cá biệt để can thiệp vào các quan hệ pháp luật cụ thể, như cấp phép thành lập quỹ, thanh tra, kiểm tra, hoặc xử phạt các hành vi vi phạm trong hoạt động từ thiện.

Áp dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT là hoạt động của các cơ quan và người có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật về lĩnh vực này để giải quyết các vụ việc cụ thể phát sinh. Nói cách khác có thể hiểu áp dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT là hoạt động sử dụng quyền lực nhà nước để đưa các quy định chung của pháp luật vào một trường hợp cụ thể trong thực tế VĐTN, phân phối, sử dụng tiền, hàng ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT, đồng thời là một hình thức thực hiện pháp luật đặc biệt trong đó các cơ quan nhà nước, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền, dựa trên các quy định của pháp luật (như: Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ, Bộ luật Hình sự [71], Luật Xử lý vi phạm hành chính [78]...) để ban hành các quyết định hành chính hoặc thực hiện các hành vi pháp lý cụ thể nhằm tổ chức, quản lý, giám sát hoạt động này hoặc xử lý các vấn đề phát sinh. Hình thức áp dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục

KKDTT thường được thực hiện trong các trường hợp sau: Khi xảy ra hành vi vi phạm pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT; khi cần thiết phải thiết lập, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của chủ thể tham gia VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT; khi xảy ra tranh chấp quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên tham gia VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Có thể thấy, việc phân chia thành 04 hình thức THPL nói chung và pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT nói riêng nêu trên mang tính chất tương đối, bởi vì các hình thức THPL không tồn tại riêng lẻ mà thường lồng ghép vào nhau, có liên hệ mật thiết với nhau trong quá trình các chủ thể thực thi quyền, nghĩa vụ của mình trong từng mối quan hệ pháp luật phát sinh trong VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT

2.2.3. Nguyên tắc và chủ thể thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Những năm qua, nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm xảy ra, Đảng, Nhà nước luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực này. Trong Luật PCTT năm 2013 [70] và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều năm 2020 [77] đã có những quy định về lĩnh vực VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT (Điều 11. Nguồn ĐGTĐ cho PCTT và Điều 33. Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ). Ngoài các quy định pháp luật mang tính định hướng chung này thì quy định chi tiết và chuyên sâu về hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT được thể hiện trong Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16]. Trên cơ sở đó, ngày 31/7/2008, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 72/2008/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 64/2008/NĐ-CP của Chính phủ [12]. Sau 13 năm thực hiện Nghị định số 64/2008/NĐ-CP, nhằm phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, ngày 27/10/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] thay thế cho Nghị định số 64/2008/NĐ-CP.

Hiện nay, ngoài Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ [30] còn một số văn bản pháp luật khác cũng có nội dung liên quan đến VĐTĐ

nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Điển hình: Luật Phòng thủ dân sự năm 2023 [79] và Nghị định số 200/2025/NĐ-CP, ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự [34]; Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện [26]; Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) [27]; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam [28] (đã được thay thế bởi Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, ngày 08/12/2025 [35]); Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội [31]; Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ PCTT [32] thay thế Nghị định số 94/2014/NĐ-CP, ngày 17/10/2014 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ PCTT [20] và Nghị định số 83/2019/NĐ-CP, ngày 12/11/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP [25];...

Nội dung điều chỉnh của các văn bản pháp luật nêu trên là cơ sở pháp lý cho hoạt động thực hiện pháp luật. Trên cơ sở đó, việc thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai trước hết phải tuân theo những nguyên tắc nhất định và do các nhóm chủ thể xác định tiến hành, cụ thể như sau:

2.2.3.1. Nguyên tắc thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Việc thực hiện pháp luật về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT trước hết phải dựa trên các nguyên tắc tổ chức VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT được quy định tại Điều 2, Nghị định số 64/2008/NĐ-CP, ngày 14/5/2008 của Chính phủ [16] và sau đó là tại Điều 4, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ [30] (thay thế Nghị định số 64/2008/NĐ-CP); tại Điều 4, Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ [27] (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]); tại Điều 3, Luật Phòng thủ dân sự năm 2023 [79];... Việc tuân thủ các nguyên tắc nhằm bảo đảm

quá trình tổ chức VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Theo các quy định nêu trên, một số nguyên tắc cốt lõi cần phải tuân thủ trong quá trình tổ chức VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta đó là: Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên; phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước và phát huy vai trò, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể và Nhân dân; Nhà nước khuyến khích, tôn vinh và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia ĐGTN và tổ chức vận động ĐGTN, phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, nhanh chóng hỗ trợ người dân chịu thiệt hại bởi thiên tai; vận động đóng góp để hỗ trợ khắc phục KKDTT được thực hiện khi thiên tai xảy ra và gây ra thiệt hại về người, tài sản hoặc ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân; vận động đóng góp phải đảm bảo kịp thời và thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, đồng thời các tổ chức, cá nhân không được phép đặt ra mức tối thiểu để yêu cầu phải đóng góp và các khoản ĐGTN phải từ thu nhập, tài sản hợp pháp của các tổ chức, cá nhân thực hiện đóng góp; việc tiếp nhận, phân phối và sử dụng tiền, hiện vật đóng góp đảm bảo kịp thời, hiệu quả, công bằng, công khai, đúng mục đích, đối tượng và có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cơ quan, bộ, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan; kinh phí phục vụ cho hoạt động VĐTN, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Ngoài ra, việc VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT còn phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới và ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương; không được tiếp nhận những hàng hóa không được phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật hoặc gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước và của Nhân dân.

Thực hiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT là quá trình đưa các văn bản, quy định pháp luật về lĩnh vực này đi vào thực tiễn cuộc sống nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước và hiệu quả tiến hành hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm có thể phát sinh trong quá trình này. Để việc THPL về

VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đạt hiệu quả cao thì quá trình này phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam phải đảm bảo tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về lĩnh vực này.

Nhằm phục vụ quản lý xã hội, bảo đảm trật tự và kỷ cương, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản pháp luật nhằm điều chỉnh những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT cũng không phải ngoại lệ, quy định pháp luật về lĩnh vực này đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai thực hiện. Do đó, với tư cách là hoạt động có liên quan trực tiếp, việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta phải đảm bảo tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về lĩnh vực này.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam phải đảm bảo phát huy cao tính nhân văn, nhân đạo, tự nguyện của hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT thể hiện tính nhân văn, nhân đạo, nhằm hỗ trợ kịp thời người dân ở các địa bàn chịu ảnh hưởng thiệt hại do thiên tai. Việc các tập thể, cá nhân đứng ra quyên góp, cứu trợ khắc phục hậu quả của thiên tai cũng như tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, tự giác, vì cộng đồng. Khi xảy ra thiên tai tại các vùng miền, địa phương, pháp luật không ép buộc các tập thể, cá nhân phải thực hiện việc quyên góp hoặc đóng góp nguồn lực nhằm hỗ trợ khắc phục KKDTT, sự tham gia là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT phải đảm bảo phát huy cao tính nhân văn, nhân đạo và tự nguyện của hoạt động này.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam phải đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong thực hiện hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Nguyên tắc này đặt ra yêu cầu hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT phải được thực hiện theo đúng cách thức, quy trình đã được quy định

trong các văn bản pháp luật về lĩnh vực này nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng. Nguồn ĐGTN phải được các tập thể, cá nhân phân phối, sử dụng kịp thời, phù hợp và đúng mục đích. Đồng thời, các hành vi sai trái, vi phạm xảy ra trong quá trình thực hiện hoạt động VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

- THPL về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam phải đảm bảo quyền con người, quyền công dân, quyền của những “người dễ bị tổn thương” do ảnh hưởng của thiên tai.

Việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền của những “người dễ bị tổn thương” bởi ảnh hưởng thiệt hại do thiên tai gây ra (người dân sinh sống ở các địa bàn thường xảy ra thiên tai, nhất là người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, người già, người tàn tật, trẻ em, phụ nữ mang thai...) thể hiện ở chỗ khi có thiên tai xảy ra, các tập thể, cá nhân có quyền đứng ra quyên góp, VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT hoặc không thực hiện việc này, pháp luật không ép buộc họ phải thực hiện. Bên cạnh đó, đối với các tập thể, cá nhân tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai phải có quyền được biết và yêu cầu sự đóng góp của họ phải được sử dụng đúng mục đích, kịp thời và đúng đối tượng cần được hỗ trợ. Những người gặp hoàn cảnh khó khăn do thiên tai có quyền được thụ hưởng một cách công bằng từ các nguồn ĐGTN mà các tập thể, cá nhân đứng ra quyên góp được nhằm duy trì và sớm ổn định cuộc sống.

- THPL về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam phải bảo đảm phân bổ, sử dụng nguồn đóng góp kịp thời, đúng mục đích và đúng đối tượng thụ hưởng.

Đây là nguyên tắc mang tính quyết định đến hiệu quả thực tế và giá trị nhân văn của toàn bộ quá trình thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện. Hoạt động khắc phục khó khăn do thiên tai luôn mang tính cấp bách, đột xuất và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền cơ bản của con người (quyền sống, quyền được bảo vệ an toàn, quyền tiếp cận nhu yếu phẩm). Do đó, pháp luật đòi hỏi việc phân bổ nguồn lực phải được tiến hành với sự khẩn trương tối đa nhưng không được phép tùy tiện, lỏng lẻo.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam phải đảm bảo trách nhiệm giải trình của các chủ thể tham gia hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Trách nhiệm giải trình đòi hỏi các tổ chức, cá nhân đứng ra vận động, tiếp nhận và phân phối nguồn ĐGTN phải có nghĩa vụ báo cáo, công khai đầy đủ, kịp thời và chính xác về số tiền, hiện vật đã tiếp nhận cũng như kết quả phân phối, sử dụng đối với Nhà nước, nhà tài trợ và cộng đồng. Việc bảo đảm trách nhiệm giải trình không chỉ giúp củng cố niềm tin của xã hội đối với hoạt động cứu trợ, mà còn là cơ sở để phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi trục lợi, chiếm đoạt nguồn ĐGTN; qua đó nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của toàn bộ quá trình thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam phải đảm bảo sự kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Nguyên tắc này đòi hỏi hoạt động vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng nguồn ĐGTN phải được đặt dưới sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng sự giám sát của Nhân dân và báo chí. Cơ chế kiểm soát chặt chẽ, đồng bộ giữa kiểm soát của Nhà nước và giám sát của xã hội nhằm bảo đảm nguồn lực được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, hạn chế thất thoát, tiêu cực; đồng thời kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật phát sinh trong quá trình thực hiện.

2.2.3.2. Chủ thể thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến tháng 10/2021, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta được thực hiện theo Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16]. Trong đó, tại Điều 5, Nghị định này quy định các tổ chức, đơn vị được tiến hành hoạt động VĐTN và phân phối tiền, hàng cứu trợ hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai gồm: (1) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; cơ quan thông tin đại chúng của trung ương, địa phương; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Hội Chữ thập đỏ các cấp ở địa phương; (2)

Các quỹ xã hội, quỹ từ thiện quy định tại Nghị định số 148/2007/NĐ-CP, ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện [15]; (3) Các tổ chức, đơn vị ở Trung ương được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho phép; các tổ chức, đơn vị ở địa phương được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện cho phép. Ngoài các tổ chức, đơn vị nêu trên, không một tổ chức, đơn vị, cá nhân nào được phép tổ chức kêu gọi, VĐTN tiền, hàng cứu trợ thiên tai.

Giai đoạn từ tháng 10/2021 đến nay, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta được thực hiện theo Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] (thay thế cho Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16]). Theo Khoản 1, Điều 2, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, các chủ thể được phép tiến hành VĐTN, phân phối và sử dụng các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta gồm cả các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức, cá nhân. Cụ thể là: (1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở các cấp (cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) và Ban VĐTN, phân phối nguồn ĐGTN khắc phục KKDTT (do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập); trong đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở các cấp đứng ra kêu gọi, vận động còn Ban VĐTN, phân phối đứng ra tiếp nhận, phân phối nguồn ĐGTN khắc phục KKDTT; (2) Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; (3) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; trong đó, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, phân phối nguồn ĐGTN khắc phục KKDTT khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền theo quy định (theo mô hình tổ chức bộ máy trước thời điểm sắp xếp năm 2025; hiện nay không còn tổ chức chính quyền cấp huyện, xem kiến nghị sửa đổi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP tại Chương 4); (4) Ban Chỉ đạo quốc gia về PCTT đứng ra VĐTN nguồn ĐGTN từ quốc tế trong các tình huống khẩn cấp về thiên tai xảy ra (được đổi tên thành Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia từ ngày 01/7/2024 khi Luật Phòng thủ dân sự năm 2023 [79] có hiệu lực thi hành); (5) Các quỹ từ thiện được thành lập theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP, ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện [26]; (6) Các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có tư cách pháp nhân; (7) Cá nhân có đủ năng lực hành vi dân sự. Như vậy, so với trước đây (khi thực hiện theo

quy định tại Nghị định số 64/2008/NĐ-CP), chủ thể được phép đứng ra VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT được mở rộng hơn, nhằm phát huy tối đa vai trò, năng lực của các chủ thể có liên quan và huy động được tối đa các nguồn ĐGTN phục vụ khắc phục hậu quả của thiên tai.

Khi xảy ra thiên tai và gây hậu quả thiệt hại ở nước ta, Chính phủ một số nước trên thế giới và khu vực, các tổ chức quốc tế, tổ chức được Chính phủ nước ngoài ủy quyền, tổ chức phi Chính phủ, tổ chức và cá nhân nước ngoài khác đã quyên góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục KKDTT. Do là nguồn viện trợ quốc tế nên công tác tiếp nhận, phân phối, sử dụng nguồn viện trợ này được thực hiện theo thủ tục hết sức chặt chẽ quy định tại Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ [27]. Tại Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 50/2020/NĐ-CP đã quy định một số chủ thể được phép tiếp nhận viện trợ quốc tế gồm: (1) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (2) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công đoàn Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội cựu chiến binh Việt Nam); Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Giai đoạn trước khi Nghị định số 50/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành, ở nước ta chưa có văn bản pháp luật quy định cụ thể về việc tiếp nhận nguồn viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả do thiên tai. Do đó, trong thực tiễn, mặc dù Nghị định số 64/2008/NĐ-CP của Chính phủ chủ yếu quy định về việc tiếp nhận nguồn ĐGTN ở trong nước nhưng đối với việc tiếp nhận nguồn viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả do thiên tai, trong đó có quy định về chủ thể được phép tiếp nhận cũng được thực hiện theo cơ chế tương tự và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài [17] và Thông tư số 07/2010/TT-BKH, ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ [10].

Bên cạnh đó, chủ thể tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào ở trong nước hưởng ứng lời kêu gọi, vận động đóng góp cụ thể các nguồn lực. Các đối tượng tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT

thường cư trú ở các địa bàn không thuộc phạm vi ảnh hưởng và chịu thiệt hại do thiên tai gây ra hoặc có thể cư trú ở chính địa bàn xảy ra thiên tai nhưng mức độ chịu thiệt hại do thiên tai gây ra nhẹ hơn hoặc có điều kiện để hỗ trợ những người dân cùng chung cảnh ngộ chịu hậu quả của thiên tai. Các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT có thể là tiền, hiện vật (các loại hàng hóa, nhu yếu phẩm cần thiết) hoặc cung cấp dịch vụ miễn phí, giảm giá một số dịch vụ để hỗ trợ cho người dân sinh sống ở các địa bàn chịu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Ngoài ra, còn có các chủ thể tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT là các tổ chức, cá nhân nước ngoài cũng có thiện chí được chia sẻ, hỗ trợ đất nước và người dân Việt Nam khi phải gánh chịu hậu quả thiệt hại do thiên tai gây ra. Các đối tượng này được quy định cụ thể tại Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ [30]; khoản 1, Điều 2, Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ [27] (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) và Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 của Chính phủ [28] (đã được thay thế bởi Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, ngày 08/12/2025 [35]) bao gồm: Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài; các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài; các doanh nghiệp, công ty được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư; các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài); các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ, hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ mà việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ không yêu cầu phải ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế hoặc không yêu cầu bên Việt Nam ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thực hiện pháp luật (THPL) về vận động, tiếp nhận (VĐTN) nguồn đóng góp tự nguyện (ĐGTN) hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai (KKDTT) là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự tham gia và tương tác của nhiều bên khác nhau. Dưới

góc độ lý luận pháp luật, để xác định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý trong chu trình cứu trợ nhân đạo, khung lý thuyết phân định các chủ thể tham gia thành 04 nhóm cơ bản sau:

Thứ nhất, nhóm chủ thể quản lý và giám sát: Nhóm này bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (như Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các cấp), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Vai trò của nhóm chủ thể này không trực tiếp tiến hành đi quyên góp (trừ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp có thực hiện nhiệm vụ vận động theo quy định), mà chủ yếu thực hiện chức năng kiến tạo hành lang pháp lý, tổ chức áp dụng pháp luật và kiểm soát toàn bộ quá trình cứu trợ. Các cơ quan nhà nước sử dụng quyền lực công để cấp phép, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Trong khi đó, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đóng vai trò là chủ thể giám sát phản biện xã hội, đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đảm bảo các hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN đi đúng hướng, công khai, minh bạch và không bị trục lợi.

Thứ hai, nhóm chủ thể trực tiếp vận động và tiếp nhận (Chủ thể trung gian): Đây là hạt nhân trung tâm của quá trình THPL về lĩnh vực này. Nhóm chủ thể này bao gồm các cơ quan, tổ chức (như Hội Chữ thập đỏ, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện, doanh nghiệp) và đặc biệt là các cá nhân có đủ năng lực hành vi dân sự tự đứng ra quyên góp. Về bản chất pháp lý, đây là nhóm "chủ thể trung gian", đóng vai trò cầu nối, điều phối nhận sự ủy thác tài sản từ các nhà tài trợ để chuyển giao đến tay người thụ hưởng. Chính vì nắm giữ và điều phối nguồn lực vật chất to lớn, pháp luật đặt ra cho nhóm chủ thể này những nghĩa vụ pháp lý khắt khe nhất (hình thức thi hành pháp luật). Họ phải tuân thủ nghiêm ngặt các trình tự, thủ tục từ khâu khởi tạo tài khoản, thông báo vận động, cho đến khâu phân phối và giải trình quyết toán. Việc pháp luật mở rộng chủ thể trung gian đến cấp độ "cá nhân" là một bước tiến về lý luận nhằm xã hội hóa công tác nhân đạo, song cũng đồng thời đòi hỏi một cơ chế điều chỉnh pháp luật linh hoạt và chặt chẽ để ngăn chặn rủi ro lạm dụng tín nhiệm.

Thứ ba, nhóm chủ thể tài trợ: Nhóm này bao gồm các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp ở cả trong nước và quốc tế có lòng hảo tâm, tự nguyện trích một phần tài sản hợp pháp của mình để đóng góp. Dưới góc độ thực hiện pháp luật, nhóm chủ

thể tài trợ chủ yếu thực hiện hình thức "sử dụng pháp luật". Sự tham gia của họ hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện, không chịu bất kỳ sự ép buộc hành chính nào. Pháp luật trao cho họ những quyền năng pháp lý đặc thù như: quyền được lựa chọn tổ chức, cá nhân trung gian để ủy thác; quyền yêu cầu nguồn lực của mình được phân bổ đến những địa chỉ cụ thể; và đặc biệt là quyền giám sát, quyền yêu cầu chủ thể trung gian phải giải trình, minh bạch hóa luồng tiền. Sự tồn tại của các quy định pháp luật trong lĩnh vực này chính là nhằm bảo vệ quyền tài sản và niềm tin tôn giáo, đạo đức của nhóm chủ thể tài trợ.

Thứ tư, nhóm chủ thể thụ hưởng hay còn gọi là đối tượng hưởng lợi: Đây là đích đến cuối cùng của toàn bộ chu trình VĐTN nguồn ĐGTN. Nhóm chủ thể này bao gồm các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư trực tiếp gánh chịu hậu quả, thiệt hại do các hiện tượng thiên tai gây ra. Về mặt pháp lý, nhóm chủ thể thụ hưởng được pháp luật bảo vệ quyền được tiếp cận các nguồn cứu trợ một cách công bằng, kịp thời và không bị phân biệt đối xử. Lý luận pháp luật về cứu trợ nhân đạo nhấn mạnh rằng, việc phân bổ nguồn lực đến nhóm chủ thể thụ hưởng phải dựa trên nguyên tắc đánh giá thiệt hại thực tế và ưu tiên những "người dễ bị tổn thương" (người già, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khuyết tật). Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi bớt xén, ăn chặn hay phân phối sai đối tượng, nhằm bảo vệ tối đa quyền lợi sinh tồn và phục hồi sinh kế của nhóm chủ thể này sau thảm họa.

Như vậy, 04 nhóm chủ thể nêu trên có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất trong cơ chế thực hiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN. Bất kỳ sự khiếm khuyết hay sai phạm của một nhóm chủ thể nào cũng sẽ làm đứt gãy chuỗi cứu trợ nhân đạo và làm giảm đi hiệu lực, hiệu quả của hệ thống pháp luật.

2.2.4. Nội dung thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Nếu nguyên tắc và chủ thể phản ánh những yêu cầu và lực lượng tiến hành, thì nội dung thực hiện pháp luật phản ánh chuỗi hành vi thực tế mà các chủ thể tiến hành để đưa quy định pháp luật vào đời sống. Cần phân biệt rõ nội dung điều chỉnh của pháp luật - tức những quan hệ xã hội mà pháp luật tác động tới - với nội dung thực hiện pháp luật là hành vi hợp pháp của các chủ thể trên thực tế. Theo cách tiếp

cận này, nội dung thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai được cơ cấu theo bốn công đoạn kế tiếp nhau của một chu trình thống nhất: vận động; tiếp nhận và quản lý; phân phối, sử dụng; kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Bốn công đoạn này cũng là khung phân tích thực trạng tại Chương 3 của luận án.

2.2.4.1. Thực hiện pháp luật trong vận động đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Quy định pháp luật về cách thức, quy trình và thủ tục công khai, minh bạch hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT được thể hiện tại Điều 9, 13, 14, 16 của Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16]. Sau khi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] được ban hành (thay thế cho Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16]) thì các quy định này được thể hiện tại Điều 8, 9, 14, 15, 17, 19, 20. Bên cạnh đó, việc quy định cách thức, quy trình, thủ tục công khai, minh bạch trong trường hợp tiếp nhận nguồn cứu trợ quốc tế hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai được quy định từ Điều 10 đến Điều 22 của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) [27] và từ Điều 7 đến Điều 11 của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam [28] (đã được thay thế bởi Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, ngày 08/12/2025 [35]).

Hoạt động của các chủ thể được phép tiến hành vận động, quyên góp hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai có thể được thực hiện dưới các hình thức công khai, qua các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, sự kiện từ thiện... Việc vận động quyên góp được phát động ngay sau khi thiên tai xảy ra và gây thiệt hại về người, tài sản hoặc ảnh hưởng đến đời sống của người dân ở các địa bàn. Các chủ thể phải đặt ra thời gian cụ thể kêu gọi, vận động quyên góp hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, trong trường hợp cần thiết có thể kéo dài hơn nhưng phải trong khuôn khổ thời gian được pháp luật cho phép. Khi tiếp nhận nguồn ĐGTN là tiền, để đảm bảo yêu cầu công khai và minh bạch, các chủ thể phải mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại theo từng cuộc vận động, quyên góp và không được tiếp nhận thêm tiền ĐGTN sau khi kết thúc thời gian tiếp nhận và có trách nhiệm

thông báo đến nơi mở tài khoản về việc dùng tiếp nhận các khoản ĐGTN. Đối với nguồn ĐGTN là hiện vật, các chủ thể cần thực hiện giao, nhận đầy đủ số lượng, chủng loại và bảo quản, lưu trữ tại các điểm tiếp nhận hoặc kho tiếp nhận để tránh thất thoát và hư hỏng. Sau khi kết thúc các đợt quyên góp, vận động hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, các chủ thể có trách nhiệm công khai kết quả tiếp nhận, phân phối và sử dụng nguồn ĐGTN trên trang thông tin điện tử hoặc tại trụ sở của cơ quan, tổ chức hoặc thông báo bằng văn bản, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Dưới góc độ lý luận pháp luật, trình tự và thủ tục không chỉ là những quy định mang tính hình thức hành chính, mà là "xương sống" bảo đảm cho pháp luật được thực thi một cách trật tự, công minh và an toàn. Đặc thù của hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT là tính cấp bách, liên quan đến một khối lượng tài sản lớn được huy động từ xã hội trong thời gian ngắn. Do đó, để quản lý rủi ro và bảo đảm sự minh bạch, việc thực hiện pháp luật được thiết kế thành một chu trình khép kín. Ở công đoạn vận động, giai đoạn cốt lõi là:

Giai đoạn thiết lập kế hoạch vận động và ra lời kêu gọi ủng hộ: Về mặt lý luận, đây là bước xác lập cơ sở pháp lý và tính chính danh cho đợt vận động. Trước khi tiến hành kêu gọi công khai, chủ thể vận động (dù là tổ chức hay cá nhân) bắt buộc phải thực hiện nghĩa vụ xác định rõ các thông số của chiến dịch: mục đích huy động, đối tượng hướng tới, thời gian dự kiến và phương thức tiếp nhận. Đồng thời, yếu tố then chốt trong thủ tục này là phải có cơ chế thông báo chính thức cho cơ quan chức năng có thẩm quyền (như Ủy ban nhân dân hoặc Mặt trận Tổ quốc) để đưa hoạt động này vào "tầm ngắm" quản lý của Nhà nước.

Ý nghĩa pháp lý: Việc thông báo trước không nhằm mục đích "xin phép" theo cơ chế xin - cho gây cản trở từ thiện, mà nhằm thiết lập một hệ thống cảnh báo sớm. Thủ tục này giúp cơ quan nhà nước nắm bắt được quy mô, số lượng các cuộc vận động đang diễn ra trên địa bàn, từ đó có phương án điều phối vĩ mô, đồng thời cung cấp cơ sở dữ liệu để người dân có thể đối chiếu, xác minh tính hợp pháp của chủ thể kêu gọi, ngăn chặn ngay từ đầu các hành vi mạo danh, lừa đảo.

2.2.4.2. Thực hiện pháp luật trong tiếp nhận và quản lý nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Ở công đoạn tiếp nhận và quản lý, chu trình gồm hai giai đoạn cốt lõi. Thứ nhất, giai đoạn tiếp nhận nguồn lực hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai xảy ra: Đây là giai đoạn dòng tài sản (tiền và hiện vật) được chuyển giao từ nhà tài trợ sang chủ thể trung gian. Trình tự, thủ tục pháp luật ở khâu này đặt ra một nguyên tắc mang tính sống còn: sự tách bạch tuyệt đối về tài sản. Đối với nguồn lực là tiền mặt hoặc chuyển khoản, quy trình pháp luật đòi hỏi chủ thể vận động phải thiết lập một tài khoản ngân hàng riêng biệt, chỉ phục vụ duy nhất cho mục đích tiếp nhận cứu trợ. Đối với nguồn lực là hiện vật, pháp luật đòi hỏi phải có hệ thống kho bãi bảo quản, quy trình kiểm đếm, phân loại và lưu trữ rõ ràng.

Ý nghĩa pháp lý: Dưới góc độ luật dân sự và tài chính, việc thiết lập tài khoản riêng và kho bãi riêng nhằm ngăn chặn sự "trộn lẫn" (commingling) giữa tài sản từ thiện và tài sản cá nhân/tài sản chi thường xuyên của tổ chức. Thủ tục này là tiền đề bắt buộc để có thể thực hiện các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán độc lập sau này. Nếu không có sự tách bạch ngay từ khâu tiếp nhận, mọi nỗ lực chứng minh sự minh bạch ở khâu giải trình đều sẽ trở nên vô nghĩa.

Thứ hai, giai đoạn kết thúc và lập báo cáo: Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT có tính chất giới hạn về mặt thời gian, không thể kéo dài vô thời hạn. Do đó, pháp luật quy định thủ tục "đóng luồng tiếp nhận" như một điểm chốt (cut-off) của chu trình. Khi kết thúc thời gian vận động đã thông báo, chủ thể phải tiến hành đóng tài khoản tiếp nhận, ngừng nhận tiền/hàng, tiến hành chốt số liệu và lập báo cáo tổng hợp.

Ý nghĩa pháp lý: Việc kết thúc và chốt số liệu nhằm chuyển giao trạng thái pháp lý từ "huy động" sang "phân phối". Báo cáo tổng hợp ở giai đoạn này chính là "bản cam kết trách nhiệm" của chủ thể trung gian trước nhà tài trợ và cơ quan quản lý. Chỉ khi có một báo cáo chốt số liệu thu vào chính xác, các cơ quan giám sát mới có căn cứ (baseline) để đối chiếu với hồ sơ chi ra (quyết toán) ở khâu phân phối. Việc tuân thủ thủ tục kết thúc và báo cáo đúng hạn giúp ngăn chặn tình trạng các chiến dịch từ thiện bị "treo" vô thời hạn, nguồn lực bị chiếm dụng hoặc sử dụng sai mục đích ban đầu.

Như vậy, ba giai đoạn nêu trên trong hai công đoạn vận động và tiếp nhận, quản lý trong hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ khắc phục KKĐTT nêu trên tạo thành một vòng lặp logic: Khởi tạo minh bạch - Tiếp nhận tách bạch - Kết thúc rõ ràng. Việc tuân thủ nghiêm ngặt chu trình này chính là thước đo đánh giá tính thượng tôn pháp luật và năng lực quản trị của các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động cứu trợ nhân đạo đặc biệt trong tình huống khẩn cấp.

2.2.4.3. Thực hiện pháp luật trong phân phối, sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Quy định về phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT được thể hiện tại Điều 10, 11, 16, Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16]. Sau khi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] được ban hành (thay thế cho Nghị định số 64/2008/NĐ-CP), các quy định này được thể hiện tại Điều 10, 11, 12, 15, 16, 18, 21. Ngoài ra, việc phân phối, sử dụng nguồn cứu trợ quốc tế hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai được quy định từ Điều 16 đến Điều 21, Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) [27].

Các nguồn ĐGTĐ sau khi tiếp nhận phải được các chủ thể phân phối, sử dụng để hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng và chịu thiệt hại do thiên tai gây ra, giúp họ duy trì, sớm ổn định và trở lại cuộc sống bình thường. Theo quy định của Khoản 1, Điều 10, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ [30] và Khoản 1, Điều 30, Luật Phòng thủ dân sự năm 2023 [79], việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ có thể được thực hiện trên cơ sở: Mức độ thiệt hại xảy ra; bảo đảm công bằng, công khai, kịp thời, đúng đối tượng; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi có đối tượng được hỗ trợ; đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân bị thiệt hại, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương; những khoản ĐGTĐ có điều kiện, địa chỉ cụ thể; tình hình các hoạt động hỗ trợ khác đã được thực hiện. Bên cạnh đó, việc đóng góp nguồn lực hoàn toàn là tự nguyện nên các tập thể, cá nhân tham gia đóng góp được quyền yêu cầu các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp phải thực hiện phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ đúng mục đích, đúng đối tượng; thực hiện công khai, minh bạch và công bằng. Trong nhiều trường hợp, các tập thể, cá nhân tham gia đóng góp yêu cầu các chủ

thể đứng ra vận động, quyên góp thực hiện phân phối, sử dụng nguồn lực do mình đóng góp theo đúng địa chỉ đã yêu cầu từ trước. Tuy nhiên, để thực hiện có hiệu quả việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN, các chủ thể cần phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là cấp cơ sở để nắm tình hình và thống nhất danh sách người dân cần được hỗ trợ.

Một số nội dung chi từ nguồn ĐGTN có thể là: Hỗ trợ cho người bị thương nặng, gia đình có người mất tích do thiên tai; hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác; dựng các lán trại tạm thời cho người dân, sửa chữa, xây dựng lại nhà ở bị hư hỏng; di chuyển người dân ra khỏi vùng xảy ra thiên tai; vệ sinh môi trường, phòng chống bệnh truyền nhiễm; mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, hàng hóa cần thiết để phòng, chống dịch bệnh; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi và các điều kiện khác nhằm khôi phục sản xuất; sửa chữa, khôi phục cơ sở hạ tầng; hỗ trợ tiền ăn và chi phí phục vụ sinh hoạt... Sau khi phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, các chủ thể phải thực hiện công khai việc sử dụng nguồn ĐGTN.

Giai đoạn phân phối là mắt xích dễ xảy ra rủi ro nhất và dễ bị trục lợi. Nội dung thực hiện pháp luật đòi hỏi việc phân bổ phải dựa trên nguyên tắc đánh giá thiệt hại thực tế, có sự tham gia xác nhận của chính quyền cơ sở nhằm tránh trùng lặp hoặc bỏ sót đối tượng. Nội dung phân phối đa dạng từ hỗ trợ tiền mặt thiết yếu, lương thực, thuốc men đến tái thiết cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sinh kế lâu dài, và phải tôn trọng tối đa sự ủy thác có địa chỉ (nếu có) của nhà tài trợ.

Dưới góc độ lý luận thực hiện pháp luật (THPL), nếu khâu khởi tạo và tiếp nhận là quá trình "tích tụ" nguồn lực, thì khâu phân phối và sử dụng chính là quá trình "giải ngân" để hiện thực hóa mục đích nhân đạo. Khung lý thuyết pháp luật xác định đây là mắt xích trọng yếu nhất, nhưng cũng là khâu nhạy cảm và dễ phát sinh rủi ro pháp lý nhất (như thất thoát, phân bổ sai đối tượng, lạm dụng tín nhiệm). Do đó, nội dung THPL trong giai đoạn này đòi hỏi các chủ thể phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc và cơ chế pháp lý sau:

Thứ nhất, nguyên tắc phân phối dựa trên đánh giá thiệt hại thực tế và bắt buộc phối hợp với chính quyền cơ sở. Về mặt pháp lý, việc phân bổ nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT không được phép dựa trên cảm tính hoặc sự định hướng

chủ quan của chủ thể trung gian. Pháp luật đòi hỏi quá trình phân phối phải được xây dựng dựa trên các tiêu chí đánh giá thiệt hại khách quan, thực tế. Điểm mấu chốt trong nội dung này là cơ chế bắt buộc phải có sự tham gia phối hợp, rà soát và xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp cơ sở, Hội Chữ thập đỏ cấp cơ sở, Hội Phụ nữ...

Ý nghĩa pháp lý: Chính quyền cơ sở là chủ thể nắm giữ dữ liệu dân cư và tình trạng thiệt hại chính xác nhất tại địa phương. Việc pháp luật ràng buộc sự phối hợp này nhằm thiết lập một mạng lọc kiểm soát chéo, đảm bảo nguồn lực được phân phối đúng đối tượng, tránh tình trạng viện trợ chồng chéo hoặc bỏ sót những "người dễ bị tổn thương" ở các vùng sâu, vùng xa, vùng bị cô lập.

Thứ hai, tính đa dạng và thiết thực của nội dung hỗ trợ. Pháp luật không gò bó hình thức cứu trợ mà tạo không gian mở để nội dung phân phối được đa dạng hóa, phù hợp với từng giai đoạn của thiên tai. Nội dung sử dụng nguồn ĐGTN có thể là hỗ trợ khẩn cấp (tiền mặt thiết yếu, lương thực, thực phẩm, thuốc men, phao cứu sinh) trong thời điểm bão lũ đang diễn ra; hoặc hỗ trợ tái thiết (sửa chữa, xây dựng lại nhà ở, khôi phục cơ sở hạ tầng, hỗ trợ con giống, cây trồng phục hồi sinh kế lâu dài) trong giai đoạn hậu thiên tai.

Ý nghĩa pháp lý: Sự đa dạng này phản ánh tính linh hoạt của pháp luật nhằm bảo vệ tối đa quyền được sống và quyền được an sinh của người dân. Tuy nhiên, pháp luật cũng ràng buộc nghĩa vụ: mọi hình thức chuyển đổi nguồn lực (ví dụ: dùng tiền quyên góp để mua vật tư tái thiết) đều phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ và bám sát mục đích ban đầu của đợt vận động hoặc có thể mua sắm thông qua đấu thầu rộng rãi theo quy trình của Luật đấu thầu.

Thứ ba, nguyên tắc tôn trọng tối đa sự ủy thác có địa chỉ của nhà tài trợ. Trong nhiều trường hợp, nhà tài trợ tham gia đóng góp với những điều kiện cụ thể (ví dụ: chỉ đích danh hộ gia đình cần hỗ trợ, hoặc chỉ định xây dựng một điểm trường nhất định). Nội dung THPL đòi hỏi chủ thể trung gian (người đứng ra kêu gọi) phải tôn trọng tối đa sự ủy thác này, trừ trường hợp đối tượng được chỉ định đã nhận đủ hỗ trợ hoặc không thể tiếp nhận. Để làm được điều này các tổ chức tiếp nhận nên có Thỏa thuận hợp tác rõ ràng trước khi tiếp nhận để qua đó làm căn cứ thực hiện việc phân bổ minh bạch, tuy nhiên một số trường hợp không phải địa chỉ

nào cũng thực hiện theo chỉ định của nhà tài trợ nếu địa chỉ đó đã được các tổ chức cá nhân khác hỗ trợ thì nên điều chỉnh địa chỉ khác phù hợp nhưng phải có sự đồng ý bằng văn bản của nhà tài trợ để đảm bảo tính minh bạch trong phân bổ nguồn lực tránh chồng chéo.

Ý nghĩa pháp lý: Dưới góc độ luật dân sự, hành vi quyền góp có chỉ định mục đích, đối tượng thực chất là một dạng "hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện". Việc pháp luật bảo vệ sự ủy thác này chính là bảo vệ quyền tài sản và ý chí định đoạt của nhà tài trợ, qua đó thiết lập cơ chế ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ đối với chủ thể trung gian: nếu phân phối sai địa chỉ ủy thác, chủ thể trung gian đã vi phạm nghĩa vụ dân sự và phải chịu trách nhiệm hoàn trả hoặc bồi thường.

Quản lý phân phối và sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT xảy ra là bước kiểm chứng cuối cùng về tính minh bạch và năng lực điều hành của các chủ thể thực hiện cứu trợ. Việc tuân thủ chặt chẽ các nội dung pháp luật ở giai đoạn này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực xã hội, mà còn là rào chắn pháp lý vững chắc bảo vệ các bên tham gia khỏi những tranh chấp, khiếu kiện không đáng có đồng thời tăng niềm tin trong nhân dân.

2.2.4.4. Thực hiện pháp luật trong kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Mặc dù là hoạt động tự nguyện, tự giác nhưng việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT là hết sức quan trọng nhằm giúp hoạt động này được thực hiện công khai, minh bạch, công bằng, nguồn ĐGTN được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, hành vi trục lợi của các tập thể, cá nhân liên quan.

Quy định pháp luật về kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm xảy ra trong hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT được thể hiện tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16]. Sau khi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] được ban hành (thay thế cho Nghị định số 64/2008/NĐ-CP), các quy định này được thể hiện tại Điều 25. Việc kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm việc tiếp nhận, phân phối, sử dụng nguồn cứu trợ quốc tế hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai được

quy định từ Điều 23 đến Điều 30, Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) [27] và từ Điều 26 đến Điều 33 của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam [28] (đã được thay thế bởi Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, ngày 08/12/2025 [35]). Ngoài ra, việc xử lý vi phạm trong hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT còn căn cứ vào các quy định pháp luật khác liên quan trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự và Luật Xử lý vi phạm hành chính tùy theo tính chất, mức độ của vi phạm.

Trong các văn bản pháp luật nêu trên, những nội dung quy định về cách thức, quy trình và thủ tục công khai, minh bạch hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam chính là cơ sở quan trọng nhất để thực hiện việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm xảy ra trong hoạt động này. Việc kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm xảy ra trong hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT có thể được thực hiện theo cơ chế giám sát nội bộ của các cơ quan, đơn vị có liên quan, do cơ quan có thẩm quyền tiến hành hoặc có sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT thường có nguy cơ xảy ra vi phạm, sai phạm của các tập thể, cá nhân liên quan và các vi phạm đó thường là: Phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ không đúng mục đích; trục lợi, làm thất thoát nguồn ĐGTĐ; thực hiện hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT không đúng nguyên tắc, quy trình theo quy định của pháp luật. Tùy từng hành vi và tính chất, mức độ, các tập thể, cá nhân vi phạm, sai phạm có thể bị xử lý hành chính hoặc hình sự theo quy định của pháp luật.

Thứ nhất, thiết lập cơ chế thanh tra, kiểm tra và giám sát toàn diện làm tiền đề cho việc xử lý vi phạm. Lý luận pháp luật chỉ ra rằng, để xử lý vi phạm thì trước hết phải có cơ chế phát hiện vi phạm. Do tính chất đa chủ thể và sự phân tán của các nguồn lực, nội dung THPL đòi hỏi một cơ chế giám sát đa tầng: (1) Giám sát mang tính quyền lực nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra của các bộ ngành

(Tài chính, Nội vụ, Công an) và chính quyền địa phương; (2) Giám sát phản biện xã hội thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; (3) Giám sát cộng đồng thông qua các cơ quan truyền thông và chính những nhà tài trợ. Cơ chế này nhằm rà soát tính hợp pháp từ khâu khởi tạo đột vận động, theo dõi dòng tiền tiếp nhận cho đến việc đối chiếu hồ sơ quyết toán ở khâu phân phối.

Thứ hai, phân định và áp dụng tương xứng các hình thức trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm. Pháp luật không đánh đồng mọi sai sót trong hoạt động thiện nguyện, mà yêu cầu việc xử lý phải tuân thủ nguyên tắc "tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi". Cụ thể, lý luận về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực này được phân định thành 04 nhóm:

Trách nhiệm kỷ luật: Áp dụng đối với các chủ thể là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lạm quyền hoặc thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng trong quá trình quản lý, phân bổ nguồn hàng cứu trợ của cơ quan, địa phương mình.

Trách nhiệm hành chính: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân đứng ra VDTN nhưng vi phạm các quy định về trình tự, thủ tục quản lý nhà nước (ví dụ: tự ý kêu gọi mà không thông báo cho chính quyền, không mở tài khoản tiếp nhận riêng biệt, chậm trễ trong việc báo cáo, công khai tài chính, hoặc phân phối sai đối tượng, sai mục đích) nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Chế tài này nhằm chấn chỉnh và đưa các hoạt động tự phát vào khuôn khổ.

Trách nhiệm dân sự: Phát sinh khi hành vi mập mờ tài chính, sử dụng sai mục đích hoặc gian lận gây ra thiệt hại vật chất cụ thể, định lượng được cho các nhà tài trợ hoặc nhóm đối tượng thụ hưởng. Hệ quả pháp lý là chủ thể vi phạm buộc phải bồi thường thiệt hại, hoàn trả lại số tiền, tài sản đã sử dụng sai mục đích theo nguyên tắc của pháp luật dân sự.

Trách nhiệm hình sự: Là chế tài nghiêm khắc nhất, được áp dụng làm "vũ khí" tối hậu để trừng trị các hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản và trật tự quản lý xã hội. Các hành vi này thường bộc lộ dưới dạng: mạo danh tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (nhận tiền từ thiện nhưng không đi cứu trợ mà tiêu xài cá nhân), hoặc hành vi tham ô tài sản cứu trợ.

Thứ ba, nguyên tắc xử lý công khai nhằm phục hồi niềm tin xã hội. Khác với một số vi phạm trong các lĩnh vực nội bộ, vi phạm trong hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN có tác động tâm lý tiêu cực rất lớn đến cộng đồng. Do đó, lý luận pháp luật đòi hỏi quá trình áp dụng pháp luật để xử lý các vi phạm này không chỉ phải nhanh chóng, kịp thời, đúng người, đúng tội mà còn phải đảm bảo nguyên tắc công khai kết quả xử lý. Việc công khai các hình thức xử phạt có tác dụng răn đe mạnh mẽ đối với các chủ thể khác, đồng thời là biện pháp hữu hiệu nhất để Nhà nước bảo vệ, phục hồi niềm tin của quần chúng nhân dân và các nhà hảo tâm vào sự nghiêm minh của pháp luật.

Quy định về xử lý vi phạm là cấu thành không thể thiếu, khép lại chu trình điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN. Một hệ thống chế tài được thiết kế khoa học, phân định rõ ràng các ranh giới trách nhiệm pháp lý sẽ vừa không làm thui chột lòng tốt của cộng đồng, vừa đủ sức làm nản lòng những kẻ có ý đồ trục lợi từ nỗi đau của đồng bào đặc biệt trong tình huống thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

2.2.5. Tiêu chí đánh giá và các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Việc đánh giá kết quả thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai đòi hỏi phải dựa trên một hệ tiêu chí thống nhất. Nếu thiếu hệ tiêu chí này, việc phân tích thực trạng dễ rơi vào mô tả, các nhận định về kết quả hay hạn chế không được quy chiếu vào một chuẩn đo lường xác định. Trên cơ sở đặc điểm, hình thức và nội dung thực hiện pháp luật đã phân tích ở trên, có thể xác định sáu tiêu chí cơ bản sau đây:

Một là, tính hợp pháp. Tiêu chí này đo lường mức độ các chủ thể vận động, tiếp nhận, phân phối thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và hình thức do pháp luật quy định; tỷ lệ các cuộc vận động có thông báo, đăng ký, mở tài khoản riêng và quyết toán theo đúng quy định.

Hai là, tính kịp thời. Cứu trợ thiên tai là hoạt động có tính khẩn cấp, do đó tiêu chí này được đo bằng độ trễ từ thời điểm thiên tai xảy ra đến thời điểm nguồn

đóng góp đến được với người dân, thời gian xử lý thủ tục tiếp nhận và thời hạn phân phối, giải ngân so với thời hạn luật định.

Ba là, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện. Tiêu chí này đánh giá mức độ tôn trọng ý chí của người đóng góp, không áp đặt chỉ tiêu, không hành chính hóa hoạt động nhân đạo, đồng thời bảo đảm nguồn đóng góp được sử dụng đúng ý chí đã được công bố khi vận động.

Bốn là, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Tiêu chí này được đo bằng tỷ lệ các cuộc vận động công khai đầy đủ số thu, số chi, danh sách địa bàn và đối tượng thụ hưởng; mức độ sẵn có của thông tin để người đóng góp và cộng đồng kiểm chứng; khả năng giải trình của chủ thể vận động khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước hoặc từ dư luận xã hội.

Năm là, đúng mục đích, đúng đối tượng, công bằng và hiệu quả trong phân phối. Tiêu chí này xem xét mức độ phù hợp giữa nhu cầu thực tế của từng địa bàn với nguồn lực được phân bổ, mức độ bao phủ đối với nhóm dễ bị tổn thương ở vùng sâu, vùng xa, vùng bị chia cắt, cũng như tỷ lệ nguồn lực đến trực tiếp người thụ hưởng so với chi phí trung gian.

Sáu là, hiệu quả phối hợp, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Tiêu chí này đánh giá mức độ đồng bộ trong phối hợp giữa cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và các chủ thể vận động độc lập; số cuộc kiểm tra, giám sát được thực hiện; tỷ lệ vụ việc vi phạm được phát hiện, xử lý và công khai kết quả xử lý.

Bên cạnh hệ tiêu chí nêu trên, kết quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này chịu sự chi phối của bốn nhóm yếu tố bảo đảm: (i) yếu tố chính trị - pháp lý, bao gồm sự lãnh đạo của Đảng, tính đồng bộ, khả thi của hệ thống quy định và tính ổn định của chính sách; (ii) yếu tố tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực, bao gồm năng lực của đầu mối điều phối, trình độ cán bộ cấp tỉnh và cấp xã sau khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; (iii) yếu tố kinh tế - kỹ thuật, bao gồm hạ tầng dữ liệu, nền tảng thanh toán và công cụ số phục vụ công khai, đối soát thông tin; (iv) yếu tố ý thức pháp luật và giám sát xã hội, bao gồm nhận thức của người đóng góp, vai trò của báo chí, mạng xã hội và cộng đồng dân cư tại địa bàn tiếp nhận.

Hệ tiêu chí và các yếu tố bảo đảm nêu trên là căn cứ xuyên suốt để luận án đánh giá thực trạng tại Chương 3 và đề xuất giải pháp tại Chương 4.

2.3. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

2.3.1. Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở một số nước trên thế giới

Bốn quốc gia được lựa chọn nghiên cứu trong mục này đáp ứng ít nhất hai trong ba tiêu chí sau: (i) thường xuyên chịu tác động của thiên tai với cường độ lớn; (ii) có khuôn khổ pháp luật tương đối hoàn chỉnh về hoạt động từ thiện và cứu trợ; (iii) có điểm tương đồng về điều kiện địa lý, văn hóa hoặc mô hình tổ chức bộ máy với Việt Nam. Theo đó, Nhật Bản và Philippines được chọn vì là nhà nước đơn nhất, cùng khu vực châu Á - Thái Bình Dương và chịu nhiều loại hình thiên tai tương tự Việt Nam; Hoa Kỳ và Australia được chọn vì có hệ thống điều tiết hoạt động từ thiện phát triển sớm, cung cấp góc đối chiếu về cơ chế đăng ký, giám sát và công khai thông tin.

Do Hoa Kỳ và Australia là nhà nước liên bang, còn Việt Nam, Nhật Bản và Philippines là nhà nước đơn nhất, kinh nghiệm của hai nhóm này được tiếp thu ở mức độ khác nhau: với nhóm nhà nước liên bang, luận án chỉ tham khảo cách thức thiết kế các công cụ pháp lý cụ thể như nghĩa vụ đăng ký, nghĩa vụ báo cáo và xác nhận đóng góp, không tiếp thu cách phân định thẩm quyền giữa liên bang và tiểu bang; với nhóm nhà nước đơn nhất, giá trị tham khảo rộng hơn vì mô hình phân cấp gần với Việt Nam.

Về nguồn trích dẫn, các văn bản pháp luật nước ngoài được dẫn trong mục này đều ghi rõ tên văn bản, cơ quan ban hành, điều khoản được viện dẫn và nguồn truy cập kèm thời điểm truy cập tại Danh mục tài liệu tham khảo, nhằm bảo đảm khả năng kiểm chứng.

Thiên tai là hiện tượng thiên nhiên gây ra những hậu quả, tác hại đến đời sống xã hội nhiều quốc gia trên thế giới. Mỗi khi thiên tai xảy ra, hoạt động ĐGTN của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trở thành một trụ cột không thể thiếu

trong nỗ lực ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai ở các nước. Trong bối cảnh thiên tai xảy ra ngày càng tăng về tần suất và mức độ nghiêm trọng do biến đổi khí hậu, vai trò của các nguồn ĐGTN càng trở nên quan trọng hơn, không chỉ cung cấp nguồn lực cứu trợ người dân mà còn hỗ trợ tái thiết và phục hồi lâu dài. Tuy nhiên, việc huy động, quản lý hiệu quả các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai đã và đang đặt ra thách thức pháp lý và quản trị vấn đề này.

Qua tìm hiểu thấy rằng, các quốc gia phải đối mặt với một loạt thách thức chung trong xây dựng khung pháp lý cho hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai cũng như trong tổ chức THPL về lĩnh vực này. Thách thức cốt lõi, đó là làm thế nào để cân bằng giữa hai yêu cầu, một mặt cần tạo điều kiện cho việc cứu trợ diễn ra linh hoạt, kịp thời; mặt khác phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả trong sử dụng nguồn ĐGTN, qua đó duy trì niềm tin của công chúng và các nhà tài trợ. Sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng gây quỹ trực tuyến, mạng xã hội trong những năm gần đây càng làm phức tạp thêm thách thức này, khi các chiến dịch quyên góp có thể lan tỏa với tốc độ rất nhanh, vượt qua các ranh giới pháp lý truyền thống và tạo ra những kỳ vọng lớn từ phía các nhà tài trợ về việc phân phối cứu trợ thiên tai ngay lập tức. Thêm vào đó, sự phối hợp giữa các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi lợi nhuận (NPO) trong nước và quốc tế, cùng các sáng kiến gây quỹ tự phát của cộng đồng thường thiếu đồng bộ, có thể dẫn đến lãng phí nguồn lực hoặc phân bổ viện trợ không đồng đều.

Ở các nước như: Mỹ, Anh, Ấn Độ, Canada, Úc, New Zealand... đã có những quy định pháp luật liên quan đến VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, được thể hiện trong các văn bản pháp luật về từ thiện, nhân đạo, về hoạt động của các tổ chức phi lợi nhuận, về thuế như: Luật Từ thiện và Luật Phi lợi nhuận ở Ấn Độ; Luật Từ thiện ở Anh (Charities Act 2011); Luật Các tổ chức từ thiện, Luật Tổ chức phi lợi nhuận, Bộ luật Thuế ở Mỹ; Đạo luật Bảo tồn mục đích từ thiện ở Canada,... Đồng thời, quá trình tổ chức THPL về lĩnh vực này ở các nước đã được triển khai trong những năm qua, nhất là khi có thiên tai xảy ra và gây hậu quả cho đời sống xã hội. Dưới đây là phân tích khái quát về một số điểm nổi bật trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc và Philippines. Sở dĩ nghiên cứu sinh lựa chọn các nước này là dựa

trên sự đa dạng về mô hình pháp lý (hệ thống thông luật và dân luật), cấu trúc quản lý nhà nước (liên bang và đơn nhất) và kinh nghiệm thực tiễn phong phú trong tổ chức THPL về lĩnh vực này, nhất là trong ứng phó với các thảm họa thiên tai quy mô lớn. Ngoài ra, đây cũng là các nước thường xuyên phải hứng chịu sự ảnh hưởng tác động của các hiện tượng thiên tai.

** THPL về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Hoa Kỳ.*

Hệ thống pháp luật của Hoa Kỳ điều chỉnh hoạt động từ thiện trong cứu trợ thiên tai là cấu trúc phức tạp, phân cấp và đa tầng, phản ánh bản chất của hệ thống liên bang. Các quy định không chỉ đến từ Chính phủ liên bang mà còn ở các Tiểu bang, tạo ra môi trường pháp lý đòi hỏi sự tuân thủ ở nhiều cấp độ. Sự phân chia này một mặt tạo ra sự linh hoạt để các Tiểu bang có thể ban hành luật phù hợp với điều kiện địa phương, nhưng mặt khác lại đặt ra “gánh nặng” tuân thủ cho các tổ chức từ thiện. Quá trình THPL về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Hoa Kỳ nổi lên vai trò trung tâm ở cấp liên bang của Cơ quan Thuế vụ (IRS), thông qua việc cấp và giám sát tư cách miễn thuế cho các tổ chức từ thiện theo Mục 501 của Bộ luật Thuế vụ [139] (Internal Revenue Code - IRC, 26 U.S.C. § 501(c)(3)). Việc được công nhận là một tổ chức từ thiện là đặc biệt quan trọng vì điều đó cho phép các Nhà tài trợ được khấu trừ khoản đóng góp khỏi thu nhập chịu thuế - một động lực tài chính thúc đẩy hoạt động từ thiện.

Bên cạnh đó, Cơ quan Quản lý khẩn cấp Liên bang (FEMA) là đầu mối tiếp nhận và điều phối hỗ trợ thảm họa thiên tai bên cạnh các Tổ chức từ thiện được cấp phép có trách nhiệm phối hợp phân phối cứu trợ thiên tai. FEMA chủ trương khuyến khích công chúng đóng góp bằng tiền mặt cho các tổ chức cứu trợ uy tín vì tính linh hoạt và hiệu quả. Trong khi IRS quản lý về thuế ở cấp liên bang, thì việc điều chỉnh hoạt động kêu gọi từ thiện lại chủ yếu thuộc thẩm quyền của các Tiểu bang. Khoảng 40 tiểu bang và Đặc khu Columbia của Hoa Kỳ có luật yêu cầu các Tổ chức từ thiện phải đăng ký với Văn phòng Tổng Chương lý hoặc một cơ quan tương đương trước khi tiến hành kêu gọi quyên góp [141] (Theo IRS, khoảng 40 tiểu bang đã ban hành luật về kêu gọi từ thiện; 41 tiểu bang và Đặc khu Columbia yêu cầu đăng ký - IRS, "Charitable Solicitation - State Requirements").

Các chủ thể đứng ra VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT phải thực hiện một loạt yêu cầu về báo cáo, công khai thông tin nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, đồng thời chịu sự kiểm toán đối với từng khoản tiếp nhận nguồn ĐGTĐ. Để một Nhà tài trợ có thể khấu trừ một khoản đóng góp từ 250 USD trở lên [139] (26 U.S.C. § 170(f)(8); § 6115 về giao dịch "quid pro quo"), họ phải nhận được một "Văn bản xác nhận đồng thời" từ Tổ chức từ thiện, trong đó nêu rõ số tiền hoặc mô tả tài sản đã đóng góp và quan trọng là phải tuyên bố liệu Tổ chức từ thiện có cung cấp bất kỳ hàng hóa hoặc dịch vụ nào để đổi lại khoản đóng góp đó hay không. Yêu cầu này đặt ra nghĩa vụ báo cáo đối với Tổ chức từ thiện, gián tiếp thúc đẩy tính minh bạch và ngăn chặn việc lạm dụng khấu trừ thuế. Ngoài ra, hệ thống phối hợp giữa Liên bang, Tiểu bang và địa phương giúp đảm bảo phân bổ hợp lý và tránh trùng lặp các khoản ĐGTĐ. Các Tổ chức từ thiện ở Hoa Kỳ được phép nhận đóng góp từ nước ngoài, tuy nhiên phải tuân thủ nghiêm quy định của Văn phòng Kiểm soát tài sản nước ngoài (OFAC) [140] (Office of Foreign Assets Control - OFAC, Bộ Tài chính Hoa Kỳ; IEEPA, 50 U.S.C. §§ 1701-1708; 31 C.F.R. Chapter V). Mặc dù Hội Chữ thập đỏ có vai trò trong Kế hoạch ứng phó quốc gia, tuy nhiên quy mô của thảm họa thiên tai thường vượt xa năng lực hậu cần của họ. Sự phụ thuộc của Hội chữ thập đỏ vào FEMA và Bộ Quốc phòng về các mặt hàng thiết yếu đã khiến họ phải chịu chung những yếu kém trong chuỗi cung ứng của Chính phủ, dẫn đến sự chậm trễ. Điều này cho thấy sự khó khăn trong quá trình THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT khi mà quy định pháp luật đề ra theo hướng phụ thuộc quá nhiều vào một số ít tổ chức lớn được chỉ định. Bởi vì, khi các tổ chức này bị quá tải, toàn bộ hệ thống tư nhân có thể gặp khó khăn, nhất là trong bối cảnh ngày càng phát triển của hình thức gây quỹ hỗ trợ khắc phục KKĐTT trên nền tảng kỹ thuật số.

Từ đánh giá trên, cần lưu ý rằng việc tham khảo mô hình của Hoa Kỳ phải được thực hiện theo hướng tiếp thu chọn lọc, chứ không phải sao chép toàn bộ. Yếu tố có giá trị tham khảo là cơ chế điều phối tập trung: sự tồn tại của một đầu mối quốc gia có thẩm quyền điều phối, có hệ thống dữ liệu thống nhất và có quy trình kích hoạt ứng phó được chuẩn hóa trước khi thiên tai xảy ra. Ngược lại, yếu tố

không nên tiếp thu là cách thiết kế phụ thuộc vào một số ít tổ chức lớn được chỉ định, vì chính điểm này đã bộc lộ hạn chế khi quy mô thảm họa vượt năng lực hậu cần của các tổ chức đó. Như vậy, giá trị tham khảo đối với Việt Nam nằm ở chức năng điều phối và hạ tầng dữ liệu, kèm theo yêu cầu mở rộng sự tham gia của nhiều chủ thể để tránh lặp lại điểm yếu đã được chỉ ra.

** THPL về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Nhật Bản.*

Quá trình THPL về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Nhật Bản, các chủ thể được khuyến khích, bảo vệ thông qua các quy định pháp luật về lĩnh vực này như: (1) Ưu đãi thuế cho Nhà tài trợ thể hiện thông qua các khoản đóng góp cho một "NPO được Chứng nhận" hoặc PIIA/PIIF [142], [143] (Act on Promotion of Specified Non-Profit Activities - NPO Act 1998; Act on Authorization of Public Interest Incorporated Associations and Foundations 2006) sẽ được hưởng ưu đãi thuế. Đối với cá nhân có thể chọn giữa khấu trừ thu nhập (income deduction) hoặc tín dụng thuế (tax credit), trong khi các doanh nghiệp có thể hạch toán khoản đóng góp vào chi phí được trừ; (2) Hệ thống Furusato Nozei (Thuế Quê hương) [145] (Furusato Nozei theo Local Tax Act - Luật Thuế địa phương, áp dụng từ năm 2008) là một cơ chế độc đáo cho phép người nộp thuế chuyển một phần thuế cư trú phải nộp của họ cho một đô thị mà họ lựa chọn (thường là quê hương) để đổi lấy các sản vật địa phương và được khấu trừ thuế gần như 100%. Sự thành công của Furusato Nozei cho thấy các Nhà tài trợ ở Nhật Bản phản ứng rất mạnh mẽ với các ưu đãi thuế trực tiếp và các lợi ích hữu hình; (3) Đạo luật ngăn chặn kêu gọi đóng góp bất công (2022) [144] (Act on Prevention of Unjust Solicitation of Donations by Corporations, etc., Nhật Bản, 2022) nhằm đối phó với các hoạt động gây quỹ có tính chất lừa đảo hoặc ép buộc, trong đó nghiêm cấm các tổ chức sử dụng các phương pháp gây hoang mang (ví dụ: Tuyên bố rằng điều xấu sẽ xảy ra với Nhà tài trợ hoặc gia đình họ nếu không quyên góp), giam giữ hoặc ngăn cản người được kêu gọi rời đi, hoặc yêu cầu họ vay tiền hoặc bán tài sản để quyên góp. Trong quá trình THPL về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, các Tổ chức từ thiện ở Nhật Bản phải đối mặt với thách thức trong quản lý và phân phối các khoản ĐGTN một cách hiệu quả, thay vì chỉ tập trung vào phân phát hàng cứu trợ từ trên xuống, các tổ chức lớn đã chuyển sang hỗ trợ và xây dựng

năng lực cho các NPO địa phương - những người hiểu rõ nhất nhu cầu của cộng đồng. Các dự án không chỉ dừng lại ở cứu trợ khẩn cấp mà còn tập trung phục hồi dài hạn, bao gồm hỗ trợ tâm lý, tái thiết và phục hồi kinh tế.

Bên cạnh đó, việc tiếp nhận và phân phối nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT thường được tiến hành qua các quỹ công lập, điển hình là Quỹ Trung ương hỗ trợ thiên tai do Chính phủ và Hội Chữ thập đỏ Nhật Bản quản lý. Người dân được khuyến khích đóng góp qua hệ thống điện tử và mọi khoản đóng góp đều được định kỳ công khai trên mạng internet (trang web của Quỹ Trung ương hỗ trợ thiên tai) phục vụ thực hiện cơ chế kiểm toán độc lập và minh bạch nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

** THPL về VĐTĐN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Úc.*

Quá trình THPL về VĐTĐN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Úc, các chủ thể có liên quan phải tuân thủ hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động từ thiện trong cứu trợ thiên tai được đặc trưng bởi mô hình điều tiết kép, với sự phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa cấp liên bang và cấp tiểu bang/lãnh thổ. Cơ quan chính ở cấp liên bang là Ủy ban Quản lý các Tổ chức Từ thiện và Phi lợi nhuận (ACNC) [138] (Australian Charities and Not-for-profits Commission Act 2012 (Cth)). Ở cấp tiểu bang và lãnh thổ, các cơ quan riêng biệt chịu trách nhiệm về việc cấp phép và giám sát các hoạt động gây quỹ. Mỗi khu vực pháp lý có luật và cơ quan quản lý riêng như: NSW Fair Trading ở bang New South Wales, Consumer Affairs Victoria ở bang Victoria... Điều này nghĩa là một Tổ chức từ thiện muốn gây quỹ trên toàn quốc phải tuân thủ nhiều bộ quy tắc khác nhau, gây ra sự phức tạp và gánh nặng hành chính đáng kể.

Để hoạt động hợp pháp, hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh thiên tai, các Tổ chức từ thiện ở Úc phải đáp ứng các yêu cầu như: Phân loại các loại hình từ thiện; tiêu chuẩn quản trị của ACNC (ACNC Governance Standards); yêu cầu về công khai thông tin gây quỹ. Các hiện tượng thiên tai, nhất là cháy rừng ở Úc thường xuyên diễn ra và gây ra thiệt hại to lớn về người, tài sản và động vật hoang dã, dẫn đến một phản ứng quyên góp mạnh mẽ từ công chúng và quốc tế. Tuy nhiên, việc quyên góp này cũng đi kèm với áp lực lớn từ công chúng và truyền thông, yêu cầu các Tổ chức từ thiện phải phân phối tiền tiếp nhận ngay lập tức. Báo cáo của ACNC

sau thảm họa thiên tai đã đưa ra kết luận, các Tổ chức từ thiện lớn đã hành động phù hợp và có kế hoạch hợp lý để sử dụng các khoản tiền quyên góp. Họ phải đối mặt với thách thức trong giải thích với công chúng rằng không thể chi tiền theo cách mà các Nhà tài trợ mong muốn nếu điều đó nằm ngoài mục đích đã được quy định trong văn bản thành lập tổ chức.

** THPL về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Philippines:*

Pháp luật Philippines quy định một hệ thống đa cơ quan tiến hành VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Việc thành lập, vận hành một tổ chức phi lợi nhuận liên quan đến sự giám sát của nhiều cơ quan chính phủ, tạo ra một quy trình hành chính phức tạp như: (1) *Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch (SEC)*: Là cơ quan đăng ký chính. Hầu hết các Tổ chức phi chính phủ (NGO) và Tổ chức từ thiện đều được thành lập dưới hình thức pháp lý là một "Công ty phi cổ phần" và phải đăng ký với SEC để có tư cách pháp nhân, trong đó đặt ra các quy tắc về quản trị như: Số lượng thành viên hội đồng quản trị (từ 05 đến 15 người); các tổ chức thành lập dưới dạng "quỹ" phải đáp ứng yêu cầu về vốn góp ban đầu tối thiểu là 01 triệu Peso; (2) *Cục Doanh thu nội bộ (BIR)*: Sau khi đăng ký với SEC, các tổ chức phải đăng ký với BIR để nhận mã số thuế và tuân thủ các nghĩa vụ thuế. Điều quan trọng cần lưu ý là việc đăng ký với SEC không tự động mang lại tư cách miễn thuế; tổ chức phải nộp đơn riêng cho BIR để công nhận là được miễn thuế thu nhập; (3) *Bộ Phúc lợi và phát triển xã hội (DSWD)*: Đóng vai trò điều tiết quan trọng và độc đáo. Theo Sắc lệnh của Tổng thống số 1564 (Luật Cấp phép kêu gọi), bất kỳ cá nhân, tổ chức nào muốn kêu gọi quyên góp công khai cho các mục đích từ thiện hoặc phúc lợi công cộng đều phải xin giấy phép từ DSWD trước tiên nhằm bảo vệ công chúng khỏi các hoạt động gây quỹ lừa đảo và đảm bảo các khoản tiền được sử dụng đúng mục đích; (4) *Các đơn vị chính quyền địa phương (LGU)*: Các tổ chức phải xin các giấy phép hoạt động ở địa phương như: Giấy phép của Thị trưởng và của barangay (cấp phường/xã) nơi đặt văn phòng. Các Tổ chức từ thiện phải tuân thủ một loạt các yêu cầu pháp lý để gây quỹ và hoạt động như: Giấy phép kêu gọi công khai; khấu trừ thuế cho Nhà tài trợ; tuân thủ chống rửa tiền/chống tài trợ khủng bố (AML/CFT).

Ở Philippines đã thiết lập Quỹ ứng phó thiên tai Quốc gia (NDRRM Fund) và Quỹ địa phương (LDRRMF) để VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Pháp luật yêu cầu mọi nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT phải được đăng ký và công khai trên hệ thống của quốc gia, đồng thời quy định rõ cơ chế xử phạt hành chính và hình sự nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực này, nhất là hành vi gian lận hoặc chiếm đoạt nguồn ĐGTN.

Qua phân tích khái quát một số đặc điểm nổi bật trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc và Philippines cho thấy, có sự đa dạng trong cách tiếp cận, phản ánh các hệ thống pháp luật, cấu trúc chính trị và bối cảnh văn hóa xã hội khác nhau. Tuy nhiên, các nước này đều phải đối mặt với những thách thức chung và nỗ lực tìm kiếm sự cân bằng giữa các mục tiêu và đôi khi xảy ra sự mâu thuẫn. Điển hình: Ở Hoa Kỳ, quá trình THPL về lĩnh vực này áp dụng mô hình phân cấp và phức tạp, với sự điều tiết kép của Liên bang (IRS, FEMA) và Tiểu bang (Tổng Chương lý). Hệ thống này phụ thuộc nhiều vào các ưu đãi thuế để khuyến khích đóng góp và tin tưởng vào năng lực của khu vực tư nhân, với vai trò của Chính phủ chủ yếu là điều phối và hỗ trợ. Tuy nhiên, sự phân mảnh này tạo ra gánh nặng tuân thủ lớn và có thể dẫn đến các quy tắc chồng chéo hoặc mâu thuẫn với nhau. Ở Nhật Bản, quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT thể hiện một mô hình tập trung và đang trong quá trình chuyển đổi. Từ một hệ thống "cho phép" của Nhà nước, Nhật Bản đã chuyển sang hệ thống "chứng nhận" cởi mở hơn. Tuy nhiên, các rào cản để đạt được các lợi ích thuế cao nhất (trở thành "NPO được Chứng nhận") vẫn còn rất cao, đặc biệt là sự kiểm tra hỗ trợ công chúng (PST) dẫn đến hạn chế sự phát triển của nhiều tổ chức cơ sở. Ở Úc, việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT thể hiện một mô hình lai ghép giữa Liên bang - Tiểu bang, với ACNC ở cấp Liên bang tập trung vào quản trị và đăng ký từ thiện, trong khi các Tiểu bang điều chỉnh hoạt động gây quỹ cụ thể. Mô hình này nhấn mạnh vào quản trị tốt của Tổ chức từ thiện và bảo vệ người tiêu dùng/nhà tài trợ, như được minh chứng qua các bài học từ các vụ cháy rừng năm 2019 - 2020. Ở Philippines, việc THPL về lĩnh vực này vận hành theo một

hệ thống đa cơ quan và có tính quan liêu cao. Việc thành lập và gây quỹ đòi hỏi sự chấp thuận từ nhiều cơ quan (SEC, BIR, DSWD, LGU). Đặc biệt, yêu cầu phải có giấy phép kêu gọi từ DSWD là một cơ chế kiểm soát trực tiếp của Nhà nước đối với hoạt động gây quỹ, một đặc điểm không thấy có ở các quốc gia khác. Như vậy, có thể đưa ra nhận định rằng, việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở mỗi quốc gia có sự khác nhau nhất định và không có một mô hình pháp lý hoàn hảo, duy nhất cho việc quản lý hoạt động từ thiện trong cứu trợ thiên tai nói chung. Quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở mỗi quốc gia trên cơ sở hệ thống pháp luật ở nước đó có những ưu điểm, hạn chế riêng.

2.3.2. Giá trị tham khảo thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở một số nước trên thế giới đối với Việt Nam

Trên cơ sở thực tiễn THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam và tham khảo kinh nghiệm của các nước trong THPL về lĩnh vực này, thời gian tới, các cơ quan chức năng Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, tham khảo phục vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật, đồng thời nâng cao hiệu quả THPL về lĩnh vực này, nhằm đáp ứng đòi hỏi thực tiễn đặt ra. Trong đó, một số kinh nghiệm trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của một số nước có thể được nghiên cứu, tiếp thu chọn lọc phục vụ bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta đó là:

Thứ nhất, từ kinh nghiệm xây dựng một đạo luật riêng về từ thiện, nhân đạo ở một số nước, các cơ quan chức năng Việt Nam có thể nghiên cứu, đề xuất xây dựng và trình Quốc hội ban hành Luật Từ thiện, nhân đạo. Luật này tích hợp và quy định tất cả các vấn đề có liên quan đến hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói riêng. Các quy định gồm: Mục tiêu, nguyên tắc, các chủ thể và quan hệ phối hợp cũng như quyền và nghĩa vụ của các chủ thể (chủ thể VĐTN; chủ thể tài trợ; chủ thể trung gian; chủ thể là các đối tượng nhận nguồn hỗ trợ); trình tự, thủ tục VĐTN và sử dụng nguồn ĐGTN; sự công khai, minh bạch trong tiến hành các hoạt động cụ thể và chế tài áp

dụng với các hành vi vi phạm... Điều này góp phần khắc phục tình trạng tản mát, thiếu thống nhất, chồng chéo trong các quy định pháp luật Việt Nam hiện nay về vấn đề này.

Thứ hai, nghiên cứu kinh nghiệm của các nước liên quan đến việc thành lập Quỹ hỗ trợ thiên tai quốc gia thực hiện việc VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, đồng thời thực hiện việc kiểm toán độc lập nhằm đảm bảo công khai, minh bạch. Xây dựng cơ chế gắn kết giữa các cấp chính quyền với Hội Chữ thập đỏ và xã hội dân sự trong cùng cơ chế quản lý liên quan đến VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Bên cạnh đó, cần tăng cường ứng dụng công nghệ số, blockchain, dữ liệu mở, chuyển đổi số trong quản lý nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, để công khai nguồn ĐGTN của các tổ chức, cá nhân.

Thứ ba, trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT cần quy định rõ hơn trách nhiệm pháp lý giữa các cấp chính quyền cũng như các tổ chức, cá nhân đứng ra thực hiện hoạt động này. Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý thống nhất nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT từ Trung ương đến địa phương, trong đó có thể tham khảo mô hình tương tự như Cơ quan Quản lý khẩn cấp Liên bang Hoa Kỳ (FEMA) là cơ quan điều phối trung tâm cho ứng phó và điều phối hỗ trợ thiên tai. Tuy nhiên, việc tham khảo cần có chọn lọc: chỉ tiếp thu ưu điểm về cơ chế điều phối tập trung, thống nhất của mô hình này, đồng thời chủ động khắc phục hạn chế đã được chỉ ra ở trên là sự phụ thuộc quá mức vào một số ít tổ chức lớn được chỉ định, bằng cách bảo đảm tính linh hoạt, đa dạng hóa chủ thể tham gia và phân cấp hợp lý trong tiếp nhận, phân phối nguồn đóng góp tự nguyện. Đồng thời, nhằm góp phần đảm bảo công khai, minh bạch quá trình VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, cần bổ sung công cụ pháp lý để thực hiện thanh tra, kiểm tra định kỳ cũng như tăng cường hơn nữa cơ chế giám sát độc lập và thực hiện trách nhiệm giải trình công khai các nguồn ĐGTN. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các chế tài xử lý vi phạm cả về hành chính và hình sự đối với các sai phạm xảy ra trong quá trình VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của các tổ chức, cá nhân.

Kết luận chương 2

Nội dung của Chương 2 của Luận án tập trung phân tích, làm rõ cơ sở lý luận của THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam. Trong đó đã luận giải và làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, nội dung pháp luật cũng như hình thức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam. Đồng thời, giới thiệu và phân tích tình hình thực hiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Qua phân tích thấy rằng, xuất phát từ giá trị và ý nghĩa hết sức nhân văn, nhân đạo, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đã được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam mỗi khi có thiên tai xảy ra và gây ra hậu quả tác hại đối với đời sống xã hội. Nếu được thực hiện có hiệu quả, hoạt động này sẽ huy động được sự tham gia đông đảo của các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, tập thể và cá nhân, sẽ mang lại ý nghĩa hết sức thiết thực trợ giúp người dân gặp phải hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống khi thiên tai xảy ra và gây thiệt hại. Để đạt được hiệu quả cao đòi hỏi hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT phải có sự quản lý của Nhà nước thông qua hệ thống pháp luật được xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện về lĩnh vực này. Tuy nhiên, hệ thống các văn bản pháp luật, quy định pháp luật về lĩnh vực này được ban hành phải phù hợp với điều kiện thực tiễn ở mỗi quốc gia, đồng thời việc tổ chức thực hiện nó phải được chú trọng và tiến hành có hiệu quả.

Ba kết quả chủ yếu của Chương 2 như sau. *Một là*, chương đã làm rõ bản chất pháp lý đặc thù của quan hệ vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện: đây là quan hệ phát sinh từ hành vi tự nguyện, mang tính phi lợi nhuận, có sự tách rời giữa người đóng góp và người thụ hưởng, lại diễn ra trong điều kiện khẩn cấp. Từ đó, chương chỉ ra rằng bốn hình thức thực hiện pháp luật không vận hành với trọng số ngang nhau trong lĩnh vực này: sử dụng pháp luật giữ vai trò khởi phát, tuân thủ và thi hành pháp luật tập trung ở nghĩa vụ công khai và phối hợp, còn áp dụng pháp luật chủ yếu thể hiện ở chức năng điều phối và hậu kiểm. Đây là cơ sở để vận dụng khung lý thuyết bốn hình thức một cách có điều chỉnh thay vì ghép nối cơ học.

Hai là, chương đã xây dựng hệ sáu tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện pháp luật, gồm: tính hợp pháp; tính kịp thời; bảo đảm nguyên tắc tự nguyện; công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; đúng mục đích, đúng đối tượng, công bằng và hiệu quả trong phân phối; hiệu quả phối hợp, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Cùng với đó là bốn nhóm yếu tố bảo đảm: chính trị - pháp lý; tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực; kinh tế - kỹ thuật; ý thức pháp luật và giám sát xã hội. Hệ tiêu chí này là căn cứ đo lường thống nhất cho việc đánh giá thực trạng tại Chương 3 và xác định giải pháp tại Chương 4.

Ba là, chương đã khảo cứu kinh nghiệm của một số quốc gia theo tiêu chí lựa chọn xác định, có phân biệt mô hình nhà nước liên bang và nhà nước đơn nhất để giới hạn đúng mức độ tiếp thu. Giá trị tham khảo được xác định theo hướng chọn lọc: tiếp thu cơ chế điều phối tập trung, hạ tầng dữ liệu thống nhất, nghĩa vụ đăng ký và xác nhận đóng góp; không tiếp thu cách thiết kế phụ thuộc vào một số ít tổ chức lớn được chỉ định, vì chính điểm này đã bộc lộ hạn chế khi quy mô thảm họa vượt năng lực hậu cần.

Những nội dung trên tạo cơ sở lý luận để nghiên cứu sinh khảo sát và đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật ở Việt Nam tại Chương 3, trong đó mỗi nhận định về kết quả hay hạn chế đều được quy chiếu về một hoặc một số tiêu chí đã xác định.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

3.1. THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

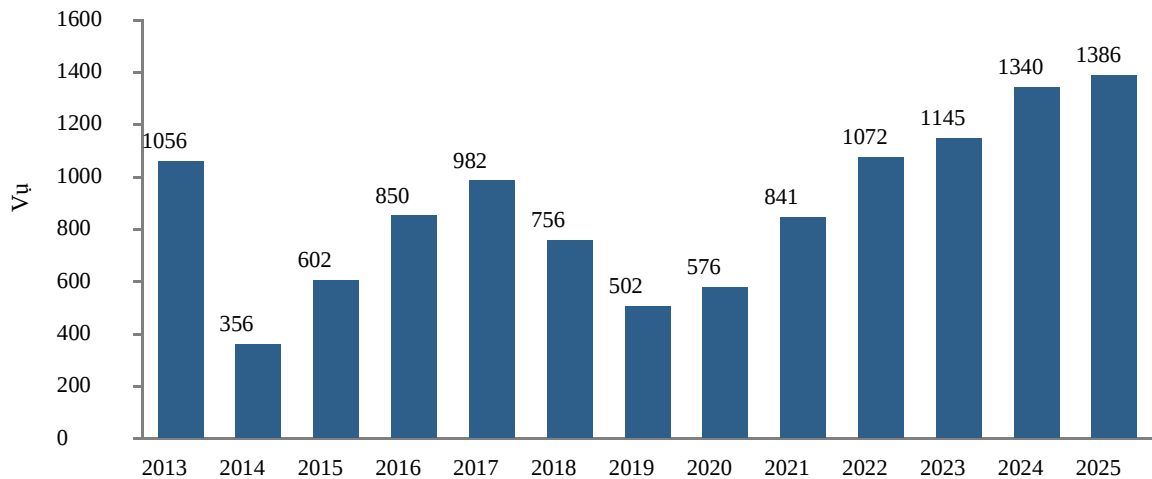
Khung lý luận về các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật đã được trình bày tại mục 2.2.5 của Chương 2. Do đó, mục này không nhắc lại nội dung lý luận mà chỉ mô tả và đánh giá biểu hiện thực tế của từng yếu tố ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2025, làm cơ sở lý giải kết quả và hạn chế được phân tích tại mục 3.2 và mục 3.3. Tương tự, các quy định pháp luật hiện hành chỉ được viện dẫn ở mức cần thiết để đối chiếu với thực tiễn, không trình bày lại như một phần cơ sở pháp lý độc lập.

3.1.1. Yếu tố về tự nhiên

Với đặc điểm địa hình, khí hậu đa dạng, phức tạp, đường bờ biển dài, Việt Nam là một trong những quốc gia thường xuyên xảy ra và gánh chịu hậu quả tác hại do thiên tai gây ra. Thiên tai ở nước ta được chia thành 22 loại hình khác nhau và hầu hết các loại thiên tai (21/22 loại, trừ sóng thần) đã xảy ra và gây hậu quả, tác hại. Hằng năm, người dân ở các địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thiên tai, cụ thể là: Tình trạng lũ quét, sạt lở đất ở các tỉnh miền núi phía Bắc; tình hình bão lụt ở các tỉnh ven biển, nhất là tại các tỉnh miền Trung; tình hình nắng hạn ở các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên... Là các yếu tố thuộc về thiên nhiên nên dù muốn hay không thì hằng năm thiên tai vẫn xảy ra ở các mức độ khác nhau. Bên cạnh đó, do tác động của mặt trái quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sự thiếu ý thức bảo vệ và những hoạt động can thiệp “thô bạo” của con người vào tự nhiên nên tình hình thiên tai ở Việt Nam những năm qua tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đến đời sống xã hội. Điển hình: Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (từ năm 2025, chức năng quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai được chuyển giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số liệu được dẫn theo tên cơ quan tại thời điểm công

bổ báo cáo), từ năm 2013 đến hết năm 2025, ghi nhận 11.464 trận thiên tai xảy ra ở nước ta, làm chết và mất tích 3.398 người, bị thương 13.797 người, gây thiệt hại kinh tế ước tính khoảng 427.932 tỷ đồng (Xem Bảng 3.1 và 3.2 - Phụ lục). Diễn biến số vụ thiên tai theo từng năm trong giai đoạn này được thể hiện tại Biểu đồ 3.1.

Biểu đồ 3.1. Số vụ thiên tai xảy ra ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2025



Nguồn: Tổng hợp từ Bảng 3.1 - Phụ lục.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, chất lượng, hiệu quả của quá trình tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT những năm qua chịu ảnh hưởng nhất định bởi các yếu tố khách quan thuộc về tự nhiên như: Loại thiên tai xảy ra và mức độ gây thiệt hại; phạm vi địa bàn chịu ảnh hưởng thiệt hại do thiên tai; đặc điểm địa bàn xảy ra thiên tai (vị trí địa lý; cơ sở vật chất, hạ tầng giao thông; điều kiện thời tiết, khí hậu, trong đó bao gồm cả thời tiết khí hậu diễn ra trong quá trình tham gia vận động, quyên góp, quản lý, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN)... Trong các yếu tố thuộc về tự nhiên nêu trên, có những yếu tố vừa là tác nhân phát sinh thiên tai và mức độ thiệt hại vừa là yếu tố chi phối và ảnh hưởng đến quá trình tiến hành VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT cũng như việc tổ chức THPL về lĩnh vực này.

Ảnh hưởng của các yếu tố thuộc về tự nhiên đến THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta thể hiện ở nhiều vấn đề. Điển hình: Thiên tai thường xảy ra bất ngờ, mức độ gây thiệt hại đến các địa bàn và người dân khác nhau nên thời điểm, quy mô, hình thức vận động, quyên góp cũng khác nhau

và không được tính toán trước. Trong khi đó, yêu cầu đặt ra là phải nhanh chóng vận động, quyên góp được nguồn lực để kịp thời hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Do đó, quá trình tổ chức THPL về lĩnh vực này của các chủ thể có liên quan phải hết sức linh hoạt, kịp thời và thường là trong thời gian ngắn nhưng vẫn phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nhất là về trình tự, thủ tục. Điều này tạo ra những khó khăn, trở ngại nhất định đối với các chủ thể trong quá trình THPL và vấn đề này cũng chính là yếu tố tạo ra kẽ hở có thể bị đối tượng xấu lợi dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT. Hơn nữa, các địa bàn chịu thiệt hại do thiên tai ở nước ta thường có địa hình đồi núi hiểm trở, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, đồng thời giao thông đi lại sau khi thiên tai xảy ra thường rất khó khăn, thậm chí bị chia cắt. Sau thiên tai, tại các địa bàn còn thường phải đối mặt với điều kiện thời tiết xấu (lũ quét, sạt lở đất và mưa lớn sau bão...). Điều này ảnh hưởng đến việc tiếp nhận, quản lý, bảo quản, vận chuyển, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN đến đúng diện đối tượng cần được cứu trợ. Trong nhiều trường hợp, các chủ thể tham gia vận động, quyên góp - chủ thể THPL phải có sự điều chỉnh về phương thức, thời gian tiếp nhận, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN. Điều kiện thời tiết xấu sau bão cũng ảnh hưởng nhất định đến thực hiện việc công khai, minh bạch quá trình vận động, quyên góp cũng như kiểm tra, giám sát đối với hoạt động này.

3.1.2. Yếu tố đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

Việc tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta chịu ảnh hưởng trực tiếp của đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực này, hay nói cách khác là mức độ hoàn thiện và phù hợp và phát huy trong thực tiễn của hệ thống đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về lĩnh vực này. Trong đó, đường lối, chủ trương của Đảng được thể hiện thông qua các văn bản chỉ đạo của Đảng ta đối với hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói riêng, làm cơ sở cho Nhà nước xây dựng và ban hành các chính sách, pháp luật về lĩnh vực này. Thực tiễn cho thấy, nếu cấp ủy Đảng các cấp kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo và hệ thống pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT được xây dựng,

hoàn thiện sẽ tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả THPL về lĩnh vực này của các chủ thể. Ngược lại, nếu các chỉ đạo của Đảng chưa được ban hành kịp thời, hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn thiện, còn chồng chéo và chưa phù hợp với thực tiễn thì quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta sẽ gặp khó khăn, vướng mắc, dễ phát sinh sai phạm, vi phạm pháp luật.

Những năm gần đây, yếu tố đường lối, chủ trương của Đảng tác động đến THPL trong lĩnh vực này ngày càng rõ nét và trực tiếp hơn. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII [155] đặt yêu cầu thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị [152] xác định thi hành pháp luật là khâu đột phá, gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương và tăng cường trách nhiệm giải trình; các Kết luận số 119-KL/TW [157], số 09-KL/TW [158] và số 17-KL/TW [159] của Bộ Chính trị tiếp tục yêu cầu khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu khả thi của hệ thống pháp luật. Bên cạnh đó, việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW [154] và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp theo Nghị quyết số 60-NQ/TW [156], cùng yêu cầu chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW [151], đã làm thay đổi cả chủ thể, quy trình và phương thức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Đây là những yếu tố mới, vừa tạo động lực, vừa đặt ra thách thức đối với việc bảo đảm tính liên tục, thống nhất và hiệu quả của hoạt động cứu trợ trên thực tế.

Cùng với việc tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, việc sắp xếp, hợp nhất các bộ, ngành và cơ quan chuyên môn cũng tác động trực tiếp đến cơ chế phối hợp trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Cơ quan tham mưu, giúp Chính phủ về phòng, chống thiên tai trước đây thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nay thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; chức năng quản lý nhà nước về an sinh xã hội, cứu trợ xã hội trước đây do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện đã được chuyển giao cho các bộ khác sau khi bộ này kết thúc hoạt động; hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ - trong đó có Hội Chữ thập đỏ Việt Nam - cũng được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn đầu mối. Hệ quả là đầu mối

tham mưu, hướng dẫn và tổng hợp báo cáo về VĐT nguồn ĐGTN có sự thay đổi, trong khi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] vẫn đang quy định thẩm quyền, trách nhiệm theo mô hình tổ chức bộ máy trước sắp xếp. Thực tiễn khảo sát cho thấy trong giai đoạn chuyển tiếp, một số địa phương còn lúng túng trong xác định cơ quan chủ trì tiếp nhận, cơ quan hướng dẫn nghiệp vụ và cơ quan tổng hợp, công khai kết quả phân phối. Bên cạnh đó, yêu cầu cải cách hành chính theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh [153] đặt ra đòi hỏi phải rút gọn thủ tục tiếp nhận, xác nhận, báo cáo trong lĩnh vực này, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Trên cơ sở những hạn chế, thiếu sót và các quy định không còn phù hợp của Nghị định số 64/2008/NĐ-CP, Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng, ban hành Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] thay thế. Nghị định số 93/2021/NĐ-CP chính thức quy định chủ thể là các cá nhân được phép tham gia vận động, quyên góp hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Ngoài ra, các quy định về cách thức, quy trình tiến hành hoạt động VĐT nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, nhất là quy định yêu cầu các chủ thể tham gia hoạt động này thực hiện việc công khai, minh bạch cũng được cụ thể hóa và chặt chẽ hơn. Sự ra đời của Nghị định số 93/2021/NĐ-CP cùng với việc Chính phủ ban hành một số văn bản khác có liên quan (Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) [27]; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam [28] (đã được thay thế bởi Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, ngày 08/12/2025 [35])...) đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả THPL về VĐT nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta những năm qua.

Ngày 28/7/2026, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam lần thứ XII đã thông qua Nghị quyết nhiệm kỳ 2026 - 2031 [149], xác định chuyển đổi số, số hóa và minh bạch hóa hoạt động vận động, tiếp nhận, phân bổ nguồn lực nhân đạo là khâu đột phá của nhiệm kỳ. Là văn bản định hướng của một trong những chủ thể được phép vận động, tiếp nhận theo Điều 2 Nghị định số

93/2021/NĐ-CP [30], Nghị quyết này không phải văn bản quy phạm pháp luật, nhưng cho thấy yêu cầu công khai, minh bạch trong lĩnh vực này đang được đặt ra ngày càng cao từ phía chủ thể thực hiện.

3.1.3. Yếu tố kinh tế, cơ sở vật chất, khoa học và công nghệ

Yếu tố về kinh tế, cơ sở vật chất, khoa học công nghệ có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta. Cụ thể:

- *Yếu tố về kinh tế bao gồm:* Điều kiện kinh tế và khả năng đóng góp của các tập thể, cá nhân khi hưởng ứng tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; điều kiện kinh tế và khả năng của các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Điều kiện kinh tế và khả năng đóng góp chính là cơ sở nền tảng để các tập thể, cá nhân quyết định mức đóng góp về tiền và hiện vật khi hưởng ứng tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Hơn nữa, mặc dù không phải là yếu tố mang tính bắt buộc nhưng điều kiện kinh tế và khả năng của các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của quá trình tổ chức VĐTN, quản lý, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT. Bởi vì, hoạt động vận động, quyên góp là hoàn toàn tự nguyện, tự giác và không phát sinh “lợi nhuận về kinh tế”, trong khi đó quá trình tham gia hoạt động này sẽ không chỉ tốn thời gian mà còn phát sinh những chi phí nhất định (đi lại, ăn ở; đóng gói, vận chuyển, bảo quản với nguồn ĐGTN là hiện vật). Do đó, nếu không đảm bảo điều kiện về kinh tế, việc đứng ra vận động, quyên góp của các chủ thể sẽ gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí không thực hiện được. Từ đó, có thể thấy, các yếu tố về kinh tế nêu trên cũng ảnh hưởng nhất định đến việc tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT trong thực tế.

- *Các yếu tố về cơ sở vật chất gồm:* Nguồn lực tài chính và vật chất, đặc biệt là việc bố trí nguồn đối ứng trong nước và cơ chế tiếp nhận viện trợ quốc tế ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và hiệu quả triển khai. Bên cạnh đó, phương tiện đi lại, phương tiện vận chuyển, đồ dùng phục vụ đóng gói, bảo quản nguồn ĐGTN là hiện vật, nhất là lương thực, thực phẩm... Các yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian phân phối nguồn ĐGTN đến với người dân ở các địa bàn chịu thiệt hại do thiên tai cũng như thời gian mà các chủ thể thông báo khi tổ chức vận động, quyên

góp. Hơn nữa, với nguồn ĐGTN là hiện vật, nhất là lương thực, thực phẩm, để đảm bảo không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển, phân phối thì các chủ thể tiếp nhận cần phải thực hiện việc đóng gói, bảo quản. Trong trường hợp nguồn ĐGTN là hiện vật bị hư hỏng sẽ ảnh hưởng đến việc phân phối, sử dụng cũng như việc thực hiện cam kết của các chủ thể khi đứng ra vận động, quyên góp.

- *Các yếu tố về khoa học và công nghệ gồm:* Khoa học và công nghệ và trình độ sử dụng khoa học và công nghệ để thực hiện việc vận động, quyên góp, tiếp nhận nguồn ĐGTN; công khai, minh bạch và giám sát quá trình VĐT nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay, nhằm khai thác, tận dụng những lợi thế vô cùng to lớn của khoa học và công nghệ, việc nghiên cứu ứng dụng yếu tố này vào các lĩnh vực của đời sống xã hội đã và đang được tập trung thực hiện. Đối với hoạt động VĐT nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và quá trình tổ chức THPL về lĩnh vực này cũng không phải ngoại lệ. Những năm qua, các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp đã triệt để khai thác hình thức vận động, quyên góp thông qua mạng internet, mạng xã hội nhằm lan tỏa nhanh chóng và tiếp nhận được tối đa nguồn ĐGTN, đồng thời để thực hiện việc công khai, minh bạch quá trình tham gia theo quy định của pháp luật. Các cơ quan có thẩm quyền triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ để thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình VĐT nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật về lĩnh vực này của các chủ thể. Tuy nhiên, các đối tượng xấu cũng đã và đang lợi dụng mạng internet, mạng xã hội đưa tin sai sự thật, mạo danh các cơ quan, tổ chức, cá nhân để lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc VĐT nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

3.1.4. Yếu tố con người

Trong các yếu tố ảnh hưởng đến việc THPL về VĐT nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta, yếu tố con người chính là yếu tố tác động ảnh hưởng nhiều nhất. Bởi vì, con người chính là chủ thể tổ chức triển khai THPL về lĩnh vực này. Hoạt động VĐT nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT được bắt đầu từ khi các chủ thể được phép đứng ra vận động, quyên góp theo quy định của pháp luật có thông báo về việc tổ chức tiến hành hoạt động này cho đến khi các nguồn lực sau

khi tiếp nhận được phân phối đến chính quyền và người dân ở các vùng miền, địa phương, địa bàn chịu thiệt hại do thiên tai gây ra. Có thể thấy rằng, hoạt động của các chủ thể được phép đứng ra vận động, quyên góp là xuyên suốt của quá trình VĐTN, quản lý và phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Do đó, nhận thức, ý thức và hành vi tuân thủ, thi hành và sử dụng pháp luật của các chủ thể này, trong đó có cả trình độ, kỹ năng quản trị, quản lý dự án, đặc biệt là khả năng tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế (IFRC, UNDP...) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và tạo ra ảnh hưởng quyết định đến kết quả đạt được trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Nếu các chủ thể này nhận thức chưa đầy đủ, nhận thức chưa đúng hoặc mặc dù nhận thức đầy đủ nhưng cố tình không tuân thủ, thi hành và sử dụng không đúng các quy định pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT sẽ không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động này mà còn dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật ở các mức độ khác nhau, từ đó quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT không được đảm bảo. Ví dụ: Giai đoạn trước tháng 10/2021, theo quy định của Nghị định số 64/2008/NĐ-CP, ngày 14/5/2008 của Chính phủ, các cá nhân không được phép đứng ra VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Tuy nhiên, trong giai đoạn này vẫn có nhiều nhóm từ thiện, tập thể, cá nhân tự phát đứng ra vận động, quyên góp cứu trợ thiên tai, thiếu sự quản lý của Nhà nước. Điều đó cho thấy, việc thực hiện hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của các tập thể, cá nhân này là chưa đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa, nhiều trường hợp đã lợi dụng kẽ hở pháp luật để trục lợi hoặc chưa thực hiện công khai, minh bạch. Điều này đã gây ra bức xúc trong dư luận, sự hoài nghi của những người tham gia ĐGTN và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả VĐTN nguồn ĐGTN.

Thực tiễn các văn bản pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta cũng cho thấy, các quy định pháp luật đặt ra và yêu cầu các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai phải tuân thủ và thi hành cũng chính là những quy định quan trọng nhất và mang tính cốt lõi trong các văn bản này. Đó chính là các quy định đặt ra yêu cầu đối với các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp phải tuân thủ, thi hành về cách thức, quy trình tiến hành và thực hiện việc công khai, minh bạch quá trình VĐTN, phân phối, sử dụng

nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Điều này một lần nữa khẳng định sự ảnh hưởng của các chủ thể (yếu tố con người) đứng ra VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT đến kết quả việc THPL về lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, con người cũng chính là đối tượng hướng đến của hoạt động vận động, quyên góp hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Trong trường hợp này, con người chính là người dân sinh sống ở các vùng miền, địa phương, địa bàn chịu ảnh hưởng thiệt hại do thiên tai. Thực tiễn triển khai hoạt động vận động, quyên góp hỗ trợ thiên tai cho thấy, nhiều trường hợp người dân chịu ảnh hưởng do thiên tai cư trú phân tán, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Điều này gây ra những khó khăn cho việc lập danh sách đối tượng chịu ảnh hưởng thiên tai và mức độ thiệt hại, đồng thời ảnh hưởng đến quá trình thực hiện việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai một cách công bằng và đúng đối tượng theo quy định của pháp luật.

3.1.5. Yếu tố sự phối hợp liên ngành và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

Theo quy định của pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói chung và quy định của Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] nói riêng, có nhiều chủ thể khác nhau là các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân được phép đứng ra quyên góp, vận động nguồn lực nhằm hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Các cơ quan, tổ chức đứng ra quyên góp, vận động có thể ở Trung ương và địa phương các cấp, trong đó có cả các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở các cấp và các tổ chức thành viên), Hội Chữ thập đỏ... Đồng thời, mỗi khi có thiên tai xảy ra và gây ra thiệt hại, hưởng ứng lời kêu gọi vận động, quyên góp, nhiều tập thể, cá nhân trong xã hội tham gia đóng góp nguồn lực phục vụ hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Bên cạnh đó, để hoạt động VĐTN, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT được tiến hành hiệu quả, không chỉ cần có sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân ở Trung ương và địa phương đứng ra quyên góp, vận động mà còn cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể này với cấp ủy, chính quyền địa phương nơi xảy ra thiên tai, các ngân hàng, cơ quan thông tin đại chúng...

Thực tiễn cho thấy, khi có sự phối hợp liên ngành và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan thống nhất, chặt chẽ sẽ bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, chia sẻ thông tin giữa các chủ thể liên quan đến quá trình triển khai VĐTN, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, qua đó huy động được tối đa các nguồn ĐGTN, khắc phục sự chồng chéo cũng như các sai phạm, vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động này. Điều đó cũng là yếu tố góp phần tổ chức thực hiện có hiệu quả pháp luật về lĩnh vực này.

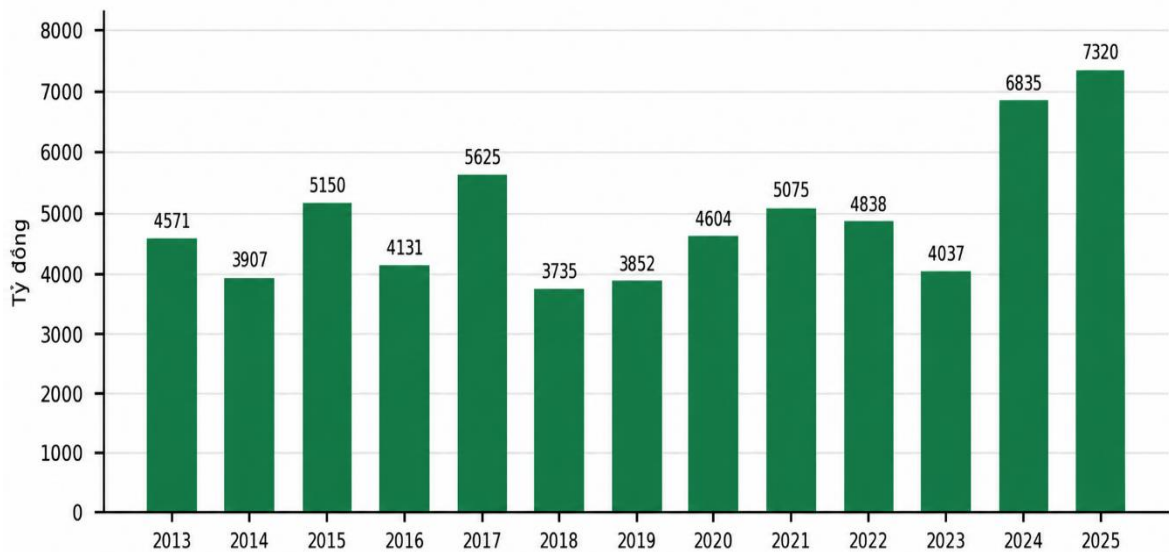
3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT THEO CÁC HÌNH THỨC VÀ THEO CÁC CÔNG ĐOẠN CỦA HOẠT ĐỘNG VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

3.2.1. Về hình thức thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

3.2.1.1. Tuân thủ pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Những năm qua, khi có thiên tai xảy ra và gây thiệt hại ở các vùng miền, địa phương, địa bàn trong cả nước, các chủ thể đã tổ chức vận động, quyên góp hỗ trợ cấp ủy, chính quyền và nhân dân ở những nơi xảy ra thiên tai. Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ năm 2013 đến hết năm 2025, các tập thể, cá nhân ở trong nước đã hưởng ứng và tham gia ĐGTN với tổng số tiền và hàng hóa trị giá 63.680 tỷ đồng, trong đó hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai ở trong nước là 63.248 tỷ đồng. Ngoài ra, Việt Nam còn tiếp nhận nguồn viện trợ quốc tế trị giá 779 tỷ đồng nhằm hỗ trợ chính quyền và người dân ở trong nước khắc phục hậu quả thiên tai. Ví dụ: Theo thống kê của Ban Vận động cứu trợ Trung ương, đã có hơn 1.236 tỷ đồng và nhiều hiện vật là hàng hóa, nhu yếu phẩm vận động quyên góp được để hỗ trợ đồng bào chịu thiệt hại của cơn bão Yagi đổ bộ vào các tỉnh phía Bắc nước ta tháng 9/2024. Trong tổng số 63.680 tỷ đồng nêu trên, có 432 tỷ đồng được các tập thể, cá nhân ở trong nước ĐGTN nhằm hỗ trợ các quốc gia khác khắc phục hậu quả thiên tai (*Xem Bảng 3.3 và Bảng 3.4 - Phụ lục*). *Kết quả vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện theo từng năm được thể hiện tại Biểu đồ 3.2.*

Biểu đồ 3.2. Kết quả vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai giai đoạn 2013 - 2025



Nguồn: Tổng hợp từ Bảng 3.3 - Phụ lục.

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến tháng 10/2021 (giai đoạn Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16] có hiệu lực), theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 64/2008/NĐ-CP, các chủ thể được phép tiến hành hoạt động VĐTN và phân phối tiền, hàng cứu trợ hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai gồm ba nhóm chủ thể như đã trình bày tại mục 2.2.3.2. Trong giai đoạn này, việc tuân thủ pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của các chủ thể được phép tiến hành hoạt động này được thực hiện khá nghiêm túc, bởi vì các chủ thể này cơ bản đều là các cơ quan, tổ chức của Nhà nước. Thông qua các kênh vận động của Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ và các cơ quan truyền thông, hàng nghìn tỷ đồng cùng nhiều loại hàng hóa đã được huy động sau mỗi đợt thiên tai lớn để hỗ trợ đồng bào ở các địa bàn chịu thiệt hại, qua đó thể hiện mạnh mẽ tinh thần đoàn kết dân tộc, tương thân tương ái. Tuy nhiên, ở giai đoạn này lại nổi lên nhiều nhóm từ thiện, tập thể, cá nhân tự đứng ra quyên góp, cứu trợ tự nguyện. Mặc dù có thể đã phối hợp với các địa phương xảy ra thiên tai nhưng lại không thông qua các tổ chức mà Nghị định số 64/2008/NĐ-CP quy định được phép VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Điều đó cho thấy, việc thực hiện hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của các tập thể, cá nhân này là chưa tuân thủ quy định của pháp luật.

Từ sau tháng 10/2021 đến nay, theo Khoản 1, Điều 2, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] (thay thế Nghị định số 64/2008/NĐ-CP), các chủ thể được phép tiến hành VĐTĐN, phân phối và sử dụng các nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta đã mở rộng hơn, gồm cả các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức, cá nhân, cụ thể là bảy nhóm chủ thể theo Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] và các chủ thể được phép tiếp nhận viện trợ quốc tế theo Khoản 2, Điều 2 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) như đã trình bày tại mục 2.2.3.2. Cần lưu ý, danh sách chủ thể nêu trên được xác định theo mô hình tổ chức bộ máy trước thời điểm sắp xếp năm 2025; từ ngày 01/7/2025 không còn tổ chức chính quyền cấp huyện, do đó nhiệm vụ tiếp nhận, phân phối trước đây giao cho cấp huyện nay thuộc về cấp tỉnh và cấp xã (xem kiến nghị sửa đổi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP tại Chương 4). Trong giai đoạn này, hoạt động VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta đã đi vào nề nếp hơn, trong đó các tập thể, cá nhân khi tham gia hoạt động VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT đã cơ bản tuân thủ quy định pháp luật về lĩnh vực này. Đặc biệt, hoạt động của cá nhân đứng ra kêu gọi, VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT đã được quản lý chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn. Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT của các chủ thể đã từng bước được nâng lên, qua đó nắm rõ các quy trình, cách thức cần thực hiện khi tiến hành hoạt động này, nhờ đó góp phần giảm thiểu xảy ra các hành vi vi phạm những điều cấm theo quy định của pháp luật về lĩnh vực này. Các chủ thể được phép đứng ra VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT và các đối tượng tham gia ĐGTĐN nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai đã ngày càng chủ động trong việc tuân thủ pháp luật về lĩnh vực này.

Nhìn chung, việc các tập thể, cá nhân hưởng ứng tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai xảy ra là hoàn toàn tự giác, tự nguyện. Do đó, những năm qua, việc tuân thủ pháp luật quy định về đối tượng tham gia ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta cơ bản được đảm bảo. Trong quá trình tham gia hoạt động VĐTĐN các nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT, các tập thể, cá

nhân ngày càng chủ động, tích cực và đông đảo hơn; từ đó, số lượng tiền và hiện vật ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả khi có thiên tai xảy ra ngày càng tăng.

Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT những năm qua, vẫn còn tình trạng một bộ phận không nhỏ đối tượng tham gia đóng góp nguồn lực chưa nhận thức rõ các quy định pháp luật về lĩnh vực này; chưa ý thức rõ quyền, lợi ích và còn có tâm lý qua loa, đại khái khi tham gia hoạt động này; không chú trọng tìm hiểu và xác minh thông tin về hậu quả thiên tai gây ra ở các địa bàn cụ thể nhận nguồn ĐGTN cũng như về các chủ thể đứng ra kêu gọi, VĐTN các nguồn ĐGTN cứu trợ thiên tai. Điều này đã vô tình tạo ra kẽ hở để một số đối tượng xấu lợi dụng việc quyên góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai để thực hiện các hành vi vi phạm; chỉ đến khi các vụ việc vi phạm bị phát hiện thì các đối tượng tham gia đóng góp mới biết.

Những năm qua, các cơ quan chức năng chưa phát hiện hành vi cản trở hoặc ép buộc tổ chức, cá nhân tham gia vận động, đóng góp, tiếp nhận, phân phối và sử dụng nguồn ĐGTN. Bên cạnh đó, sau khi thiên tai xảy ra, Chính phủ thường có công điện gửi các Bộ, ngành liên quan và các địa phương yêu cầu thực hiện công tác quản lý và giám sát chặt chẽ nên đã không để xảy ra tình trạng lợi dụng thiên tai để đầu cơ nâng giá hàng hóa, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để trục lợi, gây thiệt hại tới đời sống dân sinh. Tuy nhiên, thực tiễn đã phát hiện một số trường hợp vi phạm những điều nghiêm cấm của pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Một số hành vi vi phạm pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT điển hình trong những năm qua như: (1) Hành vi báo cáo, cung cấp thông tin không đúng sự thật để chiếm đoạt nguồn ĐGTN cứu trợ thiên tai. Ví dụ: Vụ việc một số cán bộ xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang đã khai khống để ăn chặn tiền hỗ trợ hạn mặn xảy ra trên địa bàn xã năm 2016. Hay vào năm 2018, một số cán bộ thôn, xã thuộc tỉnh Thanh Hóa đã lập hồ sơ khống, giả chữ ký và thực hiện hành vi rút tiền hỗ trợ con bão số 10 (trên 40% tổng số tiền quyên góp được) xảy ra vào năm 2017; đã bị truy tố về Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; (2) Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm tài sản là nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Ví dụ: Vụ việc xảy ra tại huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình năm 2020, trong đó Ngô Xuân Sĩ nhận chở 150 thùng

cá hộp cứu trợ lũ lụt, sau đó Sĩ đã thực hiện hành vi giấu bớt, tự phân phối và sử dụng số lượng hàng hóa trị giá gần 37 triệu đồng; sau đó đối tượng Ngô Xuân Sĩ đã bị truy tố Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; (3) Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Ví dụ: Ngày 03/12/2020, Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã làm rõ và xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng đối với Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1963, trú tại xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên về hành vi thông tin sai sự thật trên mạng xã hội cho rằng số tiền ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung do người dân của xã Phúc Thuận đóng góp không đến được người dân vùng lũ do bị cán bộ xã chiếm đoạt. Hay vào tháng 09/2024, tại Quảng Ninh, một số đối tượng đã tạo fanpage giả mạo Hội Chữ thập đỏ tỉnh, sao chép logo và hình ảnh thiệt hại do bão Yagi gây ra, kêu gọi chuyển khoản tiền vào tài khoản cá nhân (4) Hành vi trộm cắp tài sản là nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Ví dụ: Vụ việc đối tượng Đinh Văn T. đột nhập, trộm cắp số tiền 14 triệu đồng là tiền ủng hộ bão lũ tại Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào tháng 9/2024; (5) Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản. Ví dụ: Vụ việc xảy ra tháng 02/2023 tại huyện Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, trong đó kế toán Nguyễn Thanh Thủy và thủ quỹ Nguyễn Thị Kim Oanh đã yêu cầu 37 hộ nuôi tôm “trích lại” 6% tổng số tiền được cứu trợ (15,9 triệu đồng) bị thiệt hại bởi trận lũ lụt xảy ra năm 2022.

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017, hành vi vi phạm chủ yếu là tham ô/ăn chặn của một số cán bộ địa phương đối với tiền hoặc hàng cứu trợ. Đặc biệt là giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2021 đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, kéo theo sự xuất hiện của nhiều cá nhân (đặc biệt là người có ảnh hưởng, nghệ sĩ) đứng ra vận động với khả năng huy động nguồn lực nhanh và rất lớn, tạo ra các kênh hỗ trợ linh hoạt và trực tiếp. Tuy nhiên, đây cũng chính là giai đoạn mà việc tuân thủ pháp luật về VĐTĐ các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta bộc lộ nhiều vấn đề nhất, tạo ra áp lực lớn đòi hỏi sự thay đổi về pháp luật. Đặc biệt, một số quy định trong Nghị định số 64/2008/NĐ-CP của Chính phủ khá cứng nhắc, chủ yếu giao cho 03 đơn vị đầu mối là Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ, các Quỹ xã hội, từ thiện thực hiện việc VĐTĐ các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và không có quy định điều

chính hoạt động của các cá nhân tự đứng ra thực hiện hoạt động này. Điều đó đã tạo ra một "khoảng trống pháp lý" rất lớn so với thực tiễn. Hơn nữa, vấn đề về thiếu minh bạch và cơ chế giải trình cũng là vấn đề đặt ra khi các cá nhân thực hiện việc VĐTN các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT thường làm theo kinh nghiệm, tự phát, không có quy trình chuẩn về tài chính, kế toán; việc sử dụng tài khoản cá nhân để nhận tiền ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT gây khó khăn trong việc tách bạch với tài sản của cá nhân. Điển hình là sau đợt lũ lụt lịch sử ở các tỉnh miền Trung vào năm 2020, hàng loạt nghi vấn về sự minh bạch trong việc sử dụng tiền ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của một số nghệ sĩ đã xảy ra và được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong đó công chúng yêu cầu "sao kê" tài khoản, tạo ra tranh luận xã hội sâu rộng và làm giảm sút lòng tin vào hoạt động từ thiện tự phát nói chung và hoạt động VĐTN các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói riêng. Ngoài ra, việc thực hiện phân phối nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT qua các kênh chính thống đôi khi diễn ra chậm và không kịp thời do các rào cản bởi quy trình hành chính. Các Đoàn từ thiện tự phát hoạt động thiếu sự phối hợp với chính quyền địa phương, dẫn đến tình trạng có nơi nhận được quá nhiều hỗ trợ nhưng có nơi lại không có, thậm chí gây ra lãng phí (ví dụ: Ủn tắc hàng hóa như mì tôm, nước suối...). Từ năm 2020 trở lại đây, do sự phát triển nhanh chóng của không gian mạng, đã xuất hiện vấn đề lừa đảo trực tuyến kêu gọi đóng góp cứu trợ thiên tai qua các fanpage, facebook cá nhân, ví điện tử. Bên cạnh đó, mặc dù Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ra đời đã bổ sung cơ chế minh bạch và chế tài hành chính, song trên thực tế vẫn còn tình trạng một số đối tượng lợi dụng kẽ hở để trục lợi nguồn ĐGTN tiếp nhận được.

Bên cạnh đó, thực tiễn hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta những năm qua còn xảy ra tình trạng một số tập thể, cá nhân đứng ra quyên góp, VĐTN nguồn ĐGTN chưa thực hiện đầy đủ các quy định về tổ chức vận động và quản lý quỹ cũng như chưa có sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền các địa phương nơi xảy ra thiên tai để rà soát, lập danh sách chính xác về các trường hợp đủ tiêu chuẩn nhận hỗ trợ và nội dung cần cứu trợ, dẫn đến tình trạng thực hiện hỗ trợ chưa đúng đối tượng; có đối tượng được hỗ trợ nhiều lần, hỗ trợ không công bằng. Điều này làm cho các tập thể, cá nhân đứng ra vận động, quyên

góp, phân phối và sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT gặp khó khăn trong việc hệ thống, tổng hợp việc phân phối, sử dụng tiền, hiện vật cứu trợ thiên tai, thậm chí trở thành nguyên nhân gây ra sự mất đoàn kết, mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư sau khi phân phối nguồn hỗ trợ đến người dân ở một số địa bàn. Ngoài ra, việc thực hiện công khai quá trình phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT của các tập thể, cá nhân đứng ra vận động, quyên góp đôi khi chưa được chấp hành nghiêm chỉnh, nhất là đối với các trường hợp cá nhân đứng ra quyên góp, VĐTN nguồn đóng góp tự nguyện.

Đáng chú ý, nhằm chống phá Đảng, Nhà nước ta, trong suốt những năm qua, lĩnh vực liên quan đến thiên tai và cứu trợ thiên tai vẫn luôn được các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước lợi dụng nhằm tuyên truyền những luận điệu xuyên tạc. Một số luận điệu thường được các thế lực thù địch sử dụng như: Xuyên tạc rằng Đảng và Nhà nước không biết cách điều hành và quản lý đất nước, nhất là trong công tác PCTT nên thiên tai mới thường xuyên xảy ra; Đảng, Nhà nước ta không quan tâm đến công tác PCTT dẫn đến để hậu quả thiên tai xảy ra nghiêm trọng ở các vùng miền, ảnh hưởng đến đời sống của người dân; tiền và hiện vật từ nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT không đến được với người dân do tình trạng tham ô, tham nhũng của các cán bộ, đảng viên trong các cơ quan nhà nước; bịa đặt hoạt động hỗ trợ của Nhà nước không kịp thời và kém hiệu quả, nếu không có những nghệ sĩ, người nổi tiếng đứng ra quyên góp thì người dân ở vùng thiên tai sẽ chết đói; xuyên tạc các cơ quan chức năng tìm cách ngăn cản, cấm đoán cá nhân tham gia quyên góp hỗ trợ khắc phục KKDDT, bỏ mặc cho người dân vùng xảy ra thiên tai chịu cảnh khốn cùng... Trước thực tế đó, các cơ quan, lực lượng chức năng, nhất là các cơ quan thông tin truyền thông đã tích cực phối hợp thực hiện công tác đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc này.

3.2.1.2. Thi hành pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Thi hành pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT là việc các chủ thể chủ động thực hiện những nghĩa vụ mà pháp luật quy định khi tham gia hoạt động này. Cụ thể là các nghĩa vụ như: Nghĩa vụ tự xác định xem mình có được phép tiến hành hoạt động vận động, quyên góp, tiếp nhận, quản lý,

phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN trước khi thực hiện; nghĩa vụ chỉ thực hiện các hoạt động liên quan theo quy định pháp luật khi đã tham gia hoạt động vận động, quyên góp; ngoài ra còn có các nghĩa vụ của chủ thể phải thực hiện theo đúng cách thức, quy trình, nhất là các quy định về công khai, minh bạch trong quá trình VĐTN, quản lý, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Trong quá trình VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta những năm qua, nhìn chung, các chủ thể đã thực hiện theo cách thức, quy trình được pháp luật về lĩnh vực này quy định, nhất là Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16] và sau đó là Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30]. Các chủ thể đã tổ chức phát động các cuộc VĐTN nguồn ĐGTN ngay sau khi thiên tai xảy ra, trong đó đã phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông ở Trung ương và địa phương thực hiện việc thông báo rộng rãi, nêu rõ mục đích, phạm vi, phương thức, hình thức, thời gian vận động.

Khi tiến hành hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, các chủ thể đã thực hiện thủ tục mở và cung cấp tài khoản ở Kho bạc nhà nước hoặc tại các Ngân hàng thương mại để thực hiện việc tiếp nhận nguồn ĐGTN là tiền, đồng thời bố trí và cung cấp địa điểm tiếp nhận đối với nguồn ĐGTN của các tập thể, cá nhân là hiện vật. Bên cạnh đó, đã thông báo cụ thể về thời gian tiếp nhận nguồn ĐGTN và cam kết phân phối nguồn ĐGTN tiếp nhận được đến người dân chịu ảnh hưởng của thiên tai. Các tập thể, cá nhân đứng ra vận động, quyên góp không thực hiện tiếp nhận thêm các khoản ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT sau khi kết thúc thời gian tiếp nhận như đã thông báo từ trước, đồng thời thực hiện việc đóng tài khoản đã mở để tiếp nhận theo quy định về thời gian VĐTN và phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Trên cơ sở nguồn ĐGTN tiếp nhận được, các tập thể, cá nhân đứng ra vận động, quyên góp đã phối hợp với các cơ quan, đoàn thể có liên quan, nhất là chính quyền địa phương nơi xảy ra thiên tai để xác định phạm vi, đối tượng, mức, thời gian thực hiện việc hỗ trợ và thực hiện việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN tiếp nhận được hoặc phối hợp chuyển nguồn ĐGTN tiếp nhận được đến các cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật để phân phối, sử dụng. Khi thực hiện việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN, các chủ thể tiến hành lập danh sách trên cơ sở tổng số nguồn ĐGTN huy động được, mức

độ thiệt hại đối với các gia đình, tình hình các hoạt động hỗ trợ khác đã được thực hiện... Trong một số trường hợp, các chủ thể thực hiện việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN đến các địa chỉ cụ thể cần hỗ trợ theo đúng cam kết với các tập thể, cá nhân tham gia đóng góp nguồn lực. Việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN những năm qua thường được các chủ thể đứng ra quyên góp, tiếp nhận thực hiện cho các nội dung chi đã nêu tại mục 2.2.3.4. Đa số nguồn ĐGTN về tiền và hiện vật đã được tiếp nhận, phân phối, sử dụng đúng mục đích, phân bổ đến tận tay đối tượng chịu thiệt hại do thiên tai, qua đó giúp người dân sớm ổn định và trở lại cuộc sống bình thường.

Trong việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả do thiên tai những năm qua thấy rằng, các cơ quan, tổ chức được tiếp nhận nguồn viện trợ này theo quy định của pháp luật đã thực hiện nghiêm túc quy định của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ [27]; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam [28] (đã được thay thế bởi Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, ngày 08/12/2025 [35]) và các văn bản pháp luật khác liên quan. Nhìn chung, việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế đã được thực hiện công khai, minh bạch, đúng mục đích, kịp thời, đúng đối tượng. Trong quá trình triển khai hoạt động này, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan. Đối với nguồn viện trợ quốc tế khẩn cấp là hàng hóa, đều thuộc diện được phép nhập khẩu vào Việt Nam, đảm bảo tiêu chuẩn không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, sức khỏe cộng đồng cũng như tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước và của Nhân dân; thực hiện đúng theo cam kết với bên đứng ra viện trợ. Tuy nhiên, trong khâu quản lý, phân phối, sử dụng nguồn viện trợ quốc tế khẩn cấp vẫn luôn ẩn chứa nguy cơ xảy ra các hành vi sai phạm của các cán bộ trong các cơ quan, tổ chức được phép tiếp nhận nguồn ĐGTN theo quy định của pháp luật.

Thiên tai có thể xảy ra ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Với tinh thần đoàn kết, nhân đạo quốc tế, khi xảy ra các thảm họa thiên tai ở các quốc gia khác trên thế giới, Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam luôn có những hoạt động cụ thể để hỗ

trợ người dân ở các nước khắc phục KKDTT gây ra. Những năm qua, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN nhằm giúp đỡ các quốc gia khác bị thiên tai đã được Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện khá thường xuyên. Từ năm 2013 đến hết năm 2023, Hội Chữ thập đỏ đã đứng ra kêu gọi, vận động và phối hợp với Bộ Ngoại giao kêu gọi, quyên góp và ủng hộ các quốc gia khác với số tiền hàng chục tỷ đồng; ngoài ra còn có nhiều các loại nhu yếu phẩm cần thiết khác. Ví dụ: Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã kêu gọi, quyên góp được hơn 400.000 USD nhằm trợ giúp nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ và Syria khắc phục hậu quả thảm họa động đất xảy ra ngày 06/02/2023 làm hơn 50.000 người thiệt mạng. Quá trình thực hiện hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN nhằm giúp đỡ các quốc gia khác bị thiên tai, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện theo đúng quy định của Luật Hoạt động chữ thập đỏ năm 2008 [68] và Nghị định số 93/2021/NĐ-CP (Điều 16, 20, 21) [30]. Theo đó, khi tổ chức hoạt động vận động, Hội Chữ thập đỏ các cấp đã tiến hành mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại để tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện nhằm giúp đỡ các quốc gia khác bị thiên tai. Tổng số tiền tiếp nhận được sẽ được chuyển về tài khoản của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cùng với các hiện vật khác quyên góp được. Sau đó Hội Chữ thập đỏ Việt Nam sẽ phối hợp Bộ Ngoại giao thực hiện việc chuyển tiền và hiện vật cho quốc gia khác bị thiên tai.

Như vậy, nhìn chung các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân đã thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ pháp lý của mình theo quy định pháp luật hiện hành trong quá trình tiến hành hoạt động VĐTN các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT những năm qua. Trên cơ sở đó, các cuộc vận động đã huy động được nhiều tập thể, cá nhân trong và ngoài nước tham gia, đóng góp được một nguồn lực vô cùng quan trọng góp phần hỗ trợ các địa phương, người dân ở các nơi thiên tai xảy ra và gây hậu quả tác hại. Đa số các chủ thể tham gia hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đã tuân thủ, chấp hành, sử dụng nghiêm túc các quy định về cách thức, quy trình của hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, nhất là các thủ tục về công khai, minh bạch các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Các chủ thể được phép đứng ra vận động, quyên góp, tiếp nhận nguồn ĐGTN theo quy định của pháp luật đã thực hiện việc công khai đầy đủ, kịp thời các

thông tin có liên quan đến hoạt động VĐTN, phân phối và sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT bằng hình thức văn bản thông báo, niêm yết tại trụ sở làm việc và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta những năm qua thấy rằng, các hành vi lạm quyền của các tập thể, cá nhân vẫn diễn ra; biểu hiện cụ thể là các hành vi như: Thông tin không trung thực về mức độ thiệt hại do thiên tai để thu hút nguồn ĐGTN; hết thời gian VĐTN theo thông báo trước đó nhưng vẫn tổ chức tiếp nhận nguồn ĐGTN... Đặc biệt, cùng với sự phát triển của không gian mạng, nhất là mạng xã hội trong những năm qua, việc các đối tượng mạo danh các cơ quan, tổ chức để đứng ra kêu gọi, quyên góp cứu trợ thiên tai, thậm chí phát tán thông tin giả mạo, sai sự thật trên mạng xã hội về tình hình thiên tai nhằm quyên góp cứu trợ đã và đang diễn biến phức tạp. Đây thực chất là các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ví dụ: Vụ việc giả mạo trang Facebook của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Quảng Ninh kêu gọi ủng hộ người dân bị ảnh hưởng bởi cơn bão số Yagi năm 2024; vụ việc giả mạo Fanpage của Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ kêu gọi ủng hộ các gia đình bị ảnh hưởng bởi sự cố sập cầu Phong Châu tháng 9/2024; các vụ việc đưa tin giả về việc vỡ thủy điện ở Bát Xát - Lào Cai, vỡ đê ở Bắc Giang, vỡ đê Sông Cầu, vỡ đê ở Yên Lập - Phú Thọ... do hậu quả của cơn bão Yagi năm 2024...

Bên cạnh đó, việc thi hành pháp luật của các chủ thể tham gia VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT chưa đồng đều. Trong đó, việc thi hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ cũng như của các tổ chức, doanh nghiệp cơ bản được đảm bảo xuất phát từ tư cách pháp nhân và kinh nghiệm của các chủ thể này. Trong khi đó, việc thi hành pháp luật của các cá nhân, nhóm cá nhân có lúc, có nơi còn chưa nghiêm túc, nhất là trong giai đoạn trước tháng 10/2021, khi mà hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT được thực hiện theo Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16]. Trong giai đoạn này, mặc dù chưa có quy định cho phép các cá nhân và nhóm cá nhân tiến hành hoạt động vận động, quyên góp cứu trợ thiên tai nhưng vẫn có nhiều nhóm từ thiện, tập thể, cá nhân chưa nhận thức đầy đủ quy định của pháp luật, tự phát, tự ý tham gia hoạt động này. Vì vậy, nhiều trường hợp đã lợi dụng kẽ hở của

pháp luật để trực lợi hoặc chưa thực hiện công khai, minh bạch. Điều này đã gây ra bức xúc trong dư luận, sự hoài nghi của những người tham gia ĐGTN và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT. Sau khi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ ra đời (thay thế Nghị định số 64/2008/NĐ-CP) và một số văn bản pháp luật khác có liên quan cũng được ban hành hoặc bổ sung, chỉnh sửa, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói chung và hoạt động của các cá nhân và nhóm cá nhân đứng ra kêu gọi, vận động nói riêng đã được quản lý chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn.

3.2.1.3. Sử dụng pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Những năm qua, công tác xây dựng và ban hành pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT đã được Đảng, Nhà nước ta quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai. Hệ thống các văn bản pháp luật đã được ban hành, bổ sung, chỉnh sửa nhằm điều chỉnh các vấn đề liên quan đến vận động, quyên góp hỗ trợ thiên tai ở trong nước, tiếp nhận nguồn cứu trợ quốc tế và tham gia hỗ trợ các quốc gia trong khu vực và trên thế giới chịu hậu quả thiệt hại do thiên tai. Trong đó, hai văn bản pháp luật chủ yếu điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hoạt động VĐTN các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT đã được ban hành và tổ chức triển khai thực hiện, đó là Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16] và sau đó là Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30] (thay thế Nghị định số 64/2008/NĐ-CP). Bên cạnh đó, thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về VĐTN các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT, nhất là việc thông tin các vụ việc xảy ra sai phạm trong tiến hành hoạt động này trên các phương tiện thông tin đại chúng đã giúp nhận thức pháp luật của các tập thể, cá nhân khi hưởng ứng, tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai ở nước ta cũng ngày càng được nâng cao.

Hoạt động vận động, quyên góp cứu trợ thiên tai là vấn đề mang tính tự nguyện, tự giác. Khi có thiên tai xảy ra và gây thiệt hại, các phong trào vận động, quyên góp cứu trợ thiên tai lại được phát động trong cả nước. Do hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT cũng mang tính chất của hoạt động từ thiện, nhân đạo nên pháp luật Việt Nam không có các quy định bắt buộc đối với các

chủ thể phải tham gia hoạt động quyên góp, vận động hoặc đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Thực tiễn THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta những năm qua thấy rằng, nhận thức và năng lực của các chủ thể áp dụng pháp luật quy định về chủ thể tham gia hoạt động này đã từng bước được nâng lên. Qua công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về lĩnh vực này cũng như quá trình tự tìm hiểu, nhìn chung các chủ thể đã nắm được các quy trình, cách thức cần thực hiện và tiến hành theo quy định của pháp luật, nhờ đó góp phần giảm thiểu xảy ra các sai sót, vi phạm. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, nhất là Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30], việc bảo vệ quyền lợi của các tập thể, cá nhân tham gia VĐTN các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta những năm qua đã được bảo đảm hơn. Điều này xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT và ý thức, trách nhiệm của các chủ thể đứng ra thực hiện hoạt động này. Đồng thời, trước diễn biến phức tạp của tình hình thiên tai xảy ra ở nước ta trong những năm qua, trên cơ sở truyền thống nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam cùng với việc đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nên sự tham gia của các tập thể, cá nhân trong hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ngày càng đông đảo và hiệu quả hơn. Điển hình: Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ năm 2013 đến hết năm 2025, các chủ thể đã kêu gọi, VĐTN được tổng số tiền và hiện vật trị giá 63.680 tỷ đồng nhằm hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Trong đó, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai xảy ra ở trong nước là 63.248 tỷ đồng; hỗ trợ các quốc gia khác khắc phục hậu quả thiên tai là 432 tỷ đồng (*Xem Bảng 3.3 - Phụ lục*).

Những năm qua, các chủ thể được phép tiến hành VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT và các chủ thể tham gia ĐGTN đã sử dụng có hiệu quả các quyền của mình theo quy định của pháp luật; chưa phát hiện tập thể, cá nhân nào bị cưỡng ép tham gia hoạt động này. Các chủ thể này đều đảm bảo đủ năng lực pháp luật (năng lực hành vi dân sự đối với cá nhân và tư cách pháp nhân đối với tổ chức, doanh nghiệp) để tham gia hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Trong đó, các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp đã sử dụng có hiệu

quả các quyền theo quy định của pháp luật, đó là: Quyền tham gia hoặc không tham gia vận động, quyên góp; quyền lựa chọn hình thức (có thể là trực tiếp hoặc thông qua mạng internet, mạng xã hội) và phạm vi VĐTN, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN (ở trong nước hoặc nước ngoài, ở một hay nhiều địa bàn, lựa chọn đối tượng hỗ trợ là cá nhân hoặc hộ gia đình, cộng đồng, địa phương chịu thiệt hại do thiên tai) cũng như quyết định phương thức tiếp nhận, phân phối nguồn ĐGTN; quyền tham gia trực tiếp việc VĐTN, quản lý, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hoặc quyền chỉ tham gia VĐTN nguồn ĐGTN sau đó phối hợp chuyển giao nguồn ĐGTN đến các cơ quan, tổ chức được phép đứng ra VĐTN nguồn ĐGTN để tiếp tục thực hiện việc quản lý, phân phối, sử dụng; quyền tiếp nhận nguồn ĐGTN bằng tiền mặt hoặc hiện vật, hoặc cả tiền mặt và hiện vật; quyền phối hợp hoặc không phối hợp với chính quyền địa phương nơi xảy ra thiên tai để phân phối nguồn ĐGTN; quyền quyết định mức hỗ trợ và diện đối tượng hỗ trợ sau khi tiếp nhận nguồn ĐGTN (trừ trường hợp tiếp nhận và cam kết phân phối đến các địa chỉ theo yêu cầu của các tập thể, cá nhân tham gia ĐGTN)... Các tập thể, cá nhân tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đã thực hiện có hiệu quả một số quyền của mình theo quy định của pháp luật, đó là: Quyền tham gia hoặc không tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT; quyền chỉ tham gia hỗ trợ nhưng không tham gia vận động, quyên góp; quyền đưa ra các yêu cầu, đề nghị cụ thể về địa chỉ phân phối, sử dụng nguồn lực đóng góp của mình đối với các chủ thể đứng ra VĐTN; quyền được đảm bảo bí mật về danh tính khi tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai... Hưởng ứng lời kêu gọi đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai, các tập thể, cá nhân ở trong nước đã tích cực tham gia. Trong thực tiễn, đa số các tập thể, cá nhân sau khi tham gia đóng góp nguồn lực đều ủy thác và tin tưởng vào chủ thể đứng ra vận động, quyên góp, tiếp nhận trong quá trình phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN. Trong một số trường hợp, các tập thể, cá nhân tham gia đóng góp nguồn lực cứu trợ thiên tai đã đưa ra các yêu cầu và đề nghị cụ thể đối với các chủ thể đứng ra VĐTN về địa chỉ thực hiện việc phân phối, sử dụng nguồn lực đóng góp của mình hoặc đề nghị được đảm bảo bí mật về danh tính. Khi có các yêu cầu và đề nghị này, nhìn chung, các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp đều đáp ứng và đảm bảo trong quá trình thực hiện việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN.

Tuy nhiên, thực tiễn còn có nhiều chủ thể chưa nhận thức đầy đủ các mặt trái và tính chất nhạy cảm của hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, đặc biệt là trong các tình huống thiên tai, việc hỗ trợ khẩn cấp phù hợp với hoàn cảnh thực tế là rất khó khăn bởi lẽ tính chất, mức độ của mỗi loại hình thiên tai khác nhau và xảy ra ở các địa bàn cũng rất khác nhau về địa lý, dân cư, tình hình kinh tế - xã hội, văn hóa vùng miền... Vì vậy, hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ không chỉ mang tính khẩn trương, cấp bách, kịp thời mà còn phải phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi địa phương và loại hình thiên tai cần hỗ trợ. Điều này đã tạo ra những khó khăn nhất định đối với các chủ thể trong quá trình sử dụng pháp luật để áp dụng phù hợp và hiệu quả. Đây cũng chính là yếu tố tạo ra kẽ hở có thể bị đối tượng xấu lợi dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Vì vậy, nhiều trường hợp cá nhân đã lợi dụng kẽ hở của pháp luật để trục lợi hoặc chưa thực hiện công khai, minh bạch quá trình VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Điều này đã gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và sự hoài nghi của những người tham gia ĐGTĐ, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ.

3.2.1.4. Áp dụng pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Những năm qua, nhằm bảo đảm việc THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời phòng ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý các sai phạm, vi phạm xảy ra, các cơ quan chức năng có thẩm quyền đã chủ động triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động này. Việc thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT nhằm mục đích giúp cho hoạt động này được thực hiện công khai, minh bạch, công bằng, nguồn ĐGTĐ được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, hành vi trục lợi của các tập thể, cá nhân khi tham gia hoạt động này. Bên cạnh đó, việc tổ chức giám sát của các cơ quan thông tin đại chúng và của người dân đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT cũng được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả hơn những năm qua. Qua đó, một mặt giúp các chủ thể đứng ra VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ

khắc phục KKDDTT chủ động thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật, mặt khác kịp thời phát hiện các trường hợp sai phạm, vi phạm trong quá trình tiến hành hoạt động này. Ngoài ra, các cơ quan có thẩm quyền còn thực hiện giám sát đối với các hoạt động truyền thông đối ngoại nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi lợi dụng hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDDTT nhằm xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

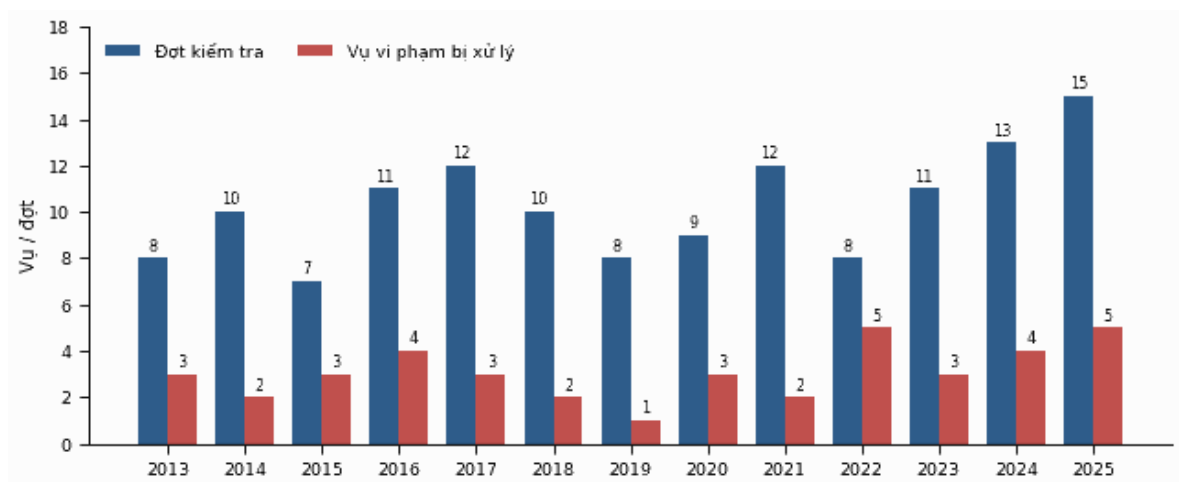
Ở nước ta, việc thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDDTT được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bởi các tập thể, cá nhân tham gia ĐGTĐ; bởi chính nội bộ cơ quan, đơn vị, tập thể đứng ra VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDDTT. Ngoài ra, việc giám sát đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDDTT của các chủ thể còn được thực hiện bởi các cơ quan thông tin đại chúng và đông đảo người dân trong cả nước. Quá trình thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta thường được thực hiện từ khi các chủ thể đưa ra lời kêu gọi quyên góp, VĐTĐ nguồn ĐGTĐ sau khi thiên tai xảy ra đến khi việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ được hoàn thành. Bên cạnh đó, việc kiểm tra, giám sát còn được thực hiện với một số trường hợp ngay cả sau khi đã kết thúc việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ khi có những thông tin cụ thể về tính thiếu công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDDTT.

Ví dụ: Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 13391/BTC-NSNN, ngày 04/12/2023 [13] về việc tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30]. Trong đó, qua phản ánh, kiến nghị của cử tri và nhân dân, tại một số địa phương còn xuất hiện tình trạng các tổ chức, cá nhân lợi dụng hoạt động từ thiện, nhân đạo để trục lợi, gây lo lắng trong dư luận xã hội và ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, Bộ Tài chính đã đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện VĐTĐ, phân phối và sử dụng các nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDDTT trên địa bàn đề hoạt động từ thiện thực hiện đảm bảo đúng hướng, hiệu lực, hiệu quả. Kịp thời phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật đối

với các hành vi bị nghiêm cấm, đặc biệt là việc lợi dụng công tác VĐTĐ, phân phối và sử dụng nguồn ĐGTĐ để trục lợi hoặc thực hiện các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ năm 2013 đến hết năm 2025, các cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện 134 đợt kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị, tập thể, cá nhân đứng ra VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT (Xem Bảng 3.5 và Bảng 3.6 - Phụ lục). Qua đó, đã phát hiện 40 vụ việc đề xảy ra sai sót, vi phạm pháp luật trong quá trình tổ chức hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Những sai sót, vi phạm đó thường là: Một số tập thể, cá nhân đứng ra VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT còn chưa thực hiện đầy đủ quy trình theo quy định của pháp luật trong tiến hành hoạt động này; việc phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT được thực hiện chưa có sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương nên một số trường hợp phân phối chưa đúng đối tượng, chưa công bằng, có đối tượng được hỗ trợ nhiều lần; một số tập thể, cá nhân có hành vi trục lợi trong quá trình thực hiện hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT; việc công khai, minh bạch trong hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT chưa thực sự được thực hiện nghiêm túc... Tương quan giữa số đợt kiểm tra và số vụ việc vi phạm được xử lý qua các năm được thể hiện tại Biểu đồ 3.3.

Biểu đồ 3.3. Kết quả kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện giai đoạn 2013 - 2025



Nguồn: Tổng hợp từ Bảng 3.5 và Bảng 3.6 - Phụ lục.

Kết quả đạt được trong công tác thanh tra, kiểm tra thấy rằng, việc áp dụng pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta được tập trung triển khai và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng. Trong đó, các cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành khởi tố và xử lý hình sự 11 vụ, 11 đối tượng; xử lý hành chính 29 vụ, 32 đối tượng (*Xem Bảng 3.6 - Phụ lục*). Ví dụ: Vụ việc đối tượng Huỳnh Nguyễn Quế Trâm, nguyên kế toán Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bình Phước lập chứng từ giả nhằm rút tiền cứu trợ lũ lụt để tiêu xài cá nhân trên 06 tỷ đồng; sau đó bị truy tố và Tòa án tuyên phạt mức án chung thân về tội Tham ô tài sản vào ngày 18/9/2015 và buộc bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Hay vụ việc ngày 12/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử đối với Lô Thị Minh Nhân, sinh năm 1982, nguyên Phó Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An và Lô Thị Soa, sinh năm 1990, nguyên Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, chiếm đoạt số tiền 37 triệu đồng từ nguồn đóng góp hỗ trợ người dân huyện Kỳ Sơn bị thiệt hại do lũ ống, lũ quét xảy ra vào tháng 10/2022. Có thể khẳng định, việc xử lý những hành vi vi phạm về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT là yêu cầu cấp bách và tất yếu, tạo ra hiệu ứng tích cực, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động này, đồng thời góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Cần lưu ý rằng, con số 40 vụ việc vi phạm bị phát hiện, xử lý nêu trên mới chỉ phản ánh phần vi phạm đã được cơ quan chức năng phát hiện và xử lý chính thức, chưa phản ánh đầy đủ quy mô vi phạm trên thực tế. Do hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ngày càng diễn ra phân tán, nhỏ lẻ, chủ yếu trên không gian mạng và thông qua tài khoản cá nhân, trong khi công tác thanh tra, kiểm tra chưa được tiến hành thường xuyên và cơ chế phát hiện vi phạm còn hạn chế, nên số vụ vi phạm trên thực tế có thể lớn hơn nhiều (ẩn số vi phạm cao). Các vụ việc điển hình được dẫn ở trên (như vụ Huỳnh Nguyễn Quế Trâm; vụ Lô Thị Minh Nhân và Lô Thị Soa...) là những trường hợp đã bị phát hiện, xử lý và nằm trong số 40 vụ việc nêu tại Bảng 3.6. Khoảng cách giữa quy mô vi phạm phản ánh trên thực tế và số vụ được phát hiện, xử lý cho thấy hiệu quả áp dụng pháp luật trong khâu phát hiện, xử lý vi phạm còn hạn chế, cần tiếp tục được tăng cường.

Tuy nhiên, thẳng thắn nhìn nhận thấy rằng, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT những năm qua chưa được tiến hành thường xuyên. Hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT còn được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau; giữa các quy định vẫn còn xảy ra sự chồng chéo, trong đó có việc giao nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động này. Ví dụ: Theo Điều 25, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30], các cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT gồm: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngoài ra, một số cơ quan, tổ chức khác cũng tham gia phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra như Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ, ngành khác có liên quan... Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 26, Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) [27], trách nhiệm thực hiện công tác kiểm tra đối với việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc về các cơ quan chủ quản gồm: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội; Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Ngoài ra, Bộ Tài chính thực hiện công tác kiểm tra việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính đối với các cơ quan chủ khoản viện trợ, đơn vị sử dụng viện trợ; Bộ Công an tham gia phối hợp kiểm tra các khoản viện trợ có yếu tố an ninh, bí mật Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của ngành Công an khi có yêu cầu và phối hợp kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc quản lý, sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai. Đặc biệt, chưa có chế tài xử lý nghiêm khắc đối với vi phạm xảy ra trong hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, nhất là đối với các cá nhân, tổ chức tư nhân. Thực tiễn này đã và đang có những ảnh hưởng nhất định đến việc tổ chức cũng như hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Bên cạnh đó, mặc dù khung pháp lý điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hoạt động VĐTĐ các nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT

hiện nay, nhất là sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 93/2021/NĐ-CP đã hoàn thiện hơn so với trước đây nhưng việc thực thi vẫn còn một số khó khăn, bất cập như: (1) Khó khăn trong quản lý, giám sát toàn diện, nhất là khi việc vận động, quyên góp diễn ra trên không gian mạng với quy mô nhỏ lẻ; (2) Một số quy định còn mang tính hình thức như: Việc "thông báo" với Ủy ban nhân dân xã của các cá nhân đôi khi chưa được thực hiện nghiêm túc hoặc chính quyền cơ sở còn lúng túng trong việc tiếp nhận thông tin và giám sát; (3) Năng lực thực thi của một số chủ thể còn hạn chế, thể hiện qua việc nhiều cá nhân có tấm lòng nhưng thiếu kỹ năng quản lý tài chính và lập kế hoạch phân phối, dẫn đến sử dụng nguồn lực chưa tối ưu và hiệu quả; (4) Việc xác định đối tượng hưởng lợi vẫn là bài toán khó thể hiện qua việc lập danh sách các hộ dân bị thiệt hại do thiên tai một cách chính xác, công bằng, tránh trùng lặp và bỏ sót vẫn là thách thức lớn đối với chính quyền cơ sở, nhất là trong bối cảnh thiên tai khẩn cấp.

Thực tiễn hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta những năm qua cho thấy, trong giai đoạn trước tháng 10/2021, khi Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16] có hiệu lực, do chưa có các quy định cụ thể đối với hoạt động của các cá nhân đứng ra vận động, quyên góp nên công tác quản lý của Nhà nước cũng như việc áp dụng pháp luật nhằm xử lý các cá nhân vi phạm rất khó thực hiện. Trong giai đoạn này, mặc dù xảy ra nhiều trường hợp các nhóm từ thiện, tập thể, cá nhân tự phát, tự ý tham gia vận động, quyên góp cứu trợ thiên tai nhưng việc phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm còn rất hạn chế. Sự ra đời của Nghị định số 93/2021/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 64/2008/NĐ-CP) là một bước ngoặt, nhằm giải quyết những hạn chế, bất cập của giai đoạn trước; hoạt động của các tập thể, cá nhân tham gia vận động, quyên góp cứu trợ thiên tai đã được kiểm soát chặt chẽ hơn. Nghị định này lần đầu tiên quy định việc cá nhân đứng ra VĐTN các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, trong đó quy định rõ việc cá nhân phải thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã và mở tài khoản riêng hoặc sổ ghi chép thu chi. Điều này đã hợp pháp hóa và đưa các hoạt động này vào khuôn khổ quản lý. Yêu cầu minh bạch được nâng cao rõ rệt thể hiện thông qua việc các tổ chức, cá nhân phải công khai thông tin về mục đích, thời gian, kết quả vận động và chi tiết việc phân phối trên các phương tiện thông tin hoặc tại địa phương. Sau việc hàng loạt nghi

vấn về sự minh bạch trong việc sử dụng tiền ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, cả người vận động và cộng đồng đã nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của việc công khai, minh bạch trong tiến hành hoạt động VĐTĐ các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Do đó, nhiều tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động này thời gian qua đã chủ động công khai sao kê, báo cáo tài chính chi tiết hơn trước. Hơn nữa, vai trò giám sát của cộng đồng và chính quyền cũng được nâng cao hơn thông qua việc người dân và các nhà hảo tâm đã có cơ sở pháp lý để yêu cầu thông tin và giám sát; chính quyền địa phương (đặc biệt là cấp xã) có vai trò rõ ràng hơn trong việc xác nhận đối tượng thiệt hại và phối hợp, giám sát hoạt động phân phối nguồn ĐGTN trên địa bàn.

Mặc dù đạt được những kết quả nhất định nhưng việc áp dụng pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta những năm qua vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Các cơ quan chức năng mới chỉ tập trung thực hiện việc thông tin thường xuyên trên các phương tiện truyền thông về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua mạo danh các cơ quan, tổ chức thực hiện VĐTĐ nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Hiệu quả phát hiện, xử lý các đối tượng vi phạm quy định pháp luật về chủ thể tham gia VĐTĐ nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT vẫn còn rất hạn chế trong bối cảnh nhiều vụ việc mạo danh các cơ quan, tổ chức đứng ra vận động, quyên góp cứu trợ thiên tai để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản vẫn diễn biến phức tạp trên mạng internet, mạng xã hội. Ví dụ: Vụ việc xảy ra vào tháng 6/2025, Nguyễn Hồng Hận và đồng phạm lập facebook “Hoa Sen”, “Thiện Tâm”, đăng ảnh thiệt hại do bão lũ, kêu gọi và đã nhận 3.502 giao dịch chuyển khoản vào tài khoản cá nhân, chiếm đoạt số tiền tổng cộng là 02 tỉ đồng. Bên cạnh đó, việc phát hiện, xử lý các chủ thể có hành vi lạm quyền khi tham gia VĐTĐ nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT cũng rất hạn chế do chưa có cơ chế giám sát thường xuyên và chưa đủ nguồn lực về con người, trang thiết bị, phương tiện, kinh phí để thực hiện việc giám sát.

3.2.2. Về nội dung thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Bên cạnh những kết quả đạt được về mặt hình thức việc thực hiện pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT trên phương diện nội dung quy

phạm pháp luật vẫn còn bộc lộ những vướng mắc, bất cập nhất định. Quá trình thực hiện các nội dung cụ thể của pháp luật được thể hiện trên các khía cạnh sau:

3.2.2.1. Về vận động và chủ thể tham gia vận động

Thực tiễn thực hiện nội dung pháp luật về chủ thể tham gia hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT cho thấy một sự chuyển biến lớn. Pháp luật hiện hành, đặc biệt là Nghị định số 93/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đã mở rộng danh sách chủ thể được phép đứng ra vận động từ các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện cho đến các cá nhân có đủ năng lực hành vi dân sự. Sự mở rộng này phù hợp với đòi hỏi thực tiễn, góp phần khơi dậy tinh thần tương thân tương ái và huy động được tối đa nguồn lực to lớn trong xã hội. Tuy nhiên, việc thực hiện quy định này cũng làm nảy sinh những thách thức không nhỏ. Tình trạng này khiến việc theo dõi dòng tiền, ngăn chặn rủi ro thất thoát hoặc lừa đảo trở nên vô cùng khó khăn. Việc này được thể hiện trên thực tế hiện nay có rất nhiều Quỹ xã hội từ thiện được hình thành và hoạt động trên Điều lệ riêng theo đặc thù của riêng của các quỹ nhưng quỹ nào cũng có thẩm quyền vận động quyên góp và hoạt động tài chính theo quy chế riêng đặc thù cho từng quỹ, tạo nên sự không đồng nhất, nguồn lực không tập trung và khó khăn cho việc quản lý đồng bộ. Báo cáo của Bộ Nội vụ (tính đến hết năm 2024), hiện nay cả nước có tổng cộng 3.081 quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Cụ thể, số lượng này được phân bố như sau: Có 101 quỹ hoạt động trên phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh. Có 2.980 quỹ hoạt động trong phạm vi địa phương (tỉnh, thành). Qua thực tiễn áp dụng đã bộc lộ rõ những ưu điểm nổi bật, song cũng đặt ra không ít những hạn chế, thách thức đối với công tác quản lý nhà nước.

**** Về ưu điểm***

Thứ nhất, thể hiện sự thành công của chủ trương "xã hội hóa" công tác nhân đạo, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần tương thân tương ái. Việc pháp luật công nhận và mở rộng chủ thể đã huy động được tối đa nguồn lực to lớn trong xã hội. Đặc biệt, sự ra đời và phát triển của các quỹ xã hội, quỹ từ thiện đã tạo ra một mạng lưới cứu trợ rộng khắp. Theo báo cáo của Bộ Nội vụ (tính đến hết năm 2024), hiện nay cả nước có tổng cộng 3.081 quỹ xã hội, quỹ từ thiện (trong đó có 101 quỹ hoạt động trên phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh và 2.980 quỹ hoạt động trong phạm vi địa

phương). Mạng lưới này giúp các hoạt động VDTN nguồn ĐGTN len lỏi đến từng cộng đồng, từng địa bàn cơ sở, phản ứng nhanh nhạy trước các tình huống thiên tai khẩn cấp.

Thứ hai, tính linh hoạt và chuyên biệt hóa cao. Với việc các quỹ được phép hoạt động theo Điều lệ riêng phù hợp với tôn chỉ, mục đích cụ thể, các tổ chức này có khả năng thiết kế các chiến dịch vận động linh hoạt, tiếp cận được nhiều tệp nhà hảo tâm khác nhau (doanh nghiệp, kiều bào, giới trẻ...), qua đó đa dạng hóa phương thức hỗ trợ và hình thức cứu trợ cho người dân vùng thiên tai.

** Về hạn chế*

Bên cạnh những ưu điểm, việc thực hiện quy định mở rộng chủ thể tham gia đang làm nảy sinh những rào cản và thách thức rất lớn về mặt quản trị và tuân thủ pháp luật:

Thứ nhất, rủi ro mất kiểm soát đối với cá nhân đứng ra vận động. Việc phải quản lý một số lượng quá lớn các cá nhân tự đứng ra kêu gọi đóng góp một cách tự phát thông qua các tài khoản ngân hàng cá nhân đã gây áp lực rất lớn cho công tác kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước. Tình trạng này khiến việc theo dõi dòng tiền, xác minh tính minh bạch và ngăn chặn rủi ro thất thoát hoặc lừa đảo trở nên vô cùng khó khăn, nhất là khi ranh giới giữa tài sản cá nhân và tiền từ thiện không được bóc tách rõ ràng bằng các biện pháp kỹ thuật số.

Thứ hai, sự phân tán nguồn lực và thiếu đồng bộ trong quản lý quỹ. Đây là bất cập lớn nhất mang tính hệ thống. Việc tồn tại tới 3.081 quỹ xã hội, quỹ từ thiện nhưng lại thiếu một "nhạc trưởng" điều phối chung đã dẫn đến tình trạng mạnh quỹ nào quỹ đó làm. Mỗi quỹ được hình thành và hoạt động trên Điều lệ riêng theo đặc thù của mình, có thẩm quyền vận động quyên góp và hoạt động tài chính theo quy chế nội bộ riêng. Sự đa dạng này vô hình trung tạo nên tính không đồng nhất về tiêu chuẩn kế toán, chuẩn mực giải trình và phương thức phân bổ. Điều này dẫn đến thực trạng nguồn lực cứu trợ tuy lớn nhưng không được tập trung, gây ra sự chồng chéo trong khâu phân phối, làm giảm hiệu quả tổng thể của hoạt động VDTN nguồn ĐGTN.

Thứ ba, gây khó khăn cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát. Với hàng ngàn quy chế hoạt động tài chính đặc thù khác nhau của hơn 3.000 quỹ và vô số cá

nhân, các cơ quan chức năng (Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, chính quyền địa phương) không thể áp dụng một bộ tiêu chí giám sát thống nhất. Việc thiếu một cơ sở dữ liệu quốc gia dùng chung để liên thông thông tin tài chính giữa các quỹ khiến cho công tác hậu kiểm thường diễn ra chậm trễ, lúng túng và khó phát hiện kịp thời các hành vi trục lợi, sử dụng sai mục đích.

Như vậy việc mở rộng chủ thể tham gia VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT là một bước tiến về mặt lập pháp, nhưng thực tiễn thi hành đang đòi hỏi phải nhanh chóng có các giải pháp đồng bộ hóa (đặc biệt là chuẩn hóa quy chế tài chính và số hóa nền tảng quản lý tập trung) để khắc phục tình trạng tản mạn, "trăm hoa đua nở" nhưng thiếu minh bạch và kém hiệu quả như hiện nay.

3.2.2.2. Về tiếp nhận, quản lý nguồn đóng góp và bảo đảm công khai, minh bạch

Thực tiễn áp dụng nội dung pháp luật về trình tự, thủ tục VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT cho thấy có sự phân hóa rõ rệt ở các giai đoạn thực hiện. Trong khâu khởi tạo đợt vận động (như lập tài khoản riêng, thông báo mục đích vận động trên phương tiện thông tin đại chúng và thông báo với chính quyền sở tại), cơ bản đã được các chủ thể, bao gồm cả các cá nhân, thực hiện tương đối tốt, tuân thủ đúng định hướng của pháp luật.

Song, vướng mắc lớn nhất trong thực tiễn thực hiện nội dung pháp luật này lại nằm ở khâu kết thúc đợt VĐTĐ nguồn ĐGTĐ. Việc thực hiện nghĩa vụ khóa tài khoản tiếp nhận đúng thời hạn cam kết, thực hiện báo cáo quyết toán tài chính và công khai danh sách phân phối của nhiều nhóm cá nhân thường diễn ra một cách chắp vá, thiếu chuyên nghiệp. Các báo cáo thu chi này phần lớn làm theo cảm tính, liệt kê đơn giản, không đạt các chuẩn mực về nghiệp vụ kế toán và thường xuyên thiếu hóa đơn chứng từ hợp lệ. Hậu quả của việc thực hiện pháp luật không triệt để này đã dẫn đến các cuộc "khủng hoảng truyền thông sao kê" trong dư luận (điển hình như sau đợt bão lụt miền Trung năm 2020). Thực trạng đó không chỉ gây ra những tranh cãi pháp lý phức tạp, tạo áp lực cho cơ quan điều tra mà còn làm xói mòn nghiêm trọng niềm tin của quần chúng nhân dân và các nhà hảo tâm vào hoạt động từ thiện tự nguyện.

Đi sâu phân tích, sự thiếu minh bạch và lúng túng trong giải trình tài chính không chỉ xảy ra đối với các cá nhân tự phát, mà ngay cả ở cấp độ các tổ chức chuyên nghiệp được Nhà nước giao nhiệm vụ cũng đang bộc lộ những khoảng trống lớn về quản trị dữ liệu. Điển hình, theo thống kê của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, hằng năm báo cáo tiếp nhận nguồn lực lên đến hàng vài trăm tỷ đồng trong mỗi chương trình vận động từ cấp Trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, để xuất trích một con số thực tế rõ ràng, chi tiết, đồng bộ theo văn bản và minh chứng cụ thể trên toàn hệ thống thì lại không thể thực hiện chính xác; các con số báo cáo phần nhiều vẫn mang tính chất tổng hợp để phục vụ truyền thông. Ví dụ thực tế: Đối với các dự án lớn, các nhà tài trợ thường cam kết hỗ trợ theo các giai đoạn dài hạn như 3 năm hay 5 năm. Thế nhưng, trên báo cáo hàng năm lại không phản ánh được con số chính xác đã giải ngân theo từng năm và quá trình tiếp nhận ở cơ sở diễn ra như thế nào, mà thường chỉ ghi nhận con số tổng mức hỗ trợ theo cam kết ban đầu.

Thực tiễn này minh chứng rõ nét cho việc hệ thống pháp luật hiện hành về VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT vẫn đang quản lý trên bề mặt hồ sơ giấy tờ mà thiếu đi cơ chế điều chỉnh số hóa. Từ đó cho thấy, để bảo đảm nội dung công khai, minh bạch đi vào thực chất, yêu cầu cấp thiết hiện nay là pháp luật phải bắt buộc xây dựng và ứng dụng hệ thống số hóa sổ sách, đồng bộ hóa dữ liệu trên "Nền tảng tiếp nhận và phân bổ" quốc gia, thay vì chỉ dựa vào các báo cáo mang tính ước lệ như hiện nay.

3.2.2.3. Về phân phối, sử dụng nguồn lực

Theo quy định đã phân tích tại mục 2.2.3 của luận án, các chủ thể khi thực hiện phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN bắt buộc phải có sự liên hệ, phối hợp với Ủy ban nhân dân hoặc Mặt trận Tổ quốc nơi tiếp nhận hỗ trợ để được hướng dẫn, nhằm đảm bảo đúng đối tượng và an toàn. Đối chiếu với tiêu chí tính hợp pháp, thực tiễn cho thấy mức độ tuân thủ nghĩa vụ này còn thấp: nhiều đoàn từ thiện, nhóm cá nhân do tâm lý muốn trao quà tận tay, hoặc e ngại thủ tục hành chính, đã cố tình bỏ qua khâu phối hợp này để tự đi phát quà. Hậu quả tất yếu của việc không thông qua đầu mối điều phối thống nhất là sự phân bổ nguồn lực không đồng đều - nơi có giao thông thuận lợi thì nhận được quá nhiều hỗ trợ, nơi vùng sâu vùng xa lại không có.

Thêm vào đó, việc phân phối không dựa trên nhu cầu thực tiễn khiến nhiều hàng hóa không thiết thực bị ứ đọng, lãng phí, trong khi những hộ dân thực sự cần cứu trợ khẩn cấp lại không có tên trong danh sách được hỗ trợ.

3.2.2.4. Về kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Việc thực hiện các nội dung quy định pháp luật về kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hiện nay gặp nhiều khó khăn, vướng mắc xuất phát từ sự chồng chéo về thẩm quyền giữa nhiều cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các cấp).

Đặc biệt, đối với khâu tiếp nhận các dự án viện trợ quốc tế khẩn cấp theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) của Chính phủ, quy trình thủ tục hành chính hiện hành vẫn còn nhiều điểm vướng mắc, tạo ra rào cản lớn đối với tính "khẩn cấp" của hoạt động cứu trợ. Thực tiễn công tác tiếp nhận nguồn viện trợ quốc tế tại Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (trực tiếp tại các Ban chuyên môn như Ban Đối ngoại và Phát triển, Ban Truyền thông) cho thấy, để một dự án viện trợ được phê duyệt tiếp nhận, cơ quan đầu mối phải tiến hành thủ tục xin ý kiến hiệp ý của rất nhiều bộ, ngành liên quan như: Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Tài chính... Quá trình luân chuyển hồ sơ và chờ hoàn thiện thủ tục phê duyệt này đối với một số dự án có thể kéo dài lên tới gần 02 tháng. Sự ách tắc về mặt thủ tục hành chính này đã làm triệt tiêu tính cấp thiết, làm lỡ mất "thời điểm vàng" trong công tác cứu trợ nhân đạo tại các vùng xảy ra thiên tai.

Hơn nữa, về nội dung chế tài xử lý vi phạm, các quy định xử phạt hiện hành đối với những hành vi sai phạm có quy mô nhỏ, hoặc những sai sót xuất phát từ nguyên nhân chủ quan như "thiếu kinh nghiệm kế toán", vận động "theo cảm tính" của các cá nhân nhìn chung chưa đủ sức răn đe.

Đáng chú ý, thực tiễn áp dụng pháp luật của các cơ quan chức năng đang vấp phải sự lúng túng lớn do hệ thống quy phạm chưa phân định rạch ròi ranh giới giữa vi phạm hành chính (ví dụ: sai sót về trình tự, thủ tục thông báo, chậm trễ trong báo cáo quyết toán) và vi phạm hình sự (ví dụ: hành vi lạm dụng tín nhiệm, lừa đảo chiếm đoạt tài sản) trong bối cảnh thiện nguyện. Hệ quả là, các cơ quan thực thi pháp luật phải tiêu tốn rất nhiều thời gian trong việc xác minh động cơ, mục đích và

các yếu tố cấu thành tội phạm. Điều này không chỉ gây quá tải cho các cơ quan điều tra mà còn làm giảm đi tính nghiêm minh, tính răn đe và sự điều chỉnh kịp thời của pháp luật đối với hoạt động VDTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Tại nguồn ở Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam hiện nay còn nhiều tổ chức cá nhân chuyển tiền vào tài khoản ủng hộ và có đơn xin hoàn lại với lý do chuyển nhầm tiền dẫn tới việc tổng hợp xử lý và tìm kiếm nguồn gốc của nguồn hỗ trợ khó khăn đặc biệt là chống rửa tiền.

3.3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

Việc đánh giá dưới đây được thực hiện theo sáu tiêu chí đã xác định tại mục 2.2.5 của luận án, gồm: tính hợp pháp; tính kịp thời; bảo đảm nguyên tắc tự nguyện; công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; đúng mục đích, đúng đối tượng, công bằng và hiệu quả trong phân phối; hiệu quả phối hợp, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Mỗi nhận định về kết quả đạt được hoặc hạn chế dưới đây đều được đối chiếu với một hoặc một số tiêu chí trong số đó.

Về nguồn dữ liệu phục vụ đánh giá, luận án sử dụng ba nguồn: văn bản pháp luật và báo cáo chính thức của các cơ quan có thẩm quyền; số liệu thống kê giai đoạn 2013 - 2025; và kết quả phỏng vấn sâu 20 cán bộ trực tiếp tổ chức thực hiện. Cần lưu ý rằng dữ liệu phỏng vấn phản ánh góc nhìn của phía tổ chức thực thi, chưa bao gồm tiếng nói trực tiếp của người đóng góp, người thụ hưởng, cá nhân vận động độc lập và doanh nghiệp. Do đó, đối với các nội dung liên quan đến trải nghiệm của người thụ hưởng và người đóng góp, luận án chủ yếu dựa trên báo cáo giám sát, kết quả thanh tra, kiểm tra và các vụ việc đã được xử lý, không suy rộng từ dữ liệu phỏng vấn.

Về cách xử lý số liệu, luận án thống nhất áp dụng hai nguyên tắc sau. Thứ nhất, về quy đổi giá trị hiện vật: đối với nguồn đóng góp bằng hàng hóa, nhu yếu phẩm, trang thiết bị, luận án sử dụng giá trị đã được chính cơ quan, tổ chức tiếp nhận quy đổi và ghi nhận trong báo cáo, quyết toán của đợt vận động, không tự quy đổi theo giá thị trường tại thời điểm nghiên cứu; những khoản hiện vật không được cơ quan tiếp nhận quy đổi thành tiền thì được mô tả định tính, không cộng vào tổng

giá trị. Thứ hai, về loại trừ trùng lặp: do một khoản đóng góp có thể được ghi nhận đồng thời ở cấp tiếp nhận và cấp phân phối, hoặc được tính ở cả báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước và báo cáo của tổ chức vận động, luận án chỉ lấy số liệu tại đầu mối tiếp nhận đầu tiên của từng đợt vận động; nguồn đóng góp tự nguyện trong nước và viện trợ quốc tế khẩn cấp được tách thành hai dòng số liệu độc lập, không cộng gộp. Những trường hợp không thể bóc tách được phần trùng lặp từ báo cáo gốc đều được chú thích rõ tại bảng số liệu tương ứng.

3.3.1. Những kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

** Ưu điểm trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam.*

Những năm qua, trên cơ sở hệ thống các văn bản, quy định pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT được các cơ quan nhà nước ban hành, quá trình tổ chức THPL về lĩnh vực này đã được triển khai nhằm điều chỉnh các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động của các chủ thể có liên quan. Quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta những năm qua có những ưu điểm sau:

Một là, pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta được xây dựng ngày càng cụ thể, rõ ràng, minh bạch hơn. (Đánh giá theo tiêu chí tính hợp pháp - mục 2.2.5).

Điều đó thể hiện qua việc Chính phủ ban hành Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 về VĐTN, phân phối và sử dụng các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo [30] thay thế cho Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16]. Đây là một bước tiến lớn trên phương diện xây dựng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta, trong đó đã quy định rõ về mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, chủ thể, cách thức, quy trình tiến hành hoạt động này. Đồng thời, yêu cầu công khai, minh bạch trong quá trình VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT cũng được quy định rõ ràng, cụ thể và chặt chẽ hơn. Đặc biệt, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP đã chính thức thừa nhận và đưa hoạt động của các tổ chức, đội nhóm, cá nhân khi tiến hành hoạt

động vận động, quyên góp hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai vào khuôn khổ pháp luật. Ngoài ra, quy định pháp luật về tiếp nhận nguồn cứu trợ quốc tế nhằm khắc phục hậu quả thiên tai cũng đã được Chính phủ ban hành thông qua Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) [27] và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam [28] (đã được thay thế bởi Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, ngày 08/12/2025 [35]). Hệ thống pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT hiện nay đã bước đầu đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, qua đó góp phần khuyến khích các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể và quần chúng nhân dân tham gia vận động, quyên góp và hưởng ứng tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai.

Hai là, nhận thức pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT của các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ngày càng được nâng cao. (Đánh giá theo tiêu chí tính hợp pháp và tiêu chí bảo đảm nguyên tắc tự nguyện - mục 2.2.5).

Những năm qua, cùng với quá trình triển khai hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT, nhận thức pháp luật về lĩnh vực này của các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nhất là các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp và chủ thể hưởng ứng tham gia ĐGTN ngày càng được nâng cao hơn. Các chủ thể này đã kịp thời cập nhật và nắm các quy định pháp luật về lĩnh vực này và thực hiện nghiêm túc. Trong đó, các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp đã nhận thức ngày càng đầy đủ hơn về quy trình, cách thức VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT, nhất là các quy định về công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện hoạt động này. Các chủ thể tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai cũng đã nhận thức ngày càng rõ hơn các quyền của mình, đặc biệt là quyền đưa ra các yêu cầu đối với các chủ thể vận động, quyên góp. Trên cơ sở đó, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta được triển khai ngày càng hiệu quả hơn, đã góp phần huy động nhanh chóng, hiệu quả nguồn lực to lớn trong xã hội để hỗ trợ người dân ở các địa bàn chịu thiệt hại do thiên tai. Sau mỗi đợt thiên tai xảy ra và gây thiệt hại

ở các địa phương, địa bàn, các tập thể và cá nhân đã đứng ra vận động, quyên góp được hàng chục, hàng trăm, thậm chí hàng nghìn tỷ đồng và nhiều loại hàng hóa khác ở cả trong nước và ngoài nước để thực hiện việc cứu trợ thiên tai. Ngoài ra, Việt Nam còn chủ động tham gia hỗ trợ người dân ở một số quốc gia trên thế giới và khu vực chịu thiệt hại do thiên tai gây ra ở các nước này. Trong đó, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT đã được triển khai nhanh chóng, kịp thời hơn trong việc hỗ trợ người dân ở các địa bàn, qua đó thể hiện rõ tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái và sức mạnh của toàn dân trong giải quyết các vấn đề về an sinh xã hội, từ thiện, nhân đạo.

Ba là, việc tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT của các chủ thể có liên quan đã có những chuyển biến tích cực và hiệu quả đạt được ngày càng cao hơn. (Đánh giá theo tiêu chí tính hợp pháp và tiêu chí tính kịp thời - mục 2.2.5).

Cùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta cũng như đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực này, nhận thức của các chủ thể có liên quan ngày càng được nâng cao. Từ đó, việc tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta đã có những chuyển biến tích cực và ngày càng hiệu quả hơn. Điều đó thể hiện thông qua việc các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp đã nắm rõ và tuân thủ ngày càng tốt hơn các quy định pháp luật về quy trình, cách thức và chủ động hơn trong quá trình thực hiện việc VĐTN, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN, góp phần hạn chế vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong tiến hành hoạt động này. Đặc biệt, sự công khai, minh bạch và thực hiện có hiệu quả trách nhiệm giải trình của các tập thể, cá nhân trong thực hiện VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở Việt Nam đã được nâng cao rõ rệt. Trên cơ sở các quy định pháp luật và quá trình tổ chức THPL về lĩnh vực này, việc công khai, minh bạch và thực hiện trách nhiệm giải trình của các tập thể, cá nhân đã không còn là yếu tố "khuyến khích" mà thực sự đã trở thành yêu cầu gần như bắt buộc từ cộng đồng. Theo đó, các tập thể, cá nhân đã chủ động hơn trong việc công khai, minh bạch các hoạt động, nhất là về vấn đề tài chính, hàng hóa huy động được và quá trình phân phối, sử dụng để khắc phục hậu quả thiên tai gây ra ở các địa

bàn. Bên cạnh đó, các chủ thể tham gia ĐGTN cũng chủ động hơn trong việc thực hiện các quyền của mình mà pháp luật cho phép như: Quyền yêu cầu phân phối, sử dụng nguồn lực đóng góp theo đúng địa chỉ cụ thể; về bảo mật thông tin về danh tính (nếu có). Không chỉ có vậy, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta đã được tập trung tiến hành và hiệu quả đạt được ngày càng cao hơn, qua đó kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về lĩnh vực này.

Bốn là, công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm của các tập thể, cá nhân trong tham gia VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đạt được những kết quả quan trọng, ngày càng hiệu quả và kịp thời hơn. (Đánh giá theo tiêu chí công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình - mục 2.2.5).

Những năm qua, công tác phòng ngừa vi phạm pháp luật xảy ra trong quá trình tiến hành hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đã được các cơ quan, tổ chức, nhất là các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh thực hiện thông qua việc thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực này; thông tin về các vụ việc vi phạm pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của các tập thể, cá nhân nhằm góp phần răn đe và giáo dục chung. Bên cạnh đó, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan có thẩm quyền hoặc chính nội bộ cơ quan, đơn vị, tập thể đứng ra VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đã tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Ngoài ra, các tập thể, cá nhân tham gia ĐGTN cũng thực hiện việc giám sát đối với hoạt động của các chủ thể đứng ra kêu gọi, quyên góp nhằm đảm bảo nguồn lực mà mình đóng góp đến được các địa chỉ ở các vùng chịu thiệt hại do thiên tai. Đặc biệt, việc giám sát hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT còn được thực hiện bởi các cơ quan thông tin đại chúng và đông đảo người dân. Sau khi phát hiện các vụ việc vi phạm pháp luật trong quá trình tiến hành hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, các cơ quan có thẩm quyền đã nhanh chóng triển khai công tác kiểm tra, xác minh, điều tra, làm rõ, thu thập các tài liệu, chứng cứ làm cơ sở áp dụng hình thức xử lý đối với các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

** Nguyên nhân của ưu điểm trong THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam.*

Những ưu điểm nêu trên trong THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta những năm qua xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, công tác xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện pháp luật cũng như việc tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ngày càng được quan tâm, chú trọng thực hiện.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, những năm qua công tác xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta đã được quan tâm, chú trọng thực hiện. Hệ thống pháp luật về lĩnh vực này đã được hình thành và thể hiện trong nhiều văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành. Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước ta, thực hiện công tác quản lý nhà nước và xây dựng, tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ đã luôn chú trọng đến việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT và chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương trong cả nước tổ chức thực hiện pháp luật về lĩnh vực này. Trên cơ sở tham mưu của các Bộ, ngành liên quan, Chính phủ đã ban hành các Nghị định cũng như các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hướng dẫn THPL về PCTT nói chung và những quy định pháp luật cụ thể về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT nói riêng. Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành, địa phương đã ban hành các Thông tư, Quyết định nhằm cụ thể hóa và hướng dẫn tổ chức THPL về lĩnh vực này. Khi tiến hành xây dựng văn bản pháp luật về lĩnh vực này, các cơ quan chức năng đã tạo mọi điều kiện và cơ chế để các cơ quan, tổ chức và quần chúng nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, đồng thời tham khảo kinh nghiệm lập pháp quốc tế trước khi ban hành. Do đó, khi các văn bản pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta được ban hành đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ cao của xã hội. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng đã rất chú trọng đến việc rà soát nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, vướng mắc để kịp thời bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện các văn bản, quy định pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT để phù hợp với thực tiễn. Nhờ đó, khung pháp lý quy định và điều

chính hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta đã được hình thành và từng bước hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn. Pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT đã luật hóa các yêu cầu về công khai, minh bạch, tạo cơ sở pháp lý cho việc giám sát và yêu cầu giải trình; đồng thời quy định rõ hơn trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, là cơ sở để chủ động tham gia thay vì bị động như trước đây. Sự lắng nghe và phản ứng chính sách kịp thời của Nhà nước trước những yêu cầu và bất cập từ thực tiễn, nhất là “cuộc khủng hoảng truyền thông sao kê” năm 2021 chính là chất xúc tác quan trọng thúc đẩy quá trình thay đổi pháp luật. Hệ thống pháp luật về lĩnh vực này đã được quan tâm xây dựng, qua đó bước đầu tạo ra khung pháp lý cũng như là cơ sở để tổ chức thực hiện có hiệu quả pháp luật về lĩnh vực này. Không chỉ có vậy, các cơ quan, tổ chức, nhất là các cơ quan thông tin đại chúng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, qua đó góp phần không ngừng nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân, từ đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả việc tổ chức THPL. Trong đó, sự phát triển của truyền thông và mạng xã hội đã trở thành kênh kết nối, lan tỏa thông tin cực kỳ hiệu quả, phổ biến, tuyên truyền rộng rãi và nhanh chóng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT.

Thứ hai, việc thực hiện và bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT là chủ trương nhất quán và được Đảng, Nhà nước ta quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động vận động, quyên góp hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai.

Dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái từ ngàn đời và được phát huy cao độ trong những giai đoạn đất nước xảy ra chiến tranh hoặc khi có thiên tai, địch họa. Đảng, Nhà nước ta là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân nên việc thực hiện các chính sách từ thiện, nhân đạo nói chung VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng luôn là vấn đề được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện về cơ chế, chính sách, pháp luật và nguồn lực cần thiết để các tập thể, cá nhân tham gia thực hiện. Bên cạnh đó, cùng với các nguồn lực của Nhà nước đầu tư cho việc khắc phục hậu quả

thiên, việc huy động nguồn lực trong xã hội từ nguồn ĐGTN là vấn đề hết sức cần thiết nhằm thực hiện chủ trương chung của Đảng, Nhà nước trong việc huy động sức mạnh của toàn dân trong bảo vệ, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của các vùng miền, địa phương, địa bàn nói riêng. Bởi vì, khi thiên tai xảy ra và gây thiệt hại ở những mức độ khác nhau, cấp ủy, chính quyền và quần chúng nhân dân ở các địa phương rất cần có sự hỗ trợ của Nhà nước và của xã hội, nhất là những nhu yếu phẩm cần thiết nhằm khắc phục khó khăn và sớm ổn định và trở lại cuộc sống bình thường. Việc nâng cao hiệu quả thực hiện và bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT là một trong những yếu tố quan trọng góp phần huy động sự tham gia đồng đảo của các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, quần chúng nhân dân đối với công tác này. Do đó, đây là chủ trương nhất quán và được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trong suốt những năm qua và thời gian tới nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta. Hoạt động này đã và đang được Đảng, Nhà nước tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong tổng thể thực hiện chính sách từ thiện, nhân đạo cũng như bảo vệ và phục hồi kinh tế của đất nước nói chung. Đồng thời, quá trình tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT có sự chỉ đạo, điều hành thống nhất, quyết liệt của Chính phủ, của các Bộ, ngành liên quan và sự vào cuộc của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương các cấp, nhất là người đứng đầu. Bên cạnh đó, Chính phủ, các Bộ, ngành và cấp ủy, chính quyền địa phương luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi, đồng thời thực hiện cơ chế quản lý, kiểm toán, thanh tra, kiểm tra nhằm đảm bảo hiệu quả của quá trình THPL về lĩnh vực này.

Thứ ba, nhận thức của các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể và quần chúng nhân dân, nhất là của các chủ thể tiến hành hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT và tham gia ĐGTN về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo đảm THPL về lĩnh vực này ngày càng được nâng cao.

Việc tổ chức thực hiện và bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT là yêu cầu hết sức cần thiết đặt ra trong bối cảnh nước ta là một trong những quốc gia thường xuyên xảy ra thiên tai gây ra những ảnh hưởng thiệt hại vô cùng to lớn đến đời sống của nhân dân ở các vùng miền, địa phương, địa bàn.

Mỗi khi có thiên tai xảy ra và gây hậu quả, trong cả nước lại phát động phong trào vận động, quyên góp hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào bị thiệt hại. Hoạt động này mang tính tự giác, tự nguyện, đồng thời theo quy định pháp luật hiện nay, nhiều chủ thể gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cũng như các tập thể, cá nhân đều được phép đứng ra vận động, quyên góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Do đó, hoạt động này phải được Nhà nước quản lý chặt chẽ thông qua hệ thống pháp luật và quá trình tổ chức THPL nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra. Bởi vì, khi xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật của các tập thể, cá nhân đứng ra vận động, quyên góp sẽ ảnh hưởng đến niềm tin của các chủ thể tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai cũng như của quần chúng nhân dân, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động này.

Thứ tư, quá trình tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta nhận được sự đồng tình, hưởng ứng mạnh mẽ của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đoàn thể và đông đảo quần chúng nhân dân và sự chia sẻ của quốc tế.

Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT là một dạng hoạt động từ thiện, nhân đạo cụ thể, bởi khi thiên tai xảy ra và gây ra thiệt hại, đời sống người dân ở các vùng thiên tai gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, thậm chí trong nhiều trường hợp không thể duy trì cuộc sống nếu không nhận được sự cứu trợ. Tuy nhiên, mỗi khi có thiên tai xảy ra ở nước ta thì phong trào vận động, quyên góp và hưởng ứng tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai lại diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Điều đó thể hiện truyền thống đoàn kết, nhân văn, nhân đạo, tương thân, tương ái của dân tộc Việt Nam. Không cần phải có điều kiện kinh tế mới tham gia mà các tập thể, cá nhân luôn sẵn sàng đóng góp tùy theo điều kiện thực tế của mình trên tinh thần “lá lành đùm lá rách”, “lá rách ít đùm lá rách nhiều”, “một miếng khi đói bằng một gói khi no”. Trong khi đó, việc THPL và bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT góp phần đảm bảo hoạt động này được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, ngăn ngừa xảy ra những vi phạm, đồng thời góp phần phát huy cao giá trị và ý nghĩa nhân văn của hoạt động này. Khi pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT

được bảo đảm thực hiện trong thực tế sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động này, thu hút đông đảo các tập thể, cá nhân trong và ngoài nước tham gia.

Thứ năm, trong quá trình tổ chức THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã rút ra những kinh nghiệm cần thiết nhằm thực hiện có hiệu quả hơn pháp luật về lĩnh vực này.

Kinh nghiệm ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, là việc nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của mỗi chủ thể qua những lần tham gia VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT; những cách thức, quy trình hiệu quả mà các chủ thể rút ra trong quá trình tham gia hoạt động này nhằm đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và nâng cao chất lượng, hiệu quả; phát hiện những hạn chế, thiếu sót, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức THPL để kịp thời kiến nghị, đề xuất với cơ quan chức năng có biện pháp khắc phục và điều chỉnh... Kinh nghiệm ở đây bao gồm kinh nghiệm của các tập thể, cá nhân đứng ra tổ chức hoạt động vận động, quyên góp và tham gia ĐGTĐ trong việc tuân thủ, thi hành, sử dụng các quy định pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta. Thông thường, các chủ thể này có xu hướng tích cực tham gia nhiều lần vận động, quyên góp và ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai. Sau mỗi lần tham gia, các chủ thể này tự rút ra kinh nghiệm cũng như tham khảo, học tập kinh nghiệm của các chủ thể khác nhằm tổ chức thực hiện nghiêm túc pháp luật về lĩnh vực này, qua đó ngày càng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, lan tỏa hoạt động này rộng hơn và thu hút ngày càng đông đảo hơn các tập thể, cá nhân tham gia.

3.3.2. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Bên cạnh việc đạt được những kết quả đáng trân trọng, trong thực tiễn quá trình THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta những năm qua vẫn còn bộc lộ những hạn chế sau:

Một là, chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về VĐTĐ, tiếp nhận nguồn ĐGTĐ chưa đạt mục tiêu đề ra, dẫn đến tình trạng sai lệch trong nhận thức và tuân theo pháp luật của các chủ thể. (Đánh giá theo tiêu chí tính hợp pháp - mục 2.2.5).

Những năm qua, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đã được các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể ở Trung ương và địa phương triển khai thực hiện. Tuy nhiên, nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực này còn chậm được đổi mới, chưa thực sự phong phú, đa dạng, có lúc, có nơi chưa được tiến hành thường xuyên nên hiệu quả đạt được còn chưa cao. Điều đó dẫn đến nhiều tập thể, cá nhân còn chưa nhận thức sâu sắc và đầy đủ các quy định pháp luật về lĩnh vực này. Trong thực tế vẫn còn tình trạng một bộ phận tập thể, cá nhân tham gia hoạt động vận động, quyên góp mang tính tự phát, chưa thực hiện theo đúng cách thức, quy trình, quy định của pháp luật. Thậm chí, có những giai đoạn xảy ra các vụ việc gây tranh cãi, thiếu minh bạch trong dư luận quần chúng nhân dân và trên mạng xã hội liên quan đến một số cá nhân là những người nổi tiếng tham gia VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, nhiều tập thể, cá nhân có tâm lý “rụt rè”, “e ngại” khi tham gia hoạt động này. Bên cạnh đó, một số tập thể, cá nhân cũng có tâm lý cẩn trọng hơn khi hưởng ứng tham gia ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, bởi trong họ xuất hiện “tâm lý hoài nghi” không biết liệu nguồn lực mà mình tham gia đóng góp có đến được với người dân ở các địa bàn chịu ảnh hưởng thiệt hại do thiên tai hay không. Tất cả các yếu tố nêu trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả tiến hành hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta.

Kết quả phỏng vấn sâu cán bộ thực tiễn do nghiên cứu sinh thực hiện (xem Phụ lục) làm rõ thêm một nguyên nhân trực tiếp của hạn chế này: đội ngũ trực tiếp tổ chức thực hiện ở cấp cơ sở phần lớn là cán bộ kiêm nhiệm, không phải nhân sự chuyên trách, trình độ nghiệp vụ không đồng đều nên lúng túng khi áp dụng các quy định về chứng từ, hạch toán, phân loại nguồn kinh phí và công khai tài chính (ý kiến PV01, PV03, PV05, PV06, PV11, PV15, PV20). Đáng chú ý, một số vi phạm của cá nhân, nhóm tự phát như không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, không mở tài khoản riêng, không niêm yết công khai được đánh giá xuất phát chủ yếu từ thiếu hiểu biết pháp luật trong tình huống khẩn cấp chứ không phải từ ý thức cố tình, khiến cơ quan chức năng khó xác định nên nhắc nhở, hướng dẫn hay xử phạt (ý kiến PV13). Điều này cho thấy hạn chế trong phổ biến, giáo dục pháp luật không

chỉ dừng ở nhận thức của người đóng góp mà còn biểu hiện ở năng lực áp dụng pháp luật của chính đội ngũ thực thi.

Hai là, việc thực hiện các quy trình, thủ tục bắt buộc (đặc biệt là nghĩa vụ công khai, minh bạch) của các chủ thể vận động còn có những trường hợp chưa nghiêm túc; đồng thời, quyền giám sát của chủ thể đóng góp chưa được thực thi hiệu quả trên thực tế. (Đánh giá theo tiêu chí công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình - mục 2.2.5).

Hạn chế nghiêm trọng trong khâu tuân thủ pháp luật thể hiện ở việc nhiều tổ chức, cá nhân khi đứng ra vận động đã bỏ qua hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng thời hạn các bước quy định về công khai, minh bạch tài chính, báo cáo quyết toán nguồn lực thu được. Thậm chí, xuất hiện các hành vi cố ý lệch chuẩn, lợi dụng danh nghĩa từ thiện để trục lợi, vi phạm pháp luật hình sự. Ở chiều ngược lại, khâu sử dụng pháp luật cũng gặp hạn chế lớn khi các chủ thể đóng góp (người dân, doanh nghiệp) chưa chủ động hoặc thiếu cơ chế khả thi để thực hiện quyền giám sát đối với quá trình tiếp nhận, phân phối. Sự thiếu hụt các yêu cầu giám sát mang tính pháp lý từ phía người dân đã vô hình trung làm giảm tính tự giác của các chủ thể vận động, tạo kẽ hở cho các hành vi sai phạm phát sinh.

Điều này thể hiện thông qua việc vẫn còn tình trạng còn một bộ phận các tập thể, cá nhân đứng ra VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT chưa chấp hành đúng các quy định về cách thức, quy trình thực hiện hoạt động này, đặc biệt là việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch. Vẫn còn có các tập thể, cá nhân lợi dụng việc VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT để trục lợi cá nhân, vi phạm pháp luật dẫn đến bị xử lý, tạo ra những ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả tiến hành hoạt động này. Bên cạnh đó, nhiều tập thể, cá nhân tham gia ĐGTN chưa thực sự chú ý và chủ động đưa ra những yêu cầu nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và hiệu quả của hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT cũng như thực hiện việc giám sát chặt chẽ đối với các chủ thể đứng ra vận động, quyền góp trong quá trình tiếp nhận, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT để từ đó giảm thiểu các hành vi sai phạm.

Kết quả phỏng vấn sâu (xem Phụ lục) chỉ ra tính chất không đối xứng của việc công khai trên thực tế: phần lớn chủ thể vận động chỉ công khai được “đầu vào” thông qua sao kê tài khoản ngân hàng, trong khi khâu chứng minh “đầu ra” - hóa đơn, chứng từ mua hàng, biên bản bàn giao cho người dân - còn sơ sài, dễ phát sinh nghi vấn (ý kiến PV05, PV08, PV15). Nguyên nhân không hoàn toàn thuộc về ý thức tuân thủ mà còn ở khoảng trống của khuôn khổ hướng dẫn: hiện chưa có mẫu biểu công khai thống nhất áp dụng chung cho mọi chủ thể, chưa có biểu mẫu đơn giản hóa dành cho cá nhân vận động, nên hình thức và mức độ chi tiết của thông tin công khai giữa các chủ thể rất khác nhau (ý kiến PV02, PV05). Bên cạnh đó, ý kiến từ cấp thành phố phản ánh một vướng mắc mang tính hệ thống là sự chồng chéo giữa hai chế độ kế toán cùng áp dụng cho một chủ thể: đơn vị sự nghiệp công lập hoặc tổ chức hội có sử dụng ngân sách nhà nước vừa phải tuân thủ chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC, vừa phải áp dụng Thông tư số 41/2022/TT-BTC đối với nguồn vận động đóng góp (ý kiến PV08). Ở chiều tích cực, các ý kiến cũng ghi nhận Nghị định số 93/2021/NĐ-CP đã phát huy hiệu quả rõ rệt ở một điểm cụ thể: yêu cầu cá nhân vận động mở tài khoản riêng, đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã và công khai sao kê đã làm giảm đáng kể tình trạng “trộn lẫn” tài khoản cá nhân với tiền quyên góp (ý kiến PV08).

Ba là, việc thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, tổ chức trong nước còn thiếu đồng bộ, chậm trễ; các phương thức hợp tác quốc tế trong tiếp nhận, điều phối nguồn đóng góp tự nguyện chưa được tối ưu hóa. (Đánh giá theo tiêu chí hiệu quả phối hợp và tiêu chí tính kịp thời - mục 2.2.5).

Trong khâu tổ chức thi hành pháp luật, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ và các lực lượng xã hội vẫn mang tính sự vụ, thiếu một cơ chế vận hành thông suốt và chia sẻ thông tin dữ liệu theo thời gian thực. Sự phối hợp lỏng lẻo này dẫn đến hiện tượng cứu trợ chồng chéo hoặc bỏ sót địa bàn khi thiên tai xảy ra. Đối với hoạt động hợp tác quốc tế, hạn chế lớn nhất là hệ thống pháp luật hiện hành chưa tạo ra hành lang pháp lý linh hoạt, đa dạng để thu hút và tiếp nhận nhanh chóng các nguồn lực viện trợ tự nguyện từ các tổ chức quốc tế và phi chính phủ. Nội dung hợp tác chủ yếu dừng lại ở việc tiếp nhận thụ động bằng tiền hoặc hàng hóa thông thường, chưa mở rộng sang các

phương thức hợp tác kỹ thuật, chuyên gia, hay các giải pháp tài chính chia sẻ rủi ro thiên tai mang tính bền vững.

Trong quá trình triển khai hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói chung và THPL về lĩnh vực này nói riêng, tất yếu phát sinh mối quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành, cơ quan, đoàn thể, lực lượng cũng như với các tập thể, cá nhân liên quan. Ngoài ra, còn có quan hệ phối hợp giữa các cơ quan chức năng của Việt Nam với các tổ chức quốc tế và cơ quan chức năng các nước trên thế giới trong tiếp nhận nguồn viện trợ quốc tế hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai hoặc trong thực hiện việc hỗ trợ các quốc gia khác chịu thiệt hại của thiên tai. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT những năm qua cho thấy, hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành, cơ quan, đoàn thể, lực lượng cũng như với các tập thể, cá nhân tham gia hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT triển khai THPL về lĩnh vực này tuy đã đạt được những kết quả nhất định nhưng có lúc, có nơi còn hạn chế, chưa được phát huy cao độ và chưa tương xứng với yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, mặc dù các cơ quan, tổ chức của Việt Nam đã rất tích cực triển khai hoạt động hợp tác quốc tế trong vận động, tiếp nhận nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói chung và trong THPL về lĩnh vực này nói riêng nhưng kết quả đạt được còn khiêm tốn. Điều này thể hiện thông qua một số vấn đề như: Sự hỗ trợ của quốc tế và của các cơ quan chức năng các nước đối Việt Nam trong nỗ lực phòng ngừa, giảm tác hại của thiên tai ở nước ta chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh; sự tham gia của Việt Nam trong nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế nhằm phòng ngừa, giảm tác hại của thiên tai còn hạn chế, chưa thường xuyên; nội dung, hình thức hợp tác quốc tế trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT còn chưa phong phú, đa dạng...

Kết quả phỏng vấn sâu (xem Phụ lục) cung cấp những dữ kiện định lượng cho thấy mức độ cụ thể của hạn chế này. Ở cấp tỉnh, quy trình xin chủ trương tiếp nhận phải đi qua nhiều tầng: tổ chức tiếp nhận trình văn kiện xin ý kiến cơ quan chuyên môn, cơ quan này tiếp tục xin ý kiến các sở liên quan, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến thường trực Tỉnh ủy rồi mới ban hành quyết định tiếp nhận; riêng bước lấy ý kiến các sở, ngành thường mất ít nhất một tháng (ý kiến PV08, PV14, PV19). Có trường hợp việc áp dụng hình thức ghi

thu ghi chi đối với nguồn ngân sách dự án phải chờ thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, nếu không kịp thì phải chờ kỳ họp tiếp theo, thời gian chờ đợi có khi lên tới vài tháng (ý kiến PV04). Đáng chú ý nhất, mặc dù Nghị định số 50/2020/NĐ-CP quy định thời hạn phê duyệt khẩn cấp 03 ngày đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi hồ sơ hợp lệ, trên thực tế có khoản viện trợ mất từ 50 đến 60 ngày để hoàn tất thẩm định và phê duyệt (ý kiến PV12) - tức là khoảng cách giữa thời hạn luật định và thời gian thực tế là rất lớn. Hệ quả là hàng “cứu trợ khẩn cấp” trở thành “hỗ trợ phục hồi”, làm mất giá trị sử dụng cao nhất của nguồn lực, phát sinh chi phí lưu kho, hư hỏng, hết hạn sử dụng và ảnh hưởng đến quan hệ với đối tác, nhà tài trợ, thậm chí dẫn đến nguy cơ đối tác quốc tế chuyển hướng nguồn lực ưu tiên sang quốc gia có cơ chế tiếp nhận linh hoạt hơn (ý kiến PV08, PV12, PV20).

Cần lưu ý rằng gánh nặng thủ tục không phân bổ đều. Đối chiếu các ý kiến cho thấy những đơn vị ở địa phương chỉ tiếp nhận dự án đã được cấp Trung ương hoàn thiện thủ tục pháp lý thì không gặp vướng mắc hành chính, nhưng do thời gian thực hiện dự án ngắn nên độ trễ ở khâu trước chuyển thành việc dồn nén khối lượng công việc và tăng rủi ro sai sót dữ liệu ở khâu triển khai cuối (ý kiến PV15). Như vậy, vướng mắc nằm ở khâu xin ý kiến, phê duyệt chủ trương tiếp nhận chứ không ở năng lực tiếp nhận, phân phối của địa phương. Bên cạnh đó, ý kiến từ cơ quan tham mưu chính sách ở Trung ương cho rằng một phần độ trễ còn phát sinh ở giai đoạn chuẩn bị, ký kết viện trợ giữa hai nhà nước và ở thời hạn thực hiện quá ngắn so với thực tế, ví dụ thủ tục ký thỏa thuận cấp nhà nước đối với một khoản viện trợ mất 02 tháng, một khoản khác bị giải ngân chậm gần 04 tháng, trong khi bản thân thời gian thiên tai có thể kéo dài gần hai tháng đã chiếm gần hết thời hạn cứu trợ khẩn cấp (ý kiến PV17, PV18). Hai cách nhận diện này không loại trừ nhau mà phản ánh hai đoạn khác nhau của cùng một quy trình.

Bốn là, thực thi kiểm soát, giám sát các phương thức vận động trên không gian mạng còn bất cập; nguyên tắc "tự nguyện" của pháp luật chưa được thực hiện triệt để. (Đánh giá theo tiêu chí bảo đảm nguyên tắc tự nguyện và tiêu chí công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình - mục 2.2.5).

Thực tiễn THPL đang bộc lộ khoảng trống lớn trong việc quản lý, giám sát các chiến dịch VĐTN quy mô nhỏ hoặc các hoạt động quyên góp trực tuyến

(online) trên mạng xã hội, dẫn đến khó khăn trong khâu phòng ngừa, phát hiện sớm các hành vi gian lận, tiêu cực hay quản lý quỹ sai quy cách. Đáng chú ý, một hạn chế rất nghiêm trọng trong tổ chức thi hành pháp luật tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp là hiện tượng biến tướng, "hành chính hóa" hoạt động nhân đạo. Việc áp đặt định mức, giao chỉ tiêu quyền góp bắt buộc, hoặc tự ý khấu trừ lương của cán bộ, công chức để đạt thành tích thi đua là hành vi áp dụng sai lệch nghiêm trọng tinh thần và nguyên tắc "tự nguyện" được quy định trong luật. Hạn chế này không chỉ làm giảm tính nhân văn, triệt tiêu động lực tự giác của người dân mà còn tạo ra áp lực hành chính không đáng có trong đời sống kinh tế - xã hội.

Trong thực tiễn triển khai hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, vẫn còn nhiều cá nhân đứng ra vận động, quyền góp ở quy mô nhỏ chưa tuân thủ quy định về thông báo cho chính quyền, đồng thời quá trình thực hiện việc giám sát hàng nghìn cuộc vận động, quyền góp nguồn lực hỗ trợ nguồn lực khắc phục hậu quả thiên tai được thực hiện online (qua mạng internet, mạng xã hội) đã và đang đặt ra thách thức rất lớn. Trong khi đó, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT được tổ chức bởi các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội vẫn còn xảy ra tình trạng thiếu quản lý, kiểm soát dẫn đến tham nhũng và tiêu cực. Mỗi khi có thiên tai xảy ra và gây thiệt hại, nhiều cơ quan nhà nước cũng tham gia VĐTN nguồn ĐGTN của cán bộ thuộc cơ quan mình. Theo quy định của pháp luật, các cơ quan này sẽ chuyển nguồn lực quyền góp được đến Ban Vận động Trung ương, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi bị thiên tai. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong quá trình triển khai các quy trình này luôn có nguy cơ phát sinh hành vi tham nhũng, tiêu cực, phổ biến nhất là: Quản lý quỹ tiền, hàng cứu trợ không đúng cách; hành vi chiếm đoạt một phần nguồn ĐGTN làm của riêng của cán bộ trong các cơ quan nhà nước; giả mạo danh sách nhận tiền, hàng cứu trợ để chiếm đoạt. Từ những mặt tiêu cực này đã ảnh hưởng đến niềm tin của người dân vào sự công khai, minh bạch, công bằng trong tiến hành hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Bên cạnh đó, vẫn còn xảy ra tình trạng hành chính hóa hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT dẫn đến ảnh hưởng đến ý nghĩa cao đẹp, nhân văn, nhân đạo, tính chất tự nguyện, tự giác nhằm kêu gọi, khơi dậy và phát huy tinh thần tương thân, tương ái của cán bộ,

đảng viên và quần chúng nhân dân. Trong đó, nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương đã ấn định định mức hoặc giao chỉ tiêu cần đạt được trong các đợt vận động, quyên góp. Trên cơ sở đó, các cán bộ được giao nhiệm vụ tham mưu triển khai hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đã áp dụng nhiều “kỹ thuật” khác nhau để đạt được các định mức hoặc chỉ tiêu này như: Khấu trừ một khoản nhất định từ tiền lương của cán bộ đang công tác hoặc hưu trí; đặt ra là một tiêu chí để đánh giá thi đua... Nếu vấn đề này vẫn tiếp diễn trong thực tiễn sẽ dần tạo tâm lý không thoải mái, miễn cưỡng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân khi tham gia hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả và ý nghĩa của hoạt động này.

Kết quả phỏng vấn sâu (xem Phụ lục) xác nhận mức độ của hiện tượng này và bổ sung những hệ lụy chưa được phản ánh đầy đủ trong các báo cáo chính thức. Một ý kiến từ Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đánh giá việc ấn định mức đóng góp, khấu trừ lương và gán tiêu chí thi đua đang diễn ra “khá phổ biến” ở một số địa phương và cơ quan, với mục đích hoàn thành sớm chỉ tiêu hoặc tối đa hóa việc huy động nguồn lực (ý kiến PV12). Biểu hiện được mô tả cụ thể ở ba dạng: giao chỉ tiêu và phân bổ mức đóng góp bình quân theo đầu người dưới hình thức “vận động tự nguyện trên cơ sở chỉ tiêu phân bổ”; bộ phận tài chính - kế toán khấu trừ trực tiếp vào bảng lương trước khi chi trả mà không hỏi ý kiến hoặc lấy sự đồng thuận trước; và lấy mức độ hoàn thành chỉ tiêu làm tiêu chí cứng trong bình xét thi đua, xếp loại tổ chức Đảng, công đoàn và xét khen thưởng (ý kiến PV06, PV15, PV20).

Ba hệ lụy đáng lưu ý được chỉ ra từ thực tiễn. Thứ nhất, hiện tượng đóng góp trùng lặp: cán bộ, công chức, viên chức đã bị trừ lương để đóng góp tại cơ quan nhưng về nơi cư trú vẫn phải tiếp tục đóng góp theo chỉ tiêu chung của thôn, gắn với đánh giá việc chấp hành quy định nơi cư trú hằng năm (ý kiến PV07). Thứ hai, định mức không chỉ tạo áp lực tài chính mà còn tạo áp lực về danh dự, vì khoản ủng hộ thấp hơn định mức bị nhìn nhận thiên lệch, người đóng góp bị đánh giá là thiếu lòng nhân ái; đồng thời việc có quá nhiều quỹ và đợt vận động cùng diễn ra trong năm khiến hoạt động gây quỹ trở thành sự phiền nhiễu đối với người dân, doanh nghiệp (ý kiến PV08). Thứ ba, và nghiêm trọng nhất về mặt nguyên tắc, nguồn lực của địa phương bị đem hỗ trợ địa bàn khác khiến chính những đối tượng cần được

hỗ trợ tại địa phương bị thiệt thòi, thậm chí có trường hợp người đang bị thiệt hại, tổn thương do thiên tai, thay vì được nhận hỗ trợ, lại phải đóng góp (ý kiến PV08). Trường hợp này cho thấy việc “hành chính hóa” không chỉ vi phạm nguyên tắc tự nguyện mà còn làm sai lệch chính mục đích của hoạt động cứu trợ.

Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn cũng cho thấy hiện tượng này không phải là phổ biến đồng đều: ba ý kiến từ cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương cho biết tại cơ quan mình không có tình trạng ấn định mức đóng góp, khấu trừ lương hoặc gắn tiêu chí thi đua (ý kiến PV16, PV17, PV18), và có ý kiến cho rằng mức khấu trừ chỉ mang tính tham chiếu và việc kêu gọi cứu trợ khi đồng bào bị thiên tai là chính đáng (ý kiến PV10). Điều này cho thấy hiện tượng “hành chính hóa” phát sinh chủ yếu ở khâu tổ chức vận động tại cơ sở, không phải từ chủ trương ở cấp hoạch định chính sách - một nhận định có ý nghĩa khi xác định địa chỉ của giải pháp chấn chỉnh.

Những hạn chế nêu trên trong THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta những năm qua xuất phát từ các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta chưa thực sự hoàn thiện và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra hiện nay.

Khung pháp lý về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta có giai đoạn chậm đổi mới so với sự phát triển của đời sống xã hội, thiếu dự báo về tác động của sự phát triển khoa học - công nghệ. Đặc biệt, Nghị định số 64/2008/NĐ-CP [16] ra đời và tồn tại suốt 13 năm. Khi đó, hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta vẫn chủ yếu do Nhà nước tiến hành và chưa phát huy được tối đa các nguồn lực trong xã hội. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, diện mạo đất nước đã có nhiều thay đổi, điều đó đã tạo ra "khoảng trống pháp lý" cho hoạt động từ thiện cá nhân gia tăng nhanh trên mạng xã hội, dẫn đến nhiều hệ lụy. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra với tốc độ nhanh, ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống xã hội. Với sự phát triển của mạng internet, mạng xã hội, ngân hàng điện tử... đã tác động và dẫn đến hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT được tổ chức dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật về lĩnh vực này được xây dựng và ban hành còn thiếu tính dự báo liên quan đến vấn đề này nên còn thiếu các quy định để điều chỉnh kịp thời. Hệ thống pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc

phục KKDTT ở nước ta hiện nay chưa hoàn thiện, còn có những quy định chồng chéo, việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về lĩnh vực này còn chậm. Pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT được quy định trong nhiều văn bản pháp luật do Nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương ban hành. Hiện nay, ở nước ta chưa có văn bản pháp luật chung, thống nhất dưới dạng Luật Từ thiện, nhân đạo gồm các quy định về từ thiện nhân đạo nói chung và về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói riêng. Ngoài ra, trong các quy định pháp luật về lĩnh vực này còn xảy ra sự chồng chéo, chưa cập nhật kịp với sự phát triển của xã hội, của khoa học - công nghệ và tính thích ứng nhanh khi xử lý tình huống cấp bách khi thiên tai xảy ra; chế tài đặt ra đối với các hành vi vi phạm chưa đủ sức răn đe. Thực trạng các tổ chức, cá nhân đứng ra quyên góp nguồn lực phục vụ thực hiện hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói riêng nhưng không thành lập quỹ theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP, ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện [26] mà kêu gọi đóng tiền vào tài khoản riêng của tổ chức, cá nhân vẫn diễn ra khá phổ biến những năm qua. Có thể các tổ chức, cá nhân này không có mục đích trục lợi, nhưng việc không thành lập quỹ theo quy định sẽ dẫn đến nguy cơ nhiều người lợi dụng việc làm từ thiện, nhân đạo để trục lợi, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Những năm trước đây, do chưa có quy định pháp luật cụ thể nên vai trò của các cá nhân trong việc VĐTN, phân phối và sử dụng các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT mang tính tự phát, thiếu sự quản lý của nhà nước. Ví dụ: Việc xảy ra các vụ việc nghi ngờ về tính minh bạch trong hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của một số người nổi tiếng là ca sĩ, diễn viên, người nổi tiếng trên mạng xã hội những năm qua. Điều này dẫn đến không khuyến khích, thậm chí tạo ra những rào cản người dân tham gia hoạt động này, mặt khác tạo ra những lỗ hổng khó kiểm soát đối với các cá nhân đứng ra huy động, kêu gọi quyên góp, dẫn đến trường hợp các đối tượng xấu lợi dụng đứng ra kêu gọi, vận động để trục lợi. Điều này nếu vẫn tái diễn sẽ dẫn đến tâm lý người dân và xã hội có cái nhìn tiêu cực đối với hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói riêng, nhiều tập thể, cá nhân có tâm lý rụt rè, e ngại khi tham gia hoạt động này.

Hạn chế nêu trên bộc lộ rõ nhất ở nhóm chủ thể là cá nhân vận động độc lập, văn nghệ sĩ, người có ảnh hưởng trên mạng xã hội và các nhóm thiện nguyện tự phát. Xét về địa vị pháp lý, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP đã thừa nhận quyền vận động của cá nhân, nhưng chưa xác định rõ tư cách pháp lý của họ trong quan hệ với người đóng góp: khoản tiền chuyển vào tài khoản cá nhân được coi là tài sản ủy quyền, tài sản nhận gửi giữ hay tài sản tặng cho có điều kiện vẫn chưa được pháp luật định danh. Xét về trách nhiệm pháp lý, sự không rõ ràng về tư cách nói trên dẫn đến khó xác định ranh giới giữa vi phạm nghĩa vụ dân sự về sử dụng tài sản đúng mục đích và hành vi có dấu hiệu lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; đồng thời chưa có căn cứ pháp lý rõ ràng để buộc cá nhân vận động phải công khai số thu, số chi theo một biểu mẫu và thời hạn thống nhất, hay phải hoàn trả phần nguồn lực không sử dụng hết. Xét về rủi ro phát sinh, giai đoạn 2020 - 2022 cho thấy ba loại rủi ro nổi bật: rủi ro sử dụng nguồn đóng góp sai mục đích hoặc chậm giải ngân kéo dài; rủi ro thiệt hại uy tín cho cả hệ thống hoạt động nhân đạo khi phát sinh tranh chấp bị dư luận theo dõi; và rủi ro dòng tiền lớn chạy qua tài khoản cá nhân không chịu cơ chế giám sát tương đương với quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Đối chiếu với tiêu chí tính hợp pháp và tiêu chí công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, đây là nhóm chủ thể có mức độ đáp ứng thấp nhất, trong khi lại có khả năng huy động nguồn lực nhanh và lớn nhất.

Bên cạnh đó, các Bộ, ngành, địa phương còn chậm trễ trong việc ban hành văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Ví dụ: Nghị định số 93/2021/NĐ-CP về VĐTĐ, phân phối và sử dụng các nguồn ĐGTĐ hỗ trợ nhân dân khắc phục KKĐTT, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo [30] được Chính phủ ban hành ngày 27/10/2021, tuy nhiên đến nay chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện; chưa có quy định cụ thể về việc ủng hộ, đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục KKĐTT thực hiện thông qua việc nhắn tin trên điện thoại di động. Hay Nghị định số 50/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36]) quy định về tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ khẩn cấp để cứu trợ khắc phục hậu quả do thiên tai do Chính phủ ban hành ngày 20/4/2020 [27] chưa có hướng dẫn thực hiện cụ thể. Việc tiếp nhận nguồn viện trợ quốc tế là hàng hóa còn phát sinh khó khăn, vướng mắc

khi thực hiện các thủ tục thông quan, kê khai hàng hóa xác nhận viện trợ. Bởi vì, theo quy định pháp luật hiện nay, để thông quan được hàng hóa thì hồ sơ gửi đến cơ quan Hải quan phải có xác nhận viện trợ của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, hồ sơ cần thiết kèm theo Tờ khai xác nhận viện trợ theo quy định gồm: Các tài liệu, chứng từ là căn cứ để kê khai xác nhận viện trợ từng lần như các chứng từ nhập khẩu, chứng từ mua hàng hoá và thuê dịch vụ trong nước, quyết định trúng thầu và hợp đồng giao nhận thầu (hợp đồng nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu, hợp đồng xây dựng, hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng tư vấn), biên bản nghiệm thu, bàn giao, quyết toán công trình xây dựng do nước ngoài viện trợ; thông báo giải ngân hoặc chứng từ chuyển tiền của nhà tài trợ và các tài liệu khác có liên quan. Quy định này dẫn đến tình trạng để thông quan hàng hóa viện trợ thì trong hồ sơ cần phải có xác nhận viện trợ, nhưng để có xác nhận viện trợ thì cần phải có các chứng từ nhập khẩu và biên bản bàn giao, nghiệm thu. Điều này là không khả thi để thực hiện một chiều trong thực tế cho nên trong hầu hết các đợt tiếp nhận hàng hóa viện trợ khẩn cấp, Tổng cục PCTT (nay là Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai sau khi tổ chức lại bộ máy) phải có sự hỗ trợ và tạo điều kiện của cơ quan Hải quan trong việc “cho nợ” văn bản xác nhận viện trợ để bổ sung sau. Ngoài ra, các bên viện trợ chỉ thực hiện viện trợ chi phí trước thuế, do đó gặp khó khăn trong việc thực hiện thủ tục hoàn thuế giá trị gia tăng.

Thứ hai, nhận thức, trách nhiệm trong tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của một bộ phận tập thể, cá nhân còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Do nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật cũng như trình độ, kỹ năng chuyên môn trong tổ chức THPL của một bộ phận tập thể, cá nhân tham gia VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT còn hạn chế nên khi xảy ra thiên tai vẫn còn nhiều trường hợp tập thể, cá nhân đứng ra VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT một cách tự phát, riêng lẻ. Điều này dẫn đến các nguồn ĐGTN bị phân tán và không được sử dụng có hiệu quả. Một số tập thể, cá nhân tham gia ĐGTN mà không chú trọng đến việc xác minh, tìm hiểu kỹ về các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp, tiếp nhận và mục đích sử dụng nguồn lực quyên góp được của các chủ thể này. Một số cá nhân còn lợi dụng sự phát triển của mạng internet,

mạng xã hội, sự thiếu cảnh giác của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng đã đứng ra VĐTN nguồn ĐGTN sau đó sử dụng không đúng mục đích hoặc chiếm đoạt, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến mục đích, ý nghĩa nhân văn, nhân đạo của các phong trào vận động, quyên góp nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai.

Thứ ba, hệ thống tổ chức và các nguồn lực đầu tư cho việc tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta chưa thực sự được kiện toàn và còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra hiện nay.

Những năm qua, các cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao cho nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN khắc phục KKDTT cũng như đội ngũ cán bộ của các cơ quan, tổ chức này chưa được kiện toàn, trình độ, kỹ năng của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, nguồn kinh phí, phương tiện, chế độ, chính sách hỗ trợ trong việc tổ chức THPL về lĩnh vực này còn gặp nhiều khó khăn. Trong đó, kinh phí đầu tư, phương tiện hỗ trợ triển khai xây dựng, ban hành, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta cũng rất hạn chế do khó khăn chung. Điều đó đã ảnh hưởng nhất định đến chất lượng, hiệu quả triển khai các hoạt động cụ thể liên quan đến VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Thứ tư, việc triển khai quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành, cơ quan, đoàn thể, lực lượng cũng như với các tập thể, cá nhân tham gia THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và quan hệ hợp tác quốc tế trong quá trình tổ chức THPL về lĩnh vực này có lúc, có nơi chưa được tiến hành thường xuyên, chặt chẽ, nội dung, hình thức chưa phong phú, đa dạng.

Có thể thấy, cơ chế tiến hành các hoạt động phối hợp giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, địa phương trong thực hiện công tác quản lý nhà nước, giữa các chủ thể tham gia ở trong nước và giữa cơ quan chức năng Việt Nam với các tổ chức quốc tế và cơ quan chức năng các nước trên thế giới và khu vực liên quan đến VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói chung và trong THPL về lĩnh vực này những năm qua còn thiếu linh hoạt, đồng thời chưa được quy định một cách toàn diện về cách thức, quy trình về thực hiện quan hệ phối hợp và hợp tác quốc tế giữa các chủ thể khi tiến hành VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục

KKDTT trong các văn bản pháp luật về lĩnh vực này. Do đó, trên thực tế vẫn còn có các tập thể, cá nhân tham gia VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT tự phát, không chấp hành nghiêm quy định của pháp luật, nhất là quy định về VĐTN, phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN dẫn đến khó kiểm soát và có nguy cơ xảy ra vi phạm, thiếu minh bạch. Ngoài ra, mặc dù các cơ quan, tổ chức của Việt Nam đã rất tích cực triển khai hoạt động hợp tác quốc tế trong VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói chung và trong THPL về lĩnh vực này nói riêng nhưng kết quả đạt được còn khiêm tốn, chưa tương xứng với yêu cầu của thực tiễn tình hình. Sự tham gia của Việt Nam trong nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế nhằm phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của thiên tai còn hạn chế, chưa thường xuyên; nội dung, hình thức hợp tác quốc tế về lĩnh vực này còn chưa thực sự phong phú, đa dạng... Đặc biệt, quan hệ hợp tác quốc tế còn thiếu cơ chế thực hiện việc trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong thực hiện công tác xây dựng pháp luật cũng như THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Thứ năm, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về các vấn đề có liên quan đến THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT chưa thực sự được triển khai thường xuyên và hiệu quả đã ảnh hưởng nhất định đến quá trình THPL về lĩnh vực này.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động cụ thể liên quan đến THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm là nội dung hết sức cần thiết. Bởi vì, thông qua triển khai các nội dung này sẽ góp phần giúp các cơ quan quản lý cũng như các chủ thể trực tiếp triển khai các hoạt động đánh giá toàn diện về quá trình tổ chức triển khai theo quy định của pháp luật, những kết quả đạt được, nhất là việc rút ra những ưu điểm để tiếp tục phát huy trong thời gian tiếp theo, những cách làm hay và mô hình hiệu quả để nhân rộng. Bên cạnh đó, sẽ kịp thời phát hiện những hạn chế, thiếu sót, nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót, những khó khăn, vướng mắc, những vi phạm, sai phạm xảy ra để có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh hoặc xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, những năm qua, việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về các vấn đề có liên quan chưa thực sự được triển khai thường xuyên và hiệu quả đã ảnh hưởng nhất định đến chất lượng, hiệu quả của quá trình tổ chức THPL về lĩnh vực này.

Kết luận chương 3

Chương 3 nghiên cứu thực trạng thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2025 trên hai phương diện: theo bốn hình thức thực hiện pháp luật gồm tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng pháp luật; và theo các công đoạn của hoạt động vận động, tiếp nhận. Chương cũng phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân theo sáu tiêu chí đã xác định tại mục 2.2.5.

Có thể thấy, trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, hệ thống pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta đã được tập trung xây dựng và ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các vấn đề có liên quan đến hoạt động vận động, quyên góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai. Trên cơ sở đó, pháp luật về lĩnh vực này đã được các chủ thể có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, qua đó đảm bảo việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra các hành vi vi phạm của các tập thể, cá nhân tiến hành hoạt động này. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được trong thực tiễn quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT vẫn còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định liên quan đến quá trình này. Điều đó đòi hỏi, trong thời gian tới cần nghiên cứu phát huy, nhân rộng những kết quả đã đạt được, đồng thời có giải pháp khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, qua đó góp phần bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, đồng thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả THPL về lĩnh vực này.

Đối chiếu với sáu tiêu chí đánh giá, kết quả thực hiện pháp luật không đồng đều giữa các tiêu chí. Mức độ đáp ứng tương đối tốt ở tiêu chí bảo đảm nguyên tắc tự nguyện và ở tiêu chí tính hợp pháp đối với nhóm chủ thể là cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Hạn chế biểu hiện rõ nhất ở ba tiêu chí: tính kịp thời, do thủ tục xin chủ trương tiếp nhận còn nhiều tầng và việc xác định nhu cầu thực tế tại địa bàn còn chậm; công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, do chưa có chuẩn công khai thống nhất và chưa có cơ chế buộc giải trình rõ ràng; hiệu quả phối hợp, kiểm tra, giám sát, do thiếu đầu mối điều phối thống

nhất. Riêng nhóm cá nhân vận động độc lập có mức độ đáp ứng thấp nhất ở cả tiêu chí tính hợp pháp và tiêu chí công khai, minh bạch, trong khi lại có khả năng huy động nguồn lực nhanh và lớn.

Nguyên nhân của những hạn chế trên tập trung ở ba điểm: hệ thống quy định chưa đồng bộ và còn khoảng trống về địa vị, trách nhiệm của cá nhân vận động; cơ chế điều phối bị phân tán giữa nhiều đầu mối và nhiều quỹ hoạt động theo quy chế tài chính riêng; năng lực và điều kiện bảo đảm ở cấp cơ sở còn hạn chế, nhất là về dữ liệu thiệt hại và nghiệp vụ kế toán, quyết toán.

Cần lưu ý rằng các đánh giá tại chương này dựa trên văn bản pháp luật, báo cáo chính thức, số liệu thống kê và ý kiến của cán bộ trực tiếp tổ chức thực hiện; chưa bao gồm tiếng nói trực tiếp của người đóng góp và người thụ hưởng. Đây là giới hạn của dữ liệu và cũng là hướng cần tiếp tục nghiên cứu.

Những kết quả phân tích, đánh giá ở Chương 3 là căn cứ trực tiếp để xác định quan điểm và các nhóm giải pháp tại Chương 4, theo nguyên tắc mỗi nhóm giải pháp phải xử lý ít nhất một nguyên nhân đã được chỉ ra.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI

4.1.1. Quán triệt sự lãnh đạo của Đảng và định hướng đổi mới công tác thi hành pháp luật trong kỷ nguyên mới đối với vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện (VĐTN nguồn ĐGTN) hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai không chỉ là hoạt động quản lý nhà nước mà còn là một khâu trọng yếu trong chính sách an sinh xã hội và an ninh quốc gia. Do đó, hoạt động này phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng

Đặc biệt, quán triệt sâu sắc tinh thần của Nghị quyết số 66-NQ/TW [152] ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, công tác tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực này đòi hỏi sự chuyển biến căn bản về tư duy. Quá trình thực hiện pháp luật không chỉ dừng lại ở việc áp dụng các quy phạm cứng nhắc mà phải kiến tạo được không gian pháp lý linh hoạt, bảo đảm phản ứng nhanh nhạy, kịp thời trong các tình huống khẩn cấp do thiên tai gây ra, đồng thời đề cao tính thượng tôn pháp luật, minh bạch và giải trình. Sự lãnh đạo của Đảng định hướng cho việc ứng dụng khoa học công nghệ, khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ngăn chặn triệt để các nguy cơ lợi dụng không gian mạng để trục lợi, xuyên tạc làm suy giảm niềm tin của nhân dân.

Cùng với đó, việc bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT thời gian tới phải quán triệt đầy đủ các định hướng mới nhất của Đảng về xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp

tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới [155]; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật [157]; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới [158] và Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI [159]. Đồng thời, phải đặt việc bảo đảm THPL trong bối cảnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW [154] và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp theo Nghị quyết số 60-NQ/TW [156]. Theo đó, cần khẩn trương rà soát, xác định lại thẩm quyền, trình tự, thủ tục vận động, tiếp nhận, phân phối nguồn ĐGTN phù hợp với mô hình tổ chức mới; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường năng lực cho cấp xã - cấp trực tiếp tiếp nhận và phân phối nguồn lực cứu trợ tại địa bàn xảy ra thiên tai; bảo đảm không để xảy ra khoảng trống về thẩm quyền, gián đoạn hoạt động cứu trợ trong quá trình chuyển đổi.

Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo đất nước ta và điều này đã được quy định rõ tại Điều 4, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 [69]. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được thực hiện thông qua việc ban hành Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách, chủ trương lớn; qua công tác tuyên truyền, vận động; qua các tổ chức Đảng, đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị và qua công tác tổ chức cán bộ; qua công tác kiểm tra, giám sát; qua những hành động gương mẫu của mỗi đảng viên ở các tổ chức Đảng.

Đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT là một trong các hoạt động trong khuôn khổ hoạt động từ thiện, nhân đạo và có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các vùng miền, ở các địa phương và chính sách an sinh xã hội. Đồng thời, hoạt động này thể hiện rõ nét truyền thống nhân văn, nhân đạo, đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc Việt Nam đã được hun đúc từ ngàn đời nay. Tất cả các vấn đề

nêu trên đều mang tính chiến lược, liên quan đến sự ổn định về chính trị, an ninh của đất nước. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch có thể lợi dụng vấn đề liên quan đến hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT để xuyên tạc, kích động, chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Vì vậy, hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT phải được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác PCTT, hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT nói riêng, với vai trò là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, những năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động này. Trong đó, Đảng đã luôn chú trọng đến việc chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT và công tác THPL về lĩnh vực này. Điển hình: Trong Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta nhấn mạnh vấn đề biến đổi khí hậu đe dọa đến kinh tế - xã hội, an ninh con người và xác định một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đó là: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu [42]. Trong Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”, Đảng ta một lần nữa nhấn mạnh nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”, đồng thời: Làm tốt công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc, tích cực tham gia đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nước ta với các nước [4]. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV [43], Đảng ta cũng khẳng định “Chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai. Chú trọng đầu tư phát triển các công trình bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu” [43, tr.112].

Có thể thấy, các văn bản chỉ đạo nêu trên của Đảng chính là cơ sở phục vụ xây dựng, ban hành và tổ chức THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT và tổ chức THPL về lĩnh vực này trong thực tiễn của Việt Nam. Theo đó,

nhằm góp phần bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT thời gian tới, một trong những vấn đề mang tính nguyên tắc là cần phải quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng về vấn đề này, trong đó chú trọng các nội dung sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch tuyên truyền, quán triệt nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác PCTT, hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng, đặc biệt là Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng [4] cũng như các văn bản, quy định pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực này. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTT, hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng sẽ góp phần nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể cũng như của cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của nội dung này, đồng thời nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện theo pháp luật về lĩnh vực này. Đây chính là cơ sở, nền tảng để đảm bảo tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta thời gian tới. Quán triệt nghiêm túc quan điểm này, đòi hỏi công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTT, hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng phải được triển khai rộng rãi, tiến hành thường xuyên, với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng và phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm dân cư ở các địa bàn trong cả nước. Nội dung này phải được đưa vào kế hoạch hoạt động chung của các cấp, các ngành, các địa phương và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, lực lượng nhằm thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, cần nghiên cứu cụ thể hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW [150], ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và Nghị quyết số 57-NQ/TW [151], ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi

mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để từ đó đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong thực hiện VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta, tiến tới thực hiện pháp lý hóa "Nền tảng số quốc gia về thiện nguyện".

Thứ hai, chú trọng và tập trung nghiên cứu xây dựng, kiện toàn hệ thống bộ máy quản lý nhà nước, các cơ quan, đoàn thể trực tiếp tổ chức THPL về PCTT, hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng. Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ tham mưu xây dựng pháp luật và của cán bộ thuộc các cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT và tổ chức THPL về lĩnh vực này nhằm đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới. Những nội dung chỉ đạo này của Đảng ta đã được thể hiện rõ tại điểm 5 và 6 của Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng [4], cụ thể là về nâng cao vai trò, năng lực quản lý nhà nước trên cơ sở củng cố, kiện toàn lực lượng làm công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai từ Trung ương đến cơ sở và về phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và nhân dân trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Thứ ba, thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTT, hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng. Trong đó, cần nêu rõ những kết quả đạt, những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót, những khó khăn, vướng mắc cũng như rút ra những bài học kinh nghiệm để từ đó có những giải pháp khắc phục, những điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn. Nội dung này vừa thể hiện sự quán triệt nghiêm túc quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, đồng thời góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả THPL về lĩnh vực này thời gian tới. Điều đó được thể hiện rõ tại điểm 8 (Tổ chức thực hiện) của Chỉ thị số 42-

CT/TW, ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, trong đó nêu rõ: Các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Chỉ thị tới cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị. Tổ chức kiểm tra, giám sát, khen thưởng, biểu dương đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; kiểm điểm, xem xét trách nhiệm đối với cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên để xảy ra thiệt hại nặng nề về người và tài sản trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai [4].

Có thể thấy, mọi hoạt động chính trị, xã hội ở nước ta luôn đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Xuất phát từ bối cảnh chính trị trong nước và quốc tế hiện nay, việc quán triệt sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói chung và việc THPL về lĩnh vực này là hết sức cần thiết. Điều đó nhằm bảo đảm sự thống nhất, toàn diện và hiệu quả của việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta.

4.1.2. Đảm bảo tính đồng bộ hệ thống pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai và gắn với quyền con người

Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN là một cấu thành không thể tách rời của hệ thống pháp luật về từ thiện, nhân đạo. Dưới góc độ quyền con người, việc tổ chức thực hiện tốt hệ thống pháp luật này chính là công cụ pháp lý để Nhà nước bảo đảm quyền được an sinh xã hội của công dân khi phải đối mặt với các rủi ro bất khả kháng. Mọi quy trình tuân thủ, áp dụng pháp luật của các chủ thể đều phải hướng tới mục tiêu tối thượng là bảo vệ sinh mạng, tài sản và sinh kế của người dân, tôn trọng quyền được tiếp cận cứu trợ một cách công bằng, minh bạch.

Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT là một bộ phận của hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung. Bởi vì, mục đích của hoạt động này là nhằm huy động tối đa các nguồn lực trong xã hội, cả trong nước và ngoài nước cùng với các nguồn lực đầu tư từ Nhà nước để hỗ trợ cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân ở những vùng miền, địa phương, địa bàn chịu hậu quả, tác hại của thiên tai. Nhờ các nguồn ĐGTN của các tập thể, cá nhân trong và ngoài nước sẽ

giúp cấp ủy, chính quyền địa phương sớm ổn định công tác, giúp đồng bào nơi xảy ra thiên tai vượt qua khó khăn, sớm trở lại cuộc sống bình thường.

Xuất phát từ tính chất nhân văn, nhân đạo của hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nên thực tiễn cho thấy, pháp luật về lĩnh vực này có quan hệ chặt chẽ với pháp luật về hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung. Nói cách khác, pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT là một bộ phận của pháp luật về từ thiện, nhân đạo. Do đó, để quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đạt hiệu quả cao cần phải đặt trong tổng thể chung với việc THPL về hoạt động từ thiện, nhân đạo. Điều này đặt ra yêu cầu pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT phải được xây dựng thống nhất, gắn kết chặt chẽ với pháp luật về từ thiện, nhân đạo.

Bên cạnh đó, việc tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT có hiệu quả sẽ nhằm góp phần duy trì, phát huy truyền thống đoàn kết, nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam. Truyền thống tốt đẹp này thể hiện tinh thần tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách”, “bầu ơi thương lấy bí cùng”, “thương người như thể thương thân” của dân tộc ta. Đó là sự thể hiện của tình yêu thương, sự quý trọng và bảo vệ con người, nhất là những người kém may mắn phải gánh chịu hậu quả tác hại do thiên tai gây ra qua sự hỗ trợ, giúp đỡ tự nguyện, tự giác, đầy tình người và nhân văn, bằng cả vật chất và tinh thần; là giá trị của sự cảm thông, chia sẻ, thể hiện tình đoàn kết, lan tỏa tinh thần nhân ái, nhân văn của dân tộc. Qua thực hiện có hiệu quả hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và THPL về lĩnh vực này, góp phần bảo đảm quyền của công dân được hưởng chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

Như vậy, THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT cũng gắn với việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân được Nhà nước bảo đảm về an sinh xã hội. Đó chính là nhằm góp phần đảm bảo cho người dân Việt Nam được sinh sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Trong đó, hiến pháp, pháp luật nói chung và pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT được xây dựng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của Nhân dân. Người dân được sinh sống, làm việc dưới sự bảo vệ của Nhà nước thông qua hệ thống pháp luật và các cơ quan thực thi pháp luật. Khi người dân không may phải chịu hậu quả thiệt hại do

thiên tai gây ra, ảnh hưởng đến cuộc sống thì được Nhà nước hỗ trợ và tạo điều kiện cho hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT được các tập thể, cá nhân triển khai nhằm huy động tối đa các nguồn lực hỗ trợ.

Thời gian tới, nhằm gắn kết hơn nữa với công tác bảo vệ quyền con người, quyền công dân, trong định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta, các cơ quan có thẩm quyền cần chú trọng xây dựng các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ trong các cơ quan, tổ chức, kể cả các cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc tự nguyện đứng ra kêu gọi, vận động, quyên góp nguồn lực cứu trợ thiên tai. Ví dụ: Chế độ phụ cấp làm việc trong môi trường nguy hiểm; chế độ phụ cấp kiêm nhiệm; quy định về ngân sách riêng dành cho công tác PCTT... Nếu nội dung này được thực hiện có hiệu quả sẽ góp phần khuyến khích, động viên các cán bộ trong các cơ quan, tổ chức nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, đồng thời khuyến khích các tập thể, cá nhân tích cực tham gia hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT.

4.1.3. Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai phải phù hợp với thực tiễn kinh tế - xã hội, chuyển đổi số quốc gia và hội nhập quốc tế

Việc thực hiện pháp luật phải bám sát điều kiện đặc thù về vị trí địa lý, diễn biến thiên tai phức tạp tại các vùng miền của Việt Nam, cũng như trình độ phát triển kinh tế, văn hóa. Trong bối cảnh hiện nay, việc thi hành pháp luật phải được vận hành đồng bộ với các mục tiêu tại Nghị quyết số 52-NQ/TW [150] và Nghị quyết số 57-NQ/TW [151] về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Đồng thời, quá trình này cần có sự tương thích với các nguyên tắc pháp lý quốc tế để sẵn sàng tiếp nhận các nguồn lực viện trợ đa phương, đáp ứng chiến lược "hành động sớm" trong phòng chống thiên tai toàn cầu.

Có thể khẳng định, để đạt hiệu lực, hiệu quả cao, hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về các lĩnh vực cụ thể nói riêng khi được xây dựng, ban hành phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi quốc gia. Hơn nữa, đời sống xã hội luôn vận động, phát triển không ngừng nên hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia cũng phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, kịp thời bổ sung, chỉnh sửa để phù

hợp với sự phát triển của xã hội. Chỉ có như vậy, các văn bản pháp luật mới thực sự đi vào cuộc sống, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời hạn chế những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Từ đó cho thấy, pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT và quá trình THPL về lĩnh vực này phải phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn. Các điều kiện cụ thể ở đây chính là các điều kiện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Trong đó, cần chú trọng một số nội dung sau:

- *Sự phù hợp về chính trị*: Việc xây dựng, ban hành hệ thống pháp luật và quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT phải trên cơ sở và phù hợp với sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của Đảng Cộng sản Việt Nam về các vấn đề có liên quan như: Trong thực hiện công tác PCTT; thực hiện hoạt động từ thiện, nhân đạo... Nội dung lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam liên quan đến nội dung nêu trên được thể hiện trong Văn kiện các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc thông qua các văn bản chỉ đạo chuyên đề về lĩnh vực này. Điển hình: Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai” [4]. Trong Chỉ thị này đã đặt ra yêu cầu đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội nhằm giảm nhẹ thiệt hại của thiên tai, phát triển bền vững đất nước. Văn bản chỉ đạo này cũng bao hàm nội dung chỉ đạo đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT. Ngoài ra, hiện nay Đảng, Nhà nước ta đang tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo đó hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT phải tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Cùng với quá trình đó, việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT phải được tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- *Sự phù hợp về kinh tế*: Việc khắc phục những thiệt hại về kinh tế do thiên tai gây ra cũng như giúp người dân các vùng xảy ra thiên tai sớm vượt qua khó khăn,

đảm bảo an sinh xã hội sau thiên tai là những vấn đề được các cấp, các ngành và địa phương đặc biệt quan tâm. Nước ta thuộc diện những quốc gia thường xuyên xảy ra các hiện tượng thiên tai và gây hậu quả tác hại cho đời sống của người dân ở các vùng miền, địa phương trong cả nước. Mỗi khi thiên tai xảy ra và gây ra những thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và của người dân, cần có các chính sách hỗ trợ về sản xuất (hỗ trợ cây, con giống; khai hoang thêm diện tích sản xuất mới; hỗ trợ khắc phục lại đồng ruộng bị vùi lấp...) để khôi phục vùng bị thiệt hại do thiên tai; có các chính sách giải quyết đất để sản xuất và đất ở, về đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn và về phát triển giáo dục cho vùng thường xuyên xảy ra thiên tai; lồng ghép các chương trình tăng cường sinh kế của người dân trong chiến lược phát triển kinh tế chung của từng địa phương. Bên cạnh đó, việc tổ chức VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT cần được tổ chức theo quy mô phù hợp với tính chất, mức độ ảnh hưởng và thiệt hại do thiên tai gây ra. Cùng với đó, việc phân phối nguồn ĐGTN hỗ trợ người dân ở các vùng miền, địa phương, địa bàn xảy ra thiên tai cũng phải được thực hiện trên cơ sở phù hợp và tương xứng với mức độ thiệt hại mà mỗi hộ gia đình, địa phương, địa bàn phải gánh chịu do tác động của thiên tai. Chỉ có như vậy, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT mới đạt hiệu quả cao nhất.

- *Sự phù hợp về văn hóa - xã hội*: Hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói riêng là nét đẹp và truyền thống quý báu của dân tộc ta, được truyền từ đời này sang đời khác. Điều đó thể hiện sâu sắc tình yêu thương, sự quý trọng, bảo vệ con người bằng sự trợ giúp đầy tình người và nhân văn thông qua các giá trị tinh thần, vật chất... cho người dân, hộ gia đình phải gánh chịu hậu quả tác hại do thiên tai gây ra. Bên cạnh đó, để triển khai thực hiện có hiệu quả pháp luật về lĩnh vực này phải tiến hành tuyên truyền sâu rộng nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và toàn xã hội để triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực này. Các nội dung, hình thức tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN phải được triển khai phù hợp với đặc điểm dân cư, văn hóa - xã hội ở mỗi

địa bàn. Chỉ có như vậy, các quy định của pháp luật về lĩnh vực này mới được thẩm thấu rộng rãi ở các cấp, các ngành và đặc biệt là trong quần chúng nhân dân.

- *Sự phù hợp về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số*: Bên cạnh sự phù hợp về chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội, việc tổ chức thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai hiện nay đòi hỏi sự tương thích tuyệt đối với xu thế phát triển khoa học, công nghệ và công cuộc chuyển đổi số quốc gia. Đặt trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW [150] ngày 27/9/2019 và Nghị quyết số 57-NQ/TW [151] ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, chuyển đổi số không chỉ là công cụ hỗ trợ mà đã trở thành phương thức thiết yếu, làm thay đổi căn bản tư duy và mô hình thực hiện pháp luật. Sự phù hợp này cần được thể hiện sâu sắc qua các khía cạnh sau:

Thứ nhất, chuyển đổi số tạo ra công cụ pháp lý sắc bén để giải quyết triệt để bài toán "minh bạch" và "niềm tin" trong hoạt động thiện nguyện. Thực tiễn cho thấy, các tranh chấp và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này thường phát sinh từ sự mập mờ trong dòng tiền và thiếu vắng cơ chế giám sát theo thời gian thực (real-time). Do đó, pháp luật cần hướng tới việc thiết lập và công nhận giá trị pháp lý của các công nghệ mới. Việc ứng dụng Hợp đồng thông minh (Smart Contract) trên nền tảng chuỗi khối (Blockchain) sẽ tự động hóa các khâu giải ngân, bảo đảm nguồn tiền đóng góp chỉ được chuyển đến đúng đối tượng thụ hưởng khi các điều kiện pháp lý và thực tế đã được xác thực. Điều này triệt tiêu hoàn toàn rủi ro trục lợi, chiếm dụng vốn, qua đó củng cố niềm tin của các nhà tài trợ và cộng đồng.

Thứ hai, tối ưu hóa quy trình tuân thủ và áp dụng pháp luật thông qua hệ thống định danh điện tử. Sự phát triển của Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử mang lại cơ sở hạ tầng dữ liệu quan trọng. Quá trình thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn lực cần tích hợp với Định danh số (Digital ID), cho phép cấp "Mã định danh thiện nguyện" đối với các cá nhân, tổ chức kêu gọi và liên kết trực tiếp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Khía cạnh này đảm bảo nguyên tắc: Mọi chủ thể tham gia huy động nguồn lực đều phải định danh rõ ràng, gắn trách nhiệm pháp lý cá nhân/tổ chức với từng giao dịch trên không gian mạng, từ đó ngăn chặn tình trạng mạo danh, lập tài khoản ảo để lừa đảo trong mùa mưa bão.

Thứ ba, nâng cao năng lực điều phối, phân bổ nguồn lực dựa trên nền tảng Dữ liệu lớn (Big Data). Việc phân bổ nguồn lực sau thiên tai nếu chỉ dựa vào báo cáo hành chính thủ công sẽ dẫn đến độ trễ lớn và tình trạng phân bổ không đồng đều giữa các địa bàn. Pháp luật cần mở đường cho việc ứng dụng công nghệ Phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics) và Trí tuệ nhân tạo (AI) để tổng hợp tức thời thông tin thiệt hại từ hình ảnh vệ tinh, báo cáo số hóa của địa phương và mạng xã hội. Dữ liệu số lúc này trở thành "tài sản số" mang tính chất định hướng, giúp cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức điều phối ra quyết định phân bổ hàng hóa, dòng tiền một cách chính xác, công bằng và đáp ứng đúng, trúng nhu cầu cấp thiết của người dân vùng lũ.

Thứ tư, tạo hành lang pháp lý mở (Sandbox) cho các mô hình thiện nguyện số. Sự phát triển của khoa học công nghệ luôn đi nhanh hơn sự điều chỉnh của pháp luật. Để hệ thống pháp luật không bị lạc hậu, cần xây dựng cơ chế quản lý linh hoạt, cho phép thử nghiệm có kiểm soát các hình thức vận động nguồn lực mới như Crowdfunding (gọi vốn cộng đồng trực tuyến), thanh toán qua ví điện tử quốc tế, hoặc huy động tài sản kỹ thuật số. Việc thực hiện pháp luật lúc này không mang tính cấm đoán những gì chưa có quy định, mà hướng tới kiến tạo môi trường an toàn để công nghệ phục vụ tối đa cho mục đích nhân đạo, đồng thời kiểm soát rủi ro về an ninh mạng và an toàn dữ liệu cá nhân.

Bên cạnh việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và mỗi địa bàn thì còn cần phải đáp ứng nhu cầu phát triển, hội nhập quốc tế hiện nay. Bởi vì, thiên tai không chỉ xảy ra ở Việt Nam mà còn có thể xảy ra ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Việc PCTT và khắc phục hậu quả của thiên tai gây ra cần thiết phải có sự chung tay của tất cả các quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, cộng đồng quốc tế và hầu hết các quốc gia trên thế giới đều mong muốn hợp tác, chung tay để thực hiện công tác PCTT nói chung và hỗ trợ, khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai nói riêng. Do đó, để việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đạt được những hiệu quả thiết thực thì cơ quan chức năng các nước trong đó có Việt

Nam cần tích cực đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế, học hỏi kinh nghiệm của quốc tế để lựa chọn, đổi mới, áp dụng sáng tạo vào thực tiễn triển khai hoạt động này ở nước ta.

4.2. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

Các giải pháp dưới đây được xây dựng tương ứng với từng nhóm hạn chế và nguyên nhân đã chỉ ra tại mục 3.3.2, theo nguyên tắc mỗi nhóm giải pháp phải xử lý ít nhất một nguyên nhân cụ thể và gắn với tiêu chí đánh giá tương ứng tại mục 2.2.5.

Nhóm giải pháp thứ nhất (mục 4.2.1) xử lý các nguyên nhân thuộc khâu tổ chức thực hiện: phân tán đầu mối điều phối, thủ tục xin chủ trương tiếp nhận nhiều tầng và năng lực cán bộ cấp cơ sở; gắn với tiêu chí tính kịp thời và tiêu chí hiệu quả phối hợp; chủ thể chịu trách nhiệm chính là cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; lộ trình thực hiện trong ngắn hạn, giai đoạn 2026 - 2027.

Nhóm giải pháp thứ hai (mục 4.2.2) xử lý các nguyên nhân thuộc khả năng điều chỉnh của pháp luật: khoảng trống về địa vị và trách nhiệm của cá nhân vận động, thiếu chức năng điều phối thống nhất, chưa có chuẩn công khai thống nhất và chế tài chưa đủ sức răn đe; gắn với tiêu chí tính hợp pháp và tiêu chí công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; chủ thể chịu trách nhiệm chính là cơ quan được giao chủ trì soạn thảo văn bản; lộ trình trung hạn, giai đoạn 2026 - 2030.

Nhóm giải pháp thứ ba (mục 4.2.3) xử lý các nguyên nhân thuộc khâu hợp tác quốc tế: thủ tục tiếp nhận viện trợ khẩn cấp còn vướng mắc và phối hợp liên ngành chưa đồng bộ; gắn với tiêu chí tính kịp thời.

Về thứ tự ưu tiên, trước hết cần thực hiện các giải pháp không đòi hỏi sửa luật và có thể triển khai ngay bằng văn bản hướng dẫn hoặc bằng việc phân cấp, ủy quyền; tiếp đó là các giải pháp sửa đổi, bổ sung văn bản dưới luật; sau cùng là giải pháp xây dựng đạo luật riêng, do đòi hỏi thời gian chuẩn bị và đánh giá tác động chính sách dài hơn.

4.2.1. Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Thứ nhất, nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể trong thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT là quá trình các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng các văn bản, quy định pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT trong thực tiễn tiến hành hoạt động này. Thực hiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT góp phần giúp hoạt động này được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra. Tuy nhiên, phải có quá trình THPL thì các văn bản và quy định pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT mới thực sự phát huy vai trò trong thực tiễn. Ngoài ra, thông qua tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, các cơ quan có thẩm quyền sẽ kịp thời phát hiện những vấn đề chưa phù hợp với thực tiễn cũng như những hạn chế, thiếu sót để trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa, thay thế nhằm ngày càng hoàn thiện và phù hợp hơn. Điều đó thể hiện mối quan hệ biện chứng và gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại giữa công tác xây dựng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT và công tác tổ chức THPL về lĩnh vực này.

Theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30], chủ thể THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT gồm: (1) Các tổ chức, cá nhân đứng ra kêu gọi, VĐTN, phân phối nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT (các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức, cá nhân); (2) Các tổ chức, cá nhân tham gia ĐGTN để hỗ trợ khắc phục KKDDT; (3) Các tổ chức, cá nhân gặp KKDDT sử dụng nguồn ĐGTN; (4) Các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động VĐTN, phân phối và sử dụng nguồn ĐGTN (Các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ trong quá trình thực hiện việc kêu gọi, VĐTN, phân phối các nguồn ĐGTN). Các chủ thể THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nêu trên tham gia ở các khía cạnh khác nhau của quá trình kêu gọi, VĐTN, phân phối, sử dụng, thụ hưởng nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT; thực hiện công tác quản lý nhà

nước hoặc hỗ trợ thực hiện các nội dung khác liên quan đến hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT.

Qua đánh giá thực trạng THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta những năm qua thấy rằng, một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong tổ chức THPL về lĩnh vực này là do nhận thức, trách nhiệm và năng lực của một bộ phận các chủ thể THPL còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Do đó, khi xảy ra thiên tai, vẫn còn nhiều trường hợp tập thể, cá nhân đứng ra vận động, quyên góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai một cách tự phát, riêng lẻ. Điều này dẫn đến các nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT được quản lý, phân phối, sử dụng thiếu tập trung, thống nhất hoặc bị phân tán, dàn trải, thậm chí trùng lặp, không phát huy cao hiệu quả trong thực tiễn. Một số tập thể, cá nhân hưởng ứng tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai vẫn còn có thái độ qua loa, đại khái, mà chưa có ý thức nêu cao tinh thần cảnh giác, chưa chú trọng đến việc xác minh, tìm hiểu, nắm chắc thông tin về các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp, tiếp nhận nguồn ĐGTĐ và mục đích, địa chỉ phân phối, sử dụng. Đồng thời, một số cá nhân lợi dụng sự phát triển của mạng internet, mạng xã hội và sự thiếu cảnh giác của một bộ phận quần chúng nhân dân nên đã đứng ra VĐTĐ nguồn ĐGTĐ sau đó sử dụng không đúng mục đích hoặc chiếm đoạt, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến mục đích, ý nghĩa nhân văn, nhân đạo của các phong trào vận động, quyên góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai.

Như vậy, việc nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể là một trong những giải pháp góp phần bảo đảm THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam thời gian tới. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể ở đây chính là việc làm cho các chủ thể nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục khó khăn mỗi khi có thiên tai xảy ra; nắm vững các văn bản, quy định pháp luật và cách thức tổ chức triển khai việc tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng pháp luật về lĩnh vực này; đồng thời, phải luôn có ý thức chủ động trong quá trình THPL về lĩnh vực này.

Thời gian tới, nhằm góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam, cần tập trung làm tốt các nội dung trọng tâm sau đây:

Một là, các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, địa phương cần thường xuyên tiến hành công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, đồng thời nắm vững các quy định pháp luật về lĩnh vực này. Để công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được hiệu quả, một mặt đòi hỏi công tác này phải được triển khai thường xuyên tại các địa phương, địa bàn, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, đặc biệt là các cơ quan thông tin đại chúng trong quá trình tiến hành các chương trình, kế hoạch, hoạt động tuyên truyền cụ thể; mặt khác cần đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT; có thể tiến hành độc lập hoặc lồng ghép với quá trình tiến hành các hoạt động tuyên truyền hoặc các phong trào quần chúng khác; nội dung, hình thức, cách thức tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực này phải phù hợp với đặc điểm tình hình ở mỗi địa bàn và các diện đối tượng khác nhau. Đồng thời, các cơ quan nhà nước cần ưu tiên dành các nguồn lực về kinh phí, phương tiện phục vụ triển khai các chương trình, kế hoạch, hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Cụ thể, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Chữ thập đỏ Việt Nam xây dựng và triển khai Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai giai đoạn 2026 - 2030, với các sản phẩm cụ thể: bộ tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ; tập huấn cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ cấp xã; chuyên mục hỏi - đáp trên cổng thông tin điện tử; định kỳ đánh giá kết quả hàng năm.

Hai là, để nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT có thể được thực hiện thông qua việc xây dựng các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các cơ quan, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tích cực tham gia đóng góp ý kiến

trong xây dựng pháp luật về lĩnh vực này. Bởi vì, khi được tạo điều kiện tham gia, các cơ quan, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân sẽ tích cực nghiên cứu, đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện, để các văn bản pháp luật phù hợp hơn với thực tiễn xã hội trong mỗi giai đoạn. Bên cạnh đó, để tham gia ý kiến thì các cơ quan, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân phải tiến hành nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan và có sự đối chiếu, so sánh với yêu cầu của thực tiễn, từ đó nâng cao hiểu biết pháp luật về lĩnh vực này. Vì vậy, đối với các văn bản pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT khi được xây dựng mới hoặc bổ sung, chỉnh sửa thì các cơ quan có thẩm quyền tham mưu xây dựng pháp luật phải tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Ba là, thường xuyên cập nhật, phổ biến, quán triệt các văn bản, quy định pháp luật về PCTT và hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói riêng cho cán bộ của các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác quản lý và trực tiếp tiến hành hoạt động kêu gọi, vận động, tiếp nhận nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT. Qua đó, các cán bộ thuộc các cơ quan, tổ chức này sẽ ngày càng nắm vững các văn bản, quy định pháp luật về lĩnh vực này và tổ chức triển khai có hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc cập nhật, phổ biến, quán triệt có thể được thực hiện thông qua các hội nghị, cuộc họp; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT hoặc thông qua quá trình cấp trên trực tiếp giao nhiệm vụ và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cho các cán bộ trong các cuộc VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT được triển khai mỗi khi có thiên tai xảy ra và gây hậu quả, tác hại.

Bốn là, việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể, nhất là các cá nhân tham gia kêu gọi, VĐTN nguồn ĐGTN cũng như các cá nhân tham gia đóng góp nguồn lực và cá nhân tham gia hỗ trợ hoạt động VĐTN, phân phối nguồn ĐGTN có thể được thực hiện thông qua quá trình hướng dẫn của các cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao thực hiện nhiệm vụ VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT theo quy định của pháp luật. Bởi vì, mỗi khi thiên tai xảy ra và gây ra những hậu quả, tác hại ở các vùng miền, địa phương, địa bàn, các cuộc vận động

quyên góp hỗ trợ khắc phục KKDTT lại được tổ chức rộng rãi, theo đó cùng với hoạt động VĐTĐ do chính các cơ quan, tổ chức tiến hành thì các cơ quan, tổ chức cũng cần chủ động hướng dẫn các cá nhân khác khi họ tham gia hoạt động này để tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

Nhà là, trong các đợt VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT, các cơ quan, lực lượng chức năng cần làm tốt công tác nắm tình hình, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT tùy theo tính chất, mức độ vi phạm. Các hành vi vi phạm ở đây thể hiện thông qua các hành vi cụ thể như: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ liên quan đến hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT để trục lợi; hành vi thực hiện không đúng các quy định pháp luật trong quá trình tham gia kêu gọi, VĐTĐ và phân phối nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT; hành vi lợi dụng hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT để lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đưa thông tin sai sự thật gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân hoặc xuyên tạc nhằm chống phá Đảng, Nhà nước... Có thể thấy, thông qua việc phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh các đối tượng có hành vi vi phạm nêu trên góp phần phục vụ phòng ngừa, giáo dục chung, nhất là đối với các đối tượng đã và đang có ý định lợi dụng hoạt động VĐTĐ và phân phối nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKDTT để vi phạm pháp luật.

Thứ hai, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Giải pháp này trực tiếp khắc phục hạn chế đã chỉ ra tại mục 3.3.2: công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa được tiến hành thường xuyên, cơ chế phát hiện vi phạm còn hạn chế, dẫn đến khoảng cách lớn giữa quy mô vi phạm trên thực tế và số vụ được phát hiện, xử lý. Để khắc phục, cần thực hiện đồng bộ ba nội dung sau.

Một là, quy định rõ chế độ kiểm tra định kỳ hằng năm đối với các cơ quan, tổ chức được phép vận động, tiếp nhận và kiểm tra đột xuất khi có phản ánh, kiến nghị. Đồng thời xác định rõ cơ quan chủ trì để khắc phục tình trạng chồng chéo

thẩm quyền giữa Điều 25 Nghị định số 93/2021/NĐ-CP và Điều 26 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

Hai là, xây dựng bộ tiêu chí kiểm tra thống nhất, gắn với các tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật tại mục 2.2.5, để kết quả kiểm tra ở các địa phương có thể so sánh và tổng hợp được trên phạm vi toàn quốc.

Ba là, tổ chức sơ kết sau mỗi đợt vận động quy mô lớn và tổng kết định kỳ ba năm một lần. Kết quả sơ kết, tổng kết phải được công bố công khai và là căn cứ để nhân rộng mô hình hiệu quả, đồng thời kiến nghị sửa đổi những quy định pháp luật còn bất cập.

Chủ thể chịu trách nhiệm chính là cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; lộ trình thực hiện trong ngắn hạn, giai đoạn 2026 - 2027.

Thời gian tới, nhằm góp phần bảo đảm THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT cần hai điều kiện bảo đảm. Một là, chuyển trọng tâm từ tiền kiểm sang hậu kiểm: việc phân cấp, ủy quyền mạnh hơn cho địa phương trong tiếp nhận, phân phối nguồn lực - một đề xuất được nhiều ý kiến phỏng vấn nêu ra nhằm rút ngắn độ trễ thủ tục - chỉ bảo đảm được tính minh bạch nếu đi kèm cơ chế kiểm tra, giám sát sau thực hiện đủ mạnh (ý kiến PV01, PV03, PV11; xem Phụ lục). Đáng chú ý, có ý kiến nhận xét rằng sai phạm trên thực tế thường chỉ được giải quyết khi đã bị dư luận phanh phui, tức là cơ chế phát hiện đang phụ thuộc vào áp lực xã hội hơn là hoạt động hậu kiểm chủ động (ý kiến PV08); do đó yêu cầu tăng cường hậu kiểm không chỉ là vấn đề tần suất mà còn là vấn đề phương thức phát hiện vi phạm. Hai là, xây dựng quy chế phối hợp liên ngành thường xuyên giữa Công an, Tài chính, Mặt trận Tổ quốc và Hội Chữ thập đỏ trong kiểm tra, giám sát hoạt động cứu trợ, nhất là cứu trợ tự phát - nội dung hiện chưa có quy chế riêng, trong khi số lượng chiến dịch vận động trên không gian mạng rất lớn và lực lượng hậu kiểm mỏng, không thể kiểm soát hết (ý kiến PV06, PV15); quy chế cần xác định rõ đầu mối chủ trì, trách nhiệm chia sẻ thông tin, dấu hiệu cần chuyển cơ quan điều tra và cơ chế phản hồi kết quả xử lý. Cùng với hai điều kiện đó, cần tăng cường tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, trong đó chú trọng làm tốt các nội dung sau:

Một là, các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT cần tích cực mở rộng các hình thức thanh tra (định kỳ, đột xuất, chuyên đề, vụ việc,...) đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT do các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện. Nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Nếu hành vi vi phạm pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì nhanh chóng chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Để đạt được hiệu quả cao trong công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT thì các cơ quan, đơn vị thanh tra cần được quan tâm bổ sung biên chế, nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ thanh tra thông qua việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ thanh tra.

Hai là, phát huy hơn nữa vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp trong THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là người đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân nên thông qua làm tốt chức năng giám sát sẽ góp phần thực hiện có hiệu quả pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT và bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân. Theo đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cần thường xuyên thu thập thông tin, tình hình liên quan đến hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, lắng nghe ý kiến phản ánh của nhân dân; phát huy và động viên các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp ý kiến trong xây dựng, hoàn thiện pháp luật về vấn đề này; phát huy và động viên các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát tại địa bàn diễn ra hoạt động quyền góp, VĐTĐ cũng như địa bàn phân phối nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT; tổ chức điều tra dư luận xã hội để thu nhận sự đánh giá của người dân đối với việc THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT; thông qua hoạt động của tổ chức mình để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT của người dân. Đặc biệt, cần phát huy hơn nữa vai trò giám sát

của xã hội của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng, các hội, đoàn thể quần chúng khác đối với công tác THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Theo đó, cần xây dựng cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thông tin đại chúng, các hội, đoàn thể và quần chúng nhân dân thực hiện chức năng giám sát xã hội đối với hoạt động này.

Ba là, đẩy mạnh nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế giám sát thông minh đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT.

Hiện nay, Đảng, Nhà nước đã và đang tập trung chỉ đạo các nội dung nhằm phát huy mọi nguồn lực xã hội cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Do đó, thời gian tới nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT cần chú trọng triển khai phương thức "giám sát thông minh", trong đó các cơ quan thanh tra, kiểm toán tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ để giám sát hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Thay vì kiểm tra thủ công, các cơ quan này phải nghiên cứu, sử dụng các phần mềm phân tích dữ liệu để tự động phát hiện các nội dung bất thường, các báo cáo tài chính không nhất quán.

Bốn là, thường xuyên tiến hành rà soát, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các văn bản pháp luật về lĩnh vực này. Qua đó, kịp thời phát hiện những hạn chế, thiếu sót cũng như những điểm chưa phù hợp với thực tiễn để kịp thời tham mưu xây dựng mới hoặc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện.

Năm là, các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương cần thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch, cuộc vận động về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT đã được tổ chức. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm này có thể được tổ chức định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc sau khi kết thúc mỗi cuộc VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Nội dung cần tập trung phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót, khó khăn, vướng mắc để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai trong thời gian tiếp theo. Trong đó, cần chú trọng đánh giá nội dung liên quan đến công tác tổ chức THPL về

VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT để đưa ra các giải pháp góp phần bảo đảm tổ chức THPL về lĩnh vực này.

Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức trong tiến hành nội dung này; việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm cần được triển khai từ dưới lên trên, từ địa phương đến Trung ương. Sau các đợt sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm công tác THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, các cơ quan cấp trên cần có thông báo kết quả đến cấp dưới, trong đó nhấn mạnh các nội dung về định hướng triển khai trong thời gian tới và các biện pháp tạm thời và chiến lược nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót, khó khăn, vướng mắc để cấp dưới nắm được và có biện pháp khắc phục. Đồng thời, kết quả của việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về các vấn đề liên quan đến hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói chung và công tác THPL về lĩnh vực này nói riêng chính là những cơ sở quan trọng để đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; các biện pháp nhằm hỗ trợ và việc tiếp tục tổ chức nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam.

Thứ ba, tập trung đầu tư các nguồn lực góp phần bảo đảm thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Những năm qua, một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế của việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT là do các nguồn lực đầu tư cho công tác này còn chưa được đảm bảo và chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Các nguồn lực ở đây chính là hệ thống các cơ quan, tổ chức cũng như đội ngũ cán bộ của các cơ quan, tổ chức này được Nhà nước giao cho nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quá trình các tập thể và cá nhân đứng ra kêu gọi, VĐTN nguồn ĐGTN khắc phục khó khăn mỗi khi thiên tai xảy ra và gây hậu quả, tác hại; là nguồn kinh phí, phương tiện, chế độ, chính sách hỗ trợ hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT cũng như hỗ trợ triển khai công tác xây dựng, ban hành, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực này.

Thời gian tới, nhằm góp phần bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam cần tăng cường đầu tư hơn nữa các nguồn lực cho công tác này và cần tập trung làm tốt các nội dung trọng tâm sau đây:

Một là, cần nghiên cứu tiến hành kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của các cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quá trình các tập thể, cá nhân đứng ra kêu gọi, VĐTN nguồn ĐGTN khắc phục khó khăn do thiên tai. Theo đó, cần nghiên cứu thực hiện kiện toàn về tổ chức, nghiên cứu thực hiện bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện hiện nay, đặc biệt là quán triệt thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, góp phần hoạt động hiệu lực, hiệu quả hiện nay. Đồng thời, cần kiện toàn đội ngũ cán bộ của các cơ quan, tổ chức này; thường xuyên tiến hành công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao kiến thức pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu công tác trong tình hình mới. Bên cạnh đó, cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho các cơ quan, tổ chức này nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, từ đó góp phần bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Việc kiện toàn cần gắn với Đề án vị trí việc làm, theo hướng bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về công tác cứu trợ tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; định kỳ hằng năm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ này.

Hai là, bảo đảm về biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của các cơ quan trực tiếp tham mưu xây dựng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện cho các cơ quan này nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác xây dựng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Các cán bộ của các cơ quan trực tiếp tham mưu xây dựng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT phải được tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, đi học tập ở nước ngoài để nâng cao trình độ, kỹ năng xây dựng pháp luật. Đây là yếu tố hết sức quan trọng góp phần nâng cao chất lượng của các văn bản pháp luật về

lĩnh vực này khi được xây dựng và ban hành. Bên cạnh đó, Nhà nước cần tăng cường đầu tư kinh phí, phương tiện cho các cơ quan, tổ chức ở cả Trung ương và địa phương để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chương trình, kế hoạch, hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về lĩnh vực này của cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng nhân dân. Đồng thời, cần bố trí kinh phí thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan Mặt trận Tổ quốc và cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai; nghiên cứu xây dựng định mức chi cho công tác vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện, do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện từ năm 2026.

Ba là, Nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương cần quan tâm ưu tiên dành các nguồn kinh phí, phương tiện để hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân tham gia hoạt động kêu gọi, VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT; áp dụng các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với các cán bộ trực tiếp tham mưu triển khai hoạt động này. Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT mang tính tự giác, tự nguyện nên về mặt nguyên tắc các chủ thể tham gia hoạt động này phải tự chịu những chi phí phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện hoạt động này. Tuy nhiên, nếu các cơ quan, tổ chức, cán bộ của các cơ quan, tổ chức cũng như các cá nhân được Nhà nước và các địa phương quan tâm hỗ trợ, động viên về các nguồn lực và chế độ, chính sách nhất định (Chế độ phụ cấp do làm việc trong môi trường nguy hiểm; chế độ phụ cấp kiêm nhiệm...) thì chắc chắn sẽ góp phần động viên, khích lệ các chủ thể này tích cực tham gia và triển khai có hiệu quả hơn hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và thực hiện nghiêm túc pháp luật về lĩnh vực này.

4.2.2. Hoàn thiện pháp luật vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

- Về phương diện nội dung, để việc THPL đạt hiệu quả cao, cần thiết phải tháo gỡ những quy phạm chồng chéo, chưa thống nhất, lấp đầy các khoảng trống pháp lý, hoàn thiện nội dung các quy định về quyền, nghĩa vụ và cơ chế vận hành thực tế.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện pháp luật về lĩnh vực này, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số

Hệ thống văn bản, quy định pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT do các cơ quan, người có thẩm quyền ban hành là điều kiện tiên quyết cần phải có để các chủ thể có liên quan tổ chức THPL về lĩnh vực này. Thời gian tới, cần tiếp tục rà soát, nghiên cứu để bổ sung, chỉnh sửa nhằm góp phần khắc phục được những hạn chế, thiếu sót, bất cập của Nghị định số 93/2021/NĐ-CP. Đặc biệt, cần nghiên cứu, bổ sung, chỉnh sửa những quy định pháp luật hiện chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật khác, ví dụ như mối quan hệ giữa yêu cầu công khai thông tin về nguồn đóng góp tự nguyện và quy định bảo mật thông tin khách hàng tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Do đó, pháp luật càng được xây dựng đầy đủ, hoàn thiện, phù hợp với thực tiễn bao nhiêu thì việc tổ chức THPL sẽ thuận lợi, hiệu quả bấy nhiêu. Ngược lại, nếu pháp luật chưa đầy đủ, có sự chồng chéo, trùng lặp sẽ gây ra khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, làm giảm tính công minh, khách quan trong vận dụng, áp dụng pháp luật. Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, nước ta hiện nay đã thực hiện hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp thay vì 03 cấp như trước đây (đã bỏ cấp huyện), cùng với các điều kiện về kinh tế, văn hóa - xã hội của đất nước đã và đang phát triển không ngừng, cho nên việc thường xuyên rà soát, nghiên cứu, bổ sung, chỉnh sửa các văn bản pháp luật về các lĩnh vực là nhu cầu tất yếu nhằm có hệ thống pháp luật phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn.

Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp (không tổ chức cấp huyện), cần rà soát, sửa đổi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP để bảo đảm tính khả thi. Cụ thể: (i) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 2 theo hướng bỏ chủ thể “Ủy ban nhân dân cấp huyện” và bỏ điều kiện “khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền” đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; quy định Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tiếp nhận, phân phối nguồn đóng góp tự nguyện hoặc thực hiện theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh; (ii) Rà soát, bỏ cụm “cấp huyện” tại Điều 10, Điều 18 và các quy định có liên quan; (iii) Bổ sung quy định chuyển tiếp về việc bàn giao, tiếp nhận nguồn lực do cấp huyện đang quản lý (nguồn tự vận động, nguồn được tài trợ, nguồn được cấp trên phân bổ) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã kế thừa, tránh khoảng trống pháp lý và bảo đảm tính liên tục trong tiếp nhận, phân phối nguồn đóng góp tự nguyện.

Bên cạnh Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, cần sửa đổi đồng bộ Nghị định số 50/2020/NĐ-CP về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai. Kết quả phỏng vấn sâu cán bộ thực tiễn (xem Phụ lục), trong đó có ý kiến của cán bộ thuộc cơ quan tham mưu sửa đổi Nghị định này, cho thấy cần tập trung vào năm nội dung.

Một là, sửa đổi thủ tục lấy ý kiến khi phê duyệt văn kiện viện trợ. Thực tiễn tiếp nhận viện trợ ứng phó bão số 3 (Yagi) năm 2024 cho thấy việc lấy ý kiến các bộ, ngành theo điểm a khoản 2 Điều 13 thường bị quá hạn, trong khi nội dung trả lời phần lớn mang tính chung chung và cuối cùng vẫn giao trách nhiệm lại cho cơ quan chủ quản; tương tự, điểm a khoản 2 Điều 12 bắt buộc lấy ý kiến Bộ Tài chính đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương tiếp nhận. Do đó, kiến nghị bỏ yêu cầu bắt buộc lấy ý kiến, chuyển sang cơ chế tùy nghị theo hướng giao cơ quan chủ quản - là cơ quan nắm rõ nhu cầu thực tế theo lĩnh vực, địa bàn - tự quyết định việc lấy ý kiến nếu thấy cần thiết và tự chịu trách nhiệm về nội dung trình phê duyệt.

Hai là, sửa đổi thời hạn thực hiện tại khoản 2 Điều 3 theo hướng nâng thời gian thực hiện cứu trợ khẩn cấp từ 03 tháng lên 06 tháng và thời gian khắc phục hậu quả thiên tai từ 09 tháng lên 12 tháng. Căn cứ của kiến nghị là bản thân thời gian diễn biến thiên tai có thể kéo dài (đợt mưa lũ lịch sử tại miền Trung diễn ra liên tục gần 02 tháng, hạn mặn tại Cà Mau năm 2023 hơn 02 tháng) đã chiếm gần hết thời hạn cứu trợ khẩn cấp, chưa kể thời gian hoàn tất các báo cáo đánh giá và thủ tục ký kết (có khoản viện trợ mất 02 tháng để ký thỏa thuận cấp nhà nước, có khoản bị giải ngân chậm gần 04 tháng). Mức 06 tháng và 12 tháng vừa phù hợp thực tiễn, vừa đồng bộ với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và bảo đảm người dân kịp khắc phục hậu quả trước mùa thiên tai kế tiếp.

Ba là, bổ sung quy định về nguyên tắc quản lý đối với khoản viện trợ quốc tế để chuẩn bị ứng phó thiên tai (bổ sung Điều 15a). Loại viện trợ này phụ thuộc hoàn toàn vào sự kiện thiên tai nên không thể xác định trước thời điểm, địa điểm và mức độ ảnh hưởng, do đó quy mô từng hoạt động cũng không thể ấn định từ đầu; quy định mới cần cho phép xác định quy mô, thời gian, địa điểm và kế hoạch triển khai chi tiết trên cơ sở thống nhất giữa bên viện trợ và bên tiếp nhận, thay vì buộc hình thành dự án theo trình tự thông thường.

Bốn là, sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 19 về chủ thể lập thủ tục ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước đối với viện trợ bằng hàng. Quy định hiện hành giao Bên tiếp nhận viện trợ lập thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước là chưa phù hợp về tính chất, vai trò và trách nhiệm, vì chỉ cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng khoản viện trợ mới có đủ thông tin để thực hiện nhiệm vụ này; do đó cần sửa theo hướng Bên quản lý, sử dụng viện trợ lập thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước. Đồng thời, sửa đổi khoản 1 Điều 5 để bổ sung nội dung chi vận chuyển hàng hóa và cho phép sử dụng ngân sách cấp cho Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các bộ, ngành, địa phương cùng các nguồn hợp pháp khác để thanh toán chi phí thuê kho, bến bãi, tiếp nhận, bảo quản và vận chuyển hàng cứu trợ - nội dung hiện chưa được quy định, dẫn đến thiếu căn cứ giải ngân trên thực tế.

Năm là, thiết lập cơ chế “luồng xanh” đối với hàng cứu trợ thảm họa tại cửa khẩu, cảng biển và cảng hàng không. Hàng viện trợ như lương thực khô, thuốc men, trang thiết bị y tế, thiết bị lọc nước đều phải qua kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật nhập khẩu và thủ tục miễn thuế; do thiếu quy trình ưu tiên đặc thù nên hàng dễ bị nghẽn tại cửa khẩu, phát sinh chi phí lưu kho, thậm chí hết hạn sử dụng. Cùng với đó, cần xử lý sự lệch pha giữa quy định về đấu thầu, giải ngân của các tổ chức quốc tế và quy định của pháp luật trong nước, và bổ sung quy định về xử lý phần tiền, hàng còn thừa sau đợt cứu trợ theo hướng cho phép chuyển nguồn sử dụng cho đợt tiếp theo.

Thời gian tới, nhằm góp phần bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, một trong những giải pháp đầu tiên đó là phải tiếp tục rà soát, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực này. Qua

khảo sát thấy rằng, mặc dù hệ thống pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta đã được các cơ quan có thẩm quyền quan tâm xây dựng, đề xuất ban hành, tạo ra khung pháp lý cho việc triển khai hoạt động này, tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, hệ thống pháp luật về lĩnh vực này hiện nay chưa hoàn thiện, còn có những quy định chồng chéo, chưa thực sự đáp ứng với yêu cầu thực tiễn. Pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT hiện nay được quy định trong nhiều văn bản pháp luật do Nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương ban hành. Ở nước ta chưa có văn bản pháp luật chung, thống nhất dưới dạng Luật Từ thiện, nhân đạo, gồm các quy định về hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung và về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng. Ngoài ra, một số quy định còn chồng chéo, chưa cập nhật sự phát triển của xã hội, của khoa học - công nghệ và tính thích ứng nhanh khi xử lý tình huống cấp bách thiên tai xảy ra. Đồng thời, chế tài đặt ra chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Bên cạnh đó, các Bộ, ngành, địa phương còn chậm trễ trong xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT.

Một khoảng trống cụ thể cần được ưu tiên lấp là hướng dẫn kế toán và chứng từ đối với nguồn đóng góp tự nguyện. Kết quả phỏng vấn sâu (xem Phụ lục) cho thấy hệ thống văn bản hiện nay chủ yếu được thiết kế cho hoạt động tài chính thường xuyên, định kỳ, chưa có hướng dẫn riêng cho hoạt động cứu trợ mang tính đột xuất, khẩn cấp; đồng thời đơn vị sự nghiệp công lập hoặc tổ chức hội có sử dụng ngân sách nhà nước phải đồng thời tuân thủ chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC và Thông tư số 41/2022/TT-BTC áp dụng cho nguồn vận động đóng góp. Từ thực trạng đó, cần triển khai bốn nội dung.

Thứ nhất, ban hành hướng dẫn kế toán chuyên biệt cho hoạt động vận động, tiếp nhận, quản lý và phân phối nguồn đóng góp tự nguyện, xác định rõ mối quan hệ áp dụng giữa hai chế độ kế toán nói trên để tránh tình trạng một chủ thể phải vận dụng song song hai bộ quy định.

Thứ hai, hướng dẫn linh hoạt hơn về hình thức chứng từ được chấp nhận trong điều kiện thiên tai. Thực tế, việc mua gom nhu yếu phẩm tại chợ dân sinh, hộ

kinh doanh nhỏ lẻ thường không có hóa đơn giá trị gia tăng; các chi phí lẻ như xăng xe, thuê xe, tiền công bốc xếp cũng khó lấy chứng từ; nhiều người dân bị mất giấy tờ cá nhân do bão lũ nên không thể hoàn thiện biên nhận theo mẫu. Do đó, cần cho phép sử dụng biên bản xác nhận của chính quyền địa phương nơi nhận hỗ trợ thay cho hóa đơn tài chính trong thời gian thiên tai, kèm hướng dẫn thống nhất về định giá và hạch toán phân đóng góp bằng hiện vật.

Thứ ba, thống nhất mẫu biểu công khai thu - chi áp dụng chung cho mọi chủ thể, trong đó có mẫu biểu đơn giản hóa riêng cho cá nhân vận động, đồng thời bổ sung yêu cầu công khai “đầu ra” chứ không chỉ “đầu vào” - tức là cùng với sao kê tiếp nhận phải có danh mục phân phối và biên bản bàn giao cho người dân.

Thứ tư, xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung về cứu trợ nhân đạo kết nối từ Trung ương đến địa phương, kèm theo tập huấn nghiệp vụ kế toán, công khai tài chính cho cán bộ Mặt trận, Hội Chữ thập đỏ và các tổ chức xã hội đến cấp xã, phường - nơi đội ngũ thực hiện phần lớn là kiêm nhiệm.

Từ những lý do nêu trên thấy rằng, trong thời gian tới, việc tiếp tục nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm góp phần bảo đảm THPL về lĩnh vực này. Trong đó, cần chú trọng các nội dung sau:

- Về định hướng chung, cần tiếp tục rà soát, tổ chức đánh giá phục vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT theo hướng bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tính toàn diện, tính phù hợp, cụ thể và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật xây dựng pháp luật về lĩnh vực này. Phát hiện kịp thời những hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc, những điểm chưa phù hợp với thực tiễn của các văn bản, quy định pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT để nghiên cứu ban hành mới hoặc bổ sung, chỉnh sửa hoặc có văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể. Trước mắt, cần kịp thời bổ sung, chỉnh sửa những điểm chưa phù hợp trong các văn bản pháp luật về lĩnh vực này, bao gồm cả điều chỉnh các quy định để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp như hiện nay (không còn bố trí cấp huyện). Về định hướng dài hạn, cần nghiên cứu xây dựng, ban hành văn bản pháp luật thống nhất về hoạt động từ

thiện, nhân đạo nói chung trong đó có nội dung quy định liên quan đến VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm lập pháp của các nước tiên tiến trên thế giới, các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam có thể nghiên cứu, đề xuất ban hành Luật Từ thiện, nhân đạo ở nước ta, trong đó bao hàm các quy định về hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Điều này sẽ góp phần tạo ra sự thống nhất, đồng bộ của pháp luật về từ thiện, nhân đạo nói chung và về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói riêng. Qua đó, khắc phục được tình trạng còn thiếu thống nhất, đồng bộ, còn có sự chồng chéo, trùng lặp của các quy định pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT hiện nay. Bên cạnh đó, cần tập trung xây dựng các quy định pháp luật nhằm đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về PCTT, biểu hiện chủ quan, thờ ơ, vô cảm đối với công tác PCTT; hành vi tung tin không chính xác, gây tâm lý hoang mang trong cộng đồng khi có thiên tai xảy ra hoặc khi tiến hành các hoạt động nhằm VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Về sự cần thiết ban hành, việc nâng cấp từ văn bản dưới luật lên đạo luật xuất phát từ ba lý do: thứ nhất, hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện liên quan trực tiếp đến quyền tài sản của người đóng góp và quyền được trợ giúp của người thụ hưởng - những nội dung theo Hiến pháp năm 2013 phải do luật quy định; thứ hai, lĩnh vực này hiện được điều chỉnh phân tán ở nhiều nghị định với hiệu lực pháp lý ngang nhau, dẫn đến chồng chéo mà văn bản dưới luật không thể tự khắc phục; thứ ba, chỉ có đạo luật mới đủ hiệu lực để xác lập địa vị pháp lý của cá nhân vận động độc lập, quy định nghĩa vụ công khai bắt buộc và làm căn cứ cho việc thiết kế chế tài tương xứng.

Về phạm vi điều chỉnh dự kiến, Luật Từ thiện, nhân đạo điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong hoạt động vận động, tiếp nhận, quản lý, phân phối và sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước cho mục đích từ thiện, nhân đạo, bao gồm cả hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố và hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo. Luật không điều chỉnh viện trợ quốc tế khẩn cấp, các khoản chi từ ngân sách nhà nước và hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách - những nội dung đã có văn bản chuyên ngành

riêng; đồng thời xác định rõ nguyên tắc áp dụng khi có quy định khác nhau giữa Luật này với pháp luật về tổ chức tín dụng, về bảo vệ dữ liệu cá nhân và về phòng, chống rửa tiền.

Về kết cấu dự kiến, Luật có thể gồm bảy chương: Chương I - Những quy định chung (phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc hoạt động, các hành vi bị nghiêm cấm); Chương II - Chủ thể tham gia hoạt động từ thiện, nhân đạo (tổ chức, quỹ, doanh nghiệp và cá nhân vận động độc lập, trong đó xác định rõ địa vị pháp lý, điều kiện và trách nhiệm của từng nhóm); Chương III - Vận động và tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện; Chương IV - Quản lý, phân phối và sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện; Chương V - Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình (chuẩn biểu mẫu, thời hạn công bố, cơ chế lưu trữ và tra cứu thông tin); Chương VI - Quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm; Chương VII - Điều khoản thi hành.

- Hiện nay, văn bản pháp luật quy định chuyên sâu và khá toàn diện về hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT đó là Nghị định số 93/2021/NĐ-CP [30]. Tuy nhiên, thời gian tới các cơ quan có thẩm quyền cần tiếp tục nghiên cứu để bổ sung, chỉnh sửa nhằm góp phần khắc phục được những hạn chế, thiếu sót, bất cập và những điểm còn thiếu sót của Nghị định số 93/2021/NĐ-CP. Cụ thể là:

+ Tại khoản 5, Điều 6 và khoản 1, Điều 17 quy định việc cá nhân khi tham gia kêu gọi, VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT cần thông báo trên phương tiện truyền thông và cam kết về mục đích, phạm vi, phương thức, đối tượng vận động, hình thức vận động, tài khoản tiếp nhận, địa điểm tiếp nhận, thời gian VĐTN, đối tượng và thời gian thực hiện hỗ trợ, thời gian cam kết phân phối, sau đó gửi văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú nhưng lại chưa có quy định về việc cá nhân đó có được phép thay đổi nội dung vận động hay không và nếu có sự thay đổi thì cần phải thực hiện theo thủ tục như thế nào.

+ Bổ sung quy định về nguyên tắc tổ chức VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT và về phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN, trong đó bảo đảm bình đẳng giới và ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương và các nội dung khác có liên quan được quy định cụ thể trong Luật Phòng thủ dân sự năm 2023.

+ Tại điểm a, khoản 6, Điều 10 và khoản 1, Điều 18 quy định cá nhân đứng ra kêu gọi, VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT phải liên hệ, thông báo cho Ủy ban nhân dân nơi tiếp nhận hỗ trợ để được hướng dẫn nhưng lại chưa quy định nếu hết thời gian quy định mà Ủy ban nhân dân không có hướng dẫn thì cá nhân đó có được quyền tự phân phối, sử dụng nguồn ĐGTĐ đó hay không.

+ Chưa có quy định về việc công khai, minh bạch việc sao kê tài khoản được các tập thể, cá nhân sử dụng để tiếp nhận nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT. Đồng thời, chưa có quy định các tập thể, cá nhân này cùng với Ủy ban nhân dân nơi tiếp nhận hỗ trợ công khai danh sách phân phối nguồn ĐGTĐ. Có thể thấy, việc tổ chức, cá nhân đứng ra kêu gọi, VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT hoàn toàn xuất phát từ tinh thần tự nguyện, tự giác và vì mục đích nhân văn, nhân đạo, không có yếu tố về mặt lợi ích vật chất trong hoạt động này. Vì vậy, nếu có quy định về việc tập thể, cá nhân công khai minh bạch sao kê tài khoản được sử dụng để tiếp nhận nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT và công khai danh sách phân phối nguồn ĐGTĐ không những không ảnh hưởng hoặc gây khó khăn cho các tập thể, cá nhân khi tham gia hoạt động này mà còn giúp hoạt động này được minh bạch hơn, thu hút được nhiều nguồn ĐGTĐ hơn.

+ Thực tiễn hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, với sự phát triển của khoa học - công nghệ hiện nay, một số tập thể, cá nhân đã áp dụng hình thức kêu gọi chuyển tiền ĐGTĐ qua soạn tin nhắn trên điện thoại hoặc qua các app. Tuy nhiên, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP của Chính phủ mới chỉ quy định việc chuyển tiền ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT qua tài khoản được mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc tại Ngân hàng thương mại. Do đó, cần bổ sung quy định về việc kêu gọi ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT qua tin nhắn trên điện thoại hoặc qua các app để thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

+ Cần bổ sung những quy định cụ thể hơn về hoạt động VĐTĐ, quản lý, phân phối nguồn ĐGTĐ do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện. Điều này sẽ góp phần giảm thiểu tình trạng hành chính hóa trong THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT.

+ Cần bổ sung quy định pháp luật cụ thể về xử lý vi phạm của các tập thể, cá nhân trong quá trình VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, chẳng hạn

như: Hành vi chiếm đoạt nguồn đóng góp hoặc phân phối nguồn ĐGTN không đúng cam kết. Bởi vì, hiện nay các biện pháp xử lý vẫn chủ yếu dựa vào pháp luật hình sự hoặc pháp luật về quản lý hành chính chung.

Kết quả phỏng vấn sâu (xem Phụ lục) chỉ ra ba điểm cần được cụ thể hóa khi hoàn thiện chế tài.

Thứ nhất, xác định rõ ranh giới giữa sai sót về nghiệp vụ, vi phạm hành chính và hành vi có dấu hiệu hình sự. Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP đã quy định phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng sai mục đích, làm thất thoát tiền, hàng cứu trợ, cứu trợ không đúng đối tượng, chiếm đoạt hàng cứu trợ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và thực hiện nhiệm vụ cứu trợ không kịp thời; tuy nhiên khó khăn nằm ở chỗ xác định đâu là vi phạm hành chính, đâu là tội phạm để áp dụng đúng chế tài (ý kiến PV16, PV17, PV18). Cần bổ sung tiêu chí định lượng để phân định, giảm phụ thuộc vào đánh giá định tính trong từng vụ việc.

Thứ hai, xây dựng công cụ đánh giá, đo lường thiệt hại phi tiền mặt. Hiện chưa có cơ sở để định lượng thiệt hại đối với hàng cứu trợ bị mất mát, hư hỏng do bảo quản kém hoặc bị phân phối sai đối tượng, khiến việc xử phạt hành chính thiếu căn cứ và khó bảo đảm tính tương xứng giữa mức phạt và hậu quả (ý kiến PV05, PV12, PV15). Đây cũng là nguyên nhân khiến nhiều trường hợp chỉ dừng ở nhắc nhở, hướng dẫn.

Thứ ba, nâng mức chế tài và bổ sung các hình thức vi phạm mới trên không gian mạng. Các ý kiến cho rằng chế tài hiện hành chưa đủ mức răn đe so với quy mô nguồn lực được vận động, trong khi để xử lý hình sự theo Điều 174 hoặc Điều 175 Bộ luật Hình sự lại phải chứng minh được mục đích chiếm đoạt và hành vi gian dối - điều rất khó khi phải đối soát danh sách hàng nghìn người chuyển tiền hoặc người nhận cứu trợ ở vùng sâu, vùng xa (ý kiến PV05, PV06, PV08, PV12, PV20). Tuy nhiên, việc nâng chế tài cần đi kèm phân hóa trách nhiệm để tránh tạo tâm lý e ngại, làm suy giảm động lực tham gia hoạt động nhân đạo của các tổ chức, cá nhân thiện chí (ý kiến PV12).

- Cần nghiên cứu, bổ sung, chỉnh sửa những quy định pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT hiện còn chồng chéo, chưa thống nhất với

các quy định pháp luật khác. Ví dụ: Nghị định số 93/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cá nhân khi tiến hành VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT phải công khai các nội dung thông tin trong quá trình thực hiện. Nhưng theo quy định tại khoản 2, Điều 13, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (Luật số 32/2024/QH15) về bảo mật thông tin [75] và Nghị định số 117/2018/NĐ-CP, ngày 11/9/2018 của Chính phủ về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài [23], thì ngân hàng và các cá nhân, tổ chức khác “phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng”.

Hai nhóm quy định này không loại trừ nhau mà cần được giải quyết hài hòa trên cơ sở phân biệt chủ thể có nghĩa vụ công khai. Nghĩa vụ bảo mật tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ràng buộc tổ chức tín dụng, không ràng buộc chủ tài khoản; do đó cá nhân, tổ chức vận động - với tư cách chủ tài khoản - hoàn toàn có quyền và có nghĩa vụ chủ động công bố thông tin về tài khoản tiếp nhận của chính mình mà không làm phát sinh vi phạm nghĩa vụ bảo mật của ngân hàng. Theo hướng đó, luận án kiến nghị: (i) quy định rõ trong văn bản sửa đổi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP rằng chủ thể vận động phải mở tài khoản riêng biệt cho từng đợt vận động và tự công bố bản kê thu, chi của tài khoản đó theo biểu mẫu và thời hạn thống nhất; (ii) tổ chức tín dụng chỉ cung cấp thông tin khách hàng cho bên thứ ba theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng trình tự luật định, không cung cấp theo yêu cầu của dư luận; (iii) nội dung công bố được giới hạn ở thông tin về dòng tiền của đợt vận động, không bao gồm thông tin định danh của người đóng góp nếu họ không đồng ý, nhằm bảo đảm phù hợp với pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW [150], ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và Nghị quyết số 57-NQ/TW [151], ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cần tập trung nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ để tạo ra những bước đột phá trong công tác VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục

KKDDT cũng như trong xây dựng và THPL về lĩnh vực này. Sự thay đổi trong hoạt động VĐT nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT hiện đại cùng với sự đồng bộ hóa các Luật liên quan như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, các Luật về Thuế, Luật giao dịch điện tử... sẽ kiến tạo một hành lang pháp lý vững chắc, minh bạch, thúc đẩy một nền văn hóa VĐT số một cách hiệu quả và bền vững. Trong đó cần có sự đột phá phù hợp với tinh thần mới như:

+ Quy định về "Chuyển đổi số trong hoạt động thiện nguyện", pháp lý hóa "Nền tảng số quốc gia vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai". Trong đó, cần quy định rõ vấn đề xây dựng và vận hành một nền tảng số tập trung. Nền tảng này không chỉ là nơi đăng ký, công khai thông tin mà còn tích hợp các công nghệ hiện đại như: (1) Định danh số (Digital ID) cho phép cấp "Mã định danh thiện nguyện" đối với các tổ chức, cá nhân uy tín và thực hiện liên kết với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác thực; (2) Hợp đồng thông minh (Smart Contract) cho phép các nhà hảo tâm lớn và tổ chức tạo các hợp đồng thông minh, tự động giải ngân khi các điều kiện cứu trợ được xác nhận hoàn thành thông qua dữ liệu số; (3) Phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics) cho phép phân tích dữ liệu về thiên tai và phân bổ nguồn lực để đưa ra gợi ý điều phối hiệu quả, tránh tình trạng phân bổ không đồng đều giữa các địa bàn.

+ Quy định về "Dữ liệu và Quản trị dữ liệu trong hoạt động thiện nguyện". Trên cơ sở đó, khi triển khai công tác VĐT nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT cần quy định rõ quyền sở hữu, nghĩa vụ bảo mật và nguyên tắc chia sẻ dữ liệu về người tham gia ĐGTN và người thụ hưởng, đảm bảo tuân thủ Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 (Luật số 91/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) và các chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân, coi đây là một dạng "tài sản số" cần được bảo vệ để qua đó nâng cao uy tín của các tổ chức, các nhân đứng ra kêu gọi, quyên góp ủng hộ nhưng vẫn đảm bảo tính công khai, minh bạch của các nguồn lực ủng hộ, thúc đẩy một nền văn hóa thiện nguyện số, hiệu quả và bền vững, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đảng và Nhà nước đề ra.

Nhóm giải pháp ứng dụng công nghệ nêu trên cần được triển khai theo hướng thận trọng, có thí điểm và có đánh giá tác động, với bốn điều kiện sau. Một

là về chủ trì: nền tảng số cần do một cơ quan quản lý nhà nước được giao làm đầu mối chịu trách nhiệm về dữ liệu và vận hành, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về chuyển đổi số và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tránh tình trạng nhiều cơ quan cùng vận hành các hệ thống rời rạc. Hai là về cơ sở pháp lý: trước khi luật hóa, cần rà soát sự tương thích với pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về dữ liệu và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025; riêng giải pháp hợp đồng thông minh và tự động giải ngân chỉ nên áp dụng sau khi pháp luật có quy định về giá trị pháp lý và cơ chế xử lý tranh chấp đối với loại giao dịch này. Ba là về bảo vệ dữ liệu cá nhân: việc công khai thông tin phải tuân thủ nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu, không công khai thông tin nhận dạng chi tiết của người thụ hưởng, đặc biệt là trẻ em và người thuộc nhóm dễ bị tổn thương; cần có cơ chế phân quyền truy cập và lưu vết truy cập dữ liệu. Bốn là về kinh phí và lộ trình: nên thực hiện thí điểm tại một số địa bàn thường xuyên chịu thiên tai trong giai đoạn đầu, sử dụng hạ tầng dùng chung của Chính phủ số để giảm chi phí, đánh giá kết quả thí điểm trước khi triển khai toàn quốc. Ngoài ra, việc coi dữ liệu thiện nguyện là "tài sản số" cần được hiểu là đề xuất định hướng, kèm theo yêu cầu làm rõ chủ thể quyền và giới hạn quyền trước khi được ghi nhận trong văn bản quy phạm pháp luật.

- Nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm của cộng đồng quốc tế và những kết quả đạt được thời gian vừa qua trong hợp tác với Tổ chức FAO của Liên hợp quốc tại Việt Nam thực hiện Dự án hỗ trợ kỹ thuật *"Tăng cường năng lực và quy mô triển khai hành động sớm cùng với việc kết nối với hệ thống bảo trợ xã hội"*, các cơ quan chức năng Việt Nam cần nghiên cứu bổ sung các chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến việc thực hiện chủ trương "hành động sớm" nhằm VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói chung. Đối với các nguồn viện trợ quốc tế cần chú trọng thực hiện phương thức tiếp nhận hỗ trợ tiền mặt và hàng hóa khẩn cấp từ các nhà tài trợ quốc tế để cứu trợ cho người dân ở các địa bàn trước khi có thiên tai xảy ra. Việc quy định cụ thể cơ chế, chính sách, pháp luật về vấn đề này là rất cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để chủ động hợp tác với cộng đồng quốc tế, các quốc gia cũng như các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài tiếp nhận nguồn viện trợ quốc tế để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu thiệt hại trước khi thiên tai xảy ra.

- Cần nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy định pháp luật về thực hiện chế độ, chính sách đối với những cán bộ của các cơ quan, tổ chức có liên quan, nhất là người trực tiếp đứng ra thực hiện hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Điển hình: Chế độ phụ cấp do làm việc trong môi trường nguy hiểm (môi trường khi có các hiện tượng thiên tai xảy ra); chế độ phụ cấp kiêm nhiệm...

Như vậy, qua phân tích thấy rằng, việc tiếp tục rà soát, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta là rất cần thiết nhằm bảo đảm THPL về lĩnh vực này. Để làm tốt nội dung này, các chủ thể chuyên trách tham mưu xây dựng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT cần phải được trang bị những kiến thức và kỹ năng lập pháp cũng như những kiến thức khoa học, kỹ thuật ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai. Đồng thời, nên chú trọng việc xây dựng và ban hành Luật Từ thiện, nhân đạo vì đây sẽ là khung pháp lý cao nhất để tạo ra những đột phá trong THPL về hoạt động xã hội và từ thiện nói chung cũng như về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT nói riêng.

Bên cạnh các nội dung trên, việc hoàn thiện pháp luật cần tập trung xử lý bốn bất cập mang tính hệ thống mà luận án đã phát hiện ở Chương 3.

Thứ nhất, về tình trạng hàng nghìn quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động theo Điều lệ và quy chế tài chính riêng biệt, thiếu đầu mối điều phối: cần bổ sung quy định về nghĩa vụ đăng ký và báo cáo đột vận động về một đầu mối thống nhất theo biểu mẫu chung, kèm cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa đầu mối này với chính quyền cấp tỉnh và cấp xã nơi tiếp nhận hỗ trợ. Đây là giải pháp điều phối thông tin, không phải sáp nhập quỹ hay tập trung nguồn lực về một chủ thể.

Thứ hai, về ranh giới chưa rõ giữa xử lý hành chính và xử lý hình sự: cần quy định cụ thể các dấu hiệu phân định, trước hết là yếu tố ý thức chiếm đoạt, mức độ thiệt hại và việc đã được yêu cầu giải trình, hoàn trả mà không thực hiện; đồng thời hướng dẫn thống nhất về việc chuyển hồ sơ từ xử lý hành chính sang cơ quan điều tra để tránh vừa bỏ sót vi phạm vừa hình sự hóa quan hệ dân sự.

Thứ ba, về nguy cơ hành chính hóa hoạt động nhân đạo: các yêu cầu về thủ tục cần được thiết kế theo nguyên tắc hậu kiểm thay cho tiền kiểm nhiều tầng, áp

dụng ngưỡng miễn trừ thủ tục đối với các đợt vận động quy mô nhỏ tại cộng đồng, và không đặt chỉ tiêu vận động dưới bất kỳ hình thức nào để giữ đúng nguyên tắc tự nguyện.

Thứ tư, về rủi ro liên quan đến phòng, chống rửa tiền: cần quy định rõ trách nhiệm của tổ chức tín dụng và của chủ thể vận động trong việc nhận biết khách hàng đối với tài khoản tiếp nhận ủng hộ, báo cáo giao dịch đáng ngờ và giao dịch có giá trị lớn, trên cơ sở bảo đảm phù hợp với pháp luật về phòng, chống rửa tiền và không làm chậm tiến độ cứu trợ khẩn cấp.

4.2.3. Tăng cường hợp tác quốc tế về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Thứ nhất: Tăng cường quan hệ phối hợp và hợp tác quốc tế trong thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Việc THPL về VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT có liên quan đến nhiều chủ thể. Thời gian tới, cần chú trọng thực hiện phương thức tiếp nhận hỗ trợ tiền mặt và hàng hóa khẩn cấp từ các nhà tài trợ quốc tế để cứu trợ cho người dân ở các địa bàn trước khi có thiên tai xảy ra. Việc quy định cụ thể cơ chế, nội dung pháp luật về vấn đề này là rất cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để chủ động hợp tác với cộng đồng quốc tế, tiếp nhận nguồn viện trợ quốc tế để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu thiệt hại theo chiến lược "hành động sớm".

Vì vậy, mặc dù Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 của Chính phủ về tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ khẩn cấp để cứu trợ khắc phục hậu quả do thiên tai [27] gần đây đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP [36], ngày 05/02/2026 của Chính phủ (mở rộng phạm vi điều chỉnh sang cả các khoản viện trợ quốc tế để chuẩn bị ứng phó thiên tai, phù hợp với chiến lược “hành động sớm”, và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính), song một số nội dung quan trọng vẫn chưa được điều chỉnh đầy đủ. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan vẫn hết sức cần thiết theo hướng cho phép các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tiếp nhận nguồn viện trợ

quốc tế hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai được chủ động và chịu trách nhiệm trong việc tiếp nhận các loại hàng hóa tiêu dùng thông thường, bao gồm cả thực phẩm và nước uống từ các nguồn viện trợ chính thức của chính phủ các nước. Cần quy định chính sách ưu tiên trong việc thông quan hàng hóa nhập khẩu để cứu trợ thiên tai mà không cần thủ tục xác nhận viện trợ. Đối với vấn đề về hoàn thuế giá trị gia tăng cần có quy định cụ thể việc thực hiện miễn thuế giá trị gia tăng đối với các khoản viện trợ khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai, qua đó khắc phục khó khăn trong thực hiện các thủ tục hoàn thuế. Ngoài ra, về thủ tục hành chính nhằm tiếp nhận viện trợ quốc tế hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai cần điều chỉnh theo hướng quy định cụ thể thành phần, số lượng hồ sơ, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng Nghị định số 50/2020/NĐ-CP sẽ không quy định cụ thể về việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các khoản viện trợ khẩn cấp, bởi nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng; do đó, việc hoàn thiện cơ chế miễn, hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa viện trợ khẩn cấp cần được thực hiện đồng bộ trong hệ thống pháp luật về thuế. Bên cạnh đó, thủ tục hành chính trong tiếp nhận viện trợ quốc tế theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP trong thời gian tới sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương, phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP [153], ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh.

Thứ hai: Hoàn thiện cơ chế phối hợp trong nước làm nền tảng cho hợp tác quốc tế.

Cần cụ thể hóa vị trí, vai trò, trách nhiệm và cơ chế trao đổi thông tin liên thông giữa các cơ quan quản lý, thanh tra, giám sát, Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ và Ủy ban nhân dân các cấp. Đảm bảo dòng thông tin phối hợp thông suốt từ khâu tham mưu xây dựng luật, tuyên truyền pháp luật cho đến khâu tổ chức thực địa. Việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT có liên quan đến nhiều chủ thể, bao gồm: Các cơ quan nhà nước thực hiện công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục

KKDTT; các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, tập thể, cá nhân đứng ra vận động, quyên góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; các cơ quan và người có thẩm quyền áp dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, nhất là trong xác minh, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật xảy ra trong quá trình tiến hành hoạt động này; các tập thể, cá nhân tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp nơi xảy ra thiên tai; các tập thể, cá nhân được phân phối, sử dụng nguồn lực hỗ trợ khắc phục KKDTT gây ra; các tập thể, cá nhân khác có liên quan (tham gia vận chuyển hàng cứu trợ thiên tai, thực hiện các dịch vụ khác liên quan...). Thực tiễn cho thấy, trong quá trình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, các chủ thể này thường xuyên có mối quan hệ phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau nhằm bảo đảm pháp luật về lĩnh vực này được triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, hạn chế xảy ra vi phạm, từ đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

Thứ ba: Mở rộng mạng lưới đối tác và đa dạng hóa nội dung hợp tác quốc tế

Mở rộng hợp tác với các đối tác truyền thống và uy tín như Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (ICRC); Liên đoàn Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế (IFRC); Tổ chức FAO; UNDP và mạng lưới nhân đạo ASEAN. Tích cực tham gia xây dựng, hoàn thiện pháp luật quốc tế về PCTT để làm cơ sở nội luật hóa tại Việt Nam.

Đổi mới nội dung hợp tác: Tăng cường trao đổi kinh nghiệm tổ chức THPL, hỗ trợ đào tạo kỹ năng lập pháp, hỗ trợ khoa học - công nghệ, kinh phí, phương tiện nhằm nâng cao độ tin cậy của dự báo, cảnh báo thiên tai và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin khẩn cấp.

Thiên tai xảy ra ở Việt Nam cũng như ở hầu hết các quốc gia trên thế giới có tính chất, mức độ của thiên tai xảy ra ở mỗi quốc gia có sự khác nhau và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Vị trí địa lý, địa hình, đặc điểm tự nhiên, khí hậu. Ví dụ: Ở Nhật Bản thường xảy ra động đất, núi lửa; ở Philippines thường xảy ra mưa bão; ở Úc thường xảy ra cháy rừng; ở các nước Châu Phi thường xảy ra hạn hán... Ngay ở mỗi quốc gia thì tính chất, mức độ xảy ra thiên tai ở mỗi vùng miền, địa phương cũng không giống nhau. Ví dụ: Ở các tỉnh miền Trung nước ta thường xảy ra bão

lụt; ở các tỉnh phía Nam thường xảy ra tình trạng ngập mặn; ở các tỉnh Tây Bắc thường xảy ra lũ quét và sạt lở đất... Ngày nay, cùng với sự tác động của mặt trái quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên những tác động của con người vào tự nhiên đã tạo ra tình trạng biến đổi khí hậu; sự nóng lên của trái đất, hiệu ứng nhà kính... Điều này đã và đang trở thành yếu tố quan trọng tạo ra sự biến đổi khí hậu toàn cầu và là nguyên nhân dẫn đến các hiện tượng thiên tai khắc nghiệt xảy ra ở các quốc gia. Vì lẽ đó, sự hợp tác quốc tế trong nỗ lực giảm nguy cơ, tác hại của thiên tai luôn là vấn đề được cộng đồng quốc tế và cơ quan chức năng các nước đặc biệt quan tâm thực hiện, trong đó có nội dung hợp tác liên quan đến THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Trên phương diện quốc tế nói chung, nhiều tổ chức quốc tế đã được thành lập và có những hoạt động cụ thể nhằm kêu gọi cộng đồng quốc tế và cơ quan chức năng các nước tham gia các hoạt động cụ thể về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nhằm đẩy mạnh hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục khó khăn khi có thiên tai xảy ra ở trong nước mà còn tích cực hợp tác, tiến hành VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục khó khăn đối với người dân ở các quốc gia khác phải gánh chịu hậu quả, tác hại do thiên tai gây ra.

Những năm qua, các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân ở trong nước đã tích cực thực hiện việc phối hợp triển khai các hoạt động cụ thể liên quan đến THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Đồng thời, quan hệ hợp tác quốc tế trong triển khai hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói chung và THPL về lĩnh vực này nói riêng. Những kết quả đạt được là rất đáng khích lệ, không chỉ góp phần ngày càng bảo đảm hơn việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta mà còn góp phần huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân cũng như huy động nguồn cứu trợ quốc tế thực hiện khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện các nội dung nêu trên vẫn còn có những hạn chế, hiệu quả đạt được trong triển khai quan hệ phối hợp và hợp tác quốc tế nhằm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Xuất phát từ thực tiễn triển khai quan hệ phối hợp và hợp tác quốc tế trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta những năm qua, nhất là những hạn chế cũng như khó khăn, vướng mắc, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả tiến hành các nội dung này trong thời gian tới, cần làm tốt một số nội dung sau:

Một là, cần nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, địa phương có liên quan ở nước ta trong tổ chức triển khai hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói chung và THPL về lĩnh vực này nói riêng. Trong quá trình xây dựng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT cần cụ thể hóa vị trí, vai trò, trách nhiệm của mỗi chủ thể khi tham gia thực hiện các nội dung phối hợp; xác định rõ cơ chế trao đổi thông tin về tình hình có liên quan đến THPL về lĩnh vực này. Các chủ thể cần thường xuyên phối hợp trong việc tham mưu xây dựng và hoàn thiện pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT, đồng thời phối hợp tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực này.

Hai là, đẩy mạnh phương thức đối ngoại dựa trên chiến lược "hành động sớm". Nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm từ Dự án hỗ trợ kỹ thuật phối hợp với Tổ chức FAO của Liên hợp quốc tại Việt Nam về "Tăng cường năng lực và quy mô triển khai hành động sớm cùng với việc kết nối với hệ thống bảo trợ xã hội".

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế pháp lý cho phép chủ động tiếp nhận nguồn viện trợ quốc tế bằng tiền mặt và hàng hóa khẩn cấp để kịp thời điều phối, phát cấp cho người dân tại các địa bàn trọng điểm trước khi thiên tai xảy ra nhằm chủ động ngăn chặn, giảm thiểu tối đa thiệt hại theo chiến lược "hành động sớm". Bên cạnh đó duy trì công tác sơ kết, tổng kết các hoạt động hợp tác quốc tế theo định kỳ từ dưới lên trên, từ địa phương đến Trung ương để kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ vướng mắc, hoàn thiện hệ thống pháp luật từ thiện, nhân đạo.

Ba là, nghiên cứu thực hiện việc đổi mới và đa dạng nội dung và hình thức quan hệ phối hợp và hợp tác quốc tế trong VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói chung và THPL về lĩnh vực này nói riêng. Một số nội dung cần tăng cường phối hợp và hợp tác quốc tế trong thời gian tới đó là: Tăng cường trao đổi

kinh nghiệm trong tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT; hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng về xây dựng pháp luật và THPL về lĩnh vực này; hỗ trợ kinh phí, phương tiện, khoa học - công nghệ nhằm tăng cường năng lực cho các cơ quan, tổ chức có liên quan ở trong nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động cụ thể; hỗ trợ triển khai các giải pháp nâng cao độ tin cậy của dự báo, cảnh báo thiên tai, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật thông tin, phát triển hệ thống ưu tiên cảnh báo khẩn cấp về thiên tai lớn và điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Đặc biệt, cần tiếp tục triển khai quan hệ hợp tác với cộng đồng quốc tế và các quốc gia trên thế giới thực hiện chủ trương “hành động sớm” nhằm PCTT nói chung và tiến hành hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng ở nước ta.

Bốn là, trong quá trình triển khai quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và quan hệ hợp tác quốc tế về PCTT nói chung và THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT nói riêng, các cơ quan, tổ chức của Việt Nam cần chú trọng công tác sơ kết, tổng kết các hoạt động hợp tác nhằm đánh giá kết quả đạt được, chỉ rõ những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót, nguyên nhân, những khó khăn, vướng mắc. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương ở trong nước và quan hệ hợp tác quốc tế về lĩnh vực này trong từng giai đoạn.

Kết luận chương 4

Đứng trước bối cảnh mới hiện nay, việc nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở nước ta không thể chỉ là những sửa đổi, chấp vá. Các giải pháp đặt ra trong vấn đề này phải mang tầm chiến lược, trên tinh thần lấy đường lối, chủ trương của Đảng làm kim chỉ nam, lấy khoa học và công nghệ làm công cụ đột phá.

Trong Chương 4, nghiên cứu sinh đã phân tích và đưa ra những quan điểm cần quán triệt và các giải pháp nhằm bảo đảm THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam thời gian tới. Trong đó, các quan điểm mang tính nguyên tắc được đưa ra là: Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT; phải đặt trong tổng thể chung THPL về hoạt động từ thiện nhân đạo, đồng thời gắn với công tác bảo vệ quyền con người, quyền công dân; THPL về lĩnh vực này phải phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, trên cơ sở các quan điểm trên và thực trạng THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta những năm qua, nghiên cứu sinh đã đưa ra các giải pháp nhằm bảo đảm THPL về lĩnh vực này thời gian tới.

Các giải pháp được xây dựng tương ứng với từng nhóm hạn chế và nguyên nhân đã chỉ ra tại Chương 3, tập trung vào ba nhóm. Nhóm thứ nhất là nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật, xử lý các nguyên nhân thuộc khâu thực thi như phân tán đầu mối điều phối, thủ tục xin chủ trương tiếp nhận nhiều tầng và năng lực cán bộ cấp cơ sở; nhóm này gắn với tiêu chí tính kịp thời và hiệu quả phối hợp, có thể triển khai trong ngắn hạn bằng văn bản hướng dẫn và bằng phân cấp, ủy quyền. Nhóm thứ hai là tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, xử lý khoảng trống về địa vị và trách nhiệm của cá nhân vận động, chuẩn công khai thống nhất, chế tài xử lý vi phạm và các bất cập mang tính hệ thống như sự phân tán của các quỹ xã hội, quỹ từ thiện, ranh giới giữa xử lý hành chính và hình sự, nguy cơ hành chính hóa hoạt động nhân đạo và rủi ro liên quan đến phòng, chống rửa tiền; nhóm này gắn với tiêu chí tính hợp pháp và tiêu chí công khai,

minh bạch, trách nhiệm giải trình, thực hiện theo lộ trình trung hạn. Nhóm thứ ba là tăng cường quan hệ phối hợp và hợp tác quốc tế, xử lý vướng mắc trong tiếp nhận viện trợ khẩn cấp và phối hợp liên ngành.

Riêng các giải pháp ứng dụng công nghệ được đề xuất theo hướng thận trọng: xác định rõ cơ quan chủ trì, rà soát cơ sở pháp lý trước khi luật hóa, bảo đảm nguyên tắc tối thiểu hóa và bảo vệ dữ liệu cá nhân, thực hiện thí điểm và đánh giá tác động trước khi triển khai toàn quốc.

Về thứ tự ưu tiên, trước hết thực hiện các giải pháp không đòi hỏi sửa luật; tiếp đó là sửa đổi, bổ sung văn bản dưới luật; sau cùng là xây dựng đạo luật riêng về từ thiện, nhân đạo. Các giải pháp này cần được triển khai đồng bộ, có phân công chủ thể chịu trách nhiệm và có tiêu chí đánh giá kết quả, qua đó góp phần bảo đảm thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam thời gian tới.

KẾT LUẬN

Thiên tai với những loại hình khác nhau là hiện tượng thường xuyên xảy ra ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Những năm qua, tình hình thiên tai ở nước ta tiếp tục có những diễn biến phức tạp, với xu hướng ngày càng gia tăng cả về tính chất và mức độ, xảy ra ở khắp các vùng, miền trong cả nước và gây ra những hậu quả tác hại vô cùng nghiêm trọng, ảnh hưởng và gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản, đời sống của người dân. Phát huy truyền thống nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam, mỗi khi có thiên tai xảy ra và gây hậu quả tác hại thì hoạt động vận động, quyên góp các nguồn lực nhằm hỗ trợ khắc phục KKDTT lại được các tập thể, cá nhân tiến hành và đã trở thành phong trào chung trong cả nước. Nhờ đó nguồn ĐGTN đã được huy động rộng rãi ở cả trong nước và nước ngoài nhằm góp phần hỗ trợ những nguồn lực cần thiết để cấp ủy, chính quyền và nhân dân ở những địa bàn chịu thiệt hại do thiên tai sớm ổn định cuộc sống và dần trở lại với cuộc sống bình thường.

Nhằm quản lý và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta, Đảng, Nhà nước đã sớm ban hành các văn bản chỉ đạo, đồng thời chỉ đạo xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực này. Trên cơ sở nghiên cứu về những vấn đề lý luận và thực tiễn về THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam những năm qua, luận án đã đạt được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, luận án đã nghiên cứu, phân tích làm rõ cơ sở lý luận của THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam, trong đó làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, hình thức, nguyên tắc và chủ thể thực hiện pháp luật; cơ cấu nội dung thực hiện pháp luật theo bốn công đoạn: vận động; tiếp nhận, quản lý; phân phối, sử dụng; kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm; đồng thời xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và xác định các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về lĩnh vực này. Luận án cũng đã khảo cứu tình hình THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở một số quốc gia trên thế giới để trên cơ sở đó rút ra những vấn đề mà Việt Nam có thể tham khảo nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả việc THPL về lĩnh vực này ở nước ta.

Thứ hai, luận án đã phân tích, đánh giá một cách tương đối toàn diện thực trạng THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam những năm qua trên cơ sở đối chiếu với bộ tiêu chí đánh giá đã xây dựng tại Chương 2, trong đó đã chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và xác định những nguyên nhân cơ bản của những ưu điểm, hạn chế trong tổ chức THPL về lĩnh vực này những năm qua. Điều này đã giúp hình dung bức tranh tổng thể về việc THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho việc đề ra các giải pháp nhằm bảo đảm THPL về lĩnh vực này ở Việt Nam thời gian tới.

Thứ ba, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và thực trạng THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam những năm qua, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam thời gian tới. Các giải pháp được thiết kế thành ba nhóm, tương ứng với các nhóm nguyên nhân đã chỉ ra tại Chương 3: nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; tăng cường quan hệ phối hợp và hợp tác quốc tế. Mỗi nhóm giải pháp được gắn với tiêu chí đánh giá tương ứng, xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm chính, lộ trình thực hiện và thứ tự ưu tiên triển khai.

Có thể thấy, kết quả nghiên cứu của luận án góp phần phát triển và hoàn thiện lý luận về THPL ở Việt Nam nói chung và THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam nói riêng. Những phân tích và đánh giá về thực trạng cũng như các giải pháp đưa ra trong luận án có thể được các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân ở trong nước và cả ngoài nước tổ chức hoặc tham gia hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật về lĩnh vực này và đạt hiệu quả cao nhất, qua đó góp phần không ngừng lan tỏa giá trị nhân văn, nhân đạo và huy động được sự tham gia đông đảo của các tập thể và cá nhân tham gia hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam thời gian tới.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Lê Thị Phụng (2024), “Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 340 (5/2024) tr.133-136.
2. Lê Thị Phụng (2024), “Pháp luật về quản lý nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 344 (9/2024), tr.122-126.
3. Lê Thị Phụng (2025), “Phát huy vai trò văn nghệ sỹ, người nổi tiếng trong vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 349 (2/2025), tr.77-82.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu trong nước

1. Đặng Nguyên Anh (2016), *Hoạt động từ thiện của người dân qua khảo sát xã hội học ở cộng đồng*, Tạp chí Xã hội học số 3 - 2016, Hà Nội.
2. Đỗ Phương Anh (2022), *Thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với phụ nữ ở nông thôn các tỉnh Bắc Trung Bộ*, Việt Nam, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
3. Tuấn Anh (2019), *Phòng, chống thiên tai là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và xã hội*, Tạp chí Tuyên giáo số 10 - 2019, Hà Nội.
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2020), *Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”*, Hà Nội.
5. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2021), *Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 06/7/2021 về “Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới”*, Hà Nội.
6. Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai (2022), *Sách trắng về phòng, chống thiên tai ở Việt Nam năm 2022*, Sách chuyên khảo, Hà Nội.
7. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2023), *Hướng dẫn số 95/HD-MTTW-BTT, ngày 04/01/2023 về thực hiện một số nội dung Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo*, Hà Nội.
8. Nguyễn Quang Bình (2015), *Tăng cường phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ lý luận đến thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu hướng dẫn dạy và học về giảm nhẹ rủi ro thiên tai*, Sách chuyên khảo, Hà Nội.
10. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2010), *Thông tư số 07/2010/TT-BKH, ngày 30/3/2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài*, Hà Nội.

11. Bộ trưởng Bộ Nội vụ (2012), *Quyết định số 1348/QĐ-BNV, ngày 19/12/2012 phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội chữ thập đỏ Việt Nam*, Hà Nội.
12. Bộ Tài chính (2008), *Thông tư số 72/2008/TT-BTC, ngày 31/7/2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 64/2008/NĐ-CP, ngày 14/5/2008 về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo*, Hà Nội.
13. Bộ Tài chính (2023), *Công văn số 13391/BTC-NSNN, ngày 04/12/2023 về việc tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo*, Hà Nội.
14. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Tuyển tập các công trình nghiên cứu, chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2011 - 2015*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
15. Chính phủ (2007), *Nghị định số 148/2007/NĐ-CP, ngày 25/9/2007 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện*, Hà Nội.
16. Chính phủ (2008), *Nghị định số 64/2008/NĐ-CP, ngày 14/5/2008 về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo*, Hà Nội.
17. Chính phủ (2009), *Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài*, Hà Nội.
18. Chính phủ (2012), *Nghị định số 33/2012/NĐ-CP, ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội*, Hà Nội.
19. Chính phủ (2014), *Nghị định số 66/2014/NĐ-CP, ngày 04/7/2014 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai*, Hà Nội.

20. Chính phủ (2014), *Nghị định số 94/2014/NĐ-CP, ngày 17/10/2014 về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai*, Hà Nội.
21. Chính phủ (2017), *Nghị định số 02/2017/NĐ-CP, ngày 09/01/2017 về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2018), *Nghị định số 58/2018/NĐ-CP, ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp*, Hà Nội.
23. Chính phủ (2018), *Nghị định số 117/2018/NĐ-CP, ngày 11/9/2018 về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*, Hà Nội.
24. Chính phủ (2018), *Nghị định số 160/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai*, Hà Nội.
25. Chính phủ (2019), *Nghị định số 83/2019/NĐ-CP, ngày 12/11/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP, ngày 17/10/2014 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai*, Hà Nội.
26. Chính phủ (2019), *Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện*, Hà Nội.
27. Chính phủ (2020), *Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/4/2020 quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP)*, Hà Nội.
28. Chính phủ (2020), *Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam*, Hà Nội.
29. Chính phủ (2021), *Nghị định số 66/2021/NĐ-CP, ngày 06/7/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều năm 2020*, Hà Nội.
30. Chính phủ (2021), *Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo*, Hà Nội.

31. Chính phủ (2021), *Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*, Hà Nội.
32. Chính phủ (2021), *Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, ngày 01/8/2021 về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai*, Hà Nội.
33. Chính phủ (2024), *Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, ngày 08/10/2024 về tổ chức, hoạt động và quản lý hội*, Hà Nội.
34. Chính phủ (2025), *Nghị định số 200/2025/NĐ-CP, ngày 09/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự*, Hà Nội.
35. Chính phủ (2025), *Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, ngày 08/12/2025 về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam*, Hà Nội.
36. Chính phủ (2026), *Nghị định số 53/2026/NĐ-CP, ngày 05/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai*, Hà Nội.
37. Chủ tịch Hồ Chí Minh (1946), *Sắc lệnh số 70, ngày 25/02/1946 thành lập Ủy ban Trung ương hộ đê*, Hà Nội.
38. Nguyễn Thiện Dũng (2016), *Nghiên cứu cơ sở khoa học lập quy hoạch phòng, chống úng ngập dựa trên phân tích rủi ro*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
39. Nguyễn Văn Dũng (2018), *Cộng đồng và vai trò trong ứng phó với thiên tai*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
40. Lý Phương Duyên, Bùi Thị Thu Hương (2021), *Chính sách thuế, kế toán đối với các quỹ xã hội, từ thiện ở Việt Nam*, Tạp chí Tài chính số 2 tháng 10/2021, Hà Nội.
41. Đỗ Văn Dương (2014), *Thực hiện pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Tập 1*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
44. Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức (2019), *Thực hiện, áp dụng và giải*

- thích pháp luật ở Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
45. Lê Minh Đức (2020), *Thực hiện pháp luật về quyền, nghĩa vụ của luật sư trong giai đoạn tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 46. Nguyễn Thị Thu Hà (2010), *Pháp luật Việt Nam về cứu trợ xã hội*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
 47. Bùi Thị Thanh Thúy (2023), *Quản lý nhà nước về hoạt động từ thiện - một số bất cập và định hướng hoàn thiện*, Tạp chí Quản lý nhà nước, Hà Nội.
 48. Nguyễn Khắc Hiếu (2020), *Ảnh hưởng của thiên tai đến thu nhập và tỷ lệ nghèo tại Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Môi trường số 277 - 2020, Hà Nội.
 49. Lê Phương Hòa, Nguyễn Huy Hoàng, Võ Xuân Vinh (2018), *Hợp tác phòng, chống thiên tai của Asean trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
 50. Bùi Thị Minh Hoài (2021), *Công tác vận động quần chúng nhân dân trong phòng, chống thiên tai*, Tạp chí Dân vận số 11 - 2021, Hà Nội.
 51. Trần Quang Hoài (2019), *Thách thức thiên tai và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống đối với khu vực miền Trung*, Tạp chí Tuyên giáo số 12 - 2019, Hà Nội.
 52. Nguyễn Thị Thu Hương (2016), *Thực hiện pháp luật về viên chức trong các trường đại học ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
 53. Nguyễn Thị Mai Hường (2015), *Quản lý hoạt động cứu trợ lương thực tại Cục Dự trữ Nhà nước*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, Hà Nội.
 54. Nguyễn Văn Khiêm (2022), *Nghiên cứu giải pháp tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an trong bối cảnh biến đổi khí hậu*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
 55. Vũ Thị Liên (2002), *Tín dụng ngân hàng với công tác phòng ngừa thiên tai và bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, Tạp chí Ngân hàng số 11 - 2002, Hà Nội.
 56. Đỗ Hồng Linh, Nguyễn Phương Thảo, Phạm Trung Quân, Trần Đăng Khôi (2022), *Hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động từ thiện của Việt Nam trên cơ sở pháp luật hiện hành*, Báo cáo, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

57. Thanh Loan (2016), *Phòng chống thiên tai và dịch bệnh*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội.
58. Nguyễn Văn Long (2009), *Hoạt động từ thiện xã hội nét đẹp văn hóa của Đạo Phật*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Hà Nội.
59. Bùi Thị Long (2022), *Thực hiện pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
60. Nguyễn Hoàng Mạnh (2021), Bài học kinh nghiệm và nhiệm vụ trọng tâm trong công tác phòng, chống thiên tai, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường số 12 - 2021, Hà Nội.
61. Nguyễn Văn Mẫn (2022), Bài học kinh nghiệm trong phòng, chống thiên tai, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường số 3 - 2022, Hà Nội.
62. Nguyễn Thị Na (2019), *Nghiên cứu kinh nghiệm giảm nhẹ thiên tai trước tác động của biến đổi khí hậu*, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường số 20 - 2019, Hà Nội.
63. Lê Trọng Nghĩa (2017), *Chủ động phòng chống thiên tai và quản lý khủng hoảng*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
64. Nguyễn Thị Bích Ngoan (2021), *Các tổ chức tôn giáo tham gia ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo số 11 - 2021, Hà Nội.
65. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2017), *Từ thiện xã hội tôn giáo những vấn đề đặt ra với công tác quản lý nhà nước tại Việt Nam hiện nay*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Hà Nội.
66. Hoàng Phê (Chủ biên) (2015), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
67. Lê Thị Mai Phương (2013), *Xây dựng kế hoạch truyền thông về từ thiện xã hội trên báo chí ngành Công an*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
68. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Luật Hoạt động chữ thập đỏ*, Hà Nội.
69. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.

70. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật Phòng, chống thiên tai*, Hà Nội.
71. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Hình sự năm 2015*, Hà Nội.
72. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, Hà Nội.
73. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Hà Nội.
74. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020*, Hà Nội.
75. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024), *Luật Các tổ chức tín dụng (Luật số 32/2024/QH15)*, Hà Nội.
76. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật Tổ chức chính phủ năm 2015, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2019*, Hà Nội.
77. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều*, Hà Nội.
78. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2022), *Luật Xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.
79. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2023), *Luật Phòng thủ dân sự*, Hà Nội.
80. Quý Tâm (2020), *Tăng cường lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng, chống thiên tai*, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường số 8 - 2020, Hà Nội.
81. Quý Tâm (2021), *Ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống thiên tai*, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường số 24 - 2021, Hà Nội.
82. Bùi Phương Thanh (2018), *Sự tham gia hoạt động từ thiện xã hội của phật tử tại thành phố Hà Nội hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
83. Nghiêm Xuân Thành (2021), *Vietcombank đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và thiên tai và lũ lụt*, Tạp chí Ngân hàng số 3 + 4-2021, Hà Nội.

84. Ngô Văn Thìn (2007), *Can thiệp nhân đạo quốc tế*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
85. Nguyễn Thanh Thủy (2020), *Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở trong việc đảm bảo an sinh xã hội cho cư dân nông thôn: Nghiên cứu trường hợp tại 2 xã*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
86. Nguyễn Thị Trâm (2019), *Thực hiện pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
87. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Lý luận về nhà nước và pháp luật*, Giáo trình, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
88. Đỗ Minh Tuấn (2015), *Quản lý rủi ro thiên tai và hỗ trợ cộng đồng*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2015.
89. Kiều Đăng Tuyết (2020), *Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường số 21 - 2020, Hà Nội.
90. Nguyễn Thanh Tùng và Nguyễn Tiến Lực (2022), *Hoạt động từ thiện xã hội - Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Quản lý nhà nước online, Hà Nội.
91. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 01/2016/QĐ-TTg, ngày 19/01/2016 về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai*, Hà Nội.
92. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 282/QĐ-TTg, ngày 08/3/2018 của phê duyệt Điều lệ Hội chữ thập đỏ Việt Nam*, Hà Nội.
93. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định số 37/2019/QĐ-TTg, ngày 27/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2016/QĐ-TTg về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai*, Hà Nội.
94. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1993), *Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*, Hà Nội.
95. Văn phòng Quốc hội (2023), *Văn bản số 21/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020*, Hà Nội.

96. Văn phòng Giảm thiểu rủi ro dịch bệnh của Liên hợp quốc (UNDRR), *Báo cáo công tác giảm thiểu rủi ro dịch bệnh giai đoạn 2000 - 2019*, Báo cáo.
97. Viện nghiên cứu xã hội kinh tế và môi trường (2015), *Nhận thức của người dân về hoạt động từ thiện và khả năng gây quỹ của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Thế giới, năm 2015.
98. Viện Nhà nước và Pháp luật (2004), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Giáo trình, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

*** Tài liệu nước ngoài**

99. Alejandro Vargas (2018), *Law Enforcement and Corruption: The Impact of Corruption on Law Enforcement Agencies (Thực thi pháp luật và tham nhũng: Tác động của tham nhũng đối với các cơ quan thực thi pháp luật)*, Luận văn thạc sĩ, University of Sydney, Australia.
100. Ban Thư ký liên cơ quan của Liên hợp quốc về ISDR (UN/ISDR) (2004), *Living with Risk: A Global Review of Disaster Reduction Initiatives (Sống chung với rủi ro: Đánh giá toàn cầu về các sáng kiến giảm nhẹ thiên tai)*, Báo cáo, Geneva.
101. Ben Saul (2013), *Disaster Law (Luật Thiên tai)*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Cambridge University Press.
102. Bruce R. Hopkins (2015), *Nonprofit Law Made Easy (Luật phi lợi nhuận thực hiện dễ dàng)*, Sách chuyên khảo, 1st edition, Kindle Edition, Wiley.
103. Charlotte L. Kirschner, Akheil Singla và Angie Flick (2018), *Financing Community Resilience Before Disaster Strikes: Lessons From the United States (Cấp vốn cho khả năng phục hồi của cộng đồng trước thảm họa: Bài học từ Hoa Kỳ)*, Sách chuyên khảo.
104. Chương trình phát triển Liên hợp quốc (2016), *Handbook of Charity Law of the People's Republic of China (Sổ tay Luật Từ thiện của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa)*, Sổ tay.
105. Dr. Daniel R. Goh (2021), *The Enforcement of Intellectual Property Laws in the Digital Age (Việc thực thi luật sở hữu trí tuệ trong thời đại số)*, Luận án tiến sĩ, University of Cambridge, Vương quốc Anh.

106. Diarmuid McDonell (2017), *Improving Charity Accountability: Lessons From the Scottish Experience (Cải thiện trách nhiệm giải trình từ thiện: Bài học từ kinh nghiệm của Scotland)*, Tạp chí về các tổ chức phi lợi nhuận và tự nguyện, số 4.
107. Gallina (2015), *An advanced methodology for the multi-risk assessment: an application for climate change impacts in the North Adriatic case study (Italy) (Phương pháp tiên tiến để đánh giá đa rủi ro: ứng dụng về tác động của biến đổi khí hậu trong nghiên cứu trường hợp Bắc Adriatic - Ý)*, Luận án tiến sĩ, Đại học Vienna, Áo.
108. Gregory D. Saxton và Chao Guo (2011), *Accountability Online: Understanding the Web-Based Accountability Practices of Nonprofit Organizations (Trách nhiệm giải trình trực tuyến: Tìm hiểu thực tiễn trách nhiệm giải trình dựa trên Web của các Tổ chức phi lợi nhuận)*, Nonprofit and Voluntary Sector Quarterly.
109. Hans-Joachim Heintze, Vincent Chetail (2017), *The Law of International Disaster Relief (Luật cứu trợ thiên tai quốc tế)*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Cambridge University Press.
110. Hang Wu Tang, Man YIP và Vincent OOI (2020), *Philanthropic structuring: The Asian context (Cấu trúc từ thiện: Bối cảnh châu Á)*, Research Collection School of Law.
111. Học viện Quản lý tình trạng khẩn cấp và giảm nhẹ thiên tai Trung Quốc (2019), *Báo cáo đánh giá thiên tai toàn cầu năm 2019*, Báo cáo.
112. Kerry O'Halloran (2012), *The Profits of Charity (Những lợi ích của từ thiện)*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Oxford University Press.
113. Kevin M. Cahill.M.D (2016), *Những vấn đề cơ bản sứ mệnh nhân đạo quốc tế*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Thế giới.
114. Dr. Jessica L. Clark (2015), *The Role of National Courts in Enforcing International Human Rights Law (Vai trò của Tòa án quốc gia trong việc thực thi Luật nhân quyền quốc tế)*, Luận án tiến sĩ, Harvard Law School, Hoa Kỳ.
115. Jody M. Prescott (2018), *International Disaster Response Law (Luật ứng phó thảm họa quốc tế)*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Routledge.

116. Jonatan A. Lassa, Gisela E Nappoe và Susilo B. Sulistyo (2022), *Creating an Institutional Ecosystem for Cash Transfer Programming (Xây dựng Hệ sinh thái tổ chức cho Chương trình chuyển tiền mặt)*, Tạp chí Nghiên cứu rủi ro thiên tai, xuất bản tháng 3.
117. Juliet Chevalier-Watts (2015), *The public benefit requirement in charity law: the mystery of the balancing act (Yêu cầu lợi ích công cộng trong luật từ thiện: Bí ẩn của hành động cân bằng)*, Trusts & Trustees.
118. Martin J. R. Loughlin (2010), *The Enforcement of Law: Theories and Procedures*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Hart Publishing.
119. Mathew Harding (2014), *Charity law and the Liberal State (Luật từ thiện và Nhà nước tự do)*, Sách chuyên khảo, Nxb Cambridge University Press, Cambridge.
120. Matthew J. P. Jackson (2016), *Law Enforcement and the Politics of Race (Thực thi pháp luật và Chính trị chủng tộc)*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản University of Chicago Press.
121. Michael K. Johnson (2019), *The Enforcement of Environmental Laws in Developing Countries (Việc thực thi luật môi trường ở các nước đang phát triển)*, Luận văn thạc sĩ, University of California, Berkeley, Hoa Kỳ.
122. Lili Wang và Elizabeth Graddy (2008), *Social Capital, Volunteering & Charitable Giving (Vốn xã hội, Tình nguyện và quyên góp từ thiện)*, Tạp chí Voluntas.
123. Nhà xuất bản Edward Elgar Publishing (2011), *Handbook of Disaster Risk Reduction and Management (Sổ tay giảm thiểu và quản lý rủi ro thiên tai)*, Sách chuyên khảo của nhiều tác giả.
124. Nhà xuất bản American Bar Association (2015), *Legal Aspects of Disaster Recovery (Các khía cạnh pháp lý của việc phục hồi sau thảm họa)*, Sách chuyên khảo, nhiều tác giả.
125. Nora Whitefield (2016), *Access to Justice and the Enforcement of Legal Rights in Post-Conflict Societies (Tiếp cận công lý và thực thi các quyền hợp*

- pháp trong các xã hội hậu xung đột*), Luận văn thạc sĩ, London School of Economics and Political Science (LSE), Vương quốc Anh.
126. Peter Cane (2009), *"The Theory and Practice of Legislation"* (Lý thuyết và thực hành của pháp luật), Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Cambridge University Press.
 127. Oonagh B. Breen và Patricia Quinn (2019), *Philanthropic Giving in Ireland: A Scoping Project* (Tài thiện ở Ireland: Dự án xác định phạm vi), University college Dublin, UCD Working Papers in Law, Criminology & Socio-Legal Studies Research Paper No.
 128. Renjini D và Mary Joseph T (2020), *Market Orientation of Nonprofit Organizations: An Indian Perspective* (Định hướng của các tổ chức phi lợi nhuận: Quan điểm của Ấn Độ), Sách chuyên khảo, Series in Business & Finance, Vernon press.
 129. Richard A. Posner (2004), *Legal Reforms and the Rule of Law* (Cải cách pháp luật và pháp quyền), Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Harvard University Press.
 130. Shaw, R (2014), *Kobe earthquake: Turning point of community based risk reduction in Japan* (Trận động đất Kobe: Bước ngoặt trong việc giảm thiểu rủi ro dựa vào cộng đồng ở Nhật Bản), Sách chuyên khảo.
 131. Sahoo, Bishnupriya và Prasad K. Bhaskaran (2018), *Multi-hazard risk assessment of coastal vulnerability from tropical cyclones - A GIS based approach for the Odisha coast* (Đánh giá rủi ro đa thiên tai về tính dễ bị tổn thương của vùng ven biển do bão nhiệt đới - Phương pháp tiếp cận dựa trên GIS cho bờ biển Odisha), Tạp chí quản lý môi trường.
 132. Samuel Singer (2020), *Charity law reform in Canada: Moving from patchwork to substantive reform* (Cải cách Luật tài thiện ở Canada: Chuyển từ việc cải cách chắp vá đến cải cách lâu dài), Alberta law review.
 133. Thanikun Chantra (2023), *Volunteerism & Disaster Resilience in Thailand: Institutional Design for Reducing Migrant Workers' Vulnerability to Floods in Thailand* (Tình nguyện và khả năng chống chịu thiên tai ở Thái Lan: Thiết

- kế thể chế để giảm thiểu sự dễ bị tổn thương của lao động di cư trước lũ lụt ở Thái Lan*), Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Springer Singapore.
134. Thomas J. Holt (2015), *Law Enforcement in the Age of Cybercrime (Thực thi pháp luật trong thời đại tội phạm mạng)*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Routledge.
 135. Tom Bingham (2010), *The Rule of Law (Quy tắc của pháp luật)*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Penguin Books.
 136. Van Niekerk, D. và Coetzee, C (2012), *African experiences in community-based disaster risk reduction (Kinh nghiệm của Châu Phi về giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng)*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Emerald Vương quốc Anh.
 137. Victoria, L. (2002), *Community based approaches to disaster mitigation (Các phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng để giảm nhẹ thiên tai)*, Hội thảo khu vực về các phương pháp thực hành tốt nhất trong giảm nhẹ thiên tai tại Băng Cốc.
 138. Australia (2012), *Australian Charities and Not-for-profits Commission Act 2012 (Cth) (Luật về Ủy ban Quản lý các tổ chức từ thiện và phi lợi nhuận Úc)*, Văn bản pháp luật.
 139. Hoa Kỳ, *Internal Revenue Code - IRC, 26 U.S.C. §§ 170(f)(8), 501(c)(3), 6115 (Bộ luật Thuế vụ Hoa Kỳ)*, Văn bản pháp luật.
 140. Hoa Kỳ, *International Emergency Economic Powers Act - IEEPA, 50 U.S.C. §§ 1701-1708 và quy định của Văn phòng Kiểm soát tài sản nước ngoài (OFAC) tại 31 C.F.R. Chapter V (Đạo luật về thẩm quyền kinh tế trong tình trạng khẩn cấp quốc tế)*, Văn bản pháp luật.
 141. *Internal Revenue Service - IRS, Charitable Solicitation - State Requirements (Yêu cầu đăng ký hoạt động kêu gọi từ thiện cấp tiểu bang)*, Nguồn của cơ quan thuế Hoa Kỳ.
 142. Nhật Bản (1998), *Act on Promotion of Specified Non-Profit Activities - NPO Act (Luật Thúc đẩy hoạt động phi lợi nhuận đặc định)*, Văn bản pháp luật.

143. Nhật Bản (2006), *Act on Authorization of Public Interest Incorporated Associations and Foundations* (Luật về việc công nhận các hiệp hội và quỹ vì lợi ích công), *Văn bản pháp luật*.
144. Nhật Bản (2022), *Act on Prevention of Unjust Solicitation of Donations by Corporations, etc.* (Luật ngăn chặn việc kêu gọi đóng góp bất công của pháp nhân), *Văn bản pháp luật*.
145. Nhật Bản, *Local Tax Act - chế độ Furusato Nozei* (Luật Thuế địa phương - chế độ "thuế quê hương"), *Văn bản pháp luật*.

*** Tài liệu điện tử**

146. Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai (trước thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nay thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường), *Thống kê, báo cáo công tác phòng, chống thiên tai hằng năm giai đoạn 2013 - 2025*, tại: <http://phongchongthientai.mard.gov.vn>.
147. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Ban Vận động cứu trợ Trung ương, *Thông tin công bố kết quả vận động, tiếp nhận và phân bổ nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai*, tại: <https://mattran.org.vn>.
148. Bộ Công an, *Thông tin, cảnh báo về phòng ngừa và xử lý các hành vi lợi dụng hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện, cứu trợ để vi phạm pháp luật*, tại: <https://bocongan.gov.vn>.
149. Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam lần thứ XII (2026), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam lần thứ XII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, ngày 28/7/2026*, Hà Nội.
150. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Hà Nội.
151. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.

152. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Hà Nội.
153. Chính phủ (2026), *Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, ngày 18/5/2026 về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh*, Hà Nội.
154. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), *Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Hà Nội.
155. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
156. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2025), *Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp*, Hà Nội.
157. Bộ Chính trị (2025), *Kết luận số 119-KL/TW, ngày 20/01/2025 về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật*, Hà Nội.
158. Bộ Chính trị (2026), *Kết luận số 09-KL/TW, ngày 10/3/2026 về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Hà Nội.
159. Bộ Chính trị (2026), *Kết luận số 17-KL/TW, ngày 02/4/2026 về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI*, Hà Nội.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC BẢNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ

**Bảng 3.1. Thống kê tổng số vụ thiên tai xảy ra ở Việt Nam
từ năm 2013 đến năm 2025**

Năm	Tổng số vụ thiên tai
2013	1.056
2014	356
2015	602
2016	850
2017	982
2018	756
2019	502
2020	576
2021	841
2022	1.072
2023	1.145
2024	1.340
2025	1.386
Tổng	11.464

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu công bố của Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), giai đoạn 2013 - 2025 [146]

**Bảng 3.2. Thống kê thiệt hại do thiên tai ở Việt Nam
từ năm 2013 đến năm 2025**

Năm	Thiệt hại do thiên tai		
	Người chết và mất tích	Người bị thương	Tài sản (Tỷ đồng)
2013	313	1.150	30.000
2014	133	706	2.800
2015	154	765	8.100
2016	264	987	39.726
2017	386	1.367	60.000
2018	224	1.045	20.000
2019	133	965	7.000
2020	357	912	39.945
2021	108	950	5.200
2022	175	1.025	19.500
2023	169	977	8.236
2024	514	2.207	88.748
2025	468	741	98.677
Tổng	3.398	13.797	427.932

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu công bố của Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), giai đoạn 2013 - 2025 [146]

**Bảng 3.3. Thống kê kết quả vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp
tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam
từ năm 2013 đến năm 2025**

Năm	Tổng số tiền và hiện vật (Tỷ đồng)	Tổng số tiền và hiện vật hỗ trợ trong nước khắc phục hậu quả thiên tai (Tỷ đồng)	Tổng số tiền và hiện vật hỗ trợ quốc gia khắc phục hậu quả thiên tai (Tỷ đồng)
2013	4.571	4.550	21
2014	3.907	3.879	28
2015	5.150	5.123	27
2016	4.131	4.100	31
2017	5.625	5.600	25
2018	3.735	3.700	35
2019	3.852	3.826	26
2020	4.604	4.567	37
2021	5.075	5.041	34
2022	4.838	4.798	40
2023	4.037	3.986	51
2024	6.835	6.803	32
2025	7.320	7.275	45
Tổng	63.680	63.248	432

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu công bố của Ban Vận động cứu trợ Trung ương - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam qua các phương tiện thông tin đại chúng [147]

**Bảng 3.4. Thống kê kết quả tiếp nhận viện trợ quốc tế
hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam
từ năm 2013 đến năm 2025**

Năm	Tổng số tiền và hiện vật (Tỷ đồng)
2013	54
2014	62
2015	73
2016	41
2017	55
2018	48
2019	69
2020	58
2021	47
2022	63
2023	54
2024	80
2025	75
Tổng	779

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu công bố về tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp của các cơ quan chủ quản qua các phương tiện thông tin đại chúng

Bảng 3.5. Thống kê kết quả công tác kiểm tra hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2025

Năm	Tổng số đợt kiểm tra
2013	8
2014	10
2015	7
2016	11
2017	12
2018	10
2019	8
2020	9
2021	12
2022	8
2023	11
2024	13
2025	15
Tổng	134

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu công bố của các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra qua các phương tiện thông tin đại chúng

Bảng 3.6. Thống kê kết quả các vụ việc vi phạm pháp luật trong hoạt động vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai từ năm 2013 đến năm 2025

Năm	Tổng số		Xử lý hình sự		Xử lý hành chính	
	Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng
2013	3	4	1	1	2	3
2014	2	2	0	0	2	2
2015	3	3	0	0	3	3
2016	4	4	1	1	3	3
2017	3	3	1	1	2	2
2018	2	2	0	0	2	2
2019	1	1	0	0	1	1
2020	3	4	1	1	2	3
2021	2	2	0	0	2	2
2022	5	5	1	1	4	4
2023	3	3	1	1	2	2
2024	4	5	2	2	2	3
2025	5	5	3	3	2	2
Tổng	40	43	11	11	29	32

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu công bố của các cơ quan chức năng (Bộ Công an, Tòa án, cơ quan quản lý xử lý vi phạm hành chính) qua các phương tiện thông tin đại chúng [148]

PHỤ LỤC 2

ĐỀ CƯƠNG VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÒNG VẤN SÂU

CÁN BỘ THỰC TIỄN

(Về thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai)

1. Mục đích và đối tượng phỏng vấn

- Mục đích: Thu thập, chất lọc ý kiến đánh giá của các chủ thể trực tiếp tổ chức thực hiện pháp luật nhằm làm rõ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn vận động, tiếp nhận, phân phối và quản lý nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai.

- Đối tượng: 20 chuyên gia, lãnh đạo, cán bộ quản lý và người trực tiếp thực hiện, gồm: Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (03 phiếu); Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Hội Chữ thập đỏ một số tỉnh, thành phố (15 phiếu, bao gồm cả tình nguyện viên Chữ thập đỏ trực tiếp tham gia cứu trợ tại địa bàn); Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (02 phiếu).

- Hình thức và thời gian: Phỏng vấn trực tiếp kết hợp trực tuyến, thực hiện trong tháng 7 năm 2025.

2. Nội dung câu hỏi phỏng vấn

- Nhóm 1 (Cơ chế, thủ tục cứu trợ):

(1) Những vướng mắc lớn nhất về thủ tục hành chính khi tiếp nhận, phân phối tiền, hàng cứu trợ hiện nay là gì? Đề nghị đồng chí làm rõ ở ba khía cạnh: thủ tục rà soát, lập danh sách hộ dân bị thiệt hại và việc xác nhận của chính quyền cấp cơ sở; cơ chế điều phối thông tin giữa các đầu mối tiếp nhận; quy định về phân loại, kiểm định chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng cứu trợ đóng góp tự nguyện.

(2) Việc xác định địa bàn, đối tượng hưởng lợi trên thực tế có bảo đảm chính xác, kịp thời không? Nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng phân bổ không đồng đều giữa các địa bàn, hàng cứu trợ ách tắc tại các trục đường chính hoặc tập trung vào khu vực dễ tiếp cận trong khi vùng sâu, vùng xa chậm được hỗ trợ?

(3) Độ trễ của thủ tục tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp (thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ; thông quan, miễn thuế, kiểm định chuyên ngành tại cửa khẩu đối với thiết bị lọc nước, túi cứu trợ chuẩn hóa, máy phát điện...) ảnh hưởng như thế nào đến “thời điểm vàng” 48 - 72 giờ đầu sau thiên tai?

- Nhóm 2 (Kế toán, giải trình):

(1) Đồng chí đánh giá thế nào về công tác lập báo cáo tài chính, công khai thu - chi của các tổ chức, cá nhân tham gia vận động? Đề nghị phân biệt giữa các tổ chức chuyên trách (Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ) và cá nhân, nhóm thiện nguyện tự phát.

(2) Việc sao kê tài khoản ngân hàng có đủ để chứng minh dòng tiền không? Trên thực tế, chứng từ đối với các khoản chi (hóa đơn, biên nhận có xác nhận của địa phương) được lập và lưu giữ như thế nào?

(3) Chuẩn mực kế toán hiện hành có gây lúng túng cho cán bộ thực hiện không, đặc biệt trong việc xác định giá và ghi nhận đối với hàng hóa, nhu yếu phẩm đóng góp bằng hiện vật (mới, đã qua sử dụng)? Rủi ro sai sót khi thanh tra, kiểm toán phát sinh chủ yếu ở nội dung nào?

- Nhóm 3 (Hiện tượng “hành chính hóa” hoạt động vận động):

(1) Tại địa phương, đơn vị của đồng chí, việc ấn định mức hỗ trợ (trừ trực tiếp một số ngày lương của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động) diễn ra như thế nào? Việc này có bảo đảm nguyên tắc tự nguyện hoàn toàn không?

(2) Có tình trạng giao chỉ tiêu vận động về từng địa phương, đơn vị và đưa mức độ hoàn thành chỉ tiêu vào đánh giá, xếp loại thi đua cuối năm của thôn, bản, tổ dân phố, cơ quan không?

(3) Theo đồng chí, những cách làm trên gây ra hệ lụy pháp lý và xã hội gì - xét ở góc độ vi phạm nguyên tắc tự nguyện (biến khoản đóng góp nhân đạo thành nghĩa vụ bắt buộc hoặc một dạng “thuế, phí ngầm”) và ở góc độ niềm tin của người dân đối với các quỹ, tổ chức vận động chính thống?

- Nhóm 4 (Xử lý vi phạm và ứng dụng chuyển đổi số):

(1) Việc áp dụng chế tài xử lý vi phạm (hành chính, hình sự) gặp khó khăn gì? Đề nghị đồng chí làm rõ: việc phân định ranh giới giữa “thiếu kỹ năng quản lý, làm thất thoát” và “có ý lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” trong các vụ việc kêu gọi từ thiện cá nhân; mức độ bao quát và tính răn đe của các quy định xử phạt vi phạm hành chính hiện hành, nhất là đối với hình thức vi phạm mới trên không gian mạng.

(2) Lực lượng chức năng gặp trở ngại gì khi thu thập chứng cứ, xác minh các khoản thu - chi bằng tiền mặt hoặc giao dịch qua tài khoản ẩn danh, ví điện tử?

(3) Việc ứng dụng nền tảng số, tài khoản định danh trong vận động, tiếp nhận cứu trợ hiện có thuận lợi gì (sao kê tự động, công khai dòng tiền qua VNeID hoặc cổng chuyển đổi số từ thiện; rút ngắn thời gian tiếp nhận) và gặp rào cản gì (hạ tầng công nghệ tại vùng thiên tai mất điện, mất sóng; thói quen sử dụng tiền mặt của người dân vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi; mức độ kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa cơ quan công an, Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ và ngân hàng để xác thực đối tượng thụ hưởng)?

3. Bảng tổng hợp mã hóa thông tin phỏng vấn

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
PV01	Chuyên viên Ban Đối ngoại và Truyền thông, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	Trung ương	Trả lời bằng văn bản	Phải đồng thời tuân thủ nhiều quy định về tiếp nhận, quản lý tài chính, mua sắm, viện trợ và quyết toán trong khi cứu trợ đòi hỏi kịp thời; đề nghị cơ chế rút gọn cho viện trợ nhân đạo, số hóa quy trình, phân cấp gắn với hậu kiểm. Cán bộ Hội phần lớn kiêm nhiệm, trình độ kế toán không đồng đều nên lúng túng khi hạch toán, phân loại nguồn, lập báo cáo. Còn phản ánh về ấn định mức đóng góp, lồng ghép vào tiêu chí thi đua - không phải chủ trương của Hội, làm giảm tính tự nguyện. Khó xác định tính chất vi phạm và thu thập chứng cứ đối với vận động qua nền tảng số, mạng xã hội; cần hoàn thiện quy định về bảo mật dữ liệu, xác thực danh tính, chữ ký và chứng từ điện tử.
PV02	Kế toán Văn phòng Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt	Trung ương	Trả lời bằng văn bản	Trung ương Hội mở sổ kế toán, theo dõi riêng từng nguồn tiếp nhận, từng nhà tài trợ, từng chương trình; công khai qua Cổng thông tin

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
	Nam, kiêm phụ trách kế toán Quỹ Hoạt động Chữ thập đỏ			điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Khó khăn: số lượng giao dịch lớn trong thời gian ngắn, chứng từ từ địa phương hoàn thiện sau khi kết thúc cứu trợ; xác định giá trị và ghi nhận hiện vật chưa có hướng dẫn chuyên biệt; công khai theo thời gian thực khó thực hiện với chương trình quy mô lớn; chưa có mẫu biểu công khai thống nhất. Chuẩn mực kế toán không khó về nguyên tắc nhưng thiếu hướng dẫn riêng cho nguồn đóng góp tự nguyện nên cách hiểu, cách làm chưa thống nhất; kiến nghị ban hành hướng dẫn kế toán chuyên biệt và cơ sở dữ liệu dùng chung.
PV03	Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đắk Lắk	Tỉnh	Trả lời bằng văn bản	Thủ tục tiếp nhận phải qua nhiều bước (tờ trình, kế hoạch tiếp nhận, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền, xác minh đối tượng, lập danh sách, báo cáo); viện trợ quốc tế theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP mất thời gian thẩm định, phê duyệt, ảnh hưởng đến 24 - 72 giờ đầu nên Hội phải dùng nguồn dự phòng, hàng chuẩn bị trước để hỗ trợ khẩn cấp. Việc quy đổi giá trị hiện vật, hàng hóa, trang thiết bị viện trợ gây lúng túng cho cán bộ cơ sở khi quyết toán, giải trình. Một số nơi còn giao

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				chỉ tiêu vận động, gắn kết quả đóng góp với thi đua, tạo tâm lý đối phó, đóng góp hình thức. Khó xác định hành vi, thu thập chứng cứ, phân định trách nhiệm; xử lý chủ yếu dùng ở nhắc nhở hoặc xử phạt hành chính. Kiến nghị: quy trình rút gọn, phân cấp, hồ sơ điện tử, phần mềm quản lý dùng chung, tập huấn kế toán cho cán bộ cấp xã.
PV04	Trưởng Ban Công tác xã hội và Chăm sóc sức khỏe, Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai	Tỉnh	Trả lời bằng văn bản	Vướng mắc lớn nhất là phải xin ý kiến nhiều bộ, ngành để được tiếp nhận dự án, thực tế thường trả lời muộn hơn thời hạn; việc ghi thu ghi chi nguồn ngân sách dự án phải được thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, trình không kịp thì phải chờ kỳ họp sau, có khi vài tháng. Chậm trễ làm hiệu quả hỗ trợ giảm vì nhu cầu của người dân sau 3 - 4 tháng đã khác. Đánh giá hướng dẫn tài chính hiện hành rõ ràng, biểu mẫu chi tiết, định mức chi phù hợp thực tế; chế tài xử lý vi phạm đã cụ thể. Cho rằng ứng dụng nền tảng số, tài khoản định danh cần là yêu cầu bắt buộc; rào cản ở địa bàn khó khăn: người dân không có điện thoại thông minh, thiếu kỹ năng, không có mạng, tâm lý sợ bị lừa đảo nên vẫn muốn nhận tiền mặt.

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
PV05	Chuyên viên Ban CTXH Hội Chữ thập đỏ TP Đà Nẵng	Thành phố	Trả lời bằng văn bản	Cơ chế phối hợp giữa Ban Cứu trợ các cấp, chính quyền địa phương và các đoàn từ thiện tự phát chưa nhịp nhàng; xác định nhu cầu thực tế chậm dẫn đến nơi tiếp nhận vượt nhu cầu, nơi thiếu nhu yếu phẩm; thủ tục rà soát, xác nhận đối tượng thụ hưởng ở cấp xã kéo dài. Viện trợ quốc tế khẩn cấp dù có quy định rút gọn vẫn mất nhiều ngày đến nhiều tuần, hàng đến nơi khi tình trạng khẩn cấp đã qua. Công khai phần lớn chỉ dừng ở sao kê tài khoản, khâu chứng minh chi còn sơ sài; cán bộ kiêm nhiệm cấp xã chịu áp lực lập chứng từ; chưa có biểu mẫu báo cáo đơn giản hóa cho cá nhân vận động. Việc trừ trực tiếp 1 - 2 ngày lương và gán chỉ tiêu thi đua triệt tiêu tinh thần tự nguyện, trái nguyên tắc tự nguyện. Khó chứng minh mục đích chiếm đoạt theo Điều 174, 175 Bộ luật Hình sự; thuận lợi từ VNeID và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong xác thực đối tượng, rào cản là mất điện, mất sóng, khoảng cách công nghệ và an toàn dữ liệu.
PV06	Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Nghệ An	Tỉnh	Trả lời bằng văn bản	Nghị định số 93/2021/NĐ-CP đã tạo hành lang pháp lý rõ hơn, nhưng khâu phối hợp xác minh danh sách đối tượng hưởng lợi giữa

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				Hội Chữ thập đỏ, Mặt trận Tổ quốc và chính quyền cấp xã, thôn còn lúng túng, chưa thống nhất tiêu chí bình xét khẩn cấp; phân phối hàng viện trợ quy mô lớn đòi hỏi chứng từ giao nhận chi tiết đến từng hộ, rất khó lập tại hiện trường khi mưa lũ, cúp điện, chia cắt giao thông. Độ trễ phê duyệt viện trợ phi chính phủ (vài ngày đến vài tuần) làm mất "thời điểm vàng" 72 giờ đầu. Cán bộ Chữ thập đỏ cấp xã đa số kiêm nhiệm; việc mua gom nhu yếu phẩm tại chợ dân sinh, hộ kinh doanh nhỏ lẻ không có hóa đơn giá trị gia tăng nên hợp thức hóa chứng từ thanh quyết toán gây lúng túng lớn. Vẫn còn hình thức "vận động tự nguyện trên cơ sở chỉ tiêu phân bổ", khấu trừ 1 - 2 ngày lương và lòng ghép kết quả đóng góp vào thi đua cuối năm, biến hoạt động nhân đạo thành khoản "phụ thu" bắt buộc. Khó kiểm soát, phát hiện vi phạm của nhóm tự phát trên không gian mạng; chưa có quy chế phối hợp thường xuyên giữa Công an, Tài chính, Mặt trận, Chữ thập đỏ.
PV07	Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Hà Tĩnh	Tỉnh	Trả lời bằng văn bản	Kiến nghị cụ thể về quy trình: xem xét không phải xin ý kiến các bộ theo điểm a khoản 2 Điều 13; đối với dự án sửa chữa, lợp lại nhà ở

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				sau bão có thể giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Việc khấu trừ lương gắn với tiêu chí thi đua gây trùng lặp trong vận động: cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã bị trừ lương để đóng góp tại cơ quan nhưng về nơi cư trú vẫn phải tiếp tục đóng góp theo chỉ tiêu chung của thôn, gắn với đánh giá việc chấp hành quy định nơi cư trú hằng năm. Khó xác định đối tượng và mức độ vi phạm do nguồn đóng góp tự nguyện, quản lý chưa chặt chẽ. Nền tảng số và tài khoản định danh có thuận lợi là thực hiện nhanh, diện rộng, công khai, minh bạch, tạo được sự tin tưởng của nhà hảo tâm; rào cản là đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là thôn xóm và người lớn tuổi, còn hạn chế kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin. (Không trả lời nhóm câu hỏi về kế toán, giải trình.)
PV08	Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ thành phố Đà Nẵng	Thành phố	Phiếu phỏng vấn	Đánh giá quy định về trình tự, thủ tục và thời gian giải quyết hồ sơ khá rõ ràng, nhưng khi xin phê duyệt phải trải qua nhiều cấp cho ý kiến nên rất trễ. Mô tả chi tiết các lớp thủ tục ở cấp tỉnh: Hội Chữ

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				thập đồ phối hợp đối tác xây dựng dự thảo văn kiện, trình Sở Tài chính hoặc Văn phòng Ủy ban, từ đây xin ý kiến Ủy ban bằng văn bản để chỉ đạo lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan (thường ít nhất 1 tháng); sau khi có quyết định phê duyệt văn kiện, đối tác mới ra quyết định viện trợ, xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị triển khai, đánh giá thiệt hại và nhu cầu thêm một lần nữa rồi mới phê duyệt đối tượng thụ hưởng; một số gói hỗ trợ phải làm hồ sơ thầu; cấp phát tiền mặt qua đơn vị thứ ba còn phải tuân thủ quy trình riêng của đối tác. Kết luận: khó khăn nhất là quy trình, thủ tục phê duyệt và công tác thầu, mua sắm quá tốn thời gian. Hệ lụy của độ trễ được nêu ở năm mức: thiệt thòi cho cộng đồng thụ hưởng vì không được hỗ trợ ngay nhu cầu thiết yếu dẫn đến dễ bị tổn thương nặng hơn; mất tính khẩn cấp, thường vượt qua thời điểm vàng; gây áp lực cho địa phương do người dân hối thúc; ảnh hưởng quan hệ với đối tác, nhà tài trợ; và ảnh hưởng hình ảnh, vai trò của Hội Chữ thập đỏ. Về kế toán: các tỉnh, thành Hội đã quản lý bài bản (mở tài khoản riêng từng đợt

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				vận động, quyết toán với Trung ương Hội và Sở Tài chính), Nghị định số 93/2021/NĐ-CP đã giảm đáng kể tình trạng "trộn lẫn" tài khoản cá nhân với tiền quyên góp, nhưng công khai mới dừng ở "sao kê đầu vào", khâu quyết toán chi còn sơ sài; định giá, kiểm đếm hiện vật còn lúng túng. Nêu một vướng mắc riêng: sự chòng chéo giữa chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (Thông tư số 107/2017/TT-BTC) và Thông tư số 41/2022/TT-BTC áp dụng cho nguồn vận động đóng góp. Kiến nghị Bộ Tài chính hướng dẫn linh hoạt hơn về hình thức chứng từ được chấp nhận, cho phép dùng biên bản xác nhận của chính quyền địa phương nơi nhận hỗ trợ thay hóa đơn tài chính trong thời gian thiên tai; mở rộng tập huấn Thông tư số 41/2022/TT-BTC và Nghị định số 93/2021/NĐ-CP đến cấp xã, phường. Về "hành chính hóa": việc ấn định định mức, khấu trừ lương, gắn thi đua đang diễn ra ở nhiều quỹ (Vì người nghèo, Đền ơn đáp nghĩa, Khuyến học, Xây dựng nông thôn mới, an sinh xã hội địa phương), một số đợt vận động còn đưa ra định mức đóng góp tối thiểu. Hệ lụy: làm lu mờ giá trị

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				nhân văn, người ủng hộ không thoải mái, nhất là khoản trích từ lương; khoản ủng hộ nhỏ hơn định mức bị nhìn nhận thiên lệch, bị đánh giá thiếu lòng nhân ái; bệnh thành tích; gây phiền nhiễu cho người dân, doanh nghiệp vì quá nhiều hoạt động gây quỹ; nguồn lực địa phương bị đem hỗ trợ địa bàn khác khiến đối tượng cần hỗ trợ tại chỗ thiệt thòi; và có trường hợp người bị thiệt hại, tổn thương thay vì được nhận hỗ trợ lại phải đóng góp. Về xử lý vi phạm: thiếu chế tài hoặc chế tài chưa đủ răn đe, thường chỉ được giải quyết khi sai phạm bị dư luận phanh phui; quản lý nguồn lực vận động tự phát còn bất cập nên dễ bị lợi dụng. Rào cản chuyển đổi số: năng lực số của cộng đồng chưa cao; tổ chức, cá nhân triển khai phải có uy tín lớn và năng lực số hóa quản lý cao, cập nhật thường xuyên, liên tục.
PV09	Tỉnh nguyên viên Chữ thập đỏ, thành phố Đà Nẵng	Thành phố	Trả lời bằng văn bản	Trong các đợt mưa lũ lớn, nhiều khu vực ngập sâu hoặc bị chia cắt nên việc tiếp cận hiện trường để thống kê thiệt hại, xác minh đối tượng gặp khó khăn, trong khi người dân cần được hỗ trợ ngay trong 24 - 48 giờ đầu. Khi nhiều tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cùng

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				tham gia, việc cập nhật thông tin và điều phối nguồn lực chưa kịp thời, có thời điểm một số địa bàn được hỗ trợ nhiều lần trong khi khu vực bị chia cắt tiếp cận chậm hơn; nguồn viện trợ nước ngoài cần thời gian hoàn thiện thủ tục nên địa phương phải chủ động huy động nguồn lực tại chỗ hỗ trợ trước. Về kế toán, cán bộ vừa tổ chức tiếp nhận, phân phối vừa phải hoàn thiện hồ sơ, chứng từ, báo cáo nên áp lực lớn; nguyên nhân lúng túng không hẳn do chuẩn mực kế toán chưa phù hợp mà do các quy định hiện hành được xây dựng cho hoạt động tài chính thông thường, chưa tính đến đặc thù cứu trợ khẩn cấp. Số vụ việc phải áp dụng chế tài không nhiều, nhưng khi có sai phạm thì khó xác định hành vi và phân định trách nhiệm giữa nhiều chủ thể cùng tham gia; một số hành vi chưa được hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền, quy trình xử lý. Chưa có nền tảng số thống nhất quản lý toàn bộ quy trình từ tiếp nhận, phân phối đến công khai kết quả.
PV10	Tỉnh nguyên viên Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa	Tỉnh	Trả lời bằng văn bản	Văn bản tiếp nhận và xin chủ trương của lãnh đạo tỉnh, thành phố chậm so với yêu cầu của tình huống khẩn cấp, chỉ phù hợp với giai đoạn

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				cứu trợ phục hồi, tái thiết; trên thực tế tỉnh, thành phố sử dụng lực lượng quân đội, công an và nguồn lực dự phòng để xuất quân, xuất kho sớm trong tình huống khẩn cấp. Về kế toán, giải trình: chưa thấy vướng mắc, chậm trễ, nhưng công tác lập báo cáo cần có phần mềm, ứng dụng công nghệ số. Về hiện tượng "hành chính hóa": cho rằng mức khấu trừ lương chỉ là con số để biết mức đóng góp, người dân và cán bộ rất đồng lòng và việc Nhà nước hoặc Hội Chữ thập đỏ kêu gọi cứu trợ khi đồng bào bị thiên tai là chính đáng. Về xử lý vi phạm: chế tài hiện nay đủ mạnh, không gặp khó khăn. Kiến nghị áp dụng công nghệ số và tài khoản VNeID mức 2 trong cứu trợ, giảm cứu trợ bằng tiền mặt trực tiếp, giám sát qua phần mềm, ứng dụng, định vị và hình ảnh.
PV11	Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Quảng Trị	Tỉnh	Phiếu trực tiếp	Thủ tục tiếp nhận, điều phối, phân phối nguồn lực còn nhiều bước, liên quan nhiều cơ quan nên thời gian xử lý chưa đáp ứng yêu cầu khẩn cấp: quy trình tiếp nhận, phê duyệt, phân bổ nguồn viện trợ qua nhiều cấp, nhất là viện trợ quốc tế; xác minh đối tượng thụ hưởng, thống kê thiệt hại, lập danh sách

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				mất nhiều thời gian do thiếu dữ liệu cập nhật; cơ chế phối hợp chưa đồng bộ dẫn đến có nơi hỗ trợ chồng chéo, có nơi tiếp cận chậm. Nếu thủ tục kéo dài sẽ ảnh hưởng "thời điểm vàng" 24 - 72 giờ đầu, hiệu quả cứu trợ giảm và chi phí khắc phục hậu quả thường cao hơn. Về kế toán: cán bộ cấp cơ sở chưa được đào tạo chuyên sâu; quy định kế toán chủ yếu xây dựng cho hoạt động tài chính thông thường nên áp dụng vào cứu trợ khẩn cấp còn lúng túng; cá nhân vận động ghi chép, lưu chứng từ, công khai chưa thống nhất. Về "hành chính hóa": từng có phản ánh giao chỉ tiêu vận động, gán thi đua, vận động theo định mức, làm giảm ý nghĩa nhân văn, tạo tâm lý hình thức và ảnh hưởng niềm tin; đề nghị đánh giá kết quả bằng hiệu quả hỗ trợ cộng đồng thay vì số tiền, hiện vật huy động được. Kiến nghị xây dựng hệ thống quản lý cứu trợ số thống nhất, kết nối cơ sở dữ liệu dân cư và nền tảng định danh điện tử.
PV12	Trưởng Ban Công tác xã hội - Quản lý thảm họa, Giám đốc Trung tâm	Trung ương	Trả lời bằng văn bản	Đánh giá khung pháp lý (Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013, Luật Phòng thủ dân sự năm 2023) cơ

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
	Phòng ngừa ứng phó thảm họa và kho hàng cứu trợ khu vực miền Trung, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam			bản đã đầy đủ, nhưng khi triển khai còn ba vướng mắc: chồng chéo cơ chế điều phối do thiếu kết nối dữ liệu thời gian thực, dẫn đến nơi dư thừa, nơi thiếu hụt nghiêm trọng; áp lực về hóa đơn, chứng từ, thanh quyết toán làm chậm tốc độ giải ngân và mua sắm hàng cứu trợ; tiêu chí bình xét đối tượng thụ hưởng phức tạp, phải qua nhiều cấp hợp dân, xác nhận của thôn, xã. Về viện trợ quốc tế: dù Nghị định số 50/2020/NĐ-CP quy định thời hạn phê duyệt khẩn cấp (3 ngày đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi hồ sơ hợp lệ), khâu chuẩn bị hồ sơ và lấy ý kiến các bộ, ngành thực tế mất nhiều ngày đến nhiều tuần, có khoản viện trợ thẩm định và phê duyệt mất 50 - 60 ngày; thiếu quy trình "luồng xanh" đặc thù cho hàng cứu trợ thảm họa nên hàng dễ nghẽn tại cửa khẩu, cảng hàng không; quy định tài chính, đấu thầu của nhà tài trợ quốc tế lệch pha với pháp luật trong nước. Hệ lụy của độ trễ: hàng "cứu trợ khẩn cấp" trở thành "hỗ trợ phục hồi", gia tăng nguy cơ bùng phát dịch bệnh sau lũ trong 7 ngày đầu, lãng phí nguồn lực do lưu kho, hư hỏng, hết hạn, và nguy cơ đối tác quốc tế chuyển

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				hướng nguồn lực sang quốc gia có cơ chế tiếp nhận linh hoạt hơn. Về kế toán: khó định giá, hạch toán hàng hóa hiện vật do không có hóa đơn giá trị gia tăng và giá thị trường biến động; khó lấy chứng từ cho chi phí lẻ ở vùng sâu, vùng xa; người dân mất giấy tờ cá nhân do bão lũ; thủ tục xử lý phân tiền, hàng còn thừa sau đợt cứu trợ vương quy định chuyển nguồn. Về "hành chính hóa": ấn định mức đóng góp, khấu trừ lương, gán thi đua diễn ra khá phổ biến nhằm hoàn thành sớm chỉ tiêu, vi phạm nguyên tắc tự nguyện và pháp luật lao động, gây áp lực tài chính cho nhóm dễ bị tổn thương, tạo bệnh thành tích. Về xử lý vi phạm: ranh giới hành vi chưa rõ, chưa có công cụ định lượng thiệt hại hàng hóa hư hỏng hoặc phân phối sai đối tượng, lực lượng hậu kiểm mỏng; xử lý hình sự khó chứng minh ý chí chiếm đoạt và yếu tố gian dối, đồng thời dễ tạo tâm lý e ngại làm từ thiện.
PV13	Chánh Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai	Tỉnh	Trả lời bằng văn bản	Đối với vận động trong nước theo Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, yêu cầu thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú trước khi vận động khiến nhiều người làm từ

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				thiện tự do e ngại thủ tục rườm rà, thiếu hướng dẫn chuẩn dẫn đến chậm trễ hoặc vi phạm. Đối với tiếp nhận nguồn nước ngoài theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, hồ sơ phải lấy ý kiến nhiều ngành và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, mất từ vài ngày đến vài tuần, trong khi cứu trợ đòi hỏi phản ứng trong 24 - 72 giờ. Về kế toán: quy định mở tài khoản riêng cho mỗi cuộc vận động và sao kê chi tiết là phù hợp, nhưng quản lý dòng tiền chi lẻ, trao tiền mặt trực tiếp cho từng hộ ở vùng sâu, vùng xa đòi hỏi biên nhận tỉ mỉ, dễ sai sót; mua nhu yếu phẩm tại chỗ từ tiểu thương, nông dân, chợ truyền thống rất khó lấy hóa đơn giá trị gia tăng nên vướng khi thanh quyết toán và giải trình sao kê. Về "hành chính hóa": khi bị biến thành khoản thu bắt buộc, cứu trợ trở thành gánh nặng tài chính, gây tâm lý ức chế, đối phó; việc cào bằng mức đóng góp khiến hộ nghèo, hộ vừa trải qua thiên tai, người lao động thu nhập thấp thêm khó khăn. Về xử lý vi phạm: nhiều cá nhân, nhóm tự phát không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, không mở tài khoản riêng, không niêm yết công khai, nhưng nguyên

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				nhân chủ yếu do thiếu hiểu biết pháp luật nên cơ quan chức năng khó xác định nên nhắc nhở, hướng dẫn hay xử phạt; các hành vi thu chênh lệch, phân bổ lệch đối tượng, "ăn chặn" quy mô nhỏ thường giao dịch bằng tiền mặt, không có chứng cứ. Rào cản chuyển đổi số: mất điện, mất sóng diện rộng; hộ nghèo, người già, đồng bào vùng sâu chưa có điện thoại thông minh, chưa có tài khoản ngân hàng hoặc chưa kích hoạt VNeID mức 2; một bộ phận người dân và nhà hảo tâm e ngại lộ thông tin cá nhân, lịch sử giao dịch.
PV14	Cán bộ công tác xã hội, Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đắk Lắk	Tỉnh	Trả lời bằng văn bản	Lực cản lớn nhất nằm ở Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, quy định hành chính chặt chẽ trái ngược với yêu cầu ứng phó khẩn cấp sau thiên tai tại địa phương. Mô tả cụ thể chuỗi thủ tục phải đi qua: Hội Chữ thập đỏ trình văn kiện xin ý kiến Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến Sở Tài chính và Sở Ngoại vụ, tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến thường trực Tỉnh ủy, sau đó mới ban hành quyết định tiếp nhận; trong quá trình thực hiện còn phải bổ sung nhiều nội dung, văn bản, khiến thời gian phê duyệt kéo dài

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				và làm mất tính cấp bách của công tác cứu trợ. (Chỉ trả lời nhóm câu hỏi về cơ chế, thủ tục.)
PV15	Chuyên viên công tác xã hội, Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên	Tỉnh	Phiếu phỏng vấn	Cho biết các dự án cứu trợ do Trung ương Hội chủ trì đã hoàn thiện thủ tục pháp lý cần thiết nên khi triển khai về tỉnh không gặp vướng mắc về thủ tục hành chính. Tuy nhiên, khi dự án đến muộn thì tính thời sự của hoạt động bị giảm, người dân về cơ bản đã phải tự vượt qua khó khăn để khắc phục tình trạng sau mưa bão; đồng thời dự án cứu trợ có thời gian thực hiện ngắn nên khi thủ tục bị chậm, thời gian triển khai thực tế càng bị co ngắn, khối lượng công việc dồn nén và quá trình thu thập dữ liệu có rủi ro sai sót cao hơn. Về kế toán, giải trình: đánh giá công tác lập báo cáo tài chính, công khai thu - chi về cơ bản là minh bạch, rõ ràng, cần thiết để bảo đảm tiến độ, chất lượng, có sự giám sát và phục vụ kiểm toán về sau; chuẩn mực kế toán áp dụng cho các dự án đúng quy định pháp luật, không gây khó khăn trong thanh quyết toán nên không có vướng mắc về nội dung này. Về "hành chính hóa": hiện tượng vẫn xuất hiện ở một số nơi với các biểu hiện giao chỉ tiêu đóng góp cho cơ

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				quan, đơn vị; ấn định mức đóng góp theo từng nhóm đối tượng; vận động theo hình thức khấu trừ lương; hoặc gắn kết quả đóng góp với tiêu chí thi đua, đánh giá cuối năm. Hệ lụy: làm giảm ý nghĩa nhân văn, khiến người tham gia mang tâm lý "hoàn thành nghĩa vụ" thay vì xuất phát từ tinh thần sẻ chia; về lâu dài làm giảm niềm tin đối với các chương trình vận động, ảnh hưởng tính bền vững của phong trào và hiệu quả truyền thông; đồng thời tiềm ẩn nguy cơ phát sinh khiếu nại, phản ánh. Về xử lý vi phạm: chưa thấy bị xử lý nhiều, chế tài ở một số trường hợp chưa thật sự cụ thể; việc phát hiện, xác minh, thu thập chứng cứ nhất là trên môi trường mạng còn vướng mắc; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát, xử lý chưa đồng bộ nên hiệu quả răn đe, phòng ngừa chưa cao. Về chuyển đổi số: thuận lợi là nâng cao công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian tiếp nhận, tổng hợp, công khai và tăng khả năng giám sát; rào cản là hạ tầng công nghệ thông tin giữa các địa phương chưa đồng đều, chưa có nền tảng dùng chung phục vụ hoạt động nhân đạo,

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan còn hạn chế, kỹ năng số của một bộ phận người dân và cán bộ còn hạn chế, cùng sự nghi ngại về an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Kiến nghị hoàn thiện quy định về hành vi vi phạm và chế tài bảo đảm khả thi, đủ sức răn đe; xây dựng nền tảng số thống nhất; tăng cường kết nối với hệ thống định danh điện tử quốc gia.
PV16	Phó Trưởng phòng Chính sách - Pháp chế, Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trung ương	Phiếu khảo sát	Bất cập lớn nhất là việc phê duyệt văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp phải lấy ý kiến các bộ, ngành, cơ quan liên quan theo điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, gây chậm trễ cho tiếp nhận, phân phối tiền, hàng cứu trợ; Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã đề nghị bỏ quy định bắt buộc này. Về thời hạn, các tỉnh và tổ chức quốc tế đề xuất tăng thời gian cứu trợ khẩn cấp lên 06 tháng và khắc phục hậu quả lên 18 tháng; Bộ đề xuất sửa khoản 2 Điều 3 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP thành 6 tháng và 12 tháng để phù hợp thực tiễn, phù hợp Luật Ngân sách nhà nước và bảo đảm người dân kịp khắc phục trước mùa thiên tai kế tiếp. Về kế toán: điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP giao Bên

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				tiếp nhận viện trợ lập thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước để ghi thu ghi chi là không phù hợp với tính chất, vai trò, trách nhiệm - trách nhiệm này phải thuộc cơ quan quản lý, sử dụng khoản viện trợ bằng hàng vì chỉ cơ quan đó có đủ thông tin; Bộ đã đề xuất sửa thành "Bên quản lý, sử dụng viện trợ lập thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước". Tại cơ quan công tác không có tình trạng ấn định mức đóng góp, khấu trừ lương hoặc gắn tiêu chí thi đua. Khó khăn về chế tài chủ yếu là xác định đâu là vi phạm hành chính, đâu là tội phạm đối với các hành vi sử dụng sai mục đích, làm thất thoát, cứu trợ không đúng đối tượng và chiếm đoạt hàng cứu trợ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.
PV17	Phó Trưởng phòng Chính sách - Pháp chế, Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trung ương	Phiếu khảo sát	Điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP buộc cơ quan chủ quản lấy ý kiến nhiều bộ; thực tế khi tiếp nhận viện trợ ứng phó bão số 3 (Yagi), việc lấy ý kiến thường quá hạn và ý kiến trả lời của các bộ, ngành đều rất chung chung, hướng đến giao trách nhiệm lại cho cơ quan chủ quản - đây là vướng mắc lớn nhất về thủ tục hành chính. Đánh giá Nghị định số 50/2020/NĐ-CP đã được áp dụng

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				rất hiệu quả cho hai đợt thiên tai lớn (lũ miền Trung tháng 11/2020 và bão Yagi tháng 9/2024), nhưng thời gian quy định để tiếp nhận và thực hiện quá ngắn: thủ tục ký thỏa thuận cấp nhà nước với khoản viện trợ của ADB mất 2 tháng, khoản viện trợ của Indonesia bị giải ngân chậm gần 4 tháng; bản thân thời gian xảy ra thiên tai có thể kéo dài (mưa lũ lịch sử miền Trung gần 02 tháng, hạn mặn Cà Mau năm 2023 hơn 2 tháng) đã chiếm gần hết thời hạn cứu trợ khẩn cấp 03 tháng và khắc phục hậu quả 09 tháng, nên quy định này không phù hợp thực tiễn. Kết luận đáng lưu ý: độ trễ không nằm ở thủ tục hành chính giai đoạn tiếp nhận mà ở giai đoạn chuẩn bị trước khi ký kết viện trợ giữa hai nhà nước và ở thời hạn thực hiện. Về kế toán: Nghị định số 50/2020/NĐ-CP chưa quy định nguồn kinh phí ngân sách cấp cho Ban chỉ huy phòng thủ dân sự để thuê kho, bến bãi, vận chuyển; Bộ đã đề xuất sửa khoản 1 Điều 5. Về chế tài: khoản 2 Điều 14 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP quy định phạt từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng sai mục đích, làm thất thoát, cứu trợ không

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				đúng đối tượng, chiếm đoạt hàng cứu trợ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và thực hiện nhiệm vụ cứu trợ không kịp thời; tại cơ quan công tác chưa ghi nhận vụ việc nào, quy trình chuyển cơ quan điều tra và chuyển trả để xử phạt hành chính đã được Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định.
PV18	Chuyên viên Phòng Hợp tác quốc tế, Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trung ương	Phiếu khảo sát	Vướng mắc lớn nhất là quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP bắt buộc lấy ý kiến Bộ Tài chính đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương tiếp nhận; thực tế khi tiếp nhận viện trợ ứng phó bão số 3 (Yagi), việc lấy ý kiến các bộ, ngành thường quá hạn, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ. Đề xuất giao cơ quan chủ quản (bộ, cơ quan trung ương hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh) - là cơ quan nắm rõ nhu cầu thực tế theo lĩnh vực, địa bàn - tự quyết định việc lấy ý kiến nếu thấy cần thiết và tự chịu trách nhiệm về nội dung xin phê duyệt chủ trương. Cho rằng độ trễ không nằm ở quy định thủ tục hành chính mà ở giai đoạn chuẩn bị trước khi ký kết viện trợ giữa hai nhà nước;

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				đề xuất sửa khoản 2 Điều 3 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP theo hướng cứu trợ khẩn cấp 6 tháng và khắc phục hậu quả 12 tháng. Về kế toán: các khoản viện trợ quốc tế để chuẩn bị ứng phó vẫn phải hình thành dự án theo quy định về ODA và viện trợ không hoàn lại, nhưng đặc thù là không thể xác định trước thời điểm, địa điểm, mức độ thiên tai nên cần cho phép xác định quy mô, thời gian, địa điểm, kế hoạch chi tiết trên cơ sở thống nhất giữa bên viện trợ và bên tiếp nhận; Nghị định số 50/2020/NĐ-CP chưa quy định nội dung này nên Bộ đã đề xuất bổ sung Điều 15a về nguyên tắc quản lý khoản viện trợ quốc tế để chuẩn bị ứng phó thiên tai. Tại cơ quan công tác không có tình trạng ấn định mức đóng góp, khấu trừ lương hoặc gắn tiêu chí thi đua và chưa có vụ việc vi phạm hành chính nào nên chưa đánh giá được khó khăn khi áp dụng chế tài.
PV19	Chánh Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị	Tỉnh	Trả lời bằng văn bản	Đối với viện trợ quốc tế, thường sau 1 - 2 tháng mới có thông báo hỗ trợ; khi có thông báo lại phải làm văn bản xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành trong tỉnh, sau đó tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ hai về

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				việc các sở, ngành đồng ý hay không, rồi mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiếp nhận - nên không còn "thời điểm vàng" trong cứu trợ, mất đi tính khẩn cấp của lĩnh vực này. Về kế toán: báo cáo tài chính, công khai thu - chi được trình bày rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với mọi người tham gia; tuy nhiên kế toán đôi khi vẫn phải chờ hướng dẫn chi tiết từ Trung ương, nhiều chương trình chỉ hướng dẫn chung chung nên gây lúng túng cho cán bộ thực hiện. Về "hành chính hóa": tại cơ sở tỉnh, xã, phường có nhiều tổ chức vận động trong cùng một năm và có ấn định mức đóng góp, thường trừ vào lương, nên cán bộ và nhân dân không nhiệt tình tham gia mà chủ yếu đóng góp cho có hoạt động, để không bỏ trống phần đóng góp tự nguyện. Về xử lý vi phạm: hiện chủ yếu là nhắc nhở, vận động. Về chuyển đổi số: thuận lợi và minh bạch hơn khi tổng hợp báo cáo, nhưng khó áp dụng tại cộng đồng vì nhiều hộ khó khăn, neo đơn, người già không dùng tài khoản, ở vùng không có hệ thống ngân hàng, các dịch vụ chuyển và nhận tiền đều mất phí, đi lại xa trung tâm nếu phải nhận tiền qua tài khoản hoặc thẻ.

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
PV20	Tình nguyện viên Chữ thập đỏ tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh	Trả lời bằng văn bản	Việc tiếp nhận, phân phối phụ thuộc vào văn bản đồng ý tiếp nhận của cơ quan có thẩm quyền; việc lựa chọn địa bàn hỗ trợ gặp khó khăn khi số lượng địa phương bị thiệt hại lớn mà nguồn cứu trợ không đáp ứng được hết nhu cầu. Độ trễ khiến hoạt động hỗ trợ trong "thời điểm vàng" không kịp thời, làm lỡ nhịp cơ hội cứu trợ và bảo vệ sinh mạng, giảm chất lượng và gây hư hỏng hàng hóa cứu trợ, giảm sút uy tín và động lực của nhà tài trợ. Về kế toán: các tổ chức, cá nhân ngày càng nâng cao ý thức công khai minh bạch, các đơn vị chuyên nghiệp (quỹ từ thiện, tổ chức chính trị - xã hội) đã lập báo cáo thu - chi đúng hướng dẫn hiện hành; tuy nhiên chuẩn mực kế toán gây lúng túng đáng kể cho cán bộ kiêm nhiệm ở cơ sở, đặc biệt trong các hoạt động vận động không thường xuyên. Về "hành chính hóa": mô tả ba biểu hiện - ấn định định mức đóng góp cứng nhắc, giao chỉ tiêu cụ thể cho từng cấp, từng ngành, thậm chí phân bổ mức đóng góp bình quân theo đầu người; bộ phận tài chính - kế toán khấu trừ trực tiếp vào bảng lương trước khi chi trả mà không hỏi ý kiến hoặc

Mã phiếu	Cơ quan/ vị trí công tác	Cấp	Hình thức	Nội dung ý kiến trọng tâm
				lấy sự đồng thuận trước; và việc hoàn thành, vượt "chỉ tiêu vận động" bị biến thành tiêu chí cứng trong bình xét thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cuối năm, xếp loại tổ chức Đảng, công đoàn, xét khen thưởng - nơi nào đóng góp chậm hoặc không đủ mức ấn định sẽ bị trừ điểm thi đua. Hệ lụy: biến dạng ý nghĩa nhân văn, tạo áp lực tài chính bất hợp lý cho người thu nhập thấp, bệnh thành tích và thiếu minh bạch, xói mòn lòng tin và sự đồng thuận xã hội. Về xử lý vi phạm: khó thu thập chứng cứ và giám định tài chính, tâm lý e ngại và thiếu tố giác từ người trong cuộc, tính chất phi truyền thống của không gian mạng. Về chuyển đổi số: minh bạch hóa dòng tiền và số liệu, tối ưu hóa tốc độ và phạm vi kết nối, nhưng có nguy cơ lộ lọt dữ liệu cá nhân.

Ghi chú: Thông tin người được phỏng vấn được mã hóa (PV01–PV20) nhằm bảo đảm tính bảo mật; nội dung ý kiến được nghiên cứu sinh tổng hợp, trích dẫn tại Chương 3.

4. Tổng hợp kết quả phỏng vấn theo nhóm vấn đề

Phần này tổng hợp ý kiến của 20 phiếu đã thu được, sắp xếp theo bốn nhóm vấn đề tại mục 2. Cơ cấu chủ thể trả lời gồm: cấp Trung ương - 06 phiếu (Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường); cấp tỉnh, thành phố - 14 phiếu (Hội Chữ thập đỏ và Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các

tỉnh, thành phố Lào Cai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Đắk Lắk, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Thái Nguyên, Đà Nẵng), trong đó có đội ngũ tình nguyện viên Chữ thập đỏ trực tiếp tham gia cứu trợ tại địa bàn. Mẫu phỏng vấn bao quát đủ ba nhóm chủ thể có vai trò khác nhau trong quan hệ pháp luật: cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai (đồng thời là cơ quan tham mưu sửa đổi chính sách), tổ chức được giao nhiệm vụ vận động, tiếp nhận, và người trực tiếp thực hiện ở cơ sở. Việc phản ánh đồng thời góc nhìn của cơ quan tham mưu chính sách ở Trung ương và của chủ thể trực tiếp tổ chức thực hiện ở địa phương cho phép đối chiếu, kiểm chứng những nhận định về thực trạng thực hiện pháp luật được phân tích tại Chương 3.

4.1. Về cơ chế, thủ tục tiếp nhận, phân phối

Hầu hết các ý kiến đều thống nhất rằng khung pháp lý hiện hành đã tương đối đầy đủ về chủ thể được quyền vận động, nguyên tắc tiếp nhận, phân phối, công khai và trách nhiệm của các bên, nhưng chưa tương thích về tốc độ với yêu cầu của hoạt động cứu trợ khẩn cấp (PV12). Vướng mắc được phản ánh tập trung ở bốn nhóm.

Thứ nhất, sự chồng chéo và thiếu đồng bộ trong cơ chế điều phối. Mặc dù Nghị định số 93/2021/NĐ-CP đã mở rộng chủ thể được vận động, cơ chế phối hợp giữa Ban Cứu trợ các cấp, Hội Chữ thập đỏ, chính quyền địa phương và các đoàn từ thiện tự phát vẫn chưa nhịp nhàng; do thiếu kết nối dữ liệu theo thời gian thực nên việc xác định nhu cầu thực tế bị chậm, dẫn đến tình trạng nơi tiếp nhận vượt nhu cầu, nơi thiếu nhu yếu phẩm (PV05, PV06, PV12, PV15). Khi nhiều tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cùng tham gia, một số địa bàn được hỗ trợ nhiều lần trong khi khu vực bị chia cắt tiếp cận chậm hơn (PV09, PV11); việc lựa chọn địa bàn còn khó khăn khi số địa phương thiệt hại lớn mà nguồn cứu trợ không đáp ứng hết nhu cầu (PV20).

Thứ hai, thủ tục xác minh, bình xét đối tượng thụ hưởng phức tạp. Việc rà soát, lập danh sách hộ bị thiệt hại phải qua nhiều cấp hợp dân và xác nhận của thôn, xã; khi hạ tầng giao thông, liên lạc bị chia cắt bởi lũ quét, sạt lở thì quy trình này trở thành rào cản làm chậm tiến độ trao tận tay người dân (PV12), thậm chí đôi khi thiếu minh bạch, gây bất khoản trong dư luận (PV05). Các ý kiến cũng chỉ rõ áp lực “kép” đối với lực lượng ở hiện trường: vừa phải bảo đảm

đúng đối tượng, đúng quy định, vừa phải đưa hàng đến người dân trong 24 - 48 giờ đầu (PV09); việc lập chứng từ giao nhận chi tiết đến từng hộ ngay tại hiện trường khi mưa lũ, cúp điện, chia cắt giao thông là rất khó (PV06, PV15).

Thứ ba, chuỗi thủ tục phê duyệt viện trợ quốc tế khẩn cấp quá nhiều tầng. Các ý kiến tại địa phương mô tả cụ thể quy trình phải đi qua: Hội Chữ thập đỏ trình văn kiện xin ý kiến Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở này xin ý kiến Sở Tài chính và Sở Ngoại vụ, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến thường trực Tỉnh ủy, sau đó mới ban hành quyết định tiếp nhận (PV14); hoặc phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hai lần trước khi có quyết định, khiến “không còn thời điểm vàng trong cứu trợ” (PV19). Một vướng mắc được nêu rất cụ thể là việc áp dụng hình thức ghi thu ghi chi đối với nguồn ngân sách dự án bắt buộc phải được thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, nếu trình không kịp thì phải chờ kỳ họp tiếp theo, có khi mất vài tháng (PV04). Bên cạnh đó, chủ thể tiếp nhận còn phải đồng thời tuân thủ nhiều nhóm quy định về tiếp nhận, quản lý tài chính, mua sắm, viện trợ và quyết toán (PV01), trong đó quy định về kiểm toán, kiểm tra tài chính khá khế làm chậm tốc độ giải ngân và mua sắm hàng cứu trợ (PV12).

Một phiếu mô tả đầy đủ các lớp thủ tục phải đi qua ở cấp tỉnh, cho thấy độ trễ không chỉ phát sinh ở một khâu: Hội Chữ thập đỏ phối hợp đối tác xây dựng dự thảo văn kiện, trình Sở Tài chính hoặc Văn phòng Ủy ban, từ đây xin ý kiến Ủy ban bằng văn bản để chỉ đạo lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan - riêng bước này thường mất ít nhất 01 tháng; sau khi có quyết định phê duyệt văn kiện, đối tác mới ra quyết định viện trợ, xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị triển khai, đánh giá thiệt hại và nhu cầu thêm một lần nữa rồi mới phê duyệt đối tượng thụ hưởng. Bên cạnh đó, một số gói hỗ trợ phải thực hiện hồ sơ thầu, đòi hỏi năng lực và thời gian; trường hợp cấp phát tiền mặt qua đơn vị thứ ba còn phải tuân thủ thêm quy trình riêng của đối tác. Ý kiến này kết luận khó khăn lớn nhất là quy trình, thủ tục phê duyệt và công tác thầu, mua sắm quá tốn thời gian (PV08).

Thứ tư, yêu cầu lấy ý kiến nhiều bộ, ngành. Đây là điểm được cả cấp địa phương và cơ quan tham mưu chính sách ở Trung ương phản ánh thống nhất nhất. Ở địa phương, việc phải xin ý kiến nhiều bộ, ngành mới được phép tiếp nhận dự án, trong khi các bộ, ngành thường trả lời muộn hơn thời hạn, được coi

là vương mắc lớn nhất (PV04). Ở cấp Trung ương, các ý kiến chỉ đích danh điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP (cơ quan chủ quản phải lấy ý kiến các bộ và các cơ quan, địa phương có liên quan) và điểm a khoản 2 Điều 12 (bắt buộc lấy ý kiến Bộ Tài chính đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương tiếp nhận) là bất cập. Thực tiễn tiếp nhận viện trợ ứng phó bão số 3 (Yagi) cho thấy việc lấy ý kiến thường bị quá hạn và ý kiến trả lời của các bộ, ngành đều rất chung chung, cuối cùng vẫn hướng đến giao trách nhiệm lại cho cơ quan chủ quản (PV17). Từ đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã đề nghị bỏ quy định bắt buộc lấy ý kiến nói trên (PV16, PV17), đồng thời có ý kiến đề xuất giao cơ quan chủ quản - là cơ quan nắm rõ nhu cầu thực tế theo lĩnh vực, địa bàn - tự quyết định việc lấy ý kiến nếu thấy cần thiết và tự chịu trách nhiệm về nội dung xin phê duyệt chủ trương (PV18).

Về tác động của độ trễ đến “thời điểm vàng”, các ý kiến thống nhất xác định khoảng thời gian 24 - 72 giờ đầu sau thiên tai là giai đoạn người dân cần nhất lương thực, nước sạch, thuốc men, chỗ ở tạm và vật dụng thiết yếu, tương ứng bốn lĩnh vực ưu tiên theo tiêu chuẩn SPHERE (PV01, PV03, PV09, PV11, PV12). Hệ lụy cụ thể được chỉ ra gồm: hàng “cứu trợ khẩn cấp” trở thành “hỗ trợ phục hồi”, làm mất giá trị sử dụng cao nhất của nguồn lực; gia tăng nguy cơ bùng phát bệnh truyền nhiễm sau lũ do thiếu thiết bị lọc nước, hóa chất xử lý môi trường, thuốc y tế trong 7 ngày đầu; lãng phí nguồn lực do hàng hóa lưu kho, hư hỏng, hết hạn sử dụng; và nguy cơ đối tác quốc tế chuyển hướng nguồn lực ưu tiên sang quốc gia có cơ chế tiếp nhận linh hoạt hơn (PV12, PV20). Ở góc độ địa phương, nhu cầu của người dân sau 3 - 4 tháng đã khác so với thời điểm thiên tai xảy ra nên hiệu quả dự án không đạt mục tiêu ban đầu (PV04). Để khắc phục, tổ chức ở địa phương phải chủ động sử dụng nguồn dự phòng, hàng chuẩn bị trước hoặc huy động nguồn lực tại chỗ để hỗ trợ ngay, sau đó mới bổ sung bằng nguồn viện trợ khi hoàn thành thủ tục (PV03, PV09); một ý kiến cho biết thực tế tỉnh, thành phố thường sử dụng lực lượng quân đội, công an và nguồn dự phòng để xuất quân, xuất kho sớm, còn thủ tục hiện hành chỉ phù hợp với giai đoạn cứu trợ phục hồi, tái thiết (PV10).

Một phiếu phân tích hệ lụy của độ trễ theo năm mức, mở rộng phạm vi tác động ra ngoài phạm vi người thụ hưởng: thiệt thòi cho cộng đồng và người thụ hưởng vì không được hỗ trợ ngay các nhu cầu thiết yếu, dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương nặng nề hơn; mất tính thời sự, tính khẩn cấp của hoạt động cứu trợ và

thường đã vượt qua thời điểm vàng; gây áp lực cho chính quyền địa phương vì người dân liên tục hỏi và hối thúc; ảnh hưởng đến quan hệ với các đối tác, nhà tài trợ do sự chậm trễ; và ảnh hưởng đến hình ảnh, vai trò của Hội Chữ thập đỏ trong thực hiện nhiệm vụ cứu trợ khẩn cấp (PV08).

Ở chiều đối chiếu, một phiếu cho biết các dự án cứu trợ do Trung ương Hội chủ trì đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết trước khi triển khai nên khi về tỉnh không gặp vướng mắc về thủ tục hành chính; tuy nhiên, do dự án cứu trợ có thời gian thực hiện ngắn, khi thủ tục bị chậm thì thời gian triển khai thực tế càng bị co ngắn, khiến khối lượng công việc dồn nén và quá trình thu thập dữ liệu có rủi ro sai sót cao hơn (PV15). Ý kiến này gợi mở rằng gánh nặng thủ tục tập trung ở khâu xin chủ trương, phê duyệt tại cấp tỉnh; khi khâu đó đã được cấp Trung ương xử lý trước thì đơn vị thực hiện ở địa phương không còn cảm nhận vướng mắc, nhưng hệ quả của độ trễ vẫn dịch chuyển sang chất lượng dữ liệu và tiến độ triển khai.

Đáng chú ý, hai ý kiến từ cơ quan tham mưu chính sách đưa ra kết luận khác với phần lớn các phiếu còn lại: độ trễ không nằm ở quy định thủ tục hành chính trong giai đoạn tiếp nhận, mà ở giai đoạn chuẩn bị trước khi ký kết viện trợ giữa hai nhà nước và ở thời hạn thực hiện (PV17, PV18). Dẫn chứng được nêu: thủ tục ký thỏa thuận cấp nhà nước đối với khoản viện trợ của ADB mất 2 tháng, khoản viện trợ của Indonesia bị giải ngân chậm gần 4 tháng; bản thân thời gian thiên tai có thể kéo dài (mưa lũ lịch sử miền Trung gần 02 tháng, hạn mặn Cà Mau năm 2023 hơn 2 tháng) đã chiếm gần hết thời hạn cứu trợ khẩn cấp 03 tháng và khắc phục hậu quả 09 tháng theo quy định hiện hành, nên thời hạn này không phù hợp thực tiễn (PV17). Có phiếu cung cấp số liệu cụ thể hơn: dù Nghị định số 50/2020/NĐ-CP quy định thời hạn phê duyệt khẩn cấp 3 ngày đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi hồ sơ hợp lệ, trên thực tế có khoản viện trợ thẩm định và phê duyệt mất 50 - 60 ngày (PV12).

Các kiến nghị hội tụ vào năm nhóm: đơn giản hóa thủ tục và xây dựng quy trình rút gọn riêng cho tình huống thiên tai lớn, kèm cơ chế “luồng xanh” cho hàng cứu trợ tại cửa khẩu, cảng hàng không (PV03, PV12); bỏ hoặc chuyển sang cơ chế tùy nghị đối với yêu cầu lấy ý kiến các bộ, ngành (PV16, PV17, PV18); kéo dài thời hạn thực hiện cứu trợ khẩn cấp lên 6 tháng và khắc phục hậu quả lên 12 tháng (PV16, PV17, PV18); tăng phân cấp, ủy quyền cho địa phương

đi đôi với kiểm tra, giám sát sau thực hiện (PV01, PV03, PV11); và đẩy mạnh hồ sơ điện tử, số hóa quy trình thẩm định, phê duyệt (PV01, PV03, PV09).

4.2. Về kế toán, báo cáo và giải trình

Các ý kiến đánh giá công tác lập báo cáo tài chính và công khai thu - chi ở các tổ chức chuyên trách được thực hiện nghiêm túc theo Luật Kế toán, Nghị định số 93/2021/NĐ-CP và hướng dẫn của Trung ương Hội: mở sổ và theo dõi riêng từng nguồn tiếp nhận, từng nhà tài trợ, từng chương trình, dự án; công khai qua Cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thông tin trực tiếp đến nhà tài trợ (PV02). Nhận thức về minh bạch của các chủ thể đã tăng rõ rệt, xuất hiện xu hướng chủ động mở tài khoản riêng, sao kê ngân hàng công khai, cập nhật nhật ký thu - chi (PV05, PV20). Hai ý kiến đánh giá hướng dẫn tài chính hiện hành là rõ ràng, biểu mẫu chi tiết, định mức chi phù hợp thực tế (PV04) và không thấy vướng mắc, chậm trễ (PV10) - cho thấy khó khăn không nảy sinh đồng đều ở mọi địa bàn và phụ thuộc đáng kể vào năng lực tổ chức thực hiện.

Dù vậy, năm nhóm khó khăn được phản ánh lặp lại ở nhiều phiếu. Một là, áp lực về tiến độ: cứu trợ phát sinh số lượng giao dịch lớn trong thời gian ngắn, trong khi chứng từ từ địa phương thường chỉ hoàn thiện sau khi đợt cứu trợ kết thúc, cán bộ vừa phải tổ chức phân phối vừa phải hoàn thiện hồ sơ, báo cáo (PV02, PV09). Hai là, định giá và hạch toán phần đóng góp bằng hiện vật: thiếu hóa đơn gốc, giá thị trường biến động tại thời điểm cứu trợ và chưa có hướng dẫn chuyên biệt (PV02, PV03, PV05, PV06, PV12, PV15). Ba là, chứng từ chi trong điều kiện khẩn cấp: mua gom nhu yếu phẩm tại chợ dân sinh, hộ kinh doanh nhỏ lẻ, tiểu thương, nông dân thường không có hóa đơn giá trị gia tăng; các chi phí lẻ như xăng xe, thuê xe, tiền công bốc xếp cũng khó lấy chứng từ; người dân mất giấy tờ cá nhân do bão lũ nên khó hoàn thiện biên nhận (PV06, PV12, PV13, PV15). Bốn là, năng lực của đội ngũ thực hiện: cán bộ Mặt trận và Hội Chữ thập đỏ cấp xã phần lớn kiêm nhiệm, không phải nhân sự kế toán chuyên trách nên lúng túng khi hạch toán, phân loại nguồn kinh phí, lập báo cáo và công khai (PV01, PV03, PV05, PV06, PV11, PV15, PV20). Năm là, khoảng trống về khuôn khổ hướng dẫn: hệ thống văn bản hiện nay chủ yếu được thiết kế cho hoạt động tài chính thường xuyên, định kỳ, chưa có hướng dẫn riêng cho hoạt động vận động, tiếp nhận, quản lý và phân phối nguồn đóng góp tự nguyện, cũng chưa có mẫu biểu công khai thống nhất và chưa có biểu

mẫu đơn giản hóa dành cho cá nhân vận động, nên các đơn vị phải vận dụng quy định chung, dẫn đến cách hiểu và cách làm chưa thống nhất (PV02, PV05, PV09, PV11, PV15, PV19).

Từ góc độ cơ quan tham mưu chính sách, các vướng mắc được chỉ đích danh ở ba điểm: điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP giao Bên tiếp nhận viện trợ lập thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước để ghi thu ghi chi là không phù hợp về tính chất, vai trò, trách nhiệm - trách nhiệm này phải thuộc cơ quan quản lý, sử dụng khoản viện trợ bằng hàng vì chỉ cơ quan đó có đủ thông tin (PV16); khoản 1 Điều 5 chưa quy định nguồn kinh phí cho Ban chỉ huy phòng thủ dân sự thuê kho, bến bãi, vận chuyển hàng cứu trợ (PV17); và Nghị định chưa có quy định riêng cho khoản viện trợ quốc tế để chuẩn bị ứng phó thiên tai - loại viện trợ không thể xác định trước thời điểm, địa điểm, mức độ thiên tai nên cần cơ chế linh hoạt về quy mô, thời gian, kế hoạch triển khai, do đó đã đề xuất bổ sung Điều 15a (PV18). Một vấn đề khác được nêu là thủ tục xử lý phần tiền, hàng còn thừa sau đợt cứu trợ còn vướng quy định về thời gian và chuyển nguồn (PV12).

Một vướng mắc mang tính hệ thống được một phiếu chỉ ra là sự chồng chéo giữa hai chế độ kế toán cùng áp dụng cho một chủ thể: đơn vị sự nghiệp công lập hoặc tổ chức hội có sử dụng ngân sách nhà nước vừa phải tuân thủ chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC, vừa phải áp dụng Thông tư số 41/2022/TT-BTC đối với nguồn vận động đóng góp. Cùng phiếu này ghi nhận Nghị định số 93/2021/NĐ-CP đã phát huy hiệu quả rõ rệt ở một điểm cụ thể: yêu cầu cá nhân vận động mở tài khoản riêng tại ngân hàng thương mại, đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú và công khai sao kê đã làm giảm đáng kể tình trạng “trộn lẫn” tài khoản cá nhân với tiền quyên góp. Kiến nghị đi kèm rất cụ thể: Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan cần hướng dẫn linh hoạt hơn về hình thức chứng từ được chấp nhận, cho phép sử dụng biên bản xác nhận của chính quyền địa phương nơi nhận hỗ trợ thay cho hóa đơn tài chính trong thời gian thiên tai; đồng thời mở rộng tập huấn việc áp dụng Thông tư số 41/2022/TT-BTC và Nghị định số 93/2021/NĐ-CP cho cán bộ Hội Chữ thập đỏ, Mặt trận và các tổ chức xã hội đến cấp xã, phường (PV08). Ở chiều ngược lại, một phiếu đánh giá chuẩn mực kế toán áp dụng cho các dự án cứu trợ là đúng quy định pháp luật, không gây khó khăn trong thanh quyết toán nên không có vướng mắc về nội dung này (PV15).

Về chất lượng công khai, một số ý kiến nhấn mạnh việc công khai trên thực tế phần lớn chỉ dừng ở sao kê tài khoản ngân hàng (đầu vào), trong khi khâu chứng minh chi (đầu ra - hóa đơn, chứng từ nhận hàng của người dân) còn sơ sài, dễ phát sinh nghi vấn (PV05, PV15); các nhóm từ thiện tự phát thực hiện thu - chi mang tính thủ công, chủ yếu dựa vào niềm tin công chúng (PV06, PV15); việc cập nhật thông tin theo thời gian thực khó thực hiện đối với chương trình quy mô lớn, triển khai đồng thời tại nhiều địa phương (PV02). Cũng có ý kiến cho rằng khó khăn không đến từ bản thân chuẩn mực kế toán mà từ việc thiếu hướng dẫn chi tiết từ Trung ương, nhiều chương trình chỉ hướng dẫn chung chung (PV19).

Kiến nghị tập trung vào: ban hành hướng dẫn kế toán chuyên biệt đối với nguồn đóng góp tự nguyện và cho hoạt động cứu trợ khẩn cấp; thống nhất mẫu biểu kế toán, quyết toán và công khai thu - chi, kể cả mẫu đơn giản hóa cho cá nhân vận động; xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung kết nối từ Trung ương đến địa phương; và tăng cường tập huấn nghiệp vụ kế toán, công khai tài chính cho cán bộ cấp xã (PV01, PV02, PV03, PV09, PV10, PV11).

4.3. Về hiện tượng “hành chính hóa” hoạt động vận động

Các ý kiến đều khẳng định nguyên tắc tự nguyện là bản chất của hoạt động nhân đạo và việc ấn định mức đóng góp không phải là chủ trương của Đảng, Nhà nước hay của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (PV01). Tuy nhiên, ba biểu hiện của hiện tượng “hành chính hóa” được phản ánh lặp lại.

Một là, ấn định mức đóng góp và giao chỉ tiêu vận động, thậm chí phân bổ mức đóng góp bình quân theo đầu người, diễn ra dưới hình thức “vận động tự nguyện trên cơ sở chỉ tiêu phân bổ” (PV06, PV15, PV20). Hai là, khấu trừ trực tiếp 1 - 2 ngày lương của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngay trên bảng lương trước khi chi trả mà không hỏi ý kiến hoặc lấy sự đồng thuận trước (PV05, PV06, PV15, PV19, PV20). Ba là, lồng ghép kết quả đóng góp vào tiêu chí thi đua cuối năm của tổ dân phố, thôn, bản, cơ quan, đoàn thể, trường học, xếp loại tổ chức Đảng, công đoàn hoặc xét khen thưởng - nơi nào đóng góp chậm hoặc không đủ mức ấn định thì bị trừ điểm thi đua (PV01, PV03, PV05, PV06, PV11, PV15, PV20). Một ý kiến cho biết hiện tượng này đang diễn ra “khá phổ biến” ở một số địa phương và cơ quan với mục đích hoàn thành sớm chỉ tiêu hoặc tối đa hóa việc huy động nguồn lực (PV12); một ý kiến khác chỉ ra hệ quả trùng lặp đáng chú ý: cán bộ, công chức, viên chức đã bị trừ lương để

đóng góp tại cơ quan nhưng về nơi cư trú vẫn phải tiếp tục đóng góp theo chỉ tiêu chung của thôn, gắn với đánh giá việc chấp hành quy định nơi cư trú hằng năm (PV07).

Về hệ lụy, các ý kiến chỉ ra bốn tác động. Thứ nhất, triệt tiêu tinh thần tự nguyện, biến một hành động nhân văn thành nghĩa vụ tài chính mang tính ép buộc hoặc một khoản “phụ thu”, gây tâm lý ức chế, khiên cưỡng, đối phó, đóng góp hình thức “cho có hoạt động” (PV03, PV05, PV06, PV11, PV15, PV19). Thứ hai, trái với nguyên tắc tự nguyện được quy định trong pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện và quy định của pháp luật lao động về khấu trừ tiền lương (PV05, PV12, PV15). Thứ ba, tạo áp lực tài chính bất hợp lý cho nhóm dễ bị tổn thương - việc cào bằng mức đóng góp khiến hộ nghèo, hộ vừa trải qua thiên tai, người lao động thu nhập thấp thêm khó khăn, gây bất công bằng xã hội (PV12, PV13, PV20). Thứ tư, tạo bệnh thành tích và xói mòn lòng tin, làm giảm khả năng huy động nguồn lực xã hội lâu dài và tính bền vững của phong trào nhân đạo (PV01, PV03, PV05, PV09, PV12, PV20).

Một phiếu bổ sung ba hệ lụy chưa được các phiếu khác đề cập, phản ánh mặt trái của việc “hành chính hóa” ngay tại địa bàn vận động. Thứ nhất, khoản ủng hộ thấp hơn định mức quy định bị nhìn nhận thiên lệch, người đóng góp bị đánh giá là thiếu lòng nhân ái - tức là định mức không chỉ tạo áp lực tài chính mà còn tạo áp lực về danh dự. Thứ hai, do có quá nhiều quỹ và đợt vận động cùng diễn ra trong năm (Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Khuyến học, Quỹ Xây dựng nông thôn mới, các quỹ an sinh xã hội địa phương), hoạt động gây quỹ trở thành sự phiền nhiễu đối với người dân, doanh nghiệp. Thứ ba, và đáng lưu ý nhất, nguồn lực của địa phương bị đem đóng góp, hỗ trợ địa bàn khác khiến chính những đối tượng cần được hỗ trợ tại địa phương bị thiệt thòi; thậm chí có trường hợp người đang bị thiệt hại, tổn thương do thiên tai, thay vì được nhận hỗ trợ, lại phải đóng góp (PV08). Một phiếu khác ghi nhận thêm biểu hiện ấn định mức đóng góp theo từng nhóm đối tượng và cảnh báo cách làm này còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh khiếu nại, phản ánh (PV15).

Cần lưu ý một ý kiến ngược chiều: có phiếu cho rằng mức khấu trừ lương chỉ là con số để biết mức đóng góp, người dân và cán bộ rất đồng lòng và việc Nhà nước hoặc Hội Chữ thập đỏ kêu gọi cứu trợ khi đồng bào bị thiên tai là chính đáng (PV10); một phiếu khác không đưa ra ý kiến về nội dung này (PV04); và ba phiếu từ cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương cho biết tại cơ

quan mình không có tình trạng ấn định mức đóng góp, khấu trừ lương hoặc gắn tiêu chí thi đua (PV16, PV17, PV18). Điều này cho thấy hiện tượng “hành chính hóa” phát sinh chủ yếu ở khâu tổ chức vận động tại cơ sở, không phải từ chủ trương ở cấp hoạch định chính sách.

Các đề xuất: quán triệt nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không áp đặt, không ép buộc trong mọi hoạt động vận động; tăng cường tuyên truyền, lan tỏa các tấm gương nhân ái để người dân tự nguyện đồng hành; kịp thời chấn chỉnh những trường hợp vận động chưa đúng tinh thần tự nguyện; và đổi mới căn cứ đánh giá thi đua theo hướng căn cứ vào chất lượng công tác tuyên truyền, tổ chức vận động, hiệu quả hỗ trợ cộng đồng và tính minh bạch trong quản lý nguồn lực, không căn cứ vào mức đóng góp được áp đặt (PV01, PV03, PV09, PV11).

4.4. Về xử lý vi phạm và ứng dụng chuyển đổi số

Về xử lý vi phạm, khó khăn được phản ánh ở bốn nội dung. Một là, ranh giới pháp lý mỏng: khoảng cách giữa “sai sót, sơ suất trong quản lý chứng từ, chậm giải ngân” và “cố ý làm trái, lợi dụng từ thiện để trục lợi” rất khó rạch ròi; để xử lý theo Điều 174 hoặc Điều 175 Bộ luật Hình sự, cơ quan điều tra phải chứng minh được mục đích chiếm đoạt và hành vi gian dối - việc này rất khó khi phải đối soát danh sách hàng nghìn người chuyển tiền hoặc người nhận cứu trợ ở vùng sâu, vùng xa (PV01, PV05, PV06, PV12, PV15, PV20). Hai là, thiếu công cụ định lượng thiệt hại phi tiền mặt như hàng hóa mất mát, hư hỏng do bảo quản kém hoặc phân phối sai đối tượng, gây vướng cho việc xử phạt hành chính (PV05, PV12, PV15). Ba là, khó kiểm soát, phát hiện vi phạm trên không gian mạng: các khoản vận động qua mạng xã hội hoặc tài khoản cá nhân rất nhiều, lực lượng hậu kiểm mỏng, giao dịch tiền mặt không để lại chứng cứ; đồng thời chưa có quy chế phối hợp thường xuyên giữa Công an, Tài chính, Mặt trận và Chữ thập đỏ đối với hoạt động cứu trợ tự phát (PV01, PV03, PV06, PV12, PV13, PV15, PV20). Bốn là, nhiều vi phạm của cá nhân, nhóm tự phát (không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, không mở tài khoản riêng, không niêm yết công khai) xuất phát từ thiếu hiểu biết pháp luật trong tình huống khẩn cấp, khiến cơ quan chức năng khó xác định nên nhắc nhở, hướng dẫn hay xử phạt; thực tế việc xử lý chủ yếu dừng ở nhắc nhở, vận động (PV03, PV13, PV19). Một ý kiến còn lưu ý rằng việc xử lý hình sự có thể tạo tâm lý e ngại, ảnh hưởng đến phong trào nhân đạo (PV12); một ý kiến khác chỉ ra tâm lý e ngại và thiếu tố

giác từ người trong cuộc (PV20). Có phiếu đánh giá thẳng rằng hiện đang thiếu chế tài hoặc chế tài chưa đủ mức răn đe, và các sai phạm thường chỉ được giải quyết khi đã bị dư luận phanh phui - nghĩa là cơ chế phát hiện đang phụ thuộc vào áp lực xã hội hơn là hoạt động hậu kiểm chủ động; đồng thời công tác quản lý nguồn lực vận động mang tính tự phát còn nhiều bất cập nên dễ bị lợi dụng, dễ phát sinh sai phạm dù cố ý hay không cố ý (PV08). Một phiếu khác nhấn mạnh cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm chưa đồng bộ nên hiệu quả răn đe, phòng ngừa chưa cao (PV15).

Từ góc độ cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, các ý kiến dẫn khoản 2 Điều 14 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP (phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng sai mục đích, làm thất thoát tiền, hàng cứu trợ, cứu trợ không đúng đối tượng, chiếm đoạt hàng cứu trợ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và thực hiện nhiệm vụ cứu trợ không kịp thời) và cho biết tại cơ quan mình chưa ghi nhận vụ việc nào nên chưa đánh giá được khó khăn khi thi hành; nếu có khó khăn thì sẽ xuất phát từ việc xác định đâu là vi phạm hành chính, đâu là tội phạm, trong khi quy trình chuyển cơ quan điều tra và chuyển trả để xử phạt hành chính đã được Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định (PV16, PV17, PV18). Bên cạnh đó, hai ý kiến từ địa phương cho rằng hệ thống chế tài hiện nay đã khá cụ thể, đủ mạnh, và nếu ban điều hành bám sát quy định, lựa chọn đối tượng hưởng lợi trên cơ sở bình xét công khai với tiêu chí rõ ràng thì không phát sinh vi phạm (PV04, PV10) - cùng với ý kiến cho biết số vụ việc phải áp dụng chế tài trên thực tế không nhiều (PV09), điều này gợi mở rằng khâu tổ chức thực hiện có ý nghĩa quyết định bên cạnh yêu cầu hoàn thiện quy định.

Về chuyên đổi số, toàn bộ các ý kiến đều đánh giá đây là xu hướng tích cực, có ý kiến cho rằng cần trở thành yêu cầu bắt buộc để bảo đảm minh bạch (PV04) và cần giảm dần cứu trợ bằng tiền mặt trực tiếp, áp dụng tài khoản VNeID mức 2 và giám sát qua phần mềm, ứng dụng, định vị, hình ảnh (PV10). Thuận lợi được ghi nhận ở bốn điểm: tự động hóa việc công khai thu - chi theo thời gian thực qua mã QR, tài khoản ngân hàng, ví điện tử, các nền tảng thiện nguyện số (PV03, PV05, PV06, PV11, PV15, PV20); xác thực đúng đối tượng thụ hưởng nhờ tích hợp dữ liệu từ VNeID và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tránh khai không, nhận trùng lặp hoặc bỏ sót hộ khó khăn (PV05, PV15, PV16, PV17, PV18); hạn chế tình trạng giả mạo, trục lợi từ thiện do các khoản ủng hộ

được kết nối trực tiếp với tài khoản chính thức của cơ quan chức năng (PV07, PV17); và rút ngắn thời gian lập danh sách, tổng hợp, báo cáo, giảm rủi ro thất thoát tiền mặt và chi phí quản lý (PV01, PV03, PV05, PV12, PV15).

Rào cản được phản ánh tập trung ở bốn điểm, và đáng chú ý là ba điểm đầu được cả cấp Trung ương và cấp cơ sở nêu giống nhau. Một là, hạ tầng công nghệ tại chính vùng thiên tai: khi bão lũ xảy ra thường mất điện, mất sóng viễn thông, hư hỏng thiết bị trên diện rộng khiến nền tảng số và ứng dụng định danh không thể hoạt động ngay tại địa bàn cứu trợ - tức là công cụ số có nguy cơ không dùng được đúng vào thời điểm cần nhất (PV01, PV03, PV05, PV06, PV13, PV15, PV17). Hai là, khoảng cách công nghệ: người dân vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi, hộ neo đơn, đồng bào dân tộc thiểu số - chính là nhóm cần cứu trợ nhất - lại ít tiếp cận điện thoại thông minh, chưa có tài khoản ngân hàng hoặc chưa kích hoạt VNeID mức 2, thiếu kỹ năng số, còn tâm lý sợ bị lừa đảo và quen dùng tiền mặt; ở nơi không có hệ thống ngân hàng, dịch vụ chuyển, nhận tiền đều mất phí và việc đi lại để nhận tiền qua thẻ rất khó khăn (PV04, PV05, PV06, PV13, PV15, PV16, PV17, PV18, PV19). Ba là, dữ liệu giữa các ngành chưa được kết nối, chia sẻ đồng bộ và chưa có nền tảng, hệ thống quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương bao quát toàn bộ quy trình từ tiếp nhận, phân phối đến công khai kết quả (PV01, PV03, PV09, PV11). Bốn là, yêu cầu về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư ngày càng cao, kèm tâm lý e ngại bị lộ thông tin cá nhân, lịch sử giao dịch khi tham gia nền tảng số tập trung (PV01, PV03, PV05, PV13, PV15, PV16, PV17, PV18, PV20).

Kiến nghị gồm: hoàn thiện hành lang pháp lý cho vận động trực tuyến và chuyển đổi số trong hoạt động nhân đạo, bao gồm quy định về xác thực danh tính, chữ ký điện tử và lưu trữ chứng từ điện tử; xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung về cứu trợ nhân đạo và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh điện tử; xây dựng quy chế phối hợp liên ngành trong kiểm tra, giám sát hoạt động cứu trợ, nhất là cứu trợ tự phát; và nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ cơ sở và người dân, đồng thời duy trì phương thức hỗ trợ trực tiếp đối với nhóm chưa thể tiếp cận kênh số (PV01, PV03, PV06, PV11, PV13).

4.5. Một số nhận xét chung

Thứ nhất, các ý kiến đồng thuận cao ở ba điểm: khung pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện đã tương đối đầy đủ về nội dung nhưng chưa tương thích về tốc độ với tính chất khẩn cấp của cứu trợ thiên tai;

khoảng thời gian 24 - 72 giờ đầu là giới hạn thực tế mà mọi quy trình hành chính phải được thiết kế để đáp ứng; và chuyển đổi số là hướng đi đúng nhưng không thể thay thế hoàn toàn phương thức trực tiếp trong điều kiện thiên tai.

Thứ hai, kết quả phỏng vấn cho thấy một sự khác biệt đáng chú ý trong cách nhận diện nguyên nhân của độ trễ. Các chủ thể trực tiếp tổ chức thực hiện ở địa phương quy nguyên nhân cho chuỗi thủ tục hành chính trong nước, trong khi cơ quan tham mưu chính sách ở Trung ương cho rằng độ trễ chủ yếu phát sinh ở giai đoạn chuẩn bị, ký kết viện trợ giữa hai nhà nước và ở thời hạn thực hiện quá ngắn. Hai cách nhìn này không loại trừ nhau mà phản ánh hai đoạn khác nhau của cùng một quy trình; do đó, giải pháp hoàn thiện pháp luật cần đồng thời tác động vào cả hai: rút gọn thủ tục ở giai đoạn tiếp nhận và nới thời hạn thực hiện ở giai đoạn sau.

Thứ ba, một số ý kiến không ghi nhận vướng mắc đáng kể về kế toán, chế tài và hiện tượng “hành chính hóa” tại đơn vị mình. Điều này không phủ định các vướng mắc đã được phản ánh, mà gợi mở rằng mức độ vướng mắc phụ thuộc đáng kể vào năng lực tổ chức thực hiện, chất lượng đội ngũ và điều kiện cụ thể của từng địa bàn - một biến số quan trọng khi đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật.

Thứ tư, đối chiếu các phiếu cho phép xác định tương đối rõ nơi gánh nặng thủ tục dồn lại. Ở những trường hợp đơn vị địa phương chỉ tiếp nhận dự án đã được cấp Trung ương hoàn thiện thủ tục pháp lý, người thực hiện không ghi nhận vướng mắc hành chính nào; ngược lại, những đơn vị phải tự trình xin chủ trương tiếp nhận tại cấp tỉnh đều phản ánh chuỗi thủ tục nhiều tầng, kéo dài từ một tháng đến vài tháng. Như vậy, vướng mắc không nằm ở năng lực tiếp nhận, phân phối của địa phương mà nằm ở khâu xin ý kiến, phê duyệt chủ trương tiếp nhận - đây là căn cứ trực tiếp cho kiến nghị phân cấp, ủy quyền gắn với hậu kiểm thay vì tiền kiểm qua nhiều tầng. Cũng cần lưu ý rằng độ trễ không biến mất khi thủ tục được xử lý ở cấp trên, mà chuyển thành việc dồn nén khối lượng công việc và tăng rủi ro sai sót dữ liệu ở khâu triển khai cuối.